

Số: /ĐA-UBND

Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

ĐỀ ÁN

**Thành lập thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang và thành lập các phường
thuộc thị xã Việt Yên**

Tỉnh Bắc Giang thuộc khu vực Trung du miền núi phía Bắc, nằm trên tuyến hành lang kinh tế Lạng Sơn - Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài (thuộc Hành lang xuyên Á), tiếp giáp với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh Bắc Ninh, Hải Dương, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Thái Nguyên; liền kề với “Tam giác kinh tế phát triển” Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Theo số liệu Tổng cục Thống kê, tính đến ngày 31/12/2022, tỉnh Bắc Giang có 3.895,9 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 1.875.200 người; có 10 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 01 thành phố và 09 huyện; 209 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 182 xã, 10 phường và 17 thị trấn. Trung tâm tỉnh Bắc Giang cách Thủ đô Hà Nội khoảng 50 km; cách cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn) khoảng 110 km; cách sân bay quốc tế Nội Bài khoảng 50 km; cách cảng biển Hải Phòng và cảng biển nước sâu Cái Lân - Quảng Ninh khoảng 130 km.

Nằm ở vị trí thuận lợi, có hệ thống giao thông thuận tiện, gồm đường bộ, đường sông và đường sắt, như: Cao tốc Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn, đường vành đai 4 Hà Nội kết nối đường cao tốc Hà Nội - Bắc Giang với đường cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên, Quốc lộ 17 kết nối Bắc Giang với Khu công nghiệp Quế Võ - Bắc Ninh, Quốc lộ 18 đi Quảng Ninh, Hải Phòng, Quốc lộ 37 kết nối Bắc Giang đi Thái Nguyên...; đường sông có sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam; đường sắt có tuyến Hà Nội - Lạng Sơn (thông thương sang Trung Quốc qua cửa khẩu Hữu Nghị); tuyến Kép - Bãi Cháy (Quảng Ninh).

Công nghiệp là ngành kinh tế có nhiều tiềm năng của tỉnh; địa bàn tỉnh hiện có 06 khu công nghiệp đã quy hoạch và triển khai với tổng diện tích 1.460 ha, gồm: khu công nghiệp Đình Trám, khu công nghiệp Việt - Hàn, khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng, khu công nghiệp Vân Trung, khu công nghiệp Quang Châu, khu công nghiệp Hòa Phú; có 40 cụm công nghiệp, với tổng diện tích quy hoạch là 1.385 ha và được triển khai tại các huyện, thành phố.

Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, mạng internet tốc độ cao đảm bảo cho việc liên lạc và đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư. Ngoài ra, trung tâm Logistics quốc tế thành phố Bắc Giang cũng đang được triển khai xây dựng và sớm đi vào hoạt động.

Với đặc điểm địa hình là miền núi nhưng có cả vùng trung du, đồng bằng xen kẽ, rất thuận lợi cho phát triển nông, lâm nghiệp. Thời gian qua, nông, lâm nghiệp của tỉnh đang có sự chuyển dịch cơ cấu một cách tích cực; diện tích đất nông nghiệp trên 302 nghìn ha, tỉnh Bắc Giang đã quy hoạch các vùng sản xuất

hàng hóa lớn như: Vùng cây ăn quả lớn nhất miền Bắc; vùng trồng rau chế biến, rau an toàn lớn; vùng chuyên canh thủy sản; đặc biệt, vùng vải thiều Lục Ngạn được trồng theo quy chuẩn VietGAP, GlobalGAP. Tỉnh có tổng đàn gà đứng thứ 3, tổng đàn lợn đứng thứ 4 cả nước. Diện tích đất lâm nghiệp gần 146 nghìn ha, trong đó có trên 50% là rừng sản xuất có giá trị kinh tế cao.

Cùng với những tiềm năng để phát triển công nghiệp, nông nghiệp, Bắc Giang có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch. Tỉnh có hệ thống di tích lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật đặc sắc với hơn 2.230 di tích, trong đó có 731 di tích được xếp hạng; nhiều công trình văn hóa và kiến trúc nghệ thuật đặc sắc, như: Di tích Quốc gia đặc biệt chùa Vĩnh Nghiêm huyện Yên Dũng, di tích Quốc gia đặc biệt chùa Bồ Đà huyện Việt Yên, địa điểm khởi nghĩa Yên Thế, di tích lịch sử chiến thắng Xương Giang, khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử,... các lễ hội cổ truyền vẫn được gìn giữ và ngày càng phát huy, mở rộng; đặc biệt, tỉnh Bắc Giang có 5 di sản văn hóa được UNESCO công nhận, gồm: Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm, dân ca quan họ, ca trù, tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ, thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái.

Về phát triển đô thị, xác định đô thị hóa là tất yếu khách quan, là động lực quan trọng phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, thời gian qua, tỉnh Bắc Giang và các cấp, ngành trên địa bàn đặc biệt quan tâm phát triển đô thị với những chủ trương, định hướng cụ thể. Theo đó, không gian đô thị từng bước được mở rộng, dân số đô thị tăng, đời sống nhân dân ngày một nâng cao; hệ thống đô thị phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại hơn; kiến trúc, cảnh quan được cải thiện rõ rệt, sáng - xanh - sạch - đẹp, hài hòa với thiên nhiên. Việc thu hút đầu tư phát triển đô thị đạt được kết quả tích cực, huy động các nguồn lực xã hội hóa, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy Bắc Giang đã ban hành Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 05/4/2022 về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó, xác định mục tiêu đến năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh Bắc Giang đạt 32,4%; toàn tỉnh có 17 đô thị, gồm: Thành phố Bắc Giang mở rộng là đô thị loại I, thị xã Việt Yên và thị xã Châu Sơn là đô thị loại IV,... Theo đó, để thực hiện mục tiêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang xây dựng Đề án thành lập thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, dân số, số đơn vị hành chính trực thuộc của huyện Việt Yên và thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên, như sau:

Phần thứ nhất

CĂN CỨ PHÁP LÝ, SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP THỊ XÃ VIỆT YÊN VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VIỆT YÊN

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

- Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

- Căn cứ Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018 của Chính phủ về hướng dẫn việc lấy ý kiến cử tri về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;

- Quyết định số 198/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 03/02/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Căn cứ Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021- 2030;

- Căn cứ Quyết định số 1286/QĐ-BXD ngày 29/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đạt tiêu chí đô thị loại IV trực thuộc tỉnh Bắc Giang;

- Căn cứ Văn bản số .../BXD-PTĐT ngày ... của Bộ Xây dựng về việc rà soát, đánh giá các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng của khu vực các xã, thị trấn dự kiến thành lập phường khi thành lập thị xã Việt Yên;

- Căn cứ Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030;

- Căn cứ Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đến năm 2035 (tỷ lệ 1/25.000);

- Căn cứ Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000);

- Căn cứ Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt chương trình phát triển đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2035;

- Căn cứ Nghị quyết số .../NQ-HĐND ngày ... của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc tán thành chủ trương thành lập thị xã Việt Yên và thành lập 09 phường thuộc thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP THỊ XÃ VIỆT YÊN VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VIỆT YÊN

1. Sự cần thiết thành lập thị xã Việt Yên

Huyện Việt Yên nằm ở cửa ngõ phía Tây nam của tỉnh Bắc Giang, có vị trí tương đối thuận lợi trong việc giao lưu phát triển kinh tế - xã hội. Địa bàn huyện có các tuyến giao thông quan trọng đi qua, như: Cao tốc Hà Nội - Bắc Giang, là đoạn tuyến của tuyến đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông qua địa bàn ba tỉnh, thành phố gồm: Hà Nội, Bắc Ninh và Bắc Giang và là tuyến huyết mạch quan trọng bậc nhất đối với 2 tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang trong việc thúc đẩy phát triển công nghiệp, du lịch, đô thị; Quốc lộ 17 và Quốc lộ 37, là trục kết nối vùng công nghiệp phía Đông Nam và cụm công nghiệp phía Tây của huyện với đô thị trung tâm Bích Động đi vùng công nghiệp thành phố Thái Nguyên; đường tỉnh 295B và đường tỉnh 298, là trục kết nối đô thị trung tâm Bích Động với đô thị phía Nam và các khu dân cư mới, kết nối đô thị trung tâm với vùng khai thác du lịch sinh thái, vùng sinh thái nông nghiệp và khai thác vật liệu xây dựng phía Bắc huyện...; trục đường vành đai IV - Thủ đô Hà Nội là trục động lực kết nối các vùng bảo tồn văn hóa vật thể và phi vật thể phía Nam của huyện, đồng thời kết nối các cụm công nghiệp phía Nam và Tây nam của huyện đi vùng công nghiệp thành phố Thái Nguyên. Tuyến đường sắt Bắc - Nam và giao thông đường thủy trên sông Cầu kết nối các tỉnh, các đô thị, các trung tâm kinh tế lớn của cả nước như: thành phố Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Thái Nguyên,... Đặc biệt, Việt Yên còn nằm trong vùng ảnh hưởng trực tiếp của vùng kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, gắn với hành lang phát triển kinh tế trên tuyến cao tốc Hà Nội - Bắc Giang, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, thông thương hàng hóa, thu hút vốn đầu tư, tạo ra nhiều cơ hội để phát triển kinh tế đa dạng, gồm: Công nghiệp - xây dựng, dịch vụ - thương mại. Hiện nay, đã và đang hình thành các hành lang kinh tế với nhiều khu, cụm công nghiệp có quy mô lớn đã đưa huyện Việt Yên trở thành khu vực phát triển năng động nhất của tỉnh Bắc Giang, gồm: Trục Bắc - Nam (dọc Quốc lộ 1A, từ khu công nghiệp Quang Châu đến khu công nghiệp Song Khê - Nội Hoàng trên trục này đã và đang hình thành nhiều khu, cụm công nghiệp có quy mô lớn) và trục Đông - Tây (dọc Quốc lộ 37 nối từ khu công nghiệp Đình Trám đến Hiệp Hoà, đây là trục có nhiều tiềm năng phát triển nhất là sau khi hoàn thành nâng cấp Quốc lộ 37). Huyện Việt Yên có truyền thống văn hoá phát triển lâu đời với 101 di tích được xếp hạng, trong đó: có 02 di tích quốc gia đặc biệt (đình Đông, chùa Bồ Đà); 19 di tích quốc gia và 80 di tích cấp tỉnh có giá trị cao về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật,.. Phần lớn các công trình này đều mang nét đẹp tâm linh với kiểu dáng kiến trúc độc đáo. Ngoài ra, Việt Yên

còn là huyện có nhiều làng quan họ cổ, trong đó có 05 làng quan họ gốc là: Mai Vũ, Hữu Nghi, Nội Ninh, Giá Sơn (xã Ninh Sơn) và làng Sen Hồ (thị trấn Nénh); có những lễ hội văn hóa dân gian truyền thống vô cùng sinh động mang nhiều màu sắc, như: lễ hội vật cầu nước, lễ rước Thành hoàng làng Thổ Hà, hát chầu văn, hát quan họ trên sông Cầu,... Với những lợi thế đó, Việt Yên có tiềm năng lớn trong phát triển du lịch, hội tụ cả du lịch tâm linh, du lịch làng nghề truyền thống và du lịch sinh thái.

Tại Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định huyện Việt Yên nằm trong tiểu vùng phát triển quan trọng của tỉnh Bắc Giang được định hướng là khu vực phát triển công nghiệp, sản xuất chế biến nông sản, hàng tiêu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ và du lịch; giữ vị trí trung gian quan trọng, nổi trung tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang với Thủ đô Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Thái Nguyên. Tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050”, tỉnh Bắc Giang đã được bổ sung vào quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội; trong đó, huyện Việt Yên được định hướng phát triển không gian là cửa ngõ xuất nhập khẩu, trung tâm tiếp vận - trung chuyển hàng hóa của vùng Thủ đô Hà Nội với cửa khẩu quốc tế Hữu Nghi (Lạng Sơn), đầu mối kinh doanh - thương mại quan trọng của vùng với các tỉnh Đông bắc của vùng Trung du và Miền núi phía Bắc. Tại Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 và Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 14/8/2017 phê duyệt chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 đã xác định mục tiêu đến năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh Bắc Giang đạt 32,4%; toàn tỉnh có 17 đô thị, trong đó huyện Việt Yên nâng cấp thành thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang. Đồng thời, tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên đến năm 2035, xác định Việt Yên là đô thị cửa ngõ phía Tây nam của tỉnh Bắc Giang với các ngành chủ đạo là công nghiệp, dịch vụ trung chuyển, dịch vụ thương mại tổng hợp, đào tạo,...; có vị trí trung gian quan trọng nổi trung tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với thành phố Bắc Ninh, Thủ đô Hà Nội và tỉnh Thái Nguyên; là trung tâm du lịch tâm linh cấp vùng; là đầu mối giao thông đường bộ của vùng, Quốc gia; có vai trò quan trọng về an ninh quốc phòng của vùng Thủ đô Hà Nội.

Để hoàn thành các mục tiêu, định hướng phát triển theo các Quy hoạch, Chương trình phát triển đô thị đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Những năm qua, tỉnh Bắc Giang nói chung và huyện Việt Yên nói riêng đã tập trung mọi nguồn lực để đầu tư, phát triển hệ thống hạ tầng đô thị trên địa bàn huyện Việt Yên. Trong đó, tập trung phát triển công nghiệp gắn với phát triển đô thị và dịch vụ; đảm bảo sự đồng bộ giữa quy hoạch công nghiệp với các quy hoạch khác; phát triển kinh tế gắn với các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường; gắn kết

giữa Quy hoạch chung xây dựng đô thị với cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp đô thị và phát triển không gian đô thị; xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội nhất là hạ tầng giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc,... Đồng thời phát triển hạ tầng thương mại, hạ tầng xã hội phục vụ hoạt động trong các ngành dịch vụ như: nhà hàng, khách sạn, nhà ở công nhân, trường học, cơ sở y tế,...; phát huy vai trò, chức năng của đô thị trung tâm của tỉnh và vùng liên huyện. Phát triển huyện Việt Yên theo hướng văn minh, hiện đại, bền vững lâu dài, có tính chất phù hợp với truyền thống và cảnh quan thiên nhiên. Sau nhiều năm phấn đấu, xây dựng và phát triển, đến nay kinh tế của huyện Việt Yên duy trì tốc độ tăng trưởng cao, bình quân giai đoạn 2020 - 2022 đạt 20,6%. Năm 2022, mặc dù chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhưng nhờ chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy đảng, chính quyền, sự cố gắng của cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể nhân dân trong huyện, các khó khăn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn huyện Việt Yên dần được tháo gỡ, kinh tế từng bước phục hồi. Theo đó, huyện Việt Yên vẫn đạt được mục tiêu tổng quát và nhiều chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2022, kinh tế Việt Yên duy trì tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tăng tỷ trọng công nghiệp, giảm tỷ trọng dịch vụ, nông nghiệp. Tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2022 là 33,3%; trong đó, công nghiệp - xây dựng tăng trưởng 34,92%, nông nghiệp tăng trưởng 1,69%, dịch vụ thương mại tăng 9,66%. Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại dịch vụ của toàn huyện năm 2021 chiếm 95,52%; đến năm 2022 chiếm 96,64%, tăng 1,12%; tỷ trọng nông, lâm - thủy sản năm 2021 chiếm 2,88%, năm 2022 là 2,08%, giảm 0,8%. Văn hóa – xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện và nâng cao; chất lượng giáo dục toàn diện từng bước được nâng lên; công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân được tăng cường; thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19; phong trào xây dựng nếp sống văn hóa có nhiều chuyển biến tích cực; các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao phát triển mạnh; giải quyết việc làm, an sinh xã hội, giảm nghèo đạt nhiều kết quả; đời sống vật chất và tinh thần người dân được nâng lên. Năm 2022, tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế đạt 75%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có chứng chỉ nghề đạt 32%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn huyện đạt 80,03%; lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị đạt 84,54%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 100%; năm 2022 số hộ nghèo giảm 454 hộ, tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện là 1,4%; thu nhập bình quân đầu người đạt 68,4 triệu đồng/người/năm, cao hơn 1,24 lần so với thu nhập bình quân đầu người của cả nước (55,2 triệu đồng); tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Với mục tiêu xây dựng huyện Việt Yên trở thành huyện trọng điểm về công nghiệp; thực hiện chủ trương thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp của tỉnh, hệ thống mạng lưới các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ngày càng phát triển. Đến nay, trên địa bàn huyện Việt Yên có 04 khu công nghiệp, gồm: khu công nghiệp Quang Châu, khu công nghiệp Vân Trung, khu công nghiệp Đình Trám, khu công nghiệp Việt Hàn với tỷ lệ lấp đầy đạt 95,3%. Về phát triển cụm công nghiệp, có cụm công nghiệp Vân Hà, cụm công nghiệp Việt Tiến, cụm công

ng nghiệp Hoàng Mai,... với tỷ lệ lấp đầy các cụm công nghiệp trên 50%. Bên cạnh đó, huyện còn có nhiều làng nghề thủ công, truyền thống lâu đời nổi tiếng điển hình, như: sản xuất rượu ở làng Vân, sản xuất mây tre đan ở xã Tăng Tiến, sản xuất bánh đa nem ở làng Thổ Hà,... Sự phát triển mạnh mẽ từ các khu, cụm công nghiệp cũng như các làng nghề thủ công truyền thống đã tạo ra nguồn việc làm ổn định, giải quyết nguồn lao động dồi dào dư tại địa phương và thu hút nguồn lao động từ các khu vực lân cận đến làm ăn, sinh sống, góp phần quan trọng trong quá trình thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở huyện Việt Yên nói riêng và tỉnh Bắc Giang nói chung.

Thực hiện đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên đến năm 2035, đến nay huyện Việt Yên có tốc độ đô thị hóa nhanh, nhiều công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng; các khu dân cư được chỉnh trang và hình thành thêm nhiều khu dân cư mới, góp phần thay đổi diện mạo đô thị của tỉnh Bắc Giang. Huyện Việt Yên đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV trực thuộc tỉnh Bắc Giang tại Quyết định số 1286/QĐ-BXD ngày 29/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, quá trình phát triển của huyện Việt Yên cũng đã và đang đặt ra nhiều vấn đề cần được tập trung giải quyết, như: quản lý kinh tế; quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc; quản lý kết cấu hạ tầng kỹ thuật; quản lý dân cư; phòng chống các tệ nạn; bảo đảm trật tự công cộng, cảnh quan và bảo vệ môi trường,... Theo đó, mô hình chính quyền nông thôn ở huyện như hiện nay không đủ khả năng để quản lý địa bàn đang trong quá trình đô thị hóa nhanh. Vì vậy, cần thiết lập mô hình quản lý theo chính quyền đô thị là thị xã để quản lý cho phù hợp.

Như vậy, việc thành lập thị xã Việt Yên trên cơ sở nguyên trạng huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là cần thiết, từng bước cụ thể hóa các quy hoạch phát triển chiến lược của tỉnh và của huyện đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, việc thành lập thị xã Việt Yên có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao vị thế, thúc đẩy sự phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng như việc đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng đô thị theo hướng văn minh, hiện đại và phát triển bền vững, từ đó tạo động lực thúc đẩy phát triển ngành kinh tế công nghiệp, dịch vụ; đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý hành chính nhà nước đối với địa bàn phát triển và tốc độ đô thị hóa cao trong thời gian qua. Đây cũng là nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền, Nhân dân huyện Việt Yên nói riêng và tỉnh Bắc Giang nói chung sau nhiều năm nỗ lực phấn đấu. Đối chiếu với các tiêu chí, tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính thì huyện Việt Yên đã đảm bảo đầy đủ các điều kiện, tiêu chuẩn của thị xã thuộc tỉnh.

2. Sự cần thiết thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên

Tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên đến năm 2035 đã xác định đã xác định phạm vi đô thị Việt Yên gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của 19 đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Việt Yên. Trong đó, khu vực

nội thị có 77,30 km² (7.730,51 ha) diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 135.841 người; gồm 09 đơn vị hành chính cấp xã là: thị trấn Bích Động, thị trấn Nénh và các xã Hồng Thái, Tăng Tiến, Quảng Minh, Ninh Sơn, Vân Trung, Quang Châu, Tự Lạn. Khu vực ngoại thị có 93,70 km² (9.370,82 ha) diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 93.112 người, bao gồm 08 xã: Hương Mai, Minh Đức, Nghĩa Trung, Thượng Lan, Tiên Sơn, Trung Sơn, Vân Hà và Việt Tiến.

Thị trấn Bích Động, thị trấn Nénh và các xã Hồng Thái, Tăng Tiến, Quảng Minh, Ninh Sơn, Vân Trung, Quang Châu, Tự Lạn là những đơn vị hành chính cấp xã nằm ở vị trí thuận lợi về giao thông (cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn, Quốc lộ 1A, Quốc lộ 37,...), có địa hình bằng phẳng, quỹ đất lớn dành cho phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và thương mại – dịch vụ. Trong sự phát triển chung của huyện, thời gian qua kinh tế - xã hội và hạ tầng đô thị của thị trấn Bích Động đã có bước phát triển khá toàn diện; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng các ngành thương mại, dịch vụ, công nghiệp, giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp; thu ngân sách đạt và vượt kế hoạch đề ra; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 72%, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm trên 80%; công tác văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, nâng cao. Trên địa bàn các xã, thị trấn tập trung nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh, khu công nghiệp, các cơ quan, doanh nghiệp, trường học và dự án lớn như: Khu công nghiệp Việt Hàn, Khu công nghiệp Đình Trám, Khu công nghiệp Vân Trung,...; các cụm công nghiệp Tăng Tiến, Việt Tiến, Tây Việt Tiến; các khu đô thị, trung tâm thương mại hỗn hợp và hệ thống các nhà hàng, khách sạn,... tạo sự chuyển biến trong quá trình phát triển đô thị, từng bước hình thành lõi sống đô thị. Trong đó: Thị trấn Bích Động là trung tâm hành chính, văn hóa, thể dục thể thao, dịch vụ, thương mại, trung tâm giáo dục đào tạo, dịch vụ vận tải,... của huyện Việt Yên; thị trấn Nénh và các xã Hồng Thái, Tăng Tiến là trung tâm dịch vụ, thương mại, dịch vụ vận tải, trung chuyển, khu công nghiệp (Việt Hàn), cụm công nghiệp (Tăng Tiến) và các khu dân cư (Đình Trám – Sen Hồ) dịch vụ, thương mại phục vụ công nghiệp đi kèm của huyện Việt Yên; các xã Quảng Minh và Ninh Sơn là các khu vực tập trung dân cư đông đúc với các khu dân cư, khu đô thị sinh thái văn hóa, khu trung tâm dịch vụ thương mại hỗn hợp và đô thị mới; các xã Vân Trung, Quang Châu và Tự Lạn là địa bàn tập trung phát triển công nghiệp với các các khu công nghiệp tập trung (Quang Châu và Vân Trung), các khu dân cư hiện trạng và dân cư mới dịch vụ phục vụ công nghiệp, vùng khai thác du lịch sinh thái lâm nghiệp núi Nam Biền.

Về phát triển đô thị, thực hiện đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035, UBND tỉnh Bắc Giang đã tập trung huy động nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật với quy mô lớn, hiện đại, đồng bộ, từng bước hình thành không gian đô thị trên địa bàn các xã, thị trấn. Kết quả của quá trình đầu tư, xây dựng của tỉnh Bắc Giang nói chung và huyện Việt Yên nói riêng trong thời gian qua đã được Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 1286/QĐ-BXD ngày 29/11/2021 công nhận huyện Việt Yên đạt tiêu chí đô thị loại IV trực thuộc tỉnh Bắc Giang và Bộ Xây

dựng công nhận kết quả rà soát, đánh giá các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng của khu vực các xã, thị trấn dự kiến thành lập phường khi thành lập thị xã Việt Yên tại Văn bản số .../BXD-PTĐT ngày

Thực trạng phát triển của thị trấn Bích Động, thị trấn Nénh và các xã Hồng Thái, Tăng Tiến, Quảng Minh, Ninh Sơn, Vân Trung, Quang Châu, Tự Lạn đã bảo đảm các tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15. Vì vậy, việc thành lập 09 phường thuộc thị xã Việt Yên là cần thiết, nhằm tạo lập cơ sở pháp lý để chuyển đổi mô hình tổ chức quản lý từ chính quyền ở địa phương nông thôn sang chính quyền địa phương ở đô thị; góp phần bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn đang có tốc độ đô thị hóa cao; phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính, các định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Phần thứ hai

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CỦA HUYỆN VIỆT YÊN

A. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN HUYỆN VIỆT YÊN

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH HUYỆN VIỆT YÊN

Thời Hùng Vương - An Dương Vương, huyện Việt Yên có tên gọi là Yên Việt thuộc huyện Tây Vu, bộ Vũ Ninh của nhà nước Văn Lang - Âu Lạc; thời Bắc thuộc, vẫn thuộc huyện Tây Vu, quận Giao Chỉ; Thời Lý, sau chiến thắng quân Tống vào mùa Xuân năm 1077, huyện Yên Việt được thành lập trên vùng đất ven tả ngạn sông Cầu thuộc phủ Bình Lỗ, lộ Bắc Giang. Huyện Yên Việt cùng với phòng tuyến sông Như Nguyệt là những cái tên ghi lại trang sử oanh liệt của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống thế kỷ XI. Tên gọi Yên Việt tồn tại tới thế kỷ XIX.

Đến tháng 7 năm 1820, huyện Yên Việt đổi tên thành huyện Việt Yên; dưới các triều đại phong kiến Việt Nam, huyện Việt Yên có 05 tổng, gồm: Ngô Xá, Đông Lỗ, Tiên Lát, Quang Biểu và Hương Tảo, chạy dài theo tả ngạn sông Cầu, huyện lỵ đặt ở Yên Viên.

Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, để phục vụ cho chính sách cai trị, chính quyền đô hộ đã điều chỉnh lại đơn vị hành chính các địa phương. Trong đó, huyện Việt Yên có sự điều chỉnh khá lớn: 02 tổng Ngô Xá và Đông Lỗ điều chỉnh về huyện Hiệp Hòa; tổng Hương Tảo điều chỉnh về huyện Yên Dũng; đồng thời 05 tổng của huyện Yên Dũng là: Mật Ninh, Dĩnh Sơn, Tự Lạn, Thiết Sơn và Hoàng Mai được sáp nhập vào huyện Việt Yên.

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, huyện Việt Yên có 07 tổng, gồm: Quang Biểu, Tiên Lát, Mật Ninh, Dĩnh Sơn, Tự Lạn, Thiết Sơn và Hoàng Mai với 67 xã; sau Cách mạng tháng Tám thành công, Nhà nước xóa bỏ đơn vị hành chính cấp tổng, thành lập đơn vị hành chính cấp xã. Từ 67 xã sáp nhập thành 21 xã với các tên gọi: Chấn Hưng, Cộng Hòa, Hồng Phong, Kính Ái, Hà Lạn, Phương Lạn, Cai Vàng, Mỏ Ngân, Nghĩa Hạ, Thiết Thượng, Chu Ngân, Quang

Tiến, Quang Trung, Khả Cao, Tăng Long, Thần Chúc, Tiên Sơn, Yên Hà, Tụ Lạn, Thiện Mỹ và Ninh Sơn.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, để phục vụ cho việc lãnh đạo, chỉ đạo được thuận tiện, Ủy ban kháng chiến hành chính liên khu I đã sắp xếp 03 xã: Chấn Hưng, Cộng Hòa và Vân Trung thành xã Hồng Phong; 02 xã: Hà Lạn, Phương Lạn thành xã Việt Tiến; 02 xã: Cai Vàng và Mỏ Ngân thành xã Minh Đức; 02 xã: Chu Ngân và Quang Tiến thành xã Quang Châu; 02 xã: Tụ Lạn và Thiện Mỹ thành xã Lan Đình; 03 xã: Ninh Sơn, Khả Cao và Quang Trung thành xã Quảng Minh; 03 xã: Yên Hà, Thần Chúc và Tiên Sơn thành xã Sơn Hà.

Sau cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, theo chủ trương của cấp trên, các xã lớn lại được chia thành các xã nhỏ hơn: xã Việt Tiến chia thành xã Việt Tiến và xã Hòa Tiến; xã Kính Ái chia thành xã Hồng Thái và xã Tăng Tiến; xã Hồng Phong chia thành xã Dân Tiến và xã Hòa Bình; xã Quảng Minh chia thành xã Quảng Minh và xã Ninh Sơn; xã Sơn Hà chia thành xã Vân Hà và xã Tiên Sơn; xã Lan Đình chia thành xã Thượng Lan và xã Tân Tiến.

Năm 1962, Quốc hội ra Nghị quyết sáp nhập 02 tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh thành tỉnh Hà Bắc và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/1963, khi đó, huyện Việt Yên thuộc tỉnh Hà Bắc.

Ngày 22/4/1964, Bộ Nội vụ ban hành Quyết định số 127/NV điều chỉnh 02 thôn Đa Mai và Thanh Mai thuộc xã Song Mai để thành lập tiểu khu Đa Mai trực thuộc thị xã Bắc Giang.

Năm 1968, xã Tân Tiến đổi tên thành xã Tụ Lạn; xã Dân Tiến đổi thành xã Vân Trung. Năm 1973, xã Hòa Bình đổi tên thành xã Hoàng Ninh. Năm 1974, xã Hòa Tiến đổi thành xã Hương Mai.

Ngày 03/5/1985, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 130/CP điều chỉnh xã Song Mai của huyện Việt Yên nhập vào thị xã Bắc Giang.

Năm 1996, Quốc hội thống nhất chia tỉnh Hà Bắc thành 02 tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh. Bộ máy hành chính 02 tỉnh hoạt động từ ngày 01/01/1997. Từ đó đến nay, huyện Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang.

Ngày 22/12/1997, Chính phủ ban hành Nghị định số 116/1997/NĐ-CP thành lập thị trấn Bích Động trên cơ sở một phần diện tích tự nhiên và quy mô dân số xã Bích Sơn.

Ngày 20/3/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 16/2003/NĐ-CP thành lập thị trấn Nénh trên cơ sở sáp nhập một phần xã Hoàng Ninh và một phần xã Quảng Minh.

Ngày 21/11/2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 813/NQ-UBTVQH14. Theo đó, xã Bích Sơn sáp nhập vào thị trấn Bích Động; xã Hoàng Ninh sáp nhập vào thị trấn Nénh. Đến thời điểm hiện nay, huyện Việt Yên phát triển và hoạt động ổn định với 02 thị trấn: Bích Động, Nénh và 15 xã: Hồng Thái, Hương Mai, Minh Đức, Nghĩa Trung, Ninh Sơn, Quang Châu, Quảng Minh, Tăng Tiến, Thượng Lan, Tiên Sơn, Trung Sơn, Tụ Lạn, Vân Hà, Vân Trung, Việt Tiến.

II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý, địa giới hành chính và chức năng, vai trò

a) Vị trí

Huyện Việt Yên nằm ở cửa ngõ phía Tây nam của tỉnh Bắc Giang, có vị trí tương đối thuận lợi trong việc giao lưu phát triển kinh tế - xã hội. Địa bàn huyện có các tuyến giao thông quan trọng đi qua, như: Cao tốc Hà Nội - Bắc Giang, Quốc lộ 17, Quốc lộ 37, đường tỉnh 295B, đường tỉnh 298,... tuyến đường sắt Bắc - Nam và giao thông đường thủy trên sông Cầu kết nối các tỉnh, các đô thị, các trung tâm kinh tế lớn của cả nước như: thành phố Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Thái Nguyên,... đặc biệt, Việt Yên còn nằm trong vùng ảnh hưởng trực tiếp của vùng kinh tế trọng điểm Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, gắn với hành lang phát triển kinh tế trên tuyến cao tốc Hà Nội - Bắc Giang.

b) Địa giới hành chính:

- Phía Bắc giáp huyện Tân Yên;
- Phía Nam giáp tỉnh Bắc Ninh;
- Phía Đông giáp huyện Yên Dũng và thành phố Bắc Giang
- Phía Tây giáp huyện Hiệp Hoà và tỉnh Bắc Ninh.

c) Chức năng, vai trò của huyện Việt Yên

Huyện Việt Yên được định hướng là đô thị với các chức năng công nghiệp, dịch vụ trung chuyển, dịch vụ thương mại tổng hợp, đào tạo, sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản, du lịch nghỉ dưỡng kết hợp văn hóa tâm linh; có vị trí trung gian quan trọng nối trung tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố Bắc Giang với các tỉnh Bắc Ninh, Hà Nội và Thái Nguyên; là một trung tâm du lịch tâm linh cấp vùng; là đầu mối giao thông đường bộ của vùng, quốc gia; có vai trò quan trọng về an ninh quốc phòng của vùng Hà Nội.

2. Điều kiện tự nhiên

a) Địa hình

- Địa hình đồi núi thấp: một số xã phía Bắc và phía Nam của huyện có độ cao trung bình từ 6m - 120m; dạng địa hình này được phân bố rải rác ở các xã: Việt Tiến, Thượng Lan, Minh Đức, Nghĩa Trung ở phía Bắc và Trung Sơn, Tiên Sơn, Ninh Sơn, Vân Trung ở phía Nam huyện. Đỉnh cao nhất là đỉnh Mỏ Thổ 161m. Những đồi núi thấp này đa phần có độ dốc bình quân 15° (chỉ khoảng 20% diện tích có độ dốc bình quân dưới 15°).

- Địa hình bồn địa gò thấp: dạng địa hình này được phân bố chủ yếu ở các xã phía Bắc huyện và 3 xã Ninh Sơn, Trung Sơn, Tiên Sơn. Độ cao trung bình từ 15 - 25m so với mặt nước biển. Hầu hết diện tích này đều đã được đưa vào sử dụng làm đất ở hoặc đất màu.

- Dạng địa hình vùng đồng bằng có lượn sóng: dạng địa hình này tập trung ở các xã phía đông Quốc lộ 1A (Quang Châu, Vân Trung, Nénh,...) và một số xã vùng giữa huyện (Hương Mai, Tự Lạn, Bích Động, Hồng Thái). Độ cao bình quân so với mặt nước biển từ 2,5 - 5,0m. Độ nghiêng của địa hình theo hướng Bắc xuống Nam và Tây Bắc sang Đông Đông Nam.

b) Khí hậu

Huyện Việt Yên chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới gió mùa, với nhiệt độ bình quân qua các năm từ 23 – 24 $^{\circ}$ C, nhiệt độ lạnh dần từ mùa Thu sang mùa Đông đến mùa Xuân (từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau), sau đó nóng vào những

tháng mùa hè (từ tháng 4 đến tháng 8). Các tháng trong năm có sự thay đổi lớn về nhiệt độ.

Lượng mưa trong năm vào khoảng 1.400 - 1.500mm nhưng phân bố không đều, thường tập trung vào tháng 6, 7 và tháng 8. Lượng mưa trong thời gian này thường chiếm tới 85% lượng mưa cả năm. Về mùa khô, lượng mưa thấp, bình quân là 22mm/tháng, chủ yếu là mưa phùn tập trung vào các tháng 12, tháng 1 và tháng 2. Hướng gió chủ đạo trên địa bàn huyện là gió Đông Bắc, tốc độ gió trung bình là 1,9m/s, tháng có tốc độ gió trung bình cao nhất là tháng 8 (2,7m/s).

c) Thủy văn

Sông Cầu chảy qua địa phận huyện Việt Yên bao bọc phía Nam huyện. Với chiều dài khoảng 22 km, bề rộng trung bình 150 – 200m; lưu lượng mùa lũ QL từ 1.400 – 1.600m³/s. Sông Cầu cho phép các loại xà lan, ca nô loại vừa và nhỏ tới các xã Tiên Sơn, Vân Hà, Ninh Sơn, Quang Châu và Vân Trung.

Ngòi Đa Mai nằm ở phía Bắc huyện, chảy qua các xã Thượng Lan, Việt Tiến, Minh Đức, Tự Lạn, Bích Sơn, Hồng Thái, Nghĩa Trung,... đổ ra sông Thương; chiều dài chảy qua địa phận huyện khoảng 19km, độ dốc lớn, sinh thủy chủ yếu về mùa mưa. Ngoài ra, địa bàn huyện còn có hệ thống kênh dẫn nước của Công ty khai thác công trình thủy lợi Sông Cầu và những vùng trũng cục bộ nhỏ, ngắn, dốc chỉ có nước trong mùa mưa và trên 450ha mặt nước ao hồ nhỏ.

d) Tài nguyên thiên nhiên

- Tài nguyên đất

Huyện Việt Yên có tổng diện tích đất tự nhiên 17.101,3 ha bao gồm 2 nhóm đất chính: nhóm phát sinh tại chỗ do quá trình phong hoá hình thành đất và nhóm bồi tích trong quá trình bồi tụ của phù sa hình thành. Tài nguyên đất ở Việt Yên đa dạng, thích nghi nhiều loại cây trồng như lúa, hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày, lâm nghiệp. Tuy nhiên lượng kali, lân, khoáng ở một số diện tích còn nghèo, cần có biện pháp cải tạo, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tăng cường đầu tư theo chiều sâu đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Tài nguyên nước

Sông Cầu là nguồn nước chủ yếu cung cấp cho sản xuất và sinh hoạt của dân cư các xã phía Nam huyện và là ranh giới hành chính giữa huyện Việt Yên với huyện Yên Phong, Quế Võ tỉnh Bắc Ninh. Ngòi cầu Sím chảy qua phía Bắc huyện cũng có lưu lượng nước khá lớn. Ngoài ra hệ thống kênh dẫn nước, mặt nước ao hồ nhỏ cũng đáp ứng được nhu cầu nước cho công tác sản xuất nông nghiệp, công nghiệp phục vụ cho sinh hoạt của nhân dân trong huyện.

- Tài nguyên rừng

Toàn huyện có 839 ha rừng, đều là rừng sản xuất, tập trung ở các xã Nghĩa Trung, Minh Đức, Việt Tiến, Vân Trung, Trung Sơn. Mặc dù phong trào trồng cây xanh đồi núi trọc được đẩy mạnh, diện tích đất trống, đồi trọc giảm dần.

- Tài nguyên khoáng sản

Việt Yên là huyện có trữ lượng đất sét tương đối lớn làm nguyên liệu cho sản xuất vật liệu xây dựng, chủ yếu dùng vào sản xuất gạch ngói, nguyên liệu gốm sứ chịu lửa, tuy nhiên chất lượng kém, ít có triển vọng. Ngoài ra, sông Cầu

chảy qua huyện đã cung cấp một phần lượng cát sỏi cho xây dựng nhưng trữ lượng cát, sỏi không nhiều.

- Tài nguyên nhân văn

Việt Yên là huyện có truyền thống văn hoá phát triển lâu đời, là quê hương của Rượu Làng Vân tiến vua nổi tiếng, có 5 làng quan họ cổ được UNESCO vinh danh và nhiều di tích lịch sử văn hoá, kiến trúc nghệ thuật đặc sắc. Hiện nay, huyện có 02 di tích xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt, 19 di tích xếp hạng cấp quốc gia và 80 di tích xếp hạng cấp tỉnh. Nổi bật trong hệ thống di tích dày đặc là Khu di tích quốc gia đặc biệt Chùa Bỏ Đà; Khu di tích quốc gia Đình, Chùa, Từ chỉ Thổ Hà; Di tích Đền thờ Tiến sĩ Thân Nhân Trung... Huyện đang lưu giữ, bảo tồn 01 bảo vật quốc gia (Bộ Mộc bản Kinh Phật Chùa Bỏ Đà); 03 lễ hội được công nhận là di sản phi vật thể quốc gia (Lễ hội Thổ Hà, Lễ hội chùa Bỏ Đà, Lễ hội Vật cầu nước Làng Vân) với những hoạt động độc đáo của văn hóa phi vật thể mang đậm đặc trưng của lễ hội truyền thống cư dân Việt được thể hiện qua các hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian phong phú như: đấu vật, rước, tế lễ, hát quan họ trên bến dưới thuyền, diễn các tích tuồng cổ nổi tiếng và nhiều trò chơi dân gian hấp dẫn, thu hút hàng chục nghìn du khách trong và ngoài nước đến thăm mỗi năm.

Với truyền thống văn hiến, truyền thống cách mạng, cần cù sáng tạo, ý chí tự lực tự cường, khắc phục khó khăn, kế thừa và phát huy những kinh nghiệm, những thành quả đạt được, huyện Việt Yên có nhiều điều kiện để phát triển mạnh kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới.

III. QUY MÔ DÂN SỐ VÀ CƠ CẤU LAO ĐỘNG

1. Quy mô và mật độ dân số

a) Theo số liệu thống kê, tính đến ngày 31/12/2022, dân số của huyện là 228.953 người, trong đó dân số thường trú là 223.702 người, dân số tạm trú quy đổi là 5.251 người, bao gồm:

- Dân số khu vực nội thị dự kiến (gồm: thị trấn Bích Động, thị trấn Nénh và các xã Hồng Thái, Tăng Tiến, Quảng Minh, Ninh Sơn, Vân Trung, Quang Châu, Tự Lạn) là 135.841 người, trong đó dân số thường trú là 131.382 người, dân số tạm trú quy đổi là 4.459 người.

- Khu vực ngoại thị (gồm các xã Hương Mai, Minh Đức, Nghĩa Trung, Thượng Lan, Tiên Sơn, Trung Sơn, Vân Hà và Việt Tiến) là 93.112 người, trong đó dân số thường trú là 92.320 người, dân số tạm trú quy đổi là 792 người.

b) Mật độ dân số toàn huyện đạt 1.339 người/km²; trong đó, khu vực nội thị đạt 1.757 người/km² và mật độ dân số khu vực ngoại thị đạt 994 người/km².

2. Tăng trưởng dân số

Cùng với sự phát triển mạnh mẽ, bứt phá vươn lên về kinh tế là tốc độ đô thị hóa của huyện, điều đó đã thể hiện sức hút đô thị ở Việt Yên là rất lớn khi các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện đi vào hoạt động đã thu hút lượng lớn lao động tại các địa phương lân cận tới làm việc và sinh sống. Bên cạnh đó, hàng năm huyện cũng thu hút lượng khách trong nước và nước ngoài tới thăm quan du lịch, lễ chùa và tham dự các lễ hội truyền thống như: lễ hội vật cầu nước, lễ rước Thành hoàng làng Thổ Hà, hát chầu văn, hát quan họ

trên sông Cầu,... Tỷ lệ tăng dân số năm 2022 là 3,7%, trong đó khu vực dự kiến nội thị tăng 4,3%, khu vực ngoại thị tăng 2,9%.

3. Cơ cấu lao động

Dịch chuyển lao động là một xu thế khách quan của quá trình phát triển kinh tế - xã hội và gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa. Những năm gần đây, huyện Việt Yên đã và đang thực hiện tốt các giải pháp phát triển nguồn nhân lực phù hợp với nhu cầu thị trường lao động của các doanh nghiệp tại các khu, cụm công nghiệp cũng như các cơ sở sản xuất kinh doanh. Trong đó, chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; đồng thời đẩy mạnh liên kết hợp tác giữa các trung tâm dạy nghề, trung tâm giới thiệu việc làm với các khu công nghiệp, doanh nghiệp trong và ngoài huyện. Do đó, tỷ lệ cơ cấu lao động nông nghiệp chuyển sang lao động phi nông nghiệp ngày càng cao, phù hợp với hiện trạng phát triển của huyện cũng như phù hợp sự chuyển dịch về cơ cấu nền kinh tế của huyện.

a) Theo số liệu thống kê, tính đến ngày 31/12/2022, tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của huyện Việt Yên là 140.349 người; trong đó, lao động phi nông nghiệp là 112.315 người, lao động nông nghiệp là 28.034 người; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn huyện chiếm 80,03%.

- Tổng số lao động khu vực nội thị là 83.807 người, gồm: Lao động phi nông nghiệp là 70.852 người, lao động nông nghiệp là 12.955 người; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị đạt 84,54%;

- Tổng số lao động khu vực ngoại thị là 56.542 người, gồm: Lao động phi nông nghiệp là 41.463 người, lao động nông nghiệp là 15.079 người; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực ngoại thị đạt 73,33%;.

b) Lao động nông nghiệp toàn huyện được giải quyết việc làm trong năm 2022 là 3.795 người; tỷ lệ lao động qua đào tạo đang làm việc trong các ngành kinh tế của huyện chiếm 75%, trong đó lao động qua đào tạo nghề có chứng chỉ đạt 32%.

IV. DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN VÀ CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

1. Diện tích tự nhiên

Tổng diện tích tự nhiên của huyện Việt Yên là 17.101,33 ha. Trong đó: Diện tích tự nhiên khu vực nội thị là 77,31 km² (7.730,51 ha); diện tích tự nhiên khu vực ngoại thị là 93,71 km² (9.370,82 ha).

2. Cơ cấu sử dụng đất

TT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
A	DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		17.101,34	100,0
1	Đất nông nghiệp	NNP	11.106,02	64,9
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	8.628,84	50,5
1.2	Đất trồng lúa	LUA	7.076,98	41,4
1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	579,68	3,4
1.4	Đất trồng cây lâu năm	CLN	972,18	5,7
1.5	Đất lâm nghiệp	LNP	767,30	4,5
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1.640,27	9,6

TT	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	69,62	0,4
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.946,45	34,8
2.1	Đất ở	OTC	2.031,33	11,9
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	3.323,99	19,4
2.3	Đất quốc phòng	CQP	46,32	0,3
2.4	Đất an ninh	CAN	1,49	0,0
2.5	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	310,86	1,8
2.6	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	1.046,59	6,1
2.7	Đất có mục đích công cộng	CCC	1.902,52	11,1
2.8	Đất cơ sở tôn giáo	TON	35,84	0,2
2.9	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	32,69	0,2
2.10	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ	NTD	139,66	0,8
2.11	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	303,29	1,8
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	78,49	0,5
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	1,16	0,0
3	Đất chưa sử dụng	CSD	48,87	0,3
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	30,99	0,2
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	17,88	0,1

3. Diện tích, dân số của đơn vị hành chính trực thuộc

Huyện Việt Yên có 171,01 km² diện tích tự nhiên; dân số là 228.953 người; mật độ dân số là 1.339 người/km². Trong đó:

a) Khu vực dự kiến nội thị có 77,31 km² diện tích tự nhiên; dân số là 135.841 người (trong đó dân số thường trú là 131.382 người, dân số tạm trú là 4.459 người), gồm:

- Thị trấn Bích Động có 12,80 km² diện tích tự nhiên; dân số là 18.678 người; dân số thường trú là 18.541 người, dân số tạm trú là 137 người; mật độ dân số 1.459 người/km².

- Thị trấn Nénh có 12,51 km² diện tích tự nhiên; dân số là 34.871 người; dân số thường trú là 33.527 người, dân số tạm trú là 1.344 người; mật độ dân số 2.790 người/km².

- Xã Tăng Tiến có 4,79 km² diện tích tự nhiên; dân số là 12.362 người; dân số thường trú là 11.568 người, dân số tạm trú là 794 người; mật độ dân số 2.581 người/km².

- Xã Hồng Thái có 5,90 km² diện tích tự nhiên; dân số 11.488 người; dân số thường trú là 11.189 người, dân số tạm trú là 299 người; mật độ dân số 1.947 người/km².

- Xã Quảng Minh có 5,46 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.225 người; dân số thường trú là 11.172 người, dân số tạm trú là 53 người; mật độ dân số 2.060 người/km².

- Xã Ninh Sơn có 7,99 km² diện tích tự nhiên; dân số là 9.268 người; dân số thường trú là 9.225 người, dân số tạm trú là 43 người; mật độ dân số 1.160 người/km².

- Xã Vân Trung có 9,67 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.843 người; dân số thường trú là 10.991 người, dân số tạm trú là 852 người; mật độ dân số 1.225 người/km².

- Xã Quang Châu có 9,01 km² diện tích tự nhiên; dân số là 17.352 người; dân số thường trú là 16.429 người, dân số tạm trú là 923 người; mật độ dân số 1.926 người/km².

- Xã Tự Lạn có 9,17 km² diện tích tự nhiên; dân số là 8.754 người; dân số thường trú là 8.740 người, dân số tạm trú là 14 người; mật độ dân số 955 người/km².

b) Khu vực dự kiến ngoại thị có 93,71 km² diện tích tự nhiên; dân số là 93.112 người (trong đó dân số thường trú là 92.320 người, dân số tạm trú là 792 người), gồm:

- Xã Việt Tiến có 11,40 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.673 người; mật độ dân số 1.024 người/km².

- Xã Trung Sơn có 12,31 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.569 người; mật độ dân số 940 người/km².

- Xã Tiên Sơn có 14,46 km² diện tích tự nhiên; dân số là 12.489 người; mật độ dân số 864 người/km².

- Xã Nghĩa Trung có 14,81 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.923 người; mật độ dân số 805 người/km².

- Xã Minh Đức có 18,46 km² diện tích tự nhiên; dân số 14.913 người; mật độ dân số 808 người/km².

- Xã Thượng Lan có 9,86 km² diện tích tự nhiên; dân số 10.243 người; mật độ dân số 1.039 người/km².

- Xã Vân Hà có 2,95 km² diện tích tự nhiên; dân số là 8.708 người; mật độ dân số 2.952 người/km².

- Xã Hương Mai có 9,46 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.594 người; mật độ dân số 1.227 người/km².

IV. HIỆN TRẠNG KINH TẾ

1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế

Trong những năm qua, hòa chung với sự đổi mới và phát triển mạnh mẽ của tỉnh, huyện Việt Yên đã nỗ lực phấn đấu, phát triển trở thành huyện có tiềm lực khá về kinh tế, đời sống xã hội ổn định và không ngừng được nâng cao. Năm 2021, dịch bệnh Covid-19 xuất hiện diễn biến phức tạp và khó lường gây ảnh hưởng đến mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và tác động đến việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện Việt Yên nói riêng. Tuy nhiên sau những tháng đầu năm chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, dưới sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các cấp, các ngành của tỉnh, năm

2022 huyện đã thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19 và kịp thời tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh, nỗ lực phấn đấu thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, thu hút đầu tư vào địa bàn tăng nhanh; kinh tế tiếp tục ổn định và tăng trưởng với mức độ khá; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, từng bước xây dựng, điều chỉnh và phát triển các ngành phù hợp với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2020 - 2022 đạt 20,6% (năm 2020 đạt 16,70%; năm 2021 đạt 11,9%; năm 2022 đạt 33,3%); giá trị sản phẩm trên địa bàn huyện năm 2022 (giá so sánh 2010) đạt 54.074 tỷ đồng, tăng trưởng 33,3% so với năm 2021. Trong đó, giá trị sản phẩm khu vực công nghiệp - xây dựng đạt 52.196 tỷ đồng, tăng trưởng 34,92%; nông lâm nghiệp - thủy sản đạt 838 tỷ đồng, tăng trưởng 1,69%; thương mại - dịch vụ đạt 1.039 tỷ đồng, tăng trưởng 9,66% so với năm 2021.

Tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng năm 2022 chiếm 92,81%; ngành thương mại - dịch vụ chiếm 3,83%; ngành nông, lâm - thủy sản chiếm 2,08%. Đây là tiền đề vững chắc, tạo đà cho sự phát triển bứt phá của huyện trong những năm tới.

2. Phát triển ngành, lĩnh vực

a) Về phát triển công nghiệp, xây dựng

Những năm trở lại đây, huyện đã thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh; đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, làm tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận đất đai. Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng năm 2022 đạt 265.112 tỷ đồng, tăng 34,92% so với năm 2021; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp đạt 260.242 tỷ đồng, giá trị sản xuất ngành xây dựng đạt 4.870 tỷ đồng.

Được định hướng là huyện trọng điểm phát triển công nghiệp của tỉnh, chính vì vậy mà ngành công nghiệp - xây dựng luôn chiếm ưu thế trong nền kinh tế toàn huyện. Trên địa bàn huyện hiện nay có 04 khu công nghiệp với tổng diện tích lên đến 1,1 nghìn ha, gồm: Quang Châu, Vân Trung, Đình Trám, Việt Hàn với tỷ lệ lấp đầy đạt 95,3%. Ngoài ra, còn có 03 cụm công nghiệp gồm: Vân Hà, Việt Tiến, Hoàng Mai và nhiều làng nghề sản xuất thủ công nghiệp, tỷ lệ lấp đầy trên 50%. Tới thời điểm hiện tại, tổng số dự án đầu tư trên địa bàn là 490 dự án, trong đó trong khu công nghiệp là 335 dự án, ngoài khu công nghiệp 155 dự án (213 dự án trong nước, 127 dự án nước ngoài), tổng vốn đăng ký 13.633,94 tỷ đồng và 5.335,8 triệu USD. Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn là 2.905 doanh nghiệp, chiếm khoảng 14% số doanh nghiệp toàn tỉnh, trong đó doanh nghiệp trong khu công nghiệp là 335 doanh nghiệp; doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp trong cụm công nghiệp) có 2.570 doanh nghiệp; tổng số doanh nghiệp đang hoạt động khoảng 80%.

Trong năm 2022, huyện thu hút đầu tư 5 dự án, trong đó có 3 dự án đầu tư trong nước và 2 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký kinh doanh đạt 2.932 tỷ đồng và 3,2 triệu USD; đồng thời, thành lập mới 162 doanh

nghiệp; cấp mới đăng ký kinh doanh cá thể cho 2.561 hộ kinh doanh; cấp lại 61 giấy phép đăng ký kinh doanh; chấm dứt hoạt động của 240 hộ kinh doanh. Một số doanh nghiệp đóng góp chính cho tăng trưởng ngành công nghiệp cho toàn tỉnh cũng như của huyện: Công ty Fuhong 34 nghìn tỷ, Công ty Luxshare - ICT trên 30 nghìn tỷ, Công ty Siflex 10 nghìn tỷ, Công ty Hosiden 9,3 nghìn tỷ,... Thành lập mới 06 hợp tác xã, nâng tổng số hợp tác xã trên địa bàn là 79 HTX, với 863 thành viên, doanh thu bình quân đạt khoảng 1 tỷ/HTX/năm.

Bên cạnh việc thu hút đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp, huyện còn lưu giữ và phát triển các ngành tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề truyền thống như: sản xuất rượu ở làng Vân, làm mây tre đan ở xã Tăng Tiến, sản xuất bánh đa nem ở làng Thổ Hà,... Các cơ sở sản xuất khu vực làng nghề thường chủ động thay đổi mẫu mã, đổi mới về trang thiết bị, công nghệ từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tốt thị hiếu của khách hàng. Cùng với đó, huyện cũng tạo điều kiện hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia các hội chợ giới thiệu sản phẩm, quảng bá tiếp thị sản phẩm. Vì vậy, các ngành nghề truyền thống được phát huy, thị trường truyền thống được giữ vững, mở rộng.

Ngoài ra, lĩnh vực xây dựng cũng có những bước phát triển mạnh. Các dự án đầu tư, nhất là về hạ tầng giao thông được hỗ trợ tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ thi công. Nhiều công trình, dự án trọng điểm có quy mô lớn được triển khai hoàn thành đưa vào sử dụng đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội góp phần thay đổi diện mạo của huyện. Nhiều dự án có động lực thúc đẩy phát triển kinh tế vùng được đầu tư, hoàn thành đầu tư xây dựng như: đường nối Quốc lộ 17 với Quốc lộ 37 qua KCN Vân Trung, tỉnh Bắc Giang; Đường kết nối Quốc lộ 17 - Khu công nghiệp Việt Hàn -Khu công nghiệp Đình Trám với Quốc lộ 37; đường kết nối đường Quốc lộ 17 với Cao tốc Hà Nội - Bắc Giang qua Khu công nghiệp Yên Lư và Khu công nghiệp Vân Trung; đường kết nối từ Quốc lộ 37 đi đường vành đai 4; đường từ vành đai Bích Động đi Đường kết nối đường vành đai Bích Động với đường vành đai Đông Bắc Thành phố Bắc Giang,... Đối với giao thông nông thôn, đã thực hiện nâng cấp, cải tạo 8,78 km; đầu tư xây dựng mới 30,7km. Đến nay toàn bộ hệ thống giao thông trên địa bàn huyện được đảm bảo, 64,348 km đường huyện; 39 km đường trong các khu đô thị; 130,23 km đường xã, cứng hóa 100%, 65,06 km đường đô thị (tính thị trấn Bích Động và Nénh), cứng hóa 100%. Cứng hóa 602,68/627,14 km đường thôn xóm (đạt tỷ lệ 96,1%) và khoảng 373,9 km đường trục chính nội đồng sạch không lầy lội,...

Công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn huyện được tăng cường, từng bước đi vào nề nếp. Đã hoàn thành lập Quy hoạch chung đô thị Việt Yên đến năm 2035. Ngoài ra, huyện đã và đang triển khai lập 28 quy hoạch chi tiết, bên cạnh đó còn nhiều nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết đang được triển khai theo hình thức tài trợ kinh phí.

b) Về phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch

Những năm qua hoạt động thương mại - dịch vụ trên địa bàn huyện có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác quản lý thị trường luôn được thực hiện có hiệu quả. Việc hình thành các khu, cụm công nghiệp đã kéo theo sự phát triển của các hoạt động thương mại - dịch vụ. Các ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn

như bán buôn, bán lẻ, dịch vụ ăn uống, lưu trú,... duy trì tốc độ tăng trưởng khá, một số ngành dịch vụ có giá trị cao như: kinh doanh bất động sản, thông tin truyền thông, ngân hàng, tài chính chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong cơ cấu ngành. Hệ thống mạng lưới ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng hoạt động hiệu quả, thực hiện các giải pháp huy động, cho vay vốn, tập trung cho các lĩnh vực, đối tượng được ưu tiên; tích cực tiếp cận khách hàng, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình vay vốn,... Hạ tầng thương mại được tăng cường đầu tư, một số cơ sở thương mại hiện đại bắt đầu đi vào hoạt động.

Ngoài hệ thống chợ truyền thống như: chợ Bích Sơn, chợ My Điện, chợ Đình Trám,... được xây dựng theo quy hoạch đảm bảo các điều kiện của chợ hạng III thì trên địa bàn huyện còn có các điểm bán hàng tập trung, các siêu thị mini, cửa hàng tự chọn ngày càng được mở rộng và hoạt động sôi nổi. Không những vậy, huyện đã triển khai thực hiện quy hoạch và đang xây dựng các trung tâm thương mại như: trung tâm thương mại thuộc khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ; trung tâm thương mại khu dân cư chợ Mới thị trấn Bích Động,... Các công trình thương mại - dịch vụ, các cửa hàng, cửa hiệu được nâng cấp, chỉnh trang, mở rộng và xây dựng mới, hình thành nên các dãy phố, khu vực kinh doanh với nhiều hình thức đa dạng và phong phú. Có thể nói sự hình thành và phát triển các hoạt động thương mại - dịch vụ đã góp phần làm thay đổi diện mạo đô thị đảm bảo phục vụ nhu cầu mua sắm, trao đổi hàng hóa cũng như tăng thu nhập cho người dân trên địa bàn huyện.

Việt Yên là huyện có truyền thống văn hoá phát triển lâu đời với nhiều di tích có giá trị cao về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, kiến trúc đặc sắc, tiêu biểu như di tích cấp quốc gia đặc biệt chùa Bồ Đà, đình Đông; di tích quốc gia: chùa Vân Cốc, đền thờ Tiên sĩ Thân Nhân Trung,... Ngoài ra, ở Việt Yên còn có các làng nghề truyền thống, tiêu biểu như: sản xuất bánh đa nem ở Thổ Hà, rượu làng Vân, mây tre đan Tăng Tiến,... Hằng năm, huyện thường xuyên quan tâm, đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, giao thông tại các làng nghề, các khu di tích; trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa đã xuống cấp; khôi phục và phát triển các hoạt động văn hoá dân gian truyền thống;... nhằm tạo sức hút với du khách khi đến với huyện. Với tiềm năng sẵn có về du lịch tâm linh và du lịch làng nghề trên địa bàn, hàng năm huyện đã đón nhận hàng nghìn lượt du khách trong và ngoài nước đến tham quan các di tích lịch sử, văn hóa, tham dự các lễ hội truyền thống cũng như trải nghiệm, tham quan các cơ sở sản xuất làng nghề nổi tiếng.

Việc phát triển du lịch gắn với làng nghề truyền thống đã và đang mang lại những hiệu quả tích cực, không chỉ làm phong phú thêm sản phẩm du lịch của huyện, của tỉnh mà còn giúp các làng nghề có thêm cơ hội quảng bá hình ảnh, bán được nhiều sản phẩm, tăng thu nhập cho người dân. Bên cạnh đó, hệ thống dịch vụ khách sạn, nhà hàng cũng phát triển mạnh, đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu của du khách khi đến với huyện.

Trong thời gian đại dịch Covid-19 bùng nổ, các biện pháp giãn cách xã hội được thực hiện, các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực: vận tải, du lịch, logistic, các cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú, nhà hàng, khách sạn hầu như phải

dừng hoạt động do hạn chế khách du lịch với sự hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận kênh thông tin về xuất, nhập khẩu nhằm tìm kiếm thị trường mới; hỗ trợ tối đa các doanh nghiệp vay vốn ưu đãi;... của Chính phủ, của tỉnh cũng như của huyện, đã phần nào đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, thương mại - du lịch. Vì vậy, giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ năm 2022 tăng so với năm 2021, cụ thể: Tổng giá trị sản xuất ngành thương mại - dịch vụ năm 2022 đạt 1.749 tỷ đồng, tăng 9,66% so với năm 2021 và bằng 102% kế hoạch Nghị quyết HĐND huyện giao.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên số lượng khách du lịch giảm mạnh so với cùng kỳ nhiều năm về trước, năm 2022 lượng khách thăm quan trên địa bàn huyện đạt khoảng 50.000 lượt. Tổng nguồn vốn huy động nội tệ đạt 5.425 tỷ đồng, dư nợ cho vay đạt 2.536 tỷ đồng.

c) Về sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

Tổng giá trị sản xuất ngành nông - lâm - thủy sản năm 2022 đạt 1.593 tỷ đồng, tăng 1,69% so với năm 2021 và bằng 101% so với kế hoạch Nghị quyết HĐND huyện giao. Trong những năm gần đây, diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện ngày càng bị thu hẹp do chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang xây dựng các khu, cụm công nghiệp, khu dịch vụ làng nghề, khu đô thị và khu dân cư mới,... Tuy nhiên, huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, trong đó đẩy nhanh công tác dồn điền đổi thửa, quy hoạch và phát triển những vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp hàng hóa đảm bảo an toàn thực phẩm, nhất là những vùng chuyên canh trồng lúa thương phẩm, rau, quả và nuôi trồng thủy sản ở những nơi có lợi thế.

Việc triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả. Cơ cấu cây trồng chuyển dịch tích cực từ mô hình mô hình sản xuất nhỏ lẻ theo kiểu truyền thống sang sản xuất theo hướng hàng hóa gắn với thị trường, đồng thời áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và chế biến, bảo quản sau thu hoạch, khuyến khích đầu tư trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, chủ động các biện pháp phòng chống dịch bệnh,... Các chương trình hợp tác, nâng cao năng lực sản xuất, chuyển giao công nghệ và thúc đẩy phát triển liên kết theo chuỗi giá trị được hình thành.

Đến nay, trên địa bàn huyện đã xuất hiện một số mô hình nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất an toàn tiếp cận với xu hướng kinh tế thị trường tạo nhiều bước chuyển biến trong phát triển kinh tế nông thôn như: các vùng sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP với tổng diện tích lên đến 80 ha; vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong nhà màng, nhà lưới; vùng sản xuất dược liệu tại xã Minh Đức, xã Nghĩa Trung với diện tích trên 30 ha; xây dựng thương hiệu rau củ quả Việt Yên, sản phẩm OCOP,... Bên cạnh đó, việc xây dựng “Bản đồ số hóa các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng; các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang” cũng được triển khai thực hiện và đạt được kết quả: duy trì hoạt động 40 mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trong đó một số mô hình cho hiệu quả kinh tế cao như: mô hình trồng dưa lưới trong nhà

màng tại các xã Việt Tiến, Thượng Lạn, Hương Mai, Tự Lạn, Minh Đức; mô hình nuôi vịt sinh sản thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tại thị trấn Bích Động; mô hình trồng măng tây xanh tại thôn Đông Long, xã Quảng Minh;... Ngoài ra, huyện cũng đã hoàn thiện hồ sơ đánh giá 08 sản phẩm OCOP gồm: chè lam gác, bánh quế, mỳ thảo xoắn Havamor, cao Thanh Ngâm, giải độc gan An Xoa, nấm Ngọc Châm, nấm đùi gà nâng tổng số là 23 sản phẩm OCOP toàn huyện. Với những kết quả đạt được đã tạo bước đột phá trong công tác áp dụng công nghệ cao trong quản lý nông nghiệp.

Lĩnh vực chăn nuôi có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm chăn nuôi nhỏ lẻ tăng số lượng và quy mô chăn nuôi trang trại, tập trung việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất được đẩy mạnh, liên kết trong chăn nuôi được tăng cường, đặc biệt là liên kết theo chuỗi khép kín. Bên cạnh đó, lĩnh vực nuôi trồng thủy sản cũng hướng đến mục tiêu tạo ra các sản phẩm an toàn; nhiều cơ sở đã mạnh dạn áp dụng mô hình nuôi cá thâm canh “sông trong ao”. Cơ cấu giống vật nuôi chuyển đổi mạnh sang hướng nuôi giống có năng suất, giá trị kinh tế và thị trường nhằm đem lại lợi ích kinh tế cho người dân.

Cùng với đó, thường xuyên kiểm tra các hồ chứa nước, công trình thủy lợi cung cấp nước tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp. Các hệ thống hạ tầng thủy lợi, kênh, mương, trạm bơm, hồ chứa nước, giao thông nội đồng, hệ thống điện phục vụ sản xuất,... đặc biệt hệ thống đê điều cũng được đầu tư nhằm đảm bảo an toàn mùa mưa bão, đồng thời kết hợp giao thông đi lại phục vụ người dân.

Năm 2022, diện tích gieo cấy lúa đạt 12.030 ha, sản lượng đạt 72.200 tấn (trong đó vụ chiêm xuân đạt 37.393 tấn, vụ mùa đạt 33.807 tấn); cây ngô đạt 355ha, năng suất đạt 38 tạ/ha; cây lạc đạt 550 ha, năng suất đạt 25 tạ/ha; khoai lang đạt 460 ha, năng suất đạt 135 tạ/ha; rau đậu các loại đạt 2.250ha. Trên địa bàn có 22 trang trại chăn nuôi gia công, chăn nuôi tập trung (03 trang trại nuôi gà, 19 trang trại nuôi lợn) với 85.165 con lợn các loại; đàn trâu có 1.125 con; bò có 16.960 con; gia cầm 997.000 con; tổng sản lượng thịt hơi 19.000 tấn. Ngoài ra, huyện có 1.107 ha diện tích nuôi trồng thủy sản, trong đó diện tích thâm canh nuôi trồng thủy sản an toàn sinh học đạt khoảng 350ha; tỷ lệ diện tích sản xuất thâm canh thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP đạt 42%.

2. Thu chi ngân sách

Thu ngân sách trên địa bàn huyện đạt được kết quả tích cực nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp nuôi dưỡng nguồn thu, tăng thu và chống thất thu; đặc biệt là việc khai thác nguồn lực tài chính từ đất đai. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022 đạt kết quả tốt, tăng cả về thu cân đối và thu để dành cho đầu tư phát triển. Kết quả thực hiện thu, chi ngân sách năm 2022, như sau:

a) Thu ngân sách

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 4.884 tỷ đồng, đạt 175% dự toán tỉnh giao. Nếu loại trừ các khoản thu không cân đối là tiền sử dụng đất, thuế bảo vệ môi trường, thu đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất, các khoản thu do các cơ quan Trung ương, cơ quan tỉnh thực hiện điều tiết ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh thì thu cân đối ngân sách trên địa bàn thực hiện 727 tỷ đồng, đạt 156% so với Nghị quyết HĐND huyện giao. Một số chỉ tiêu thu đạt cao như:

thuế thu nhập cá nhân 74 tỷ đồng đạt 175%; thu lệ phí trước bạ 109 tỷ đồng, bằng 155%; thu phí, lệ phí 12 tỷ đồng bằng 216%; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp 5 tỷ đồng bằng 652% kế hoạch...

b) Chi ngân sách

Căn cứ vào dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và số bổ sung có mục tiêu, chi ngân sách địa phương năm 2022 đạt 2.997 tỷ đồng, bằng 140% so với dự toán, trong đó chi ngân sách cấp huyện 2.326 tỷ đồng; chi ngân sách cấp xã 671 tỷ đồng.

3. Thu nhập bình quân đầu người

Sự hình thành và phát triển mạnh mẽ của các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện đã tạo ra không gian kinh tế thu hút đầu tư trong và ngoài nước vào địa phương, góp phần đáng kể trong quá trình dịch chuyển cơ cấu kinh tế; tạo ra động lực để hình thành và phát triển thị trường lao động. Bên cạnh đó, giải quyết được vấn đề việc làm, tạo nguồn thu nhập ổn định cho nhân dân. Năm 2022, thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn huyện Việt Yên là 68,4 triệu đồng/người/năm, gấp 1,24 lần so với thu nhập bình quân đầu người của cả nước (55,2 triệu đồng/người/năm).

V. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Giáo dục - đào tạo

Lĩnh vực giáo dục tiếp tục phát triển theo hướng nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học. Các dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng trường học theo hướng đạt chuẩn quốc gia tiếp tục được triển khai thực hiện với quy mô lớn. Hệ thống trường, lớp các cấp học được rà soát, sắp xếp lại đảm bảo hợp lý, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đến trường của con em trên địa bàn. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 64 trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở (26 trường mầm non, 19 trường tiểu học, 19 trường trung học cơ sở) và 05 trường trung học phổ thông. Ngoài ra, huyện còn có 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang. Quy mô trường lớp được giữ vững, cơ sở vật chất, các trang thiết bị phục vụ dạy và học được quan tâm đầu tư mới đảm bảo cho hoạt động giáo dục và đào tạo của các nhà trường.

Trong thời gian dịch COVID-19 bùng phát, kéo dài đã làm gián đoạn các hoạt động giáo dục và quá trình học tập của học sinh, tuy nhiên ngành giáo dục huyện vẫn hoàn thành xuất sắc 13/16 lĩnh vực công tác xếp thứ 03/10 huyện, thành phố trong tỉnh.

Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác các giải pháp, thiết bị công nghệ phục vụ công tác quản lý, điều hành, dạy và học được nâng lên; chất lượng giáo dục toàn diện và mũi nhọn vẫn được duy trì.

Cơ sở vật chất trường lớp, trang thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ, hiện đại; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, hiệu quả trong quản lý, điều hành và các hoạt động giáo dục; hạ tầng công nghệ thông tin được tăng cường, 100% các trường có đường truyền Internet tốc độ cao, các thiết bị dạy học được đầu tư theo hướng chuẩn, hiện đại; 100% các trường có trang thông tin điện tử đảm bảo các yêu cầu của ngành; các hệ thống quản lý trực tuyến được duy trì và hoạt động hiệu quả; 100% các trường có đủ phòng máy, máy tính đảm bảo yêu cầu

học tập của học sinh. Toàn huyện có 61/64 trường đạt chuẩn quốc gia (đạt tỉ lệ 95,3%); 20/64 trường chuẩn quốc gia mức độ 2, đạt 31,25% (tăng 03 trường so với năm học trước). Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100% (tăng 0,9% so với cùng kỳ năm 2021, đạt 100% kế hoạch 2022).

Công tác phổ cập giáo dục tiếp tục thực hiện đạt kết quả cao, toàn huyện có 17/17 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và phổ cập trung học cơ sở mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2.

2. Y tế

Hệ thống y tế cấp huyện, cấp xã, y tế các trường học tiếp tục được củng cố và hoàn thiện. Trên địa bàn huyện có 01 trung tâm y tế đa chức năng được thành lập trên cơ sở bệnh viện đa khoa huyện, trung tâm y tế dự phòng, trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình; các cơ sở y tế ngoài công lập và 17 trạm y tế cấp xã, 100% số xã, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020. Duy trì 100% số trạm y tế có bác sỹ nữ hộ sinh; các nhân viên y tế tại các thôn, tổ dân phố hoạt động thường xuyên. Ngoài ra, hệ thống y tế tư nhân cũng rất phát triển, có 6 phòng khám đa khoa, 60 phòng khám chuyên khoa, trên 200 quầy thuốc, nhà thuốc.

Với mạng lưới y tế xây dựng hoàn chỉnh từ huyện đến các xã, thị trấn cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho người dân địa phương. Bên cạnh đó, các cơ sở y tế không ngừng đầu tư mua sắm các trang thiết bị hiện đại; đồng thời thường xuyên cử cán bộ đi đào tạo để phục vụ công tác khám, chữa bệnh do đó nhiều kỹ thuật chuyên sâu đã được thực hiện thành công trên địa bàn. Hầu hết các cơ sở khám chữa bệnh công lập và phòng khám đa khoa tư nhân đã triển khai, áp dụng khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho người dân. Nhìn chung, việc tiếp cận của nhân dân với các dịch vụ y tế ngày một thuận lợi hơn.

Năm 2022 hệ thống y tế huyện đã tổ chức khám bệnh cho trên 320.000 lượt người dân, điều trị nội trú cho trên 10.000 lượt người. Chủ động thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch bệnh. Duy trì tỷ lệ người dân trong toàn huyện tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%. Tổ chức in, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho 100% đối tượng cận nghèo, bảo đảm đúng tiến độ. Duy trì số người tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%. Các chương trình mục tiêu về y tế đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (thể nhẹ cân) còn 10,3%; tỷ lệ suy dinh dưỡng chiều cao/tuổi còn 21.5 %; duy trì số bệnh nhân được điều trị thay thế nghiện các dạng chất dạng thuốc phiện bằng Methadone duy trì 81/80 người, đạt 101% kế hoạch.

Các cơ sở y tế từ huyện đến các xã, thị trấn đã được đầu tư xây dựng khang trang, mua sắm trang thiết bị hiện đại; cùng với đó là công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ nhân viên, y, bác sỹ được triển khai và thực hiện có hiệu quả góp phần cải thiện công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân giảm áp lực khám và điều trị vượt tuyến. Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh tại 17/17 trạm y tế xã, thị trấn; khám chữa bệnh bảo hiểm y tế và khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi. Tổng số lượt khám bệnh tại tuyến cơ

sở 58.452/70.000 lượt đạt 83,5%.

Tiếp tục vận động nhân dân thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tổng số hộ gia đình toàn huyện 46.075 hộ; dân số trung bình 213.178 người; tổng số trẻ sinh 2.813 trẻ, tỷ suất sinh 13,20‰; giảm 0,89‰ so với cùng kỳ; trong đó số trẻ sinh là con thứ 3 trở lên 315 trẻ chiếm 11,20 % giảm 2,03% so với cùng kỳ; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 9,73‰ giảm 0,41‰ so với cùng kỳ; tỷ số giới tính khi sinh 119 trẻ nam/100 trẻ nữ.

3. Văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” tiếp tục được triển khai và thực hiện có hiệu quả mang lại nhiều đổi thay cả về nhận thức lẫn hành động của người dân. Phong trào xây dựng khu dân cư văn hóa, gia đình văn hóa được triển khai sâu rộng, được nhân dân đồng tình hưởng ứng và tham gia thực hiện. Quy tắc ứng xử nơi công cộng trên địa bàn huyện được triển khai đến các tổ dân phố, thôn và các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, góp phần xây dựng nếp sống văn hóa, lành mạnh. Năm 2022, tỷ lệ “Gia đình văn hóa”, đạt 92,7% tăng 1,7% so với chỉ tiêu; 124/134 thôn, tổ dân phố đăng ký danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa”, đạt 92,5% tăng 3,5% so với chỉ tiêu; 15/15 xã đăng ký danh hiệu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”, đạt 100% kế hoạch; 2/2 thị trấn đăng ký danh hiệu “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”, đạt 100% kế hoạch; 136/157 cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa, đạt 86,6%, tăng 16,6% so với kế hoạch; 23 thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu “Khu dân cư văn hóa sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn” tăng 130% so với kế hoạch. Việc xây dựng thiết chế văn hóa được quan tâm, công tác quản lý tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, công tác xã hội hóa được tăng cường. Đến nay, toàn huyện có 148 nhà văn hóa (trong đó có 17 nhà văn hóa xã, thị trấn; 131 nhà văn hóa thôn, tổ dân phố).

Hoạt động lễ hội truyền thống được duy trì, tiếp tục bảo tồn và phát huy những giá trị di sản văn hóa truyền thống, khơi dậy những phong tục tập quán tốt đẹp. Phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao thường xuyên được tổ chức nhằm nâng cao và rèn luyện thể chất, tạo ra môi trường văn hóa sôi nổi phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn của địa phương, đất nước.

Hệ thống các thiết chế văn hóa, thể dục - thể thao, sân chơi, bãi tập, dụng cụ luyện tập, nhà tập luyện, thi đấu các môn thể thao được quan tâm, tu sửa, nâng cấp, xây dựng mới và chuẩn hóa, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, rèn luyện sức khỏe nâng cao thể chất, xây dựng nếp sống lành mạnh của người dân theo hướng hiện đại và năng động. Vào các ngày lễ, Tết, các ngày kỷ niệm, các ngành, đoàn thể trên địa bàn huyện thường tổ chức giao lưu thi đấu nhằm nâng cao sức khỏe tạo không khí vui tươi, phấn khởi để hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hệ thống phát thanh, truyền thanh từ huyện đến cơ sở đã làm tốt công tác tuyên truyền, kỷ niệm các ngày lễ lớn, các nhiệm vụ chính trị. Trong năm, huyện đã triển khai xây dựng hệ thống truyền thanh không dây tại 02 xã Minh Đức và xã Ninh Sơn. Đến nay 100% số xã, thị trấn có đài truyền thanh và hệ thống loa được kết nối hoạt động đến các thôn, tổ dân phố. Công tác tuyên truyền thông

tin có nhiều chuyển biến, nâng cao về chất lượng, đổi mới về nội dung và các hình thức thể hiện. Công thông tin của huyện hoạt động khai thác bước đầu có hiệu quả. Các hoạt động thông tin tuyên truyền luôn bám sát các nhiệm vụ chính trị, thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

4. Chính sách xã hội, giải quyết việc làm

Trong những năm qua, chính quyền và các đoàn thể huyện đã tích cực thực hiện chính sách về an sinh xã hội, lồng ghép với Chương trình Mặt trận Tổ quốc xây dựng nông thôn mới, thực hiện đầy đủ công tác chính sách xã hội đối với các đối tượng như: thăm hỏi, chăm sóc các đối tượng người cao tuổi, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người có hoàn cảnh khó khăn. Tổ chức thăm, tặng quà cho người có công và thân nhân liệt sỹ, hộ nghèo nhân dịp tết Nguyên đán, ngày Thương binh liệt sỹ,... Việc thực hiện thường xuyên các chính sách an sinh xã hội đã tạo điều kiện cho người nghèo trên địa bàn huyện được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội càng ngày tốt hơn.

Hàng năm các xã, thị trấn thường xuyên mở các lớp dạy nghề ngắn hạn. Thông qua các lớp đào tạo nghề, người lao động đã được nâng cao trình độ kiến thức về khoa học kỹ thuật, kỹ năng làm việc,... góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp chuyển dần sang lao động phi nông nghiệp.

Các chương trình giảm nghèo thời gian qua đã và đang tiếp cận theo hướng hỗ trợ chăm lo trực tiếp và toàn diện nhu cầu của người nghèo, thông qua việc thực hiện đa dạng các giải pháp như: huy động nhiều nguồn lực đầu tư phát triển sản xuất, tạo sinh kế cho người nghèo, đẩy mạnh xã hội hóa công tác giảm nghèo. Thực hiện Đề án “Hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở năm 2022 trên địa bàn huyện Việt Yên” theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND huyện ngày 15/01/2022 và Nghị Quyết số 15/NQ-HĐND huyện ngày 20/7/2022. Tổng số hộ nghèo đủ điều kiện có nhu cầu hỗ trợ xây mới và sửa chữa về nhà ở đã được UBND huyện phê duyệt tổng số hộ 158 hộ (gồm 124 hộ xây mới và 34 hộ sửa chữa), với tổng kinh phí là: 14,1 tỷ đồng.

+ Đến nay có 157/158 hộ thực hiện khởi công xây mới và sửa chữa. Trong đó (xây mới là 123 hộ; sửa chữa là 34 hộ,) đạt 99,36%; còn 01 hộ không thực hiện do gia đình gặp rủi do bất khả kháng. đề nghị không nhận hỗ trợ;

+ Kết quả có 157/157 hộ xây mới và sửa chữa đã hoàn thành công trình được đưa vào sử dụng đạt 100%; Trong đó (123 hộ xây mới và 34 hộ sửa chữa). Đã cấp kinh phí hỗ trợ cho 17/17 xã, thị trấn để hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở với Tổng kinh phí 14 tỷ đồng (gồm 12 đợt).

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước cho các đối tượng là người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác theo quy định, góp phần ổn định đời sống nhân dân và đảm bảo an sinh xã hội.

Tổ chức thăm, tặng 10.823 suất quà cho các đối tượng nhân dịp 75 năm ngày Thương binh liệt sỹ (27/7/1947-27/7/2022) cho đối tượng người có công với cách mạng.

Giải quyết 382 hồ sơ mai táng phí cho người có công với cách mạng. Đề nghị Sở Lao động-Thương binh và Xã hội ra quyết định cho các đối tượng hưởng chế độ đúng theo quy định và kịp thời hạn.- Phòng đã tiếp nhận, thẩm định hồ sơ của các xã, thị trấn (qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả) thuộc VP. HĐND và UBND huyện) chuyển đến và tham mưu cho UBND huyện ra quyết định 294 hồ sơ mai táng phí, tăng 115 hồ sơ so với năm 2021; 848 hồ sơ hưởng trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng đúng chế độ và đúng thời gian theo quy định, tăng 264 hồ sơ so với năm 2021.

- Tiếp nhận và tham mưu UBND huyện ra quyết định hỗ trợ kinh phí hỏa táng cho 505 trường hợp đủ điều kiện, tăng 202 hồ sơ so với năm 2021.

Việt Yên là đơn vị triển khai sớm việc rà soát, thẩm định, trình phê duyệt, tạm ứng ngân sách huyện để chi trả các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch cụ thể Nghị quyết 68/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Năm 2021, 2022, UBND huyện đã phê duyệt được 13 đợt cho 195.809 người và 317 hộ kinh doanh với số tiền 301 tỷ đồng, đã chuyển đầy đủ kinh phí cho các đơn vị chi trả; các đơn vị cơ bản đã chi trả xong đến tay đối tượng.

- Tiếp nhận thẩm định hồ sơ của các doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg. Trong năm 2022, UBND huyện phê duyệt danh sách cho 615 lượt doanh nghiệp với tổng số lao động là 193.365 lượt người với số tiền là: 104 tỷ đồng và đã thực hiện chi trả xong cho người lao động.

Chương trình, dự án thực hiện chính sách về giảm nghèo, an sinh xã hội được thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả; toàn huyện còn 701 hộ nghèo; tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 1,40%.

- Năm 2022 toàn huyện tạo 3.792 người có việc làm mới đạt 114% kế hoạch năm, trong đó xuất khẩu lao động được 101 lao động đạt 112% kế hoạch năm. Dạy nghề thường xuyên cho lao động nông thôn được 4.555 lao động đạt 112% kế hoạch, chủ yếu chuyển giao khoa học kỹ thuật, các công ty trên địa bàn đào tạo nghề tại chỗ; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 76% bằng 100% kế hoạch năm.

- Vận động 341 doanh nghiệp tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động đạt 100% kế hoạch đề ra; số người tham gia BHXH tự nguyện được 1.456 người đạt 121% kế hoạch năm; Số người tham gia BHYT đạt 53.540 người đạt 100% kế hoạch; Số người tham gia BHXH bắt buộc đạt 56.602 lao động đạt 100% kế hoạch năm. Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị 2,7%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn huyện là 80,03%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị là 84,54%.

VI. XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Qua hơn 10 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huyện Việt Yên đã có những thay đổi rõ nét; kinh tế phát triển khá, các lĩnh vực như: văn hóa, y tế, giáo dục,... phát triển toàn diện, quy chế dân chủ ở cơ sở được thực hiện tốt, an ninh trật tự xã hội được tăng cường, hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn. Trình độ sản xuất và đời sống của

người dân được nâng cao, tình làng nghĩa xóm được khơi dậy; các hoạt động văn hóa truyền thống dần được khôi phục và phát huy. Các xã đã có những bước triển khai phù hợp với điều kiện cụ thể của từng đơn vị, đồng thời xuất hiện cách làm hay, hiệu quả của mỗi địa phương phát huy tối đa vai trò của hệ thống chính trị, đặc biệt của chi bộ Đảng trong xây dựng nông thôn mới.

Tính đến năm 2018, toàn huyện đã có 17/17 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 100% (giai đoạn này chưa sáp nhập xã Bích Sơn vào thị trấn Bích Động và xã Hoàng Ninh vào thị trấn Nénh). Trong đó, nhiều tiêu chí đạt kết quả cao so với yêu cầu của bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2021 như: tiêu chí giao thông, trường học, nhà ở dân cư, hộ nghèo, lao động có việc làm, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế; không có nợ đọng xây dựng cơ bản; hoàn thành 10 xã nông thôn mới nâng cao và 1 xã thôn nông thôn mới kiểu mẫu, 34 thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Đến ngày 08/11/2018, huyện Việt Yên được Thủ tướng Chính phủ công nhận là huyện đạt chuẩn nông thôn mới tại Quyết định số 1494/QĐ-TTg.

Ngoài ra, để củng cố, nâng cao các tiêu chí nông thôn mới và xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu, thôn nông thôn mới kiểu mẫu gắn với phát triển đô thị giai đoạn 2021 - 2025, huyện đã xác định mục tiêu xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - hạ tầng hiện đại, cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh theo hướng tích cực và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý; đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phát triển nông nghiệp bền vững; môi trường sinh thái được bảo vệ; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao.

VII. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG XÃ HỘI

1. Về nhà ở

Năm 2022, trên địa bàn huyện Việt Yên có 46.632 căn nhà kiên cố với tổng diện tích sàn nhà ở là 6.436.618 m². Các tổ dân phố tập trung dân cư trên địa bàn thị trấn Bích Động và thị trấn Nénh chủ yếu là phố thương mại, cấu trúc nhà ở dạng nhà cao từ 2 - 3 tầng. Các khu dân cư mới chủ yếu là nhà chia lô từ 2 - 4 tầng, mỗi lô có diện tích từ 100-200 m², được xây dựng dọc theo các trục đường trục chính đô thị. Ranh giới giữa hai thị trấn phần lớn là nhà thấp tầng, có sân vườn rộng, không gian thoáng đãng. Hầu hết nhà ở trên địa bàn là nhà kiên cố hóa, nhiều nhà ở từ 2 tầng trở lên, tập trung ở khu vực trung tâm các xã với nhiều hình thức kiến trúc đa dạng.

Từ năm 2015 đến nay, huyện đã thu hút đầu tư 09 dự án nhà ở xã hội với quy mô 47 ha, công suất phục vụ khoảng 74.000 người. Ngoài ra, để từng bước triển khai thực hiện Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 642/QĐ-UBND ngày 27/12/2020, UBND huyện cũng ban hành Quyết định số 294/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nhà ở xã hội dành cho công nhân tại khu đô thị mới thị trấn Nénh; ngày 13/8/2021, UBND tỉnh Bắc Giang cũng ban hành Quyết định số 838/QĐ-UBND về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án khu nhà ở xã hội dành cho công nhân xã Quang Châu, huyện Việt Yên. Theo đó, các dự án bao gồm nhà ở xã hội, nhà ở thương mại

cao tầng, khu vui chơi giải trí và các không gian chức năng công cộng khác. Dự án sau khi hoàn thành sẽ giải quyết nhu cầu nhà ở rất lớn cho khoảng 12.000 người đến sinh sống và làm việc trong các khu công nghiệp cũng như các khu vực xung quanh.

2. Công trình công cộng

a) Trụ sở cơ quan

Tổng diện tích công trình trụ sở cơ quan cấp đô thị là 57.649 m², gồm các công trình hành chính huyện, Các cơ quan của các Sở, ngành, đóng trên địa bàn huyện. Các cơ quan công sở được quy hoạch xây dựng tập trung đại đa số ở khu vực trung tâm huyện. Khu vực hành chính huyện Việt Yên đã được xây dựng, nâng cấp đảm bảo tốt cho công tác quản lý hành chính Nhà nước.

Tổng diện tích công trình trụ sở cơ quan cấp đơn vị ở là 35.252 m², gồm trụ sở cơ quan của các xã, thị trấn, cũng đã được đầu tư xây dựng, cải tạo kiên cố, hiện đại.

b) Giáo dục đào tạo

Các công trình giáo dục cấp đô thị trên địa bàn huyện gồm có 05 trường trung học phổ thông; 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; 01 trường đại học Nông - Lâm Bắc Giang. Tổng diện tích là 701.285 m². Tất cả các trường THPT đều đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

Các công trình giáo dục cấp đơn vị ở gồm có 26 trường mầm non, 19 trường tiểu học, 19 trường trung học cơ sở. Tổng diện tích là 405.039 m². Có 61/64 trường học mầm non, tiểu học, THCS đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt 95,3%; có 29/64 trường chuẩn quốc gia mức độ 2, đạt 45,3%.

c) Công trình y tế

Các cơ sở y tế cấp đô thị trên địa bàn huyện gồm có 01 trung tâm y tế, diện tích 39.192 m², quy mô 350 giường bệnh; 01 trung tâm y tế các Khu công nghiệp của tỉnh, diện tích 4.943 m²; 01 bệnh viện đa khoa khu dân cư Nguyễn Thế Nho, diện tích 7.000 m², quy mô 300 giường, đang xây dựng.

Các cơ sở y tế cấp đơn vị ở gồm 17 trạm y tế xã, thị trấn, tổng diện tích 16.257 m². 100% các trạm y tế đạt yêu cầu quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020.

d) Công trình văn hóa

Các công trình văn hóa cấp đô thị có tổng diện tích 31.040 m², gồm hội trường Trung tâm huyện, quảng trường, thư viện.

Các công trình văn hóa cấp đơn vị ở có tổng diện tích 138.614 m², gồm nhà văn hóa các xã, thị trấn, các nhà văn hóa tổ dân phố và các thôn. 100% số xã, thị trấn có nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng, 131 nhà văn hóa thôn, tổ dân phố.

đ) Công trình thể dục thể thao

Trên địa bàn các xã, thị trấn, các cơ quan, trường học, khu, cụm công nghiệp đã đầu tư xây dựng hệ thống sân bãi thể dục - thể thao với chất lượng kiên cố, trang thiết bị luyện tập tiên tiến với các sân luyện tập, sân thể thao các thôn, tổ dân phố cơ bản đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt, rèn luyện sức khỏe của người dân khu vực.

Các công trình thể dục thể thao cấp đô thị có tổng diện tích 5.500 m², gồm nhà thi đấu, sân vận động.

Các công trình văn hóa cấp đơn vị ở có tổng diện tích 313.391 m², gồm các sân bóng đá, các sân thể thao cơ bản, bể bơi tại các xã, thị trấn.

e) Công trình thương mại dịch vụ:

Mạng lưới thương mại dịch vụ có nhiều mô hình kinh doanh đa dạng như chợ, cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa. Các công trình thương mại dịch vụ cấp đô thị có tổng diện tích 11.418 m², gồm chợ trung tâm thị trấn Bích Động, thị trấn Nénh, siêu thị điện máy xanh, siêu thị FPT, siêu thị MediaMart, Thế giới di động.

Các công trình thương mại dịch vụ cấp đơn vị ở có tổng diện tích 58.217 m², gồm các cửa hàng dịch vụ trung tâm, siêu thị và trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa, chợ tại các xã trên địa bàn toàn huyện.

Bên cạnh đó, trên địa bàn huyện còn có các điểm giao dịch, chi nhánh của hầu hết các ngân hàng lớn như Agribank, Vietcombank, Sacombank, hệ thống nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ chăm sóc sức khỏe... đang ngày càng mở rộng phát triển.

VIII. HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN CƠ SỞ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

1. Giao thông

a) Cao tốc Hà Nội - Bắc Giang (QL 1A): kết nối từ Thủ đô Hà Nội qua tỉnh Bắc Ninh và tiếp cận huyện tại cầu Như Nguyệt, quy mô đường cao tốc loại A với 04 làn xe chạy và 02 làn dừng đỗ khẩn cấp.

b) Quốc lộ 37: là trục kết nối Đông - Tây từ thành phố Bắc Giang với thị trấn Bích Động và huyện Hiệp Hòa. Đoạn qua khu công nghiệp Đình Trám, quy mô đường cấp II. Đoạn qua thị trấn Bích Động quy mô đường đô thị với 4 làn xe. Đoạn ngoài đô thị quy mô đường cấp III.

c) Đường vành đai IV (ĐT.398) có quy mô đường cấp III đồng bằng.

d) Quốc lộ 17 có quy mô đường cấp III đồng bằng.

đ) Đường tỉnh 298 là trục kết nối Bắc - Nam, bắt đầu từ đường tỉnh 295B đi thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên. Quy mô đường cấp III.

e) Đường tỉnh 295B có lưu lượng giao thông cao. Quy mô đường cấp III.

g) Đường tỉnh 298B từ trung tâm huyện đi khu di tích lịch sử quốc gia chùa Bỏ Đà, từ đường đê sông Cầu đi thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa. Quy mô đường cấp V.

h) Đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn (Yên Viên - Đồng Đăng). Có ga Sen Hồ tại km39+260 (thị trấn Nénh) là ga hạng IV có nhiệm vụ đón gửi, tránh vượt, dồn dịch, cắt lấy xe, tổ chức xếp dỡ hàng, vận chuyển khách, hành lý.

i) Đường thủy nội địa trên sông Cầu, dài gần 30 km, đạt tiêu chuẩn luồng tuyến cấp III, do Trung ương quản lý, thuộc tuyến đường thủy Đa Phúc - Phả Lại. Dọc theo sông hình thành rất nhiều bến khách ngang sông và bãi tập kết vật liệu xây dựng.

k) Vận tải hành khách công cộng: Tương đối đa dạng với nhiều hình thức xe bus, xe đưa đón công nhân, taxi, xe khách... Năng lực vận tải đáp ứng nhu

cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đạt 5,0%.

2. Cấp điện và chiếu sáng

Huyện Việt Yên hiện nay đang sử dụng điện từ 03 trạm 110 kV, bao gồm trạm 110 kV Đình Trám E7.7 đặt tại xã Hồng Thái, gồm 04 xuất tuyến 35 kV và 9 xuất tuyến 22 kV cấp điện cho huyện Việt Yên và lân cận; Trạm 110 kV Vân Trung E7.17 đặt tại khu công nghiệp Vân Trung, có 07 xuất tuyến 22 kV cấp điện cho khu công nghiệp Vân Trung; Trạm 110 kV Quang Châu E7.18 đặt tại khu công nghiệp Quang Châu, có 07 xuất tuyến 22 kV cấp điện cho khu công nghiệp Quang Châu.

Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt năm 2022 đạt 1.062 kwh/người/năm.

Hệ thống chiếu sáng trên các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh, đường trục chính và các tuyến đường trong các khu, cụm công nghiệp được xây dựng hoàn chỉnh. Hình thức chủ yếu là cột đèn độc lập, bóng Natri cao áp công suất từ 220 V - 150 W đến 220 V - 400 W và đèn LED tiết kiệm điện. Tỷ lệ đường phố được chiếu sáng đạt 97%. Mạng lưới đường giao thông khu nhà ở, ngõ xóm trên địa bàn các xã đã có hệ thống đèn điện chiếu sáng do người dân tự quản. Tỷ lệ đường ngõ hẻm được chiếu sáng đạt 75%.

3. Cấp nước

Nguồn nước chủ yếu lấy từ nguồn nước mặt sông Cầu làm nguồn nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất. Các trạm cấp nước tập trung trên địa bàn huyện gồm có:

Nhà máy nước sạch Việt Yên (tại xã Ninh Sơn) do Công ty cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị 206 quản lý, công suất 15.000 m³/ngày.đêm. Công trình thu đặt ngoài đê, cách trạm xử lý khoảng 200 m. Cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Bích Động, thị trấn Nénh (trừ xóm Lạc Sơn, tổ dân phố Sen Hồ và tổ dân phố Ninh Khánh) và các xã: Tăng Tiến, Ninh Sơn, Hùng Lâm 3 – xã Hồng Thái, Quảng Minh, Tự Lạn, Việt Tiến, Hương Mai, Trung Sơn, Tiên Sơn và xã Minh Đức, thôn Như Thiết, xã Hồng Thái.

Nhà máy nước sạch Quang Châu công suất thiết kế 9.000 m³/ngày.đêm, công suất hiện tại là 4.500 m³/ngày.đêm do Công ty TNHH MTV xây dựng và cấp nước Hà Bắc quản lý cung cấp nước cho các xã Quang Châu, Vân Trung và các xóm Lạc Sơn, tổ dân phố Sen Hồ, tổ dân phố Ninh Khánh, thị trấn Nénh.

Nhà máy nước do Công ty cổ phần đầu tư hạ tầng nước DNP - Bắc Giang quản lý, là nhà máy nước dự phòng cho nhà máy nước Quang Châu và Việt Yên khi xảy ra sự cố, đồng thời cung cấp nước cho các khu, cụm công nghiệp.

Nhà máy nước Vân Hà có công suất 1.500 m³/ngày.đêm. Nhà máy nước do Công ty cổ phần nước sạch Bắc Giang quản lý có công suất 25.000 m³/ngày.đêm cung cấp cho phần còn lại của xã Nghĩa Trung và xã Hồng Thái.

Nhà máy nước khu công nghiệp Quang Châu công suất hiện có 5.000 m³/ngày.đêm, cung cấp nước cho khu công nghiệp Quang Châu.

Nhà máy cấp nước Vân Trung công suất hiện có 8.800 m³/ngày.đêm, cung cấp nước cho khu công nghiệp Vân Trung.

4. Thoát nước

a) Hệ thống thoát nước mưa, nước mặt:

Toàn huyện Việt Yên có 5 lưu vực tiêu thoát nước mưa chính, gồm Lưu vực 1: thoát về ngòi Phú Khê sau đó thoát tự chảy ra sông Thương, diện tích 652 ha. Lưu vực 2: thoát về ngòi Đa Mai sau đó chảy ra sông Thương, diện tích 9.022 ha. Lưu vực 3: thoát về ngòi Cống Bún rồi chảy ra sông Thương qua trạm bơm Cống Bún, diện tích 1.598 ha. Lưu vực 4: thoát về sông Cầu qua các trạm bơm tiêu, diện tích 5.177 ha. Lưu vực 5: một phần xã Hương Mai và xã Việt Tiến thoát về kênh tiêu Yên Ninh, huyện Hiệp Hòa rồi thoát ra sông Cầu, diện tích 662 ha.

Tại các xã, thị trấn đã và đang được đầu tư hệ thống cống thoát nước chung, là hệ thống mương nắp đan kích thước B400 - B1.000 (mm), chạy dọc các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ và các tuyến đường trục chính đô thị. Các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện được các chủ đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng. Khu vực dân cư nông thôn hiện nay, nước mặt chủ yếu thoát theo địa hình tự nhiên ra sông, suối, kênh tiêu hoặc tự thấm. Trên trục đường chính của các thôn xóm được đầu tư hệ thống mương nắp đan, mương hở thoát nước chung, kích thước B400 - B600.

b) Hệ thống trạm xử lý nước thải:

Hiện nay, trên địa bàn huyện chưa có nhà máy xử lý nước thải tập trung. Tuy nhiên, có 13 trạm xử lý cục bộ tại các khu dân cư mới đã hoàn thành gồm: Trạm xử lý nước thải Khu dân cư dịch vụ Đại Phúc, xã Tăng Tiến (200 m³/ngày đêm), Nhà ở xã hội dành cho công nhân tại khu đô thị thị trấn Nénh (1.500 m³/ngày đêm), Khu đô thị Đông Bắc, thị trấn Bích Động (320 m³/ngày đêm), Khu đô thị mới Ninh Khánh, thị trấn Nénh (450 m³/ngày đêm), Khu dân cư phía Bắc, xã Hồng Thái (100 m³/ngày đêm) và một số Trạm xử lý nước thải thuộc một số khu đô thị sẽ hoàn thành trong giai đoạn 2023-2025 gồm: Khu đô thị mới thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên (2.000 m³/ngày đêm), Khu đô thị mới Bích Sơn, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên (170 m³/ngày đêm), Khu dân cư mới thôn Trung Đồng, xã Vân Trung (130 m³/ngày đêm), Khu đô thị số 1 xã Tự Lạn, huyện Việt Yên (620 m³/ngày đêm), Khu đô thị số 2 xã Tự Lạn, huyện Việt Yên (400 m³/ngày đêm), Khu đô thị dịch vụ thương mại tổng hợp thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên (500 m³/ngày đêm), Khu đô thị mới Sen Hồ, thị trấn Nénh (520 m³/ngày đêm).

Các hộ gia đình trên địa bàn các xã, thị trấn đều sử dụng bể tự hoại, xí ba ngăn hợp vệ sinh. Lượng nước thải tập trung về các kênh mương ở phía cuối nguồn trong khu vực còn nhỏ nên mức độ ô nhiễm môi trường không đáng kể.

Nước thải công nghiệp: tại các khu, cụm công nghiệp đã có trạm xử lý nước thải tập trung như khu công nghiệp Đình Trám với công suất thiết kế là 2.000 m³/ngày đêm; khu công nghiệp Vân Trung với công suất thiết kế là 10.000 m³/ngày đêm; khu công nghiệp Quang Châu với công suất thiết kế là 9.000 m³/ngày đêm. Ngoài ra, còn 03 cụm công nghiệp và làng nghề đang hoạt động và đã có trạm xử lý nước thải.

5. Thông tin liên lạc

Hiện tại trên địa bàn huyện có 02 doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ

điện thoại cố định là Viễn thông Bắc Giang và Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel.

a) Mạng truyền dẫn: hiện tại trên địa bàn huyện có các tuyến cáp quang của VNPT, Viettel toàn bộ là cáp quang sử dụng công nghệ SDH và PDH. Mạng được tổ chức thành các vòng Ring và các vòng Ring nhánh.

b) Mạng ngoại vi: để nâng cao chất lượng, rút ngắn cự ly phục vụ của mạng ngoại vi các doanh nghiệp đã mở rộng các trạm chuyển mạch, các điểm tập trung thuê bao, bán kính phục vụ bình quân của các trạm đã giảm đáng kể.

c) Mạng di động: trên địa bàn huyện hiện tại có 03 nhà mạng điện thoại di động: mạng Vinaphone (công nghệ GSM), mạng Mobiphone (công nghệ GSM), mạng Viettel Mobile (công nghệ GSM). Trên địa bàn huyện, sử dụng cả 3 công nghệ hiện nay là 2G, 3G và 4G. Cùng với việc xây dựng những hạ tầng kỹ thuật viễn thông thiết yếu khác như truyền dẫn, mạng băng rộng và wifi, là nền tảng cơ sở để xây dựng những đột phá về các dịch vụ băng thông rộng, internet tốc độ cao cùng với sự mở rộng nhiều dịch vụ sử dụng thẻ, mạng cố định...

Năm 2022, tổng số hồ sơ thủ tục hành chính của huyện trong năm cần được giải quyết là 35.929 hồ sơ, tổng số hồ sơ được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 22.580 hồ sơ, đạt tỷ lệ 62,8%.

Đài truyền thanh huyện và các xã, thị trấn thường xuyên tuyên truyền các đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật, kinh tế, văn hoá, xã hội, công tác an ninh trật tự đến người dân trên địa bàn toàn huyện.

6. Vệ sinh môi trường

Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên chỉ đạo các xã, thị trấn cùng với người dân thực hiện các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát, xử lý khắc phục ô nhiễm trong sản xuất và các hoạt động dễ gây phát sinh ô nhiễm môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền và kiểm tra thực hiện cam kết bảo vệ môi trường. Nâng cao nhận thức và hành vi bảo vệ môi trường của người dân. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên môi trường, thu gom, xử lý rác thải theo Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Thực hiện quy trình về thu hút đầu tư lò đốt rác tại xã Thượng Lan. Đôn đốc các xã, thị trấn tổ chức các hoạt động ngày Chủ nhật Xanh theo tinh thần Kết luận số 178/KL-HU, tổ chức 12 đợt tổng vệ sinh môi trường thu hút hàng nghìn người tham gia.

Năm 2022, tổ chức khơi thông 25 kênh mương, chăm sóc được 12 km tuyến đường hoa. Toàn huyện có 162 tổ vệ sinh tại 133/134 thôn, tổ dân phố duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục và hiệu quả. Bố trí 106 điểm tập kết rác thải (trong đó: 75 điểm cố định, 31 điểm tạm thời). Duy trì hoạt động hiệu quả 07 lò đốt rác thải trên địa bàn (Việt Tiến 02 lò; Thượng Lan 02 lò; Bích Động 02 lò và Ninh Sơn 01 lò). Toàn huyện thu được gần 123 tấn rác thải/ngày. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn toàn huyện đạt khoảng 96,9%; trong đó, khu vực nội thị dự kiến đạt tỷ lệ thu gom là 100%, khu vực nông thôn thu gom đạt 92,4%. Tỷ lệ chất thải rắn được xử lý hợp vệ sinh trên địa bàn toàn huyện đạt 100%.

7. Nghĩa trang - nhà tang lễ

Toàn huyện có 138 nghĩa trang tập trung. Trong đó, có 07 nghĩa trang phục vụ đô thị (thị trấn Bích Động và thị trấn Nénh) và 131 nghĩa trang tại các xã với tổng diện tích lên đến 139,71 ha.

Có 01 nhà tang lễ với diện tích 320 m² xây dựng trong trung tâm y tế huyện Việt Yên. UBND tỉnh đã có chính sách khuyến khích người dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc tổ chức lễ tang và sử dụng hình thức hỏa táng. Hầu hết người dân trên địa bàn sử dụng hình thức hỏa táng thông qua đài hóa thân tại các tỉnh thành lân cận như Hà Nội, Thái Nguyên, Phú Thọ, với tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt 46,3%.

8. Công viên cây xanh

Trên địa bàn huyện đang triển khai xây dựng 02 công viên tại thị trấn Bích Động và thị trấn Nénh, sân golf Trung Sơn, Hương Mai sẽ là điểm nhấn trong hệ thống cảnh quan công cộng của địa phương. Các trục giao thông trên địa bàn cơ bản được đầu tư đồng bộ với hệ thống cây xanh. UBND huyện đã định hướng quy hoạch cải tạo các ngòi, đầm trũng tại thị trấn Bích Động, xã Quảng Minh và Ninh Sơn kết hợp xây dựng các khu công viên cây xanh gắn kết với mặt nước tự nhiên phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng giải trí và du lịch. Các khu công viên cây xanh chính của đô thị bao gồm:

- Khu công viên cây xanh phía Đông Nam thị trấn Bích Động: Là khu công viên phục vụ cho các hoạt động vui chơi, giải trí và nghỉ ngơi.
- Công viên cây xanh khu đô thị mới Quảng Minh.
- Công viên cây xanh gắn với quảng trường văn hóa đô thị mới Ninh Sơn: Là công viên đô thị gắn với điều hòa cảnh quan mặt nước.
- Khu cây xanh sinh thái gắn với khu bảo tồn di tích cấp quốc gia đặc biệt chùa Bồ Đà: Là khu cây xanh cảnh quan.
- Khu cây xanh sinh thái núi Voi, xã Trung Sơn: Là khu cây xanh công viên vui chơi giải trí gắn với khai thác du lịch sân golf.

- Khu vực cây xanh cảnh quan sinh thái xã Minh Đức và xã Nghĩa Trung.

Bên cạnh các khu công viên cây xanh đô thị, còn có các công viên, vườn hoa nhỏ trong các khu đô thị, khu ở. Bình quân đất cây xanh toàn đô thị đạt 18,4 m²/người (bao gồm cả diện tích cây xanh quy đổi).

IX. KIẾN TRÚC CẢNH QUAN ĐÔ THỊ

1. Hiện trạng tình hình quy hoạch

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 138-NQ/TU ngày 01/9/2016 về việc đẩy mạnh phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 27/10/2016 về việc thực hiện Nghị quyết số 138-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

a) Về quy hoạch đô thị:

Quy hoạch xây dựng vùng huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, đến năm 2035 (tỷ lệ 1/25.000) được phê duyệt tại Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 22/6/2018 của UBND tỉnh.

Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2035 (tỷ lệ 1/10.000) được phê duyệt tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày

25/9/2019 của UBND tỉnh, được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 24/01/2021 của UBND tỉnh.

Quy hoạch chi tiết: Từ năm 2020 đến nay, UBND huyện đã và đang triển khai thực hiện lập 114 đồ án quy hoạch chi tiết, trong đó: Có 45 đồ án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, 70 đồ án quy hoạch chi tiết bằng nguồn vốn tài trợ của doanh nghiệp (đến nay 87 đồ án đã được phê duyệt, 27 đồ án đang triển khai thực hiện); nâng tỷ lệ phủ kín quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 toàn huyện lên 45%. Đối với 9 xã, thị trấn xây dựng trở thành phường tỷ lệ phủ kín lập quy hoạch chi tiết hiện đạt khoảng 81%.

b) Về phát triển đô thị:

Đề án phân loại và công nhận đô thị thị trấn Bích Động, đô thị thị trấn Nénh là đô thị loại V (được phê duyệt tại các Quyết định số 1593/QĐ-UBND, Quyết định số 1594/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh).

Chương trình phát triển đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020 - 2025 và định hướng đến năm 2035 được phê duyệt tại Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh.

Đề án đề nghị công nhận huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đạt tiêu chí đô thị loại IV (được Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 1286/QĐ-BXD ngày 29/11/2021 công nhận huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đạt tiêu chí đô thị loại IV thuộc tỉnh Bắc Giang).

Hoàn thành lập phương án phát triển huyện thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tích hợp quy hoạch tỉnh (Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022).

2. Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị

Ngày 14/10/2021, UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 1099/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Việt Yên. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân huyện sẽ chỉ đạo các ngành bám sát, xử lý triệt để các trường hợp vi phạm quy hoạch, trật tự xây dựng và kiến trúc đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm quản lý, phát triển đô thị đảm bảo tuân thủ thiết kế đô thị; quy hoạch phân khu chức năng, các quy hoạch chi tiết; các quy hoạch chuyên ngành và chức năng, vai trò của đô thị Việt Yên theo Đề án Quy hoạch chung và Chương trình phát triển đô thị Việt Yên đến năm 2040.

3. Tuyến phố văn minh đô thị

Trong 3 năm gần đây, UBND huyện đã thực hiện nhiều dự án cải tạo kiến trúc cảnh quan đô thị, như quảng trường trung tâm huyện; lát vỉa hè các tuyến đường quốc lộ 37, đường tỉnh 295B; đầu tư hệ thống điện chiếu sáng; đầu tư đồng bộ cây xanh tại các khu dân cư; tập trung đầu tư các dự án trung tâm thương mại, khách sạn cao tầng tạo điểm nhấn kiến trúc, bảo vệ cảnh quan hệ thống sông cổ. Có 7/14 tuyến đường phố đã được công nhận là tuyến phố văn minh đô thị. Nhiều tuyến phố khác dự kiến cũng đang thực hiện theo các quy định về tuyến phố văn minh đô thị và từng bước hoàn thiện các thủ tục trình UBND huyện thẩm định và ban hành quyết định công nhận.

4. Cải tạo, chỉnh trang đô thị

Giai đoạn năm 2020- 2022, UBND huyện Việt Yên đã phát tụy tối đa các nguồn lực, tập trung quy hoạch và đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đô thị. Ngoài những khu đô thị mới, khu dân cư tập trung được các nhà đầu tư xây dựng, huyện còn triển khai thực hiện nâng cấp, cải tạo nhiều hạng mục xây dựng trong các khu dân cư cũ. Các công trình phúc lợi công cộng như trường học, nhà văn hóa, trạm y tế, vườn hoa... Nhiều dự án đã thực hiện như: chỉnh trang cảnh quan hệ thống giao thông, không gian công cộng, cây xanh đô thị; hạng mục: quần thể văn hoá, thể thao huyện Việt Yên (GD 2); chỉnh trang cảnh quan hệ thống giao thông không gian công cộng, cây xanh đô thị; hạng mục: chỉnh trang cảnh quan nút giao QL1 trên địa bàn huyện Việt Yên; chỉnh trang hệ thống giao thông, không gian công cộng, cây xanh đô thị; chỉnh trang hè đường 295B đoạn qua xã Hồng Thái, Hoàng Ninh, Quang Châu; cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất công trình dịch vụ công cộng năm 2020, hạng mục: điện chiếu sáng; cải tạo, nâng cấp hệ thống đường giao thông năm 2020, hạng mục: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Nghĩa Trung đi Minh Đức (đoạn Cầu Lai đi CT Hà Minh); chỉnh trang vỉa hè tuyến đường QL 37 (đoạn cầu vượt Đình Trám giao đường 295B); cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất công trình dịch vụ công cộng năm 2020 - HM: hệ thống điện sinh hoạt khu dân cư; cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất công trình dịch vụ công cộng năm 2020, hạng mục: chỉnh trang hệ thống đường đô thị; chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đô thị; Hạng mục: cải tạo vỉa hè QL 37 (đoạn giao đường sắt đến nghĩa trang thị trấn Bích Động); chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật đô thị; hạng mục: cải tạo vỉa hè đường Thân Công Tài, thị trấn Nénh.

5. Không gian công cộng

Trên cơ sở các Quy hoạch, Chương trình phát triển đô thị Việt Yên đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, hàng năm huyện đã triển khai xây dựng và chỉnh trang cải tạo nhiều công trình điểm nhấn mang kiến trúc đô thị như quảng trường trung tâm huyện, sân văn hóa huyện, thư viện huyện,... các công trình này đều được hình thành không gian sinh hoạt cộng đồng nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống người dân cũng như tăng chất lượng mỹ quan đô thị.

Ngoài các không gian công cộng là các công trình văn hóa phục vụ toàn huyện, huyện Việt Yên còn có các không gian công cộng tổ chức các lễ hội văn hóa thu hút hàng vạn người từ trong và ngoài tỉnh đến Việt Yên hàng năm gắn với các tôn giáo tín ngưỡng như Khu du lịch văn hóa tâm linh chùa Bồ Đà và nhiều công trình khác trên địa bàn, đúng tính chất của đô thị Việt Yên là “trung tâm du lịch tâm linh cấp vùng” của tỉnh Bắc Giang.

6. Công trình kiến trúc tiêu biểu

Việt Yên là huyện có truyền thống văn hoá phát triển lâu đời với 101 di tích được xếp hạng, phần lớn các công trình này đều mang nét đẹp tâm linh với nét kiến trúc độc đáo, tạo ra các không gian văn hóa thường xuyên được nâng cấp, duy tu đáp ứng được nhu cầu của nhân dân, khách tham quan du lịch khi đến với Việt Yên, trong đó có 02 di tích quốc gia đặc biệt là đình Đông, chùa Bồ Đà. Một số hạng mục của chùa Bồ Đà như vườn tháp được Tổ chức kỷ lục Việt Nam công nhận là vườn tháp lớn nhất Việt Nam; bộ mộc bản kinh chùa Bồ Đà được liên minh kỷ lục thế giới (WorldKings) công nhận là “Bộ mộc bản kinh Phật

thuộc thiên phái Lâm Tế khắc trên gỗ thị cổ nhất thế giới”. Năm 2018, mộc bản chùa Bồ Đà được Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định công nhận là Bảo vật quốc gia.

7. Công trình xanh, khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh

Huyện Việt Yên có 2 khu đô thị quy hoạch theo mô hình khu đô thị xanh là Khu đô thị dịch vụ Tiên Sơn – Ninh Sơn (quy mô 80,2ha) và Khu đô thị dịch vụ Ninh Sơn (quy mô 42ha).

X. HIỆN TRẠNG QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

1. Công tác quốc phòng

Tập trung xây dựng lực lượng quân đội nhân dân vững mạnh về chính trị, duy trì nghiêm các chế độ sẵn sàng chiến đấu cao, huấn luyện giỏi; xây dựng chính quy và quản lý kỷ luật; đảm bảo công tác hậu cần, tài chính và kỹ thuật. Tổ chức tuần tra, kiểm soát quân sự, canh gác bảo đảm an toàn tuyệt đối cơ quan đơn vị. Tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, xây dựng cho đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, thi đua khen thưởng năm 2022. Duy trì nghiêm nền nếp, chất lượng sinh hoạt ngày đảng, chế độ ra nghị quyết, sinh hoạt chuyên đề. Thường xuyên củng cố, kiện toàn cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Quân sự khi có biến động về nhân sự, thực hiện nghiêm quy chế làm việc, quy chế lãnh đạo; chấp hành nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình.

Lực lượng quân đội phối hợp cùng Công an huyện, các xã, thị trấn tổ chức xét duyệt tiêu chuẩn chính trị cho 506 công dân đủ điều kiện sức khỏe sẵn sàng nhập ngũ năm 2022 chặt chẽ, đúng quy định; tổ chức đăng ký quản lý công dân tuổi 17 chặt chẽ.

Thực hiện đúng quy trình các bước tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ. Năm 2022 đã giao cho các đầu mối đơn vị nhận quân tổng số 246 thanh niên, hoàn thành 100% chỉ tiêu, kế hoạch. Thực hiện mệnh lệnh động viên quân nhân dự bị đi huấn luyện của tỉnh giao, Ban Chỉ huy quân sự huyện đã tổ chức động viên với tổng số huy động 141 đồng chí.

2. Công tác bảo đảm an ninh trật tự

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững, ổn định, không để xảy ra bị động, bất ngờ, điểm nóng về an ninh trật tự; bảo đảm an ninh, an toàn các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội quan trọng của địa phương; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao uy tín, hình ảnh của huyện; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc có nhiều chuyển biến tích cực, huy động các cấp, các ngành, đoàn thể và toàn dân tham gia công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật. Công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực tiếp tục được tăng cường; tuy nhiên, bên cạnh đó còn số điểm mâu thuẫn, tranh chấp đất đai, khiếu kiện liên quan đến giải phóng mặt bằng, triển khai

một số dự án chưa được giải quyết triệt để; số công dân khiếu kiện có xu hướng bị lôi kéo, tác động gia tăng số lượt người đi khiếu nại, tố cáo. Tội phạm và vi phạm pháp luật trên địa bàn huyện được kiểm chế, song một số loại tội phạm vẫn còn tiềm ẩn, diễn biến phức tạp. Công tác quản lý Nhà nước trên một số lĩnh vực PCCC, kinh doanh có điều kiện về ANTT, đất đai, xây dựng cơ bản, nhà trọ... ở một số địa phương chưa chặt chẽ; công tác tham mưu, kiểm tra xử lý của cơ quan chuyên môn, ngành chức năng có lúc chưa thường xuyên. Năm 2022, chỉ đạo các cơ quan chức năng đưa **18** đối tượng vào quản lý, giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo Nghị định số 120/2021/NĐ-CP; **17** đối tượng vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc; bắt, vận động **18** đối tượng truy nã; tiếp nhận 546 tố giác, tin báo tội phạm (trong đó tin từ năm 2021 chuyển sang 67 tin, tin mới 479 tin; chuyển cơ quan khác 01 tin, tăng 97 tin so với cùng kỳ năm 2021), giải quyết 510 tin, đạt tỷ lệ 94%; mở **03** đợt Cao điểm tấn công trấn áp tội phạm; đấu tranh kết thúc 15 chuyên án, bắt, khởi tố 14 vụ - 31 bị can về các tội cướp tài sản, cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản. Bắt giữ 36 vụ - 177 đối tượng đánh bạc, trong đó, khởi tố 14 vụ, 84 bị can; xử lý vi phạm hành chính 22 vụ, 93 đối tượng, phạt tiền 130 triệu đồng. Tiếp nhận, giải quyết 08 tố giác, tin báo liên quan đến tội phạm kinh tế và chức vụ; tăng cường kiểm tra, xử lý các vi phạm về lĩnh vực kinh tế, môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm. Bắt giữ, xử lý 34 vụ - 146 đối tượng mua bán, tàng trữ, tổ chức sử dụng, và sử dụng trái phép chất ma túy; khởi tố 30 vụ - 61 bị can; xử lý vi phạm hành chính 04 vụ - 85 đối tượng. Chỉ đạo tăng cường các mặt công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự và một số lĩnh vực dễ phát sinh tội phạm và vi phạm pháp luật như: tài chính, đầu tư công, xây dựng cơ bản, tài nguyên, khoáng sản; môi trường, y tế; quản lý người nước ngoài, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, TTATGT...; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Chỉ thị 19-CT/TU; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, kiểm tra, hướng dẫn, xử lý vi phạm về phòng, chống cháy, nổ; quản lý, thu hồi vũ khí, vật liệu nổ... nhằm hạn chế các vi phạm xảy ra; chỉ đạo quyết liệt triển khai thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06/CP); các giải pháp đảm bảo TTATGT trên địa bàn huyện, chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng làm tốt công tác tuyên truyền pháp luật về an toàn giao thông. Tai nạn giao thông giảm trên cả 3 tiêu chí, xảy ra 39 vụ, làm 22 người chết, 24 người bị thương. So với cùng kỳ năm 2021, giảm 12 vụ; 09 người chết; 12 người bị thương.

XI. TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CÔNG CHỨC

1. Huyện ủy Việt Yên

a) Thường trực Huyện ủy gồm 03 người: Bí thư Huyện ủy, Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy- Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Phó Bí thư Huyện ủy- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện;

b) Các cơ quan thuộc Huyện ủy:

Văn phòng Huyện ủy, Ban Tổ chức Huyện ủy; Ban Tuyên giáo Huyện ủy; Ban Dân vận Huyện ủy; Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy; Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện.

2. Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện

a) Hội đồng nhân dân huyện

- Hội đồng nhân dân huyện có 34 đại biểu, Thường trực Hội đồng nhân dân huyện có Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND; các Ban của Hội đồng nhân dân huyện có Ban Kinh tế - Xã hội và Ban Pháp chế.

- Trình độ chuyên môn: Đại học trở lên 15 người (chiếm 44,12%), trung cấp 1 người (chiếm 2,94%). Lý luận chính trị cao cấp 17 người (chiếm 50%), trung cấp 17 người (chiếm 50%).

c) Ủy ban nhân dân huyện

- Ủy ban nhân dân huyện có 12 phòng, ban chuyên môn với 74 người;

- Trình độ chuyên môn đại học trở lên 73 người (chiếm 98,65 %), trung cấp 1 người (chiếm 1,35%). Lý luận chính trị cao cấp 23 người (chiếm 31,10%), trung cấp 32 người (chiếm 43,24%); chưa qua đào tạo 19 người (chiếm 25,66%).

3. Cán bộ, công chức cấp xã

a) HĐND 19 xã, thị trấn có tổng số 446 đại biểu. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn thạc sỹ có 11 người, chiếm 2,47%; đại học 192 người, chiếm 43,05%; cao đẳng 22 người, chiếm 4,93%; trung cấp 221 người, chiếm 49,55%.

- Lý luận chính trị cao cấp 11 người, chiếm 2,47%; trung cấp 181 người, chiếm 40,58%; sơ cấp 254 người, chiếm 56,95%.

b) Cán bộ công chức cấp xã có 362 người, gồm 184 cán bộ và 172 công chức. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn thạc sỹ có 30 người, chiếm 8,29%; đại học có 319 người, chiếm 88,12%; cao đẳng có 04 người, chiếm 1,1%; trung cấp có 09 người, chiếm 2,49%.

- Lý luận chính trị cao cấp có 17 người, chiếm 4,70%; trung cấp 297 người, chiếm 82,04%; sơ cấp 48 người, chiếm 13,26%.

4. Người hoạt động không chuyên trách

a) Tổng số người hoạt động không chuyên trách cấp xã là 137 người.

b) Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố là 301 người.

XII. ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP THỊ XÃ VIỆT YÊN VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VIỆT YÊN

Thành lập thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang và thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 2, điều 128 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, cụ thể:

1. Phù hợp với các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm:

a) Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tại Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02 tháng 03 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, huyện Việt Yên được xác định nằm trong tiểu vùng phát triển quan trọng của tỉnh Bắc Giang được định hướng

là khu vực phát triển công nghiệp, sản xuất chế biến nông sản, hàng tiêu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ và du lịch; giữ vị trí trung gian quan trọng, nổi trung tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố Bắc Giang với Thủ đô Hà Nội và tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Thái Nguyên.

b) Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050” tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, tỉnh Bắc Giang đã được bổ sung vào quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội; trong đó huyện Việt Yên được định hướng phát triển không gian là cửa ngõ xuất nhập khẩu, trung tâm tiếp vận - trung chuyển hàng hóa của Vùng Thủ đô Hà Nội với cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Lạng Sơn), đầu mối kinh doanh - thương mại quan trọng của Vùng với các tỉnh Đông Bắc của Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc.

c) Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-230 tại Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định đô thị Việt Yên (huyện Việt Yên) là đô thị loại IV, trở thành thị xã thuộc tỉnh Bắc Giang trong giai đoạn 2021-2025.

d) Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 và Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030 tại Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2014 và Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2017. Theo đó, đã xác định mục tiêu đến năm 2025, tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh Bắc Giang đạt 32,4%; toàn tỉnh có 17 đô thị, trong đó huyện Việt Yên nâng cấp thành thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang.

đ) Quy hoạch chung xây dựng đô thị Việt Yên đến năm 2035 tại Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 25/9/2019 đã xác định Việt Yên là đô thị cửa ngõ phía Tây nam của tỉnh Bắc Giang với các ngành chủ đạo là công nghiệp, dịch vụ trung chuyển, dịch vụ thương mại tổng hợp, đào tạo,...; có vị trí trung gian quan trọng nổi trung tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh với thành phố Bắc Ninh, Thủ đô Hà Nội và tỉnh Thái Nguyên; là trung tâm du lịch tâm linh cấp vùng; là đầu mối giao thông đường bộ của vùng, Quốc gia; có vai trò quan trọng về an ninh quốc phòng của vùng Thủ đô Hà Nội.

2. Bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương các cấp của tỉnh; phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện nói riêng và tỉnh nói chung. Theo đó, thị xã Việt Yên là cửa ngõ xuất nhập khẩu, trung tâm tiếp vận - trung chuyển hàng hóa của Vùng Thủ đô Hà Nội với cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị (Lạng Sơn), đầu mối kinh doanh - thương mại quan trọng của Vùng với các tỉnh Đông Bắc của Vùng Trung du và Miền núi phía Bắc.

Tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với quá trình đô thị hóa đang diễn ra nhanh chóng trên địa bàn; bảo đảm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của chính quyền địa phương các đơn vị hành chính sau khi thành lập.

Việc thành lập các phường sẽ tạo điều kiện khai thác, phát huy tiềm năng, lợi thế của các đơn vị như: hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội sẽ được tiếp tục quan tâm đầu tư đồng bộ nhất là hệ thống các công trình hạ tầng đô thị, giao

thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hoá,... Từ đó, nhân dân sẽ được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ văn hoá, giáo dục, chăm sóc sức khoẻ,... với điều kiện thuận lợi hơn, chất lượng tốt hơn. Cùng với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, nhiều dự án hợp tác về kinh tế của các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp sẽ tạo ra nhiều cơ hội giải quyết việc làm cho người dân, góp phần nâng cao thu nhập và mức sống của người dân.

3. Việc thành lập bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Theo đó, thành lập thị xã và 09 phường là điều kiện để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội trong đó có công tác an ninh trật tự khi được tăng cường bố trí lực lượng công an chính quy trên địa bàn các xã hiện nay. Nằm ở vị trí trọng yếu, nên Việt Yên được xem là địa phương có vị trí quan trọng về an ninh - quốc phòng, cùng với các huyện khác trong tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh tạo thành “phên giậu” bảo vệ kinh thành Thăng Long xưa - Thủ đô Hà Nội ngày nay.

4. Thành lập thị xã Việt Yên và thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên đảm bảo đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống văn hóa của địa phương và nhận được sự đồng thuận cao của Nhân dân. Huyện Việt Yên có truyền thống văn hoá phát triển lâu đời với 101 di tích được xếp hạng, trong đó: có 02 di tích quốc gia đặc biệt (đình Đông, chùa Bồ Đà); 19 di tích quốc gia và 80 di tích cấp tỉnh có giá trị cao về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật, nổi bật phải kể đến: hệ thống di tích lịch sử làng cổ Thổ Hà, đền thờ Tiên sỹ Thân Nhân Trung, đền thờ Hán Quận công Thân Công Tài, đình - chùa Thổ Hà,... Phần lớn các công trình này đều mang nét đẹp tâm linh với kiểu dáng kiến trúc độc đáo. Không những vậy, Việt Yên còn là huyện có nhiều làng quan họ cổ, trong đó có 05 làng quan họ gốc là: Mai Vũ, Hữu Nghi, Nội Ninh, Giá Sơn (xã Ninh Sơn) và làng Sen Hồ (thị trấn Nénh). Bên cạnh đó, còn có những lễ hội văn hóa dân gian truyền thống vô cùng sinh động mang nhiều màu sắc như: lễ hội vật cầu nước, lễ rước Thành hoàng làng Thổ Hà, hát chầu văn, hát quan họ trên sông Cầu,... Với những lợi thế đó, Việt Yên có tiềm năng lớn trong phát triển du lịch, hội tụ cả du lịch tâm linh, du lịch làng nghề truyền thống và du lịch sinh thái cộng đồng.

5. Thành lập thị xã Việt Yên đã bảo đảm 5/5 tiêu chuẩn của thị xã thuộc tỉnh và thành lập 09 phường thuộc thị xã Việt Yên đã bảo đảm 4/4 tiêu chuẩn của phường thuộc thị xã.

XIII. ĐÁNH GIÁ TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THỊ XÃ

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 13 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13; đối chiếu với hiện trạng phát triển của huyện Việt Yên, UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá các tiêu chuẩn thành lập thị xã cụ thể như sau:

1. Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

a) Quy định là từ 100.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Quy mô dân số huyện Việt Yên tính đến 31/12/2022 là 228.953 người. Trong đó, dân số thường trú trên địa bàn toàn huyện là 223.702 người; dân số tạm trú quy đổi là 5.251 người; mật độ dân số đạt 1.339 người/km².

- Dân số khu vực nội thị là 135.841 người;
- Dân số khu vực ngoại thị là 93.112 người.

Đánh giá: Đạt.

2. Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

a) Quy định là từ 200 km² trở lên.

b) Hiện trạng: Tổng diện tích tự nhiên huyện Việt Yên tính đến ngày 31/12/2022 là 171,01 km². Trong đó:

- Đất nông nghiệp là 111,06 km²;
- Đất phi nông nghiệp là 59,46 km²;
- Đất chưa sử dụng là 0,49 km²;
- Diện tích đất tự nhiên khu vực nội thị dự kiến là 77,31 km²;
- Diện tích đất tự nhiên khu vực ngoại thị là 93,71 km².

Theo điểm c, khoản 2 Điều 31 của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính: “Việc thành lập đơn vị hành chính đô thị trên cơ sở 01 đơn vị hành chính cùng cấp mà không làm tăng đơn vị hành chính thì không áp dụng tiêu chuẩn diện tích tự nhiên”.

Đánh giá: Đạt

3. Tiêu chuẩn 3: Số đơn vị hành chính trực thuộc

a) Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc:

- Quy định từ 10 đơn vị trở lên.

- Hiện trạng: Huyện Việt Yên có 17 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: thị trấn Bích Động, thị trấn Nénh và các xã Hồng Thái, Tăng Tiến, Quảng Minh, Ninh Sơn, Vân Trung, Quang Châu, Tự Lạn, Hương Mai, Minh Đức, Nghĩa Trung, Thượng Lan, Tiên Sơn, Trung Sơn, Vân Hà và Việt Tiến.

Đánh giá: Đạt.

b) Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã:

- Quy định là từ 50% trở lên.

- Hiện trạng: Huyện Việt Yên dự kiến thành lập 09 phường/17 đơn vị hành chính cấp xã đã được công nhận đạt tiêu chí đô thị loại IV gồm: Bích Động, Nénh, Hồng Thái, Tăng Tiến, Quảng Minh, Ninh Sơn, Vân Trung, Quang Châu, Tự Lạn. Như vậy, tỷ lệ số phường của thị xã Việt Yên là 52,94%.

Đánh giá: Đạt

4. Tiêu chuẩn 4: Đã được công nhận là đô thị loại IV

Huyện Việt Yên đã được công nhận là đô thị loại IV tại Quyết định số 1286/QĐ-BXD ngày 29/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công nhận huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đạt tiêu chí đô thị loại IV trực thuộc tỉnh Bắc Giang. Trong đó:

- Phạm vi phân loại đô thị được xác định (đô thị Việt Yên) gồm 17 đơn vị hành chính cấp xã của huyện Việt Yên;

- Khu vực dự kiến phát triển nội thị có diện tích tự nhiên là 77,30 km², gồm thị trấn Bích Động, thị trấn Nếnh và các xã Hồng Thái, Tăng Tiến, Quảng Minh, Ninh Sơn, Vân Trung, Quang Châu, Tự Lạn.

5. Tiêu chuẩn 5: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

a) Cân đối thu chi ngân sách:

- Quy định: Cân đối thu, chi là cân đối đủ

- Hiện trạng: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022 đạt 4.884 tỷ đồng. Chi ngân sách đạt 2.997 tỷ đồng. Cân đối thu, chi: Dư.

Đánh giá: Đạt

b) Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước:

- Quy định: bằng 0,7 lần so với bình quân chung của cả nước.

- Hiện trạng: Năm 2022, thu nhập bình quân đầu người của huyện Việt Yên đạt 68,4 triệu đồng/người/năm; thu nhập bình quân đầu người của Việt Nam năm 2022 khoảng 55,2 triệu đồng/người/năm. Như vậy, thu nhập bình quân đầu người của huyện Việt Yên bằng 1,24 lần so với bình quân chung của cả nước.

Đánh giá: Đạt

c) Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất:

- Quy định: Đạt bình quân của tỉnh Bắc Giang là 12,45% (năm 2020 đạt 13,24%; năm 2021 đạt 7,82%; năm 2022 đạt 19,3%).

- Hiện trạng: Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm (2020 - 2022) của huyện Việt Yên là 20,6% (năm 2020 đạt 16,7%; năm 2021 đạt 11,9%; năm 2022 đạt 33,3%).

Đánh giá: Đạt.

d) Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (2020 - 2022):

- Quy định: Đạt bình quân của tỉnh Bắc Giang là 4,07% (Năm 2020 là 3,14%; năm 2021 là 5,27%; năm 2022 là 3,81%).

- Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm (2020 - 2022) của huyện Việt Yên là 1,80% (năm 2020 là 1,65%; năm 2021 là 2,36%; năm 2022 là 1,40%). Như vậy, tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (2020 - 2022) của huyện Việt Yên thấp hơn của tỉnh Bắc Giang.

Đánh giá: Đạt.

đ) Tỷ trọng công nghiệp xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế:

- Quy định: Từ 75% trở lên

- Hiện trạng: Cơ cấu kinh tế năm 2022 của huyện Việt Yên, gồm: Công nghiệp - xây dựng chiếm 92,81%; nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 2,08%; thương mại - dịch vụ - du lịch chiếm 3,83%. Như vậy, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ trong cơ cấu kinh tế năm 2022 của huyện Việt Yên chiếm 96,6%

Đánh giá: Đạt

e) Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị:

- Quy định: Từ 75% trở lên

- Hiện trạng:

Tổng số lao động đang làm việc ở các ngành kinh tế trên địa bàn huyện Việt Yên là 140.349 người; trong đó, lao động phi nông nghiệp là 112.315 người, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của huyện là 80,03%.

Tổng số lao động đang làm việc ở các ngành kinh tế khu vực nội thị là 83.807 người; trong đó, số lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị là 70.852 người, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị là 84,54%.

Đánh giá: Đạt.

Đánh giá chung: Huyện Việt Yên đạt 5/5 tiêu chuẩn của thị xã trực thuộc tỉnh quy định Điều 6 và điểm c, khoản 2 Điều 31 Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 13 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

B. HIỆN TRẠNG CÁC XÃ, THỊ TRẤN DỰ KIẾN THÀNH LẬP PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VIỆT YÊN

I. HIỆN TRẠNG THỊ TRẤN BÍCH ĐỘNG

1. Lịch sử hình thành

a) Thị trấn Bích Động

Địa bàn thị trấn Bích Động hiện nay trước đây vốn là xã Bích Sơn thuộc huyện Việt Yên. Ngày 22/12/1997, Chính phủ ban hành Nghị định 116/1997/NĐ-CP, thành lập thị trấn Bích Động, thị trấn huyện lỵ huyện Việt Yên trên cơ sở 526,95 ha diện tích tự nhiên và 6.243 người của xã Bích Sơn. Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, xã Bích Sơn còn lại 697,05 ha diện tích tự nhiên và 5.823 người.

Đến năm 2018, thị trấn Bích Động có diện tích 6,07 km², dân số là 7.538 người, mật độ dân số đạt 1.242 người/km²; xã Bích Sơn có diện tích 6,73 km², dân số là 6.613 người, mật độ dân số đạt 983 người/km².

b) Xã Bích Sơn

Bích Sơn là một xã trung du, nằm ở trung tâm huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang, cách quốc lộ 1A 3km. Từ quốc lộ 1A xuôi theo đường Hiệp Hòa là đến địa phận xã Bích Sơn. Địa phận xã Bích Sơn phía bắc giáp xã Tự lạn và Minh Đức, phía nam giáp xã Quảng Minh, phía đông giáp thị trấn Bích Động, phía đông nam giáp xã Hoàng Ninh và Hồng Thái, phía tây giáp xã Trung Sơn.

Xã Bích Sơn được thành lập vào khoảng tháng 12 năm 1945. Trước Cách mạng tháng Tám, Bích Sơn thuộc tổng Dĩnh Sơn, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Xã có 11 thôn, đến tháng 1 năm 1946 sáp nhập thôn Dương vào thôn Trung, từ đó xã có 10 thôn.

Ngày 22 tháng 12 năm 1997, theo quyết định số 111CP của chính phủ đã tách toàn bộ 3 thôn: Đông, Dục Quang, Trung và phố 1, phố 2, xóm Mới để thành lập thị trấn Bích Động. Xã Bích Sơn còn lại 7 thôn gồm: thôn Vàng, thôn Văn xá, thôn Kiều, thôn Tăng Quang, thôn Thượng, thôn Tự, thôn Đồn Lương. Tính đến năm 2017, ngoài 7 thôn vẫn giữ nguyên từ năm 1997, sau đó xã Bích Sơn đã thành lập thêm 1 thôn là thôn Nông Lâm, đưa tổng số thôn trong xã lên 8 thôn và 12 chi bộ, trong đó có 8 chi bộ nông thôn, 4 chi bộ sự nghiệp.

Ngày 21/11/2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 813/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Giang (nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01/01/2020), sáp nhập toàn bộ diện tích và dân số của xã Bích Sơn vào thị trấn Bích Động.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Thị trấn Bích Động nằm ở trung tâm của huyện Việt Yên, là trung tâm huyện lỵ, kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ của huyện; địa bàn thị trấn Bích Động có Quốc lộ 37 đi qua, nằm trên trục kết nối (đường tỉnh 295B) thành phố Bắc Giang và thành phố Bắc Ninh.

b) Địa giới hành chính

- Phía đông giáp xã Hồng Thái và xã Nghĩa Trung;
- Phía tây giáp xã Trung Sơn;
- Phía nam giáp thị trấn Nénh và xã Quảng Minh;
- Phía bắc giáp xã Minh Đức và xã Tự Lạn.

c) Điều kiện tự nhiên

- Về địa hình: Là xã trung du thuộc huyện Việt Yên, địa hình khá bằng phẳng, đất đai màu mỡ thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp. Thị trấn Bích Động có đầy đủ các yếu tố, tiềm năng điều kiện tự nhiên, hạ tầng cơ sở thuận lợi để phát triển mô hình kinh tế mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ thương mại phát triển mạnh mẽ.

- Về khí hậu: Khí hậu ở đây có 2 mùa rõ rệt, mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10 ÂL, mùa này nhiệt độ bình quân 34-35⁰C, mưa nhiều thích hợp cây vụ mùa; mùa khô, từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, đây là mùa Đông lạnh giá, ít mưa, thích hợp cho việc gieo trồng các cây màu và lúa chiêm.

d) Truyền thống văn hóa

Thị trấn Bích Động là địa danh giàu truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, cách mạng. Trong suốt chiều dài lịch sử hình thành và phát triển mảnh đất và con người nơi đây luôn tạo ra những bước phát triển đột phá của các phong trào cánh mạng. Trong thời kỳ đổi mới, thị trấn Bích Động đã có những chuyển mình, đổi thay theo xu thế phát triển chung của đất nước. Trên địa bàn toàn thị trấn có 11 ngôi chùa (Chùa Tăng Quang, Kiều, Văn Xá, Vàng, Tự, Thượng, Đồn Lương, Phố III, Đông, Trung, và Dục Quang) và 05 ngôi Đình (Đình Đông, Đình Trung và Đình Dục Quang, đình Tăng Quang, đình Văn Xá, đình Vàng, đình Tự và đình Thượng); Lễ hội Chùa ở các TDP thường diễn ra vào đầu năm trong thời gian là 1,5 ngày; từ ngày 05 tháng Giêng đến hết ngày 20 tháng Giêng âm lịch cụ thể như:

TDP Đồn Lương mở từ chiều ngày mùng 5 đến hết ngày mùng 6 tháng giêng âm lịch; TDP Trung mở từ chiều mùng 7 đến hết ngày mùng 8 tháng giêng âm lịch; TDP Thượng mở từ chiều ngày mùng 8 đến hết ngày mùng 9 tháng giêng âm lịch; TDP Đông mở từ chiều mùng ngày 9 đến hết ngày mùng 10 tháng giêng âm lịch; TDP Văn Xá mở từ chiều ngày 10 đến hết ngày 11 tháng giêng âm lịch; TDP Vàng mở từ chiều ngày 11 đến hết ngày 12 tháng

giêng âm lịch; TDP Dục Quang và Tăng Quang mở từ chiều ngày 14 đến hết ngày 15 tháng giêng âm lịch; TDP Tự mở từ chiều ngày 15 đến hết ngày 16 tháng giêng (Chùa có Sư trụ trì); Lễ hội Chùa Phố III mở từ chiều ngày 18 đến hết ngày 19 tháng giêng hàng năm; Lễ hội chùa TDP Kiểu mở từ chiều ngày 19 đến hết ngày 20 tháng giêng

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Thị trấn Bích Động có diện tích tự nhiên là 12,8 km² (bằng 1.280 ha).

Trong đó:

a) Đất xây dựng đô thị là 5,80 km² (bằng 579,7 ha), gồm:

- Đất dân dụng là 418,90 ha:

+ Đất khu ở là 293,20 ha.

+ Đất công trình công cộng là 125,70 ha.

- Đất ngoài dân dụng là 160,80 ha:

+ Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 41,40 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 8,90 ha.

+ Đất an ninh quốc phòng là 3 ha.

+ Đất nghĩa trang nghĩa địa là 9,7 ha.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 97,8 ha.

b) Đất khác là 700 ha

- Đất nông nghiệp là 661,70 ha.

- Đất mặt nước chuyên dùng là 20,50 ha.

- Đất chuyên dùng khác là 16,80 ha.

- Đất chưa sử dụng là 1,30 ha.

4. Dân số, lao động

a) Thị trấn Bích Động có 18.678 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 18.541 người.

- Dân số tạm trú quy đổi là 137 người.

- Mật độ dân số 3.320 người/km².

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh.

b) Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của thị trấn Bích Động là 11.294 người. Trong đó:

- Lao động nông nghiệp là 1.824 người, chiếm 16,2%.

- Lao động phi nông nghiệp là 9.470 người, chiếm 83,8%.

c) Thị trấn Bích Động có 14 TDP, gồm: Tăng Quang, Kiểu, Văn Xá, Vàng, Nông Lâm, Đồn Lương, Tự, Thượng, Phố I, Phố II, Phố III, Đông, Trung, Dục Quang

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Về phát triển kinh tế

Là trung tâm kinh tế, chính trị của huyện Việt Yên; có vị trí địa lý thuận lợi, các tuyến giao thông quan trọng chạy qua như Quốc lộ 37, đường tỉnh 298,... đã mở ra nhiều cơ hội cho thị trấn phát triển kinh tế - xã hội, nhất là lĩnh vực thương mại – dịch vụ. Trong những năm qua kinh tế của thị trấn Bích Động có bước tăng trưởng khá toàn diện, tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng bình quân hàng năm 25%; thu nhập bình quân đầu người tăng gần 1,8 lần so với năm 2015, hộ

nghèo năm 2020 giảm còn 1,42%, giảm còn 0,68% năm 2022. Công tác đảm bảo vệ sinh môi trường, cảnh quan thường xuyên được quan tâm. Văn hoá xã hội có nhiều chuyển biến tiến bộ, an sinh xã hội được chăm lo, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao.

Năm 2022, là năm thứ 3 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị trấn nhiệm kỳ 2020-2025. Mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 làm gián đoạn chuỗi sản xuất, cung ứng hàng hóa nhưng thị trấn Bích Động đã triển khai quyết liệt đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm các giải pháp thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân đầu tư sản xuất kinh doanh, do đó tình hình phát triển kinh tế - xã hội thị trấn tiếp tục có chuyển biến tích cực.

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn năm 2022 (theo giá so sánh 2010) đạt 1.141 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 16,21%, tăng 216 tỷ đồng so với năm 2021; cơ cấu kinh tế chuyên dịch đúng hướng, giá trị sản xuất công nghiệp – xây dựng đạt 806 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 22,07%; giá trị thương mại - dịch vụ đạt 244 tỷ đồng, tốc độ tăng trung bình đạt 6,05%; giá trị nông nghiệp – thủy sản đạt 91 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 2,29%.

Cơ cấu giá trị sản xuất: giá trị sản xuất công nghiệp – xây dựng chiếm 60,43%; giá trị thương mại - dịch vụ chiếm 31,78%; giá trị nông nghiệp – thủy sản chiếm 7,79% trong cơ cấu kinh tế của xã (theo giá hiện hành).

b) Phát triển ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp và Xây dựng:

Giá trị sản xuất công nghiệp và xây dựng năm 2022 đạt 806 tỷ đồng.

UBND thị trấn đã tập trung chỉ đạo sát sao, quyết liệt, tranh thủ mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội; đôn đốc nhà thầu đẩy nhanh tiến độ 08 công trình là xây dựng nhà văn hóa tổ dân phố Đồn Lương; xây dựng Chùa tổ dân phố Văn Xá; dự án đường TDP Vàng; dự án giải áp pan đường TDP Tự; dự án đường TDP Thượng; xây dựng hệ thống tiêu thoát nước TDP Tăng Quang; mở rộng, cải tạo, nâng cấp đường TDP theo NQ số 02/ HĐND huyện; Xây dựng nhà đa năng UBND thị trấn với tổng mức đầu tư trên 40 tỷ đồng. Đồng thời, tập trung chi trả các công trình còn nợ đọng, quyết toán và đã ban hành Quyết định quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với 28 công trình.

- Thương mại - dịch vụ:

Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ năm 2022 đạt 224 tỷ đồng.

Sau thời gian thực hiện giãn cách xã hội, do là địa bàn trung tâm kinh tế, chính trị, xã hội, đầu mối các hoạt động dịch vụ, thương mại của huyện Việt Yên nên các hoạt động thương mại, dịch vụ đã nhanh chóng phục hồi trở lại. Thị trường hàng hóa và dịch vụ sôi động, sức mua hàng hóa tăng mạnh. Địa bàn thị trấn có 918 hộ sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ, ngành nghề; một số cơ sở kinh doanh lớn, góp phần phát triển thương mại - dịch vụ của thị trấn như: Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Giang, Công ty cổ phần Thương mại Việt Yên, Công ty cổ phần Bagico hoạt động trong lĩnh vực bia rượu, nước uống, đồ dùng gia dụng, Xăng dầu Việt Yên,... tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định

cho lao động tại các doanh nghiệp với mức thu nhập bình quân từ 7-8 triệu đồng/người/tháng.

- Nông - lâm nghiệp, thủy sản

Năm 2022 giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 91 tỷ đồng chiếm 7,79% tỷ trọng cơ cấu kinh tế toàn thị trấn, thị trấn đã tổ chức 04 lớp về chuyển giao khoa học kỹ thuật sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGap và cách xử lý chất thải trong chăn nuôi mang lại năng suất cao và đảm bảo vệ sinh môi trường.

Về trồng trọt đã gieo cấy được 570 ha lúa, sản lượng đạt 3.648 tấn; năng suất lúa bình quân đạt 64 tạ/ha. Chính quyền địa phương đã cung ứng và hỗ trợ 2.990kg thóc giống vụ xuân, vụ mùa; 7.000 gói thuốc diệt ốc bươu vàng và 1.466kg bả chuột sinh học. Ngoài cây lúa, thị trấn còn có 12 ha ngô, năng suất 37,5 tạ/ha; 13,5ha lạc xuân, năng suất 30,56 tạ/ha và 130 ha rau các loại.

Về giao thông thủy lợi, thị trấn đã chủ động thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn; đảm bảo lưu thông dòng chảy trong mùa mưa bão để bảo vệ sản xuất nên không xảy ra tình trạng úng cục bộ; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra đê, cống và dòng chảy để xử lý kịp thời khi có tình huống xảy ra. Xây dựng và triển khai kế hoạch nạo vét 12 km kênh mương nội đồng và 2,7km kênh Đồn Lương; chôn trữ nước đảm bảo nguồn nước tưới, tiêu phục vụ cây trồng.

Về chăn nuôi, tổng đàn gia súc trên địa bàn có 413 con trâu, bò; 1.547 con lợn; duy trì diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn là 150 ha, sản lượng đạt 1.665 tấn.

c) Thu chi ngân sách, công tác tài chính.

- Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Tổng thu ngân sách trên địa bàn thị trấn năm 2022 đạt 106,770 tỷ đồng.

- Chi ngân sách bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tổng chi ngân sách đạt 75,89 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là 9,279 tỷ đồng.

d) Thu nhập bình quân đầu người đạt từ 27 triệu đồng năm 2015, tăng lên 48 triệu đồng năm 2019 và đạt 74 triệu đồng vào năm 2022; tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn thị trấn năm 2022 giảm còn 0,68%; bình quân giai đoạn 2020 - 2022 là 1,71%, thấp hơn bình quân 3 năm (2020-2022) của huyện Việt Yên là 1,80%.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

a) Về giáo dục:

Công tác giáo dục- đào tạo thời gian qua đã có nhiều chuyển biến rõ nét, cơ sở trường, lớp tiếp tục được đầu tư, cải tạo nâng cấp, xây dựng (Trường tiểu học Bích Sơn, THCS Bích Sơn/THCS Thân Nhân Trung, mầm non Hòa Mi, tiểu học Bích Động, mầm non Bích Sơn,...); chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh ngày một tốt hơn. Hoàn thành kế hoạch tổng kết năm học 2021-2022 và hướng dẫn học sinh ôn thi học sinh giỏi các môn văn hóa các cấp; hoàn thành kế hoạch điều tra phổ cập giáo dục. Phong trào khuyến học, khuyến tài, công tác huy động các nguồn lực đạt những kết quả nhất định, động viên kịp thời cho học sinh chăm ngoan, học giỏi góp phần tích cực vào sự nghiệp giáo dục của thị trấn. Bên cạnh đó, các nhà trường đã thực hiện hiệu quả công tác xã hội hóa giáo dục, huy

động được nhiều nguồn kinh phí để xây dựng, sửa chữa các công trình góp phần hoàn thành tốt các tiêu chí của trường chuẩn quốc gia. Gắn công tác giảng dạy, học tập với thực hiện phong trào thi đua “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Ngoài ra, địa bàn thị trấn còn có Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang, là trung tâm đào tạo và bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật có trình độ Đại học - Cao đẳng trong lĩnh vực nông lâm nghiệp vùng Trung du miền núi phía Bắc và đáp ứng yêu cầu về phát triển nông nghiệp nông thôn góp phần tích cực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

b) Công tác y tế

Năm 2022, là năm tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19. UBND thị trấn đã chủ động ứng phó với diễn biến phức tạp của dịch Covid-19. Thành lập Ban chỉ huy phòng, chống dịch Covid-19, kiện toàn lại Ban chỉ đạo, các tổ giám sát cộng đồng, phân công nhiệm vụ cụ thể và yêu cầu các ngành, các thành viên, các tổ dân phố thực hiện nghiêm việc kiểm soát tình dịch bệnh; tuyên truyền tới các tầng lớp nhân dân, cán bộ, công chức trên địa bàn tập trung cao và trong trạng thái sẵn sàng phòng, chống dịch, nâng cao tinh thần cảnh giác, sẵn sàng ứng phó với diễn biến mới của dịch bệnh, tuyệt đối không được chủ quan. Triển khai tổ chức tiêm vắc xin Covid-19 cho người dân 18 tuổi trở lên mũi 4 là 5.182 người; tiêm mũi 3 cho trẻ em từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi: 1.116 trẻ đạt 100%; tiêm mũi 2 cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi là 3.291 trẻ đạt 99,4%

Thực hiện đầy đủ các chương trình tiêm chủng mở rộng, tiêm phòng chống lao, phòng chống sốt rét,... tiếp tục xây dựng, duy trì trạm y tế chuẩn quốc gia giai đoạn 2. Trong năm đã khám chữa bệnh cho 3.020/3.500 lượt đạt 86,2% kế hoạch năm giảm 13,8% so với năm 2021; tiêm chủng đầy đủ cho 146/155 = 94%, tổ chức uống vitamin A được 2.710 lượt trẻ, đạt 100%, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi = 8,15%. Duy trì 100% tỷ lệ người tham gia BHYT.

Năm 2022, số trẻ sinh ra là 179 trẻ (gồm 98 nam, 81 nữ), tỷ suất tăng dân số tự nhiên là 3,68‰, mức giảm tỷ lệ sinh là -1,94‰; 18 trẻ là con thứ 3 (giảm 17 trẻ so với năm 2021), chiếm 16,4% tổng số sinh. Với mục tiêu ổn định, từng bước nâng cao chất lượng và quy mô dân số, thị trấn đã chỉ đạo cán bộ phụ trách, công tác dân số kế hoạch hóa gia đình thường xuyên thực hiện nghiêm túc các chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản, chương trình kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn (đã tổ chức 02 buổi sinh hoạt câu lạc bộ phụ nữ không sinh con thứ 3 và 04 buổi chiến dịch chăm sóc sức khỏe sinh sản/ kế hoạch hóa gia đình).

c) Công tác văn hoá, thông tin, thể dục thể thao

Duy trì hoạt động của các câu lạc bộ thể dục, thể thao, văn nghệ đảm bảo trong công tác phòng, chống dịch Covid-19; thành lập 02 câu lạc bộ bóng bàn, tham gia giải câu lông mừng Đảng, mừng Xuân; tham gia hội thi nhà văn hóa tiêu biểu tỉnh Bắc Giang đạt giải Ba; tổ dân phố Kiều đạt Giải ba cuộc thi tiếng hát quan họ do huyện tổ chức và tổ chức thành công hội thi Tổ Covid cộng đồng dân vận khéo. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” luôn được quan tâm thực hiện và được sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân các tổ dân phố; đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện tốt Quy định thực hiện nếp

sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và một số lễ nghi sinh hoạt cộng đồng khác trên địa bàn.

Hoàn thành kế hoạch bình xét gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa năm 2022, qua bình xét các danh hiệu văn hóa năm 2022 có 3.599/3.855 hộ gia đình đạt gia đình văn hóa, đạt 93,35%; công nhận 14/14 tổ dân phố đạt khu dân cư văn hóa đạt đô thị văn minh; 11 tổ dân phố đạt khu dân cư văn hóa sáng-xanh-sạch-đẹp-an toàn; Thị trấn đạt chuẩn Văn hoá đô thị văn minh;

Năm 2022, thị trấn đã tiếp sóng 62 lượt đài truyền thanh huyện, thực hiện 242 tin bài, treo 110 pa nô, 95 băng vượt đường, 5.110 lượt cờ Tổ Quốc, 1.072 cờ hồng kỳ tuyên truyền các ngày lễ lớn, các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước.

đ) Thực hiện các chính sách xã hội, lao động việc làm

Công tác thăm hỏi, tặng quà đối tượng chính sách nhân dịp lễ, tết và các ngày kỷ niệm luôn được quan tâm; thực hiện tốt việc chi trả chính sách người có công, kịp thời, đúng đối tượng. Năm 2022, chi trả thường xuyên và một lần cho các đối tượng người có công là 4,135 tỷ đồng; các chính sách an sinh xã hội, chính sách ưu đãi từ thị trấn đến các tổ dân phố, các tổ chức đoàn thể luôn quan tâm tạo điều kiện để các hộ nghèo vay vốn tại Ngân hàng chính sách với tổng số tiền 28,733 tỷ đồng.

Hoàn thiện hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ chính sách người có công cho 18 trường hợp (trong đó 07 hồ sơ HĐKC; 06 hồ sơ QĐ62; 02 hồ sơ NĐ150, 03 hồ sơ QĐ 49); Đối tượng Bảo trợ xã hội giảm 21 đối tượng. Hướng dẫn hồ sơ MTP cho 15 đối tượng; hướng dẫn hồ sơ hỏa táng cho 44 gia đình. Tham mưu tổ chức xét xác định và cấp giấy chứng nhận khuyết tật cho 24 đối tượng. Tiếp nhận và hướng dẫn 36 hồ sơ đề nghị trợ cấp; Nhân dịp tết nguyên đán Nhâm Dần và ngày Thương binh liệt sĩ (27/7), UBND thị trấn đã tiếp nhận quà của các cấp trao tận tay 299 đối tượng với tổng số tiền 482.000.000 đồng.

Nhân dịp Kỷ niệm 75 năm ngày thương binh liệt sĩ 27/7/1947-27/7/2022. Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ thị trấn tổ chức các hoạt động như Lễ Cầu siêu, thấp nền tri ân các anh hùng Liệt sỹ, trao tặng quà cho 300 đối tượng và thăm hỏi, động viên 62 đối tượng chính sách bị ốm đau với tổng số tiền 74.500.000 đồng.

Tổ chức hoạt động trao quà tết vì người nghèo cho 100% các hộ gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo và một số hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với 118 hộ nghèo = 94.400.000đ; 116 hộ cận nghèo = 58.000.000đ; Hỗ trợ các hộ gặp khó khăn rủi do đột xuất: 20 hộ = 16.000.000đ.

Tổ chức phát động chương trình tết vì bạn nghèo, đã trao 22 suất quà trị giá 4.400.000đ cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn; tặng quà cho 28 trẻ em khuyết tật; trao tặng 10 chiếc xe đạp với trị giá 20.000.000đ; 06 tập thể nhân ngày quốc tế thiếu nhi 01/6/2022, tết Trung thu với tổng số tiền 12.400.000đ; Phối hợp tổ chức 01 lớp tuyên truyền kiến thức bảo vệ xâm hại trẻ em.

Triển khai Nghị quyết số 01/NQ - HĐND ngày 15/01/2022 của Hội đồng nhân dân huyện về hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở; Nghị quyết 15/NQ-HĐND của HĐND huyện Việt Yên. Kết quả rà soát và đề nghị có 16 hộ nghèo đủ điều kiện

hỗ trợ (trong đó: 11 hộ xây mới; 05 hộ sửa chữa); đã có 16/16 hộ khởi công làm nhà; nghiệm thu hoàn thành và giải ngân hỗ trợ cho 16/16 hộ với tổng số tiền là 1.350.000.000đ

Hoàn thiện đề nghị hỗ trợ theo Nghị quyết 68 đối với đối tượng F0, F1 là 481 hồ sơ với số tiền 422.746.000đ; 69 hộ kinh doanh cá thể với số tiền 207.000.000đ; 42 người lao động tự do với tổng số tiền 63.000.000đ

Tổ chức đào tạo nghề cho lao động nghèo và lao động nông thôn theo chương trình mục tiêu quốc gia. Tổng số lao động trong độ tuổi trên địa bàn thị trấn hiện nay là 9.180 lao động, trong đó có 8.446 lao động có việc làm thường xuyên ở trong và ngoài tỉnh; 34% lao động qua đào tạo; số lao động có việc làm mới là 275 lao động, đạt 100% kế hoạch.

7. An ninh trật tự

a) Công tác quân sự

Duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, xây dựng kế hoạch công tác quốc phòng - quân sự địa phương; tổ chức 06 buổi tuần tra lực lượng vũ trang giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn 14/14 tổ dân phố; công tác dự bị động viên đã được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo quy định và được kiện toàn bổ sung theo kế hoạch định kỳ. Tổ chức huấn luyện cho 204 chiến sĩ dân quân, huy động 23 dân quân tham gia thực hiện nhiệm vụ tại các điểm có F0 và các khung cách ly y tế tập trung trên địa bàn với tổng số trên 556 ngày công. Thực hiện tốt công tác tuyển quân, thị trấn đã đăng ký 120/120 thanh niên tuổi 17; tổ chức khám sơ tuyển 137 thanh niên, trong đó có 74 thanh niên đạt sức khỏe khám tuyển tại huyện; qua khám tuyển tại huyện, thị trấn có 40 thanh niên đạt sức khỏe, đủ điều kiện sẵn sàng nhập ngũ, trong đó có 19 thanh niên nhập ngũ và 01 thanh niên tham gia nghĩa vụ Công an nhân dân = 100% chỉ tiêu huyện giao.

Thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, luôn bám sát chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về thực hiện chính sách hậu phương quân đội, tiếp nhận thông báo cho 12 đối tượng về Ban CHQS huyện để lĩnh tiền trợ cấp 1 lần theo Quyết định số 49 của Thủ tướng Chính phủ với số tiền là 24.000.000đ; đồng thời phối hợp với cán bộ lao động thương binh và xã hội để làm BHYT cho các đối tượng theo quy định.

b) An ninh trật tự

Thường xuyên tăng cường, thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa xã hội kết hợp với phòng ngừa nghiệp vụ; duy trì tuần tra nhân dân đảm bảo an ninh trật tự tại các tổ dân phố. Năm 2022, thị trấn tiếp nhận 18 vụ việc (giảm 02 vụ so với cùng kỳ năm 2021), trong đó trộm cắp tài sản 04 vụ; hủy hoại tài sản: 01 vụ; cố ý gây thương tích: 05 vụ; đánh bạc: 03 vụ; gây rối trật tự công cộng: 03 vụ; lừa đảo chiếm đoạt tài sản: 01 vụ; đánh nhau: 01 vụ; bắt quả tang 03 vụ bằng 12 đối tượng đánh bạc. Hoạt động mua bán, sử dụng trái phép các chất ma túy với thủ đoạn ngày càng tinh vi, phức tạp, gây khó khăn cho các lực lượng trong công tác bắt giữ và xử lý theo quy định của pháp luật; trong năm 2022 đã phối hợp với phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh Bắc Giang bắt quả tang 01 vụ với 03 đối tượng sử dụng; 01 vụ với 04 đối tượng tàng trữ trái phép chất ma túy.

Trong năm 2022, đã tiến hành làm sạch dữ liệu, rà soát cập nhật 390 trường hợp chưa có CMND 9 số; 09/09 trường hợp trùng thông tin trong tỉnh; 07/07 trường hợp trùng thông tin ngoài tỉnh; 07/07 trường hợp hộ không có chủ hộ; rà soát bổ sung 46 trường hợp thiếu thông tin, 101 trường hợp không thể bổ sung thông tin. Cập nhật 24 trường hợp được hỗ trợ tiền thuê nhà trên CSDLQG về dân cư. Phối hợp với Công an huyện cấp CCCD cho 1547 công dân. Thực hiện rà soát làm sạch dữ liệu tiềm chủng 733 trường hợp.

Triển khai kế hoạch đảm bảo trật tự an toàn giao thông năm 2022; triển khai kiểm tra xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông các đợt cao điểm. Trong năm đã thực hiện xử lý vi phạm hành lang, vỉa hè khu vực quảng trường, bờ hồ huyện, chợ Nông Lâm và kẻ vạch sơn hành lang tuyến QL37 và tỉnh lộ 298.

8. Tổ chức hệ thống chính trị

a) Hội đồng nhân dân thị trấn

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân thị trấn nhiệm kỳ 2021-2026 có 28 người. Trong đó:

- Trình độ đại học là 18 người, chiếm 64,28%; cao đẳng 01 người, chiếm 3,57%; trung cấp là 01 người, chiếm 3,57%; chưa có trình độ chuyên môn 8 người chiếm 28,57%.

- Trình độ về lý luận chính trị cao cấp là 02 người, chiếm 7,14%; trung cấp là 16 người, chiếm 57,14%; chưa qua đào tạo là 10 người chiếm 35,71%.

b) Tổng số cán bộ, công chức thị trấn là 35 người, gồm cán bộ 11 người, công chức 24 người (do nhập xã Bích Sơn vào thị trấn Bích Động, số lượng cán bộ, công chức dôi dư được giải quyết trong thời gian 5 năm từ 01/01/2020). Trong đó:

- Trình độ thạc sỹ là 05 người, chiếm 14,28%; đại học là 29 người, chiếm 82,86%; cao đẳng là 01 người, chiếm 2,85%;

- Trình độ lý luận chính trị cao cấp 01 người, chiếm 2,85%; trung cấp là 28 người, chiếm 80%; sơ cấp là 02 người, chiếm 5,71%; chưa được bồi dưỡng 4 người, chiếm 11,42%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở thị trấn là 06 người.

d) Hiện trạng bố trí Công an chính quy, tổng số có 07 người, gồm: 01 trưởng công an, 01 phó trưởng công an và 05 đồng chí công an viên chính quy.

9. Về trình độ phát triển hạ tầng đô thị

a) Về công trình y tế

Thị trấn Bích Động có 01 trạm y tế diện tích 1.226 m² hiện đang được đầu tư củng cố để đạt tiêu chí trạm y tế chuẩn Quốc gia giai đoạn 2. Ngoài ra, trên địa bàn thị trấn còn có 01 trung tâm y tế huyện, diện tích 39.192,5 m², quy mô 350 giường, phục vụ khám, chữa bệnh cho toàn huyện; 01 bệnh viện tư nhân, quy mô 300 giường đang xây dựng (Bệnh viện đa khoa khu dân cư Nguyễn Thế Nho) và 11 cơ sở khám chữa bệnh tư nhân.

b) Về công trình hạ tầng thương mại

Thị trấn Bích Động có 01 chợ Bích Sơn, 07 siêu thị (FPT, điện máy xanh, siêu thị MediaMart...), 04 cửa hàng dịch vụ trung tâm, đáp ứng nhu cầu kinh doanh, trao đổi, cung cấp hàng hóa của nhân dân.

c) Về công trình giáo dục

Thị trấn Bích Động có 03 trường mầm non, 01 nhóm trẻ, 02 trường tiểu học, 02 trường trung học cơ sở và 02 trường trung học phổ thông. Ngoài ra, trên địa bàn còn có 01 trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên; 01 trường đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

Các trường mầm non, tiểu học, THCS đều đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 của Bộ Giáo dục và đào tạo. Các trường THPT đều tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

d) Về đất công trình giáo dục

Tổng diện tích đất công trình giáo dục mầm non, tiểu học, THCS, THPT trên địa bàn thị trấn Bích Động là 45.718 m²; bình quân đất công trình giáo dục là 45.718 m²/18.678 người đạt 2,4 m²/người.

đ) Về đất công trình văn hóa, thể dục thể thao

Tổng diện tích các công trình văn hóa, TDTT phục vụ cho thị trấn Bích Động là 102.210 m²; bình quân diện tích sân tập luyện là 102.210 m²/18.678 người đạt 5,5 m²/người.

e) Về cấp điện sinh hoạt

Tổng sản lượng điện cho toàn thị trấn năm 2022 là 25.598.746 kwh/năm; trong đó, điện sinh hoạt cung cấp cho toàn thị trấn là 23.712.863 kwh/năm; tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt là 23.712.863 kwh/năm /18.678 người đạt 1.253 kwh/người/năm.

g) Về đất giao thông

Tổng diện tích đất giao thông tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông trên địa bàn thị trấn Bích Động là 1.165.429 m²; bình quân diện tích đất giao thông tính trên dân số là 1.165.429 m²/18.678 người đạt 62,4 m²/người.

h) Về tỷ lệ đường được chiếu sáng

Tổng chiều dài đường cấp khu vực, cấp nội bộ của thị trấn Bích Động là 74,76km, trong đó có 72,66km được chiếu sáng; tỷ lệ đường được chiếu sáng là 72,66km/74,76km đạt 97,2%.

i) Về đất cây xanh sử dụng công cộng

Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn thị trấn Bích Động là 49.733 m²; bình quân đất cây xanh sử dụng công cộng là 49.733 m²/18.678 người đạt 2,7 m²/người.

k) Về tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch

Thị trấn Bích Động hiện có 4.389 hộ dân đang sinh sống trong đó có 4.389 hộ đang sử dụng nước sạch cấp từ nhà máy nước sạch; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại thị trấn Bích Động đạt 100%.

l) Về tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải hộ của 4.389/4.389 hộ gia đình trên địa bàn thị trấn được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 2 ngăn hoặc 3 ngăn đảm bảo quy định về nước thải sinh hoạt.

m) Về mật độ đường cống thoát nước chính

Hệ thống thoát nước của xã sử dụng là các loại cống hỗn hợp và các mương

rãnh với tổng chiều dài là 61,312 km. Diện tích xây dựng đô thị của thị trấn Bích Động là 5,67 km²; mật độ đường cống thoát nước chính là 61,312 km /5,67 km² = 10,8 km/km².

n) Về tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn thị trấn Bích Động là 13,1 tấn/ngày trong đó có 13,1 tấn hàng ngày được thu gom, xử lý theo quy định; tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt 100%.

10. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Sửa đổi; các số liệu thống kê đến 31/12/2022, UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của thị trấn Bích Động, gồm:

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Quy mô dân thị trấn Bích Động tính đến 31/12/2022 là 18.678 người, trong đó: dân số thường trú là 18.541 người, dân số tạm trú quy đổi là 137 người.

Đánh giá: Đạt

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: Thị trấn Bích Động có 12,80 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn thị trấn Bích Động năm 2022 đạt 106,77 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 75,89 tỷ đồng. Cân đối dư.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2010 - 2022) của huyện Việt Yên là 1,80% (năm 2020 là 1,65%; năm 2021 là 2,36%; năm 2022 là 1,40%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm (2020 - 2022) của thị trấn Bích Động là 1,71% (năm 2020 là 1,42%; năm 2021 là 3,02%; năm 2022 là 0,68%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của thị trấn Bích Động là 11.294 người; trong đó, lao động nông nghiệp là 1.824 người, chiếm 16,2 %; lao động phi nông nghiệp là 9.470 người, chiếm 83,8%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Thị trấn Bích Động đạt 13/13 tiêu chuẩn yêu cầu đối với khu vực dự kiến thành lập phường theo quy định của Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 tại Văn bản số: /BXD-PTĐT ngày ... của Bộ Xây dựng.

Như vậy, phường Bích Động dự kiến thành lập thuộc thị xã Việt Yên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

II. HIỆN TRẠNG THỊ TRẤN NẾNH

1. Lịch sử hình thành

a) Thị trấn Nénh

Nénh vốn là tên nôm của làng Yên Ninh, một làng thuộc tổng Dật Ninh, huyện Yên Dũng, phủ Lạng Giang, xứ Kinh Bắc xưa; về sau tổng Dật Ninh được chuyển sang huyện Việt Yên, phủ Bắc Hà. Làng Yên Ninh nằm bên cạnh Quốc lộ 1 từ Hà Nội đi Lạng Sơn, đây là một trong các làng nhiều tiến sĩ nho học vào loại nhất Việt Nam, với 10 người đã đỗ tiến sĩ trong các khoa thi từ năm 1469 đến 1619. Đặc biệt gia tộc của tiến sĩ Thân Nhân Trung trong 3 thế hệ đóng góp 4/10 người đỗ tiến sĩ của làng. Các thành viên của gia tộc này đều làm quan trong thời vua Lê Thánh Tông.

Phần lớn địa bàn thị trấn Nénh hiện nay trước đây thuộc xã Hoàng Ninh thuộc huyện Việt Yên. Ngày 20/2/2003, Chính phủ ban hành Nghị định 16/2003/NĐ-CP về việc thành lập thị trấn Nénh trên cơ sở 348,58 ha diện tích tự nhiên và 4.271 người của xã Hoàng Ninh (gồm làng Yên Ninh, Phố Nénh và làng Ninh Khánh); 211,97 ha diện tích tự nhiên và 2.861 người của xã Quảng Minh (gồm làng Sen Hồ).

Sau khi thành lập, thị trấn Nénh có 560,55 ha diện tích tự nhiên và 7.132 người. Xã Hoàng Ninh còn lại 680,83 ha diện tích tự nhiên và 8.690 người.

Đến năm 2018, thị trấn Nénh có diện tích 5,66 km², dân số là 9.082 người, mật độ dân số đạt 1.605 người/km². Xã Hoàng Ninh có diện tích 6,86 km², dân số là 11.114 người, mật độ dân số đạt 1.620 người/km².

b) Xã Hoàng Ninh

Xã Hoàng Ninh là xã đồng bằng, nằm ở phía Đông Nam của huyện Việt Yên, có diện tích tự nhiên 684,62 ha, chiếm 4,02% diện tích tự nhiên của huyện, bao gồm 7 thôn. Phía Bắc giáp xã Hồng Thái, xã Bích Sơn; phía Đông giáp xã Nội Hoàng huyện Yên Dũng; phía Nam giáp xã Vân Trung, xã Nội Hoàng huyện Yên Dũng; phía Tây giáp xã Quảng Minh.

Hoàng Ninh có 07 thôn: thôn Hoàng Mai 1, Hoàng Mai 2, Hoàng Mai 3, thôn Phúc Lâm, thôn My Điền 1, thôn My Điền 2, thôn My Điền 3.

Ngày 21/11/2019, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 813/NQ-UBTVQH14 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Giang; trong đó có việc sáp nhập toàn bộ diện tích và dân số của xã Hoàng Ninh vào thị trấn Nénh.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Thị trấn Nénh có vị trí rất thuận lợi, nằm giữa thành phố bắc Giang và Bắc Ninh; tiếp giáp với các Khu công nghiệp của tỉnh như: Quang Châu, Đình Trám, Vân Trung; kề cận với các khu đô thị phát triển như: Đình Trám - Sen Hồ, Quang Châu; có các tuyến giao thông quan trọng chạy qua như, Quốc lộ 1A, tỉnh lộ 295B, đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn, đó là sự tác động của mối liên hệ vùng quan trọng thúc đẩy thị trấn Nénh phát triển.

Hiện nay, thị trấn Nénh là trung tâm kinh tế - xã hội, thương mại- dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp của tiểu vùng phía Tây Nam huyện Việt Yên.

b) Địa giới hành chính

Thị trấn Nénh nằm ở phía Tây Nam huyện Việt Yên, có địa giới hành chính như sau:

- Phía Đông giáp các xã Tăng Tiến, Vân Trung và huyện Yên Dũng;
- Phía Tây giáp xã Ninh Sơn và xã Quảng Minh;
- Phía Nam giáp xã Quang Châu;
- Phía Bắc giáp thị trấn Bích Động và xã Hồng Thái.

c) Điều kiện tự nhiên

Địa hình tương đối đồng đều, độ nghiêng theo hướng từ Bắc xuống Nam và Tây tây - bắc sang Đông – Đông nam.

Nhiệt độ không khí: Nhiệt độ trung bình năm 23,30C; nhiệt độ cao nhất tuyệt đối 39,50 C; nhiệt độ thấp nhất tuyệt đối 4,80C.

Lượng mưa: Lượng mưa trung bình năm 1.311,0mm; lượng mưa trung bình tháng cao nhất 254,6mm; lượng mưa lớn nhất trong một ngày 204,0mm; lượng mưa lớn nhất trong 60 phút 113,0mm; số ngày mưa trung bình trong một năm 144,5 ngày.

Thị trấn Nénh nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới, chịu ảnh hưởng thời tiết khu vực đông bắc đồng bằng Bắc Bộ và khu vực Hà Nội. Nhiệt độ trung bình năm là 23⁰C. Mùa xuân từ tháng giêng đến hết tháng ba âm lịch, nhiệt độ từ 15-18⁰C, gió đông đến đông nam, thỉnh thoảng vẫn còn những đợt gió mùa đông bắc gây mưa phùn, mưa dầm, độ ẩm cao; mùa hạ từ tháng 4 đến tháng 6 âm lịch, nhiệt độ từ 29-38⁰C, mưa bão nhiều thường xuyên gây ra lũ lụt; mùa thu từ tháng 7 đến tháng 9 âm lịch nhiệt độ giảm dần, đầu mùa vẫn còn những trận mưa to và bão; mùa đông từ tháng 10 đến tháng chạp âm lịch, gió đông bắc, nhiệt độ thấp, khô hanh, ít mưa.

Nhìn chung, các yếu tố thời tiết thị trấn Nénh là thích hợp với đời sống và sản xuất nông nghiệp. Nhân dân thị trấn sống trên một vùng đất tiếp giáp giữa trung du và đồng bằng, trên trục đường huyết mạch của Tổ quốc, đó là những thuận lợi để con người tụ cư sớm, xây dựng xóm làng, mở mang ruộng vườn, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội...

d) Truyền thống văn hóa

Nằm trong cái nôi của nền văn hóa văn minh sông Hồng rực rỡ, từ xưa các làng thị trấn Nénh đã hình thành nên những truyền thống văn hóa vừa có nét đặc trưng của văn hóa bản địa, vừa phản ánh những giá trị văn hóa chung của dân tộc Việt Nam.

Tín ngưỡng nhân dân các làng ở thị trấn Nénh chủ yếu là tục thờ thần như Thổ công, Táo quân hoặc các vị nhân thần khác. Vị thần được cả 3 làng Sen Hồ, Yên Ninh, Ninh Khánh tôn làm thành hoàng thờ cúng ở đình là Thánh Tam Giang, là những danh tướng đã phù tá Triệu Quang Phục giành lại nền độc lập từ tay nhà Lương thế kỷ VI.

Cũng như các làng quê khác trong vùng, thị trấn Nénh cũng tổ chức các ngày tết cổ truyền: Tết Nguyên đán, Tết thanh minh, Tết Đoan ngọ, Rằm tháng bảy, Tết trung thu, mừng 10 tháng 10, Tết ông Công ông Táo; các tiết lệ cưới hỏi, ma chay, mừng thọ,...

Thị trấn Nénh có hai tôn giáo chủ yếu là đạo Phật và Thiên chúa giáo: Chùa Sen Hồ có tên là Vĩnh Phúc Tự có đại tự treo trước Phật đài, có tam quan và gác chuông treo quả chuông nặng 85 kg; chùa Vĩnh Nghiêm Tự còn gọi là chùa Ba Xã, xây dựng thế kỷ XVIII, gồm 5 gian tiền đường, 4 gian thượng điện, nhà tổ, nhà mẫu và nhà ở của tăng ni; có 30 pho tượng được làm thời Lê, thời Nguyễn. Là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh được xếp hạng năm 2005.

Việc thờ thần Thành hoàng là thần bảo trợ cho mỗi làng được các làng thờ cúng rất tôn nghiêm với những nghi lễ phong tục trang trọng; thần Thành hoàng được thờ ở các đình làng.

Truyền thống khoa cử của thị trấn Nénh được cả nước biết đến với làng tiến sĩ Yên Ninh. Trong vòng 151 năm (1469 - 1620), làng Yên Ninh đã có 10 người đỗ tiến sĩ. Mở đầu cho con đường khoa cử đó là Tiến sĩ Thân Nhân Trung. Ông cũng chính là người soạn thảo các văn bia tiến sĩ đặt ở Quốc tử Giám và là người soạn văn bia số 1 trong 82 văn bia đặt ở Văn Miếu ngày nay, trong đó khẳng định "Hiền tài là nguyên khí của quốc gia", được khắc chữ vàng treo ở Văn Miếu. Ngày nay truyền thống hiếu học vẫn luôn được duy trì, tiếp bước cha ông.

Ngoài ra thị trấn Nénh còn có Nghè Nénh, là di tích lịch sử văn hóa đã được xếp hạng năm 2010. Truyền thống tương thân tương ái giúp nhau lúc hoạn nạn, truyền thống giữ gìn tôn ty trật tự kỷ cương trong nề nếp gia đình, dòng họ là những nét đẹp cần phát huy trong phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa".

Nằm trong vùng văn hóa Kinh Bắc, quê hương của các làn điệu dân ca Quan họ trữ tình đậm đà hồn quê, nồng nàn say đắm lòng người, thật vinh dự tự hào, Sen Hồ thị trấn Nénh là một trong 5 làng quan họ cổ tỉnh Bắc Giang cùng với 44 làng của tỉnh Bắc Ninh được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Thị trấn Nénh có 2 làng quan họ cổ thuộc danh sách 23 làng quan họ Bắc Giang được quy hoạch bảo tồn và đưa vào phát triển du lịch văn hóa là làng quan họ Sen Hồ và làng quan họ Yên Ninh.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Thị trấn Nénh có diện tích tự nhiên là 12,51 km² (bằng 1.250,90 ha).

Trong đó:

a) Đất xây dựng đô thị là 8,03 km² (bằng 803,07 ha), gồm:

- Đất dân dụng là 418,90 ha:

+ Đất khu ở là 225,1 ha.

- + Đất công trình công cộng là 193,8 ha.
- Đất ngoài dân dụng là 335,24 ha:
- + Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 11,32 ha.
- + Đất năng lượng: 1,66 ha.
- + Đất an ninh quốc phòng là: 0 ha.
- + Đất nghĩa trang nghĩa địa là: 11,04 ha.
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 11,32 ha.

b) Đất khác là 442,4 ha, gồm:

- Đất nông nghiệp là 441,47 ha.
- Đất mặt nước chuyên dùng là 0,37 ha.
- Đất chuyên dùng khác là 0 ha.
- Đất chưa sử dụng là 0,56 ha.

4. Dân số, lao động

a) Dân số của thị trấn Nénh có 34.871 người; trong đó,

Dân số thường trú là 33.527 người,

Dân số tạm trú quy đổi là 1.344 người;

Mật độ dân số là 2.787 người/km².

b) Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của thị trấn Nénh là 21.436 người; trong đó, lao động nông nghiệp là 2.841 người, chiếm 13,3 %; lao động phi nông nghiệp là 18.595 người, chiếm 86,7%.

c) Thị trấn Nénh có 11 tổ dân phố, gồm: Sen Hồ, Ninh Khánh, Yên Ninh, Nénh, Phúc Lâm, Hoàng Mai 1, Hoàng Mai 2, Hoàng Mai 3; My Điền 1, My Điền 2, My Điền 3.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Thị trấn Nénh tiếp giáp với các Khu, Cụm Công nghiệp phía Tây Nam tỉnh Bắc Giang; có Quốc lộ 1A, đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn, tỉnh lộ 295B đi qua. Vì vậy, đã mở ra nhiều cơ hội để thị trấn Nénh thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nhất là các lĩnh vực thương mại - dịch vụ trong thời gian qua. Năm 2021, đại dịch Covid-19 xảy ra và bùng phát mạnh với đỉnh điểm là đợt dịch lần thứ 4 trên địa bàn thị trấn, gây nhiều bất lợi, ảnh hưởng nặng nề cho sản xuất, kinh doanh và an sinh xã hội trên địa bàn. Tuy nhiên, với mục tiêu kép vừa phòng, chống, kiểm soát, đẩy lùi dịch bệnh vừa tháo gỡ khó khăn cho tổ chức, cá nhân và cộng đồng doanh nghiệp để kịp thời khôi phục sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh, an toàn và an sinh xã hội, thị trấn đã vượt qua những thách thức lớn chưa có tiền lệ và đạt được một số kết quả tích cực.

Tổng giá trị sản xuất năm 2022 của thị trấn Nénh (theo giá so sánh 2010) đạt 50.655 tỷ đồng, tăng 13.574 tỷ đồng so với năm 2021. Trong đó: Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng đạt 49.833 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 24,69%; thương mại, dịch vụ đạt 736 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 6,05%; nông, lâm, ngư nghiệp đạt 85 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 2,29%.

Cơ cấu giá trị sản xuất: Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng chiếm 97,12%; thương mại, dịch vụ chiếm 2,65%; nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 0,23% trong cơ cấu kinh tế của xã (theo giá hiện hành).

b) Phát triển ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - xây dựng

Hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn xã tiếp tục phát triển; số lượng các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp tư nhân tiếp tục tăng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế chung của toàn xã và giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Hiện tại, địa bàn thị trấn Nénh có 186 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế tư nhân đang hoạt động, giải quyết việc làm cho hàng vạn lao động trên địa bàn.

Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng năm 2022 đạt 49.833 tỷ đồng. Hoạt động công nghiệp - xây dựng chủ yếu các lĩnh vực công nghiệp nhẹ, công nghiệp cơ khí lắp ráp, điện tử, sản xuất hàng tiêu dùng cao cấp, sản xuất vật liệu xây dựng.

- Thương mại - dịch vụ:

Kinh tế hộ gia đình và các doanh nghiệp nhỏ chiếm đa số trong phát triển kinh tế của thị trấn. Bên cạnh đó, đã hình thành đầu mối của các thành phần kinh tế như: chợ, thương mại, chi nhánh ngân hàng, các cơ sở kinh doanh, bưu chính viễn thông...; hoạt động thương mại – dịch vụ đã có bước phát triển khá. Ngành nghề kinh doanh truyền thống vẫn được duy trì tốc độ tăng trưởng như gia công cơ khí, xây dựng, mộc dân dụng, chế biến nông sản thực phẩm và buôn bán nhỏ lẻ. Trong năm 2022, hoạt động thương mại, dịch vụ của thị trấn Nénh chủ yếu tập trung bảo đảm cân đối cung cầu hàng hóa cho sản xuất và tiêu dùng của người dân. Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ năm 2022 đạt 736 tỷ đồng.

- Nông - lâm nghiệp, thủy sản

Thị trấn đã tập trung, chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức nạo vét kênh mương, bơm tưới phục vụ sản xuất cho nhân dân; chỉ đạo các tổ dân phố vận động nhân dân tích cực áp dụng khoa học kỹ thuật vào trong sản xuất nhằm nâng cao giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích, góp phần tăng thu nhập cho người nông dân. Năm 2022, thị trấn gieo trồng được 528/797 ha, đạt 66,3 % và giảm 19,1 ha kế hoạch huyện giao, trong đó diện tích lúa là 240 ha, diện tích rau màu các loại 188 ha diện tích Sen 100 ha.

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 việc phát triển đàn vật nuôi gần như không thực hiện được, thị trấn đã có các biện pháp chăm sóc, duy trì đàn vật nuôi hiện có để phục vụ chủ yếu cho nhu cầu thiết yếu của người dân và công nhân trên địa bàn trong thời gian giãn cách xã hội. Hiện nay, tổng đàn trâu, bò là 360 con, đạt 55,2% kế hoạch; đàn lợn là 1.250 con, đạt 80,6% kế hoạch; đàn gia cầm là 25.000 con. Năm 2022 giá trị Nông – lâm nghiệp, thủy sản đạt 85 tỷ đồng.

c) Thu chi ngân sách, công tác tài chính.

Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu; tổng thu ngân sách trên địa bàn thị trấn năm 2022 đạt 68,12 tỷ đồng.

Chi ngân sách bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương; tổng chi ngân sách đạt 52,36 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là 7,82 tỷ đồng.

d) Thu nhập bình quân đầu người đạt 80 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn giảm còn 0,77%; bình quân giai đoạn 2020 - 2022 là 0,89% (năm 2019 là 0,93%; năm 2020 là 0,97%; năm 2021 là 0,77%), thấp hơn bình quân chung của huyện Việt Yên là 1,80%.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

a) Giáo dục

Thị trấn vừa khôi phục và đẩy mạnh các hoạt động giáo dục nhằm hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2021-2022; chỉ đạo các nhà trường, đặc biệt là lực lượng giáo viên, nhân viên tích cực tham gia trong công tác phòng chống dịch, biên soạn giáo án chuyển sang hình thức dạy học trực tuyến đối với các cấp THCS và Tiểu học; huy động 100% các trường chuẩn bị các điều kiện để sẵn sàng kích hoạt thành điểm cách ly các bệnh nhân Covid-19.

Cơ sở vật chất trường lớp, trang thiết bị dạy học và hạ tầng công nghệ thông tin tiếp tục được đầu tư theo hướng kiên cố, chuẩn hoá, đồng bộ và hiện đại. Đến nay, có 6/6 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 100%; tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100%. Năm 2022, thị trấn đã hoàn thành chương trình, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh học kỳ II; xét hoàn thành chương trình cấp Tiểu học đạt 99,9%. Tập trung cao ôn tập học lớp 9, đặc biệt là kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2022-2023, bằng hình thức trực tuyến trên Team và Meet. Công tác phát triển số lượng huy động trẻ đến trường và được ăn bán trú đạt tỷ lệ cao; tỷ lệ trẻ đến lớp đạt 100% chỉ tiêu giao; huy động 102% trẻ 03-06 tuổi đến trường được học 02 buổi/ngày và được tổ chức ăn bán trú tại trường; làm tốt công tác hướng nghiệp phân luồng cho học sinh, tập trung cho giáo dục mũi nhọn.

b) Công tác y tế

Làm tốt các hoạt động chuyên môn, đảm bảo công tác khám và chữa bệnh ban đầu cho nhân dân; tổ chức trực cấp cứu 24/24 giờ kể cả những ngày nghỉ; thực hiện khám phân loại và chỉ định tiêm các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng, theo đó tổ chức tiêm chủng cho trẻ dưới 02 tuổi đạt tỷ lệ 94%; tổng số khám chữa bệnh tại trạm y tế đạt 5.930 lượt người.

Trước tình hình dịch bệnh diễn biến hết sức phức tạp, cả hệ thống chính trị và nhân dân thị trấn đã nỗ lực với quyết tâm cao nhất không chể, kiểm soát và đẩy lùi dịch bệnh; triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19, nêu cao tinh thần chống dịch như chống giặc; tăng cường tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân trong phòng, chống dịch bệnh; khuyến cáo người dân thực hiện nghiêm túc thông điệp 5K của Bộ Y tế, hạn chế tiếp xúc, hạn chế ra khỏi nhà khi không thực sự cần thiết. Tuyên truyền, vận động, giám sát, hỗ trợ phòng, chống dịch trên 4.900 hộ gia đình và gần 1.200 hộ trọ, trên 18.000 phòng trọ với trên 21.000 người dân thường trú và trên 30.000 công nhân tại 11 tổ dân phố. Công tác xét nghiệm được gấp rút triển khai, xét nghiệm tầm soát diện rộng toàn dân và xét nghiệm những nơi có nguy cơ cao (những nơi phong tỏa có bệnh nhân).

Huy động lực lượng tổ chức tiêm phòng Vaccine Covid-19 cho nhân dân trên địa bàn đảm bảo tiến độ, an toàn sức khỏe và phản ứng sau tiêm. Thị trấn Nénh đã tổ chức 25 đợt tiêm với tổng số 27.615 mũi Vaccine Covid-19 (trong đó mũi 02 là 15.921 liều; mũi 03 là 11.694 liều).

c) Công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình

Công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình được quan tâm, chú trọng; tập trung tuyên truyền chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình hên toàn thị trấn, tổ chức triển khai các hoạt động hưởng ứng chiến dịch chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình; xây dựng chuyên mục về công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, tăng thời lượng phát sóng trên hệ thống phát thanh của thị trấn, các Tổ dân phố; rà soát phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ chưa áp dụng biện pháp tránh thai để vận động tư vấn. Tổng số trẻ sinh trong năm là 255 trẻ, giảm 48 trẻ so với cùng kỳ năm 2021; tổng số sinh là con thứ 3 là 35 trẻ, chiếm tỷ lệ 13,7% tổng số trẻ sinh ra; tỷ suất sinh 8,29‰, mức giảm tỷ lệ sinh đạt -1,19‰.

d) Công tác tuyên truyền, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao

Tập trung tuyên truyền nhiệm vụ chính trị của địa phương, các ngày lễ lớn của đất nước, dân tộc, cao điểm tuyên truyền cho công tác phòng, chống dịch Covid-19. Tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh trên 4.300 lượt, trên 300 tin, bài, cấp phát 5.500 tờ rơi các loại, tổ chức tuyên truyền lưu động được trên 600 lượt.

Tổ chức trang trí với treo 28 pano cỡ lớn, 167 pano nhỏ các loại, 130 băng zon, khẩu hiệu, 780 cờ Tổ quốc, 200 cờ Hồng kỳ các loại tại trụ sở UBND thị trấn, Nhà văn hóa các Tổ dân phố, dọc các tuyến đường, nhà dân. Tỷ lệ gia đình đạt gia đình văn hóa đạt 91,5 %; tỷ lệ tổ dân phố văn hóa đạt tỷ lệ 83%, trong đó Tổ dân phố Hoàng Mai 2 đạt danh hiệu Tổ dân phố văn hóa 5 năm liên tục. Tổ dân phố My Điền 3 đạt tổ dân phố điển hình sáng, xanh, sạch, đẹp và an toàn năm 2022; thị trấn Nénh đạt chuẩn văn minh đô thị năm 2022.

Tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về việc thực hiện nếp sống văn hoá trong việc cưới, việc tang, lễ hội và lễ nghi, sinh hoạt cộng đồng, đặc biệt trong giai đoạn thị trấn thực hiện cách ly xã hội và giãn cách xã hội. Thông qua đó, đã tổ chức vận động được nhiều đám tang tổ chức gọn nhẹ, nhiều đám tổ chức theo hình thức báo hỷ hoặc hoãn tổ chức (giai đoạn giãn cách xã hội). Bên cạnh đó, công tác quản lý Nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa, kinh doanh, dịch vụ karaoke, Internet, nhà nghỉ vẫn được đảm bảo theo quy định phù hợp với các trạng thái xã hội.

đ) Thực hiện các chính sách xã hội

Triển khai và tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước cho các đối tượng là người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác theo quy định, góp phần ổn định đời sống nhân dân và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn; lập hồ sơ hưởng mới, điều chỉnh trợ cấp xã hội thường xuyên cho 66 đối tượng đủ điều kiện; hỗ trợ mai táng phí và thôi hưởng trợ cấp kịp thời cho 46 đối tượng; hướng dẫn hồ sơ, hỗ trợ hỏa táng cho 35 đối tượng; tăng cường tuyên truyền nhân dân tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. Việc cấp phát thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng

chính sách xã hội được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, 100% các đối tượng có thể bảo hiểm y tế để khám chữa bệnh.

Vận động xã hội hóa “Tết vì người nghèo năm 2022”, đảm bảo 100% hộ nghèo, cận nghèo có quà tết; thăm hỏi động viên các đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh khó khăn; các đối tượng người có công tiêu biểu trên địa bàn nhân ngày thương binh liệt sỹ, với tổng kinh phí thực hiện là 151,5 triệu đồng; triển khai kế hoạch tổng điều tra, rà soát, thống kê hộ nghèo, cận nghèo năm 2022, theo đó số hộ nghèo là 38 hộ, chiếm 0,77%; số hộ cận nghèo là 147 hộ, chiếm 2,97%.

7. Quốc phòng, an ninh

a) Về công tác quân sự

Quốc phòng, an ninh được củng cố, giữ vững, trật tự an toàn xã hội đảm bảo, không để tình huống đột xuất, bất ngờ xảy ra; tình hình trật tự, an ninh nông thôn cơ bản ổn định; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu trong mọi hoàn cảnh, mọi tình huống; hoàn thành công tác giao nhận quân đầu năm và chuẩn bị cho công tác tuyển chọn, gọi công dân sẵn sàng nhập ngũ năm 2023.

b) Về an ninh trật tự

Thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các đợt cao điểm tấn công, trấn áp các loại tội phạm, trong đó chỉ đạo tập trung cao độ trong việc tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên toàn địa bàn thị trấn, đặc biệt trong giai đoạn cách ly xã hội. Đảm bảo tuyệt đối an toàn các sự kiện chính trị lớn, góp phần ổn định tình hình tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân yên tâm sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội.

8. Tổ chức hệ thống chính trị

a) Hội đồng nhân dân thị trấn

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2021- 2026 có 28 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn đại học là 09 người, chiếm 32,14%; trung cấp là 04 người, chiếm 14,29%; chưa qua đào tạo là 15 người chiếm 53,57%.

- Trình độ về lý luận chính trị: trung cấp là 10 người, chiếm 35,71%; sơ cấp là 09 người, chiếm 32,14%; chưa qua bồi dưỡng là 09 người chiếm 32,14%.

b) Tổng số cán bộ, công chức là 29 người, gồm cán bộ 11 người, công chức 18 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: thạc sỹ có 03 người, chiếm 10,34%; đại học là 26 người, chiếm 89,66%.

- Trình độ lý luận chính trị cao cấp là 01 người, chiếm 3,45%; trung cấp là 25 người, chiếm 86,21%; sơ cấp 03 người, chiếm 10,34%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở thị trấn là 09 người.

d) Hiện trạng bố trí Công an chính quy, tổng số có 10 người, gồm: 01 Trưởng Công an, 02 Phó Công an và 08 công an viên chính quy.

9. Về trình độ phát triển hạ tầng đô thị

a) Về công trình y tế

Thị trấn Nénh có 01 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về trạm y tế xã, diện tích 1.873 m². Ngoài ra, trên địa bàn thị trấn còn có trung tâm y tế các Khu công

nghiệp với diện tích 4.943 m² và 11 cơ sở khám chữa bệnh tư nhân.

b) Về công trình hạ tầng thương mại

Thị trấn Nénh có 03 chợ, 04 cửa hàng dịch vụ trung tâm (quy mô trên 300 m²) và 11 trung tâm mua bán, trao đổi hàng hóa đáp ứng đầy đủ nhu cầu giao lưu buôn bán của người dân trên địa bàn.

c) Về công trình giáo dục

Thị trấn Nénh có 04 trường Mầm non, 02 trường tiểu học, 02 trường THCS và 01 trường trung học phổ thông; 100% số trường đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục và đạt 100% tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và đào tạo.

Các trường tiểu học đều tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, các trường THCS đều đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 của Bộ Giáo dục và đào tạo. Các trường mầm non chỉ có 1 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, còn lại là mức độ 2.

d) Về đất công trình giáo dục

Tổng diện tích đất công trình giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn thị trấn Nénh là 69.981m²; bình quân đất công trình giáo dục là 69.981 m²/34.871 người đạt 2,0 m²/người.

đ) Về đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao

Tổng diện tích các công trình văn hóa, TDTT phục vụ cho thị trấn Nénh là 62.304m²; bình quân diện tích sân tập luyện là 62.304 m²/34.871 người đạt 1,8 m²/người.

e) Về cấp điện sinh hoạt

Tổng sản lượng điện cho toàn thị trấn Nénh năm 2022 là 45.707.674 kwh/năm; trong đó, điện sinh hoạt cung cấp cho toàn thị trấn 45.339.168 kwh/năm; tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt là 23.712.863 kwh/năm /34.871 người đạt 1.157 kwh/người/năm.

g) Về đất giao thông

Tổng diện tích đất giao thông tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông trên địa bàn thị trấn là 1.179.724 m²; bình quân diện tích đất giao thông tính trên dân số là 1.179.724m²/34.871 người đạt 33,8m²/người.

h) Về tỷ lệ đường được chiếu sáng

Tổng chiều dài đường cấp khu vực, cấp nội bộ của thị trấn Nénh là 53,9 km, trong đó có 52,3km được chiếu sáng; tỷ lệ đường được chiếu sáng đạt 97,1%.

i) Về đất cây xanh sử dụng công cộng

Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn thị trấn Nénh là 73.429 m²; bình quân đất cây xanh sử dụng công cộng là 73.429 m²/34.871 người đạt 2,11 m²/người.

k) Về tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch

Thị trấn Nénh hiện có 4.943 hộ dân, trong đó có 4.943 hộ đang sử dụng nước sạch cấp từ nhà máy nước sạch; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại thị trấn Nénh đạt 100%

l) Về tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải hộ của 4.943 hộ /4.943 hộ gia đình trên địa bàn thị trấn được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 2 ngăn hoặc 3 ngăn đảm bảo quy định về nước thải sinh hoạt.

m) Về mật độ đường cống thoát nước chính

Hệ thống thoát nước của xã sử dụng là các loại cống hỗn hợp và các mương rãnh với tổng chiều dài cống thoát nước chính là 48,944 km. Diện tích đất xây dựng đô thị của thị trấn Nénh là 8,08 km²; mật độ đường cống thoát nước chính là 48,944 km /8,08 km² đạt 6,1 km/km².

n) Về tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn thị trấn Nénh là 17,3 tấn/ngày trong đó có 17,3 tấn hàng ngày được thu gom, xử lý theo quy định; tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt 100%.

10. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Sửa đổi; các số liệu thống kê đến 31/12/2022, UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của thị trấn Nénh, gồm:

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Quy mô dân thị trấn Nénh tính đến 31/12/2022 là 34.871 người; trong đó, dân số thường trú là 33.527 người, dân số tạm trú là 1.344 người; mật độ dân số là 2.790 người/km².

Đánh giá: Đạt

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: Thị trấn Nénh có 12,51 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn thị trấn Nénh năm 2022 đạt 68,12 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 52,36 tỷ đồng. Cân đối đủ.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2010 - 2022) của huyện Việt Yên là 1,80% (năm 2020 là 1,65%; năm 2021 là 2,36%; năm 2022 là 1,40%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm (2020 - 2022) của thị trấn Nénh là 0,89% (năm 2020 là 0,93%; năm 2021 là 0,97%; năm 2022 là 0,77%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của thị trấn Nénh là 21.436 người; trong đó, lao động nông nghiệp là 2.841 người, chiếm 13,3%; lao động phi nông nghiệp là 18.595 người, chiếm 86,7%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của thị trấn Nénh đã được đánh giá, công nhận đạt 13/13 tiêu chuẩn để thành lập phường theo quy định tại Văn bản số: ... của Bộ Xây dựng.

Như vậy, phường Nénh dự kiến thành lập thuộc thị xã Việt Yên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

III. HIỆN TRẠNG XÃ HỒNG THÁI

1. Lịch sử hình thành

Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, địa bàn Hồng Thái gồm 3 xã: Hùng Lãm, Như Thiết và Điều Liễn, thuộc các tổng: Xã Hùng Lãm thuộc tổng Dĩnh Sơn (Yên Dũng). Ngày 20/11/1913, tổng Dĩnh Sơn sáp nhập vào tổng Hoàng Mai (Việt Yên), xã Như Thiết thuộc tổng Thiết Sơn (Yên Dũng), xã Điều Liễn thuộc tổng Phúc Tăng (Yên Dũng); ngày 01/5/1917, tổng Phúc Tăng sáp nhập vào tổng Hoàng Mai.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập, đơn vị hành chính cấp tổng bị xóa bỏ, thành lập đơn vị hành chính liên xã. Theo đó, các xã Hùng Lãm, Như Thiết, Điều Liễn và Thượng Phúc hợp nhất thành lập xã Kính Ái.

Ngày 02/5/1949, Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu I ban hành Quyết định số 223-CP/4 hợp nhất xã Kính Ái và xã Tăng Long thành xã Hồng Thái, gồm các thôn: Hùng Lãm, Như Thiết, Điều Liễn, Thượng Phúc, Phúc Long, Phúc Tăng.

Tháng 5/1955, xã Hồng Thái chia thành 2 xã: Hồng Thái và Tăng Tiến. Theo đó, xã Hồng Thái gồm 3 thôn: Hùng Lãm, Như Thiết và Điều Liễn; xã Tăng Tiến gồm 3 thôn: Thượng Phúc, Phúc Long và Phúc Tăng.

Năm 1962, thực hiện Nghị quyết của Kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa II ngày 27/10/1962, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh hợp nhất thành đơn vị hành chính mới lấy tên là tỉnh Hà Bắc, xã Hồng Thái thuộc huyện Việt Yên, tỉnh Hà Bắc.

Ngày 06/11/1996, Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết chia tỉnh Hà Bắc để tái lập tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh, xã Hồng Thái thuộc huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Thực hiện Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 11/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang và Nghị quyết số 2007/NQ-UBND ngày 30/12/2013 của ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc chia tách thôn Hùng Lãm, xã Hồng Thái, huyện Việt Yên và thành lập 3 thôn mới: Hùng Lãm 1, Hùng Lãm 2, Hùng Lãm 3. Xã Hồng Thái có 5 thôn: Như Thiết, Đức Liễn, Hùng Lãm 1, Hùng Lãm 2 và Hùng Lãm 3.

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, cùng với sự phát triển của xã hội, dân cư sinh sống ngày càng đông đúc; Cộng đồng làng xã quê hương Hồng Thái luôn có sự gắn kết giữa các gia đình, dòng họ, làng xóm, tạo động lực đẩy mạnh lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Xã Hồng Thái nằm ở phía Đông của huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, cách trung tâm thị trấn Bích Động khoảng 4 km, xã có các tuyến giao thông huyết mạch chạy qua, như: Quốc lộ 37, Tỉnh lộ 295B, cách đường sắt Hà Nội - Lạng Sơn khoảng 5 km; các tuyến đường đều được kết nối với nhau tạo thuận lợi cho việc sản xuất, trao đổi hàng hóa; ngoài ra, hệ thống đường liên thôn, liên xóm thuận tiện cho việc đi lại, phục vụ sản xuất, đời sống của nhân dân.

b) Địa giới hành chính xã Hồng Thái:

- Phía Đông giáp xã Tăng Tiến và thành phố Bắc Giang;
- Phía Tây giáp thị trấn Bích Động;
- Phía Nam giáp thị trấn Nénh;
- Phía Bắc giáp xã Nghĩa Trung.

c) Điều kiện tự nhiên

Hồng Thái là vùng đất tiếp giáp giữa trung du và đồng bằng, nằm trên khu vực thềm mài mòn cũ bị chia cắt chủ yếu bởi nền phù sa cổ, do đó địa hình không bằng phẳng, nghiêng theo hướng Tây bắc - Đông nam, ruộng đất phần lớn là ruộng bậc thang, ruộng đồng trũng, có nhiều ao, rộc. Điều kiện đất đai thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, kết hợp giữa cây lúa với trồng màu, cây ăn quả và chăn nuôi.

Xã Hồng Thái nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa với đặc điểm nóng ẩm, mưa nhiều. Nhiệt độ cao nhất khoảng 36-38°C (tháng 7, 8), nhiệt độ thấp nhất khoảng 7-9°C (tháng 01, 02); lượng mưa trung bình từ 1.500 - 1.600mm/năm. Nhìn chung khí hậu và thời tiết của xã tương đối thuận lợi cho phát triển trồng trọt, chăn nuôi.

Nguồn nước của xã khá dồi dào và ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Ngòi Cầu Sim chảy qua phía Bắc xã rồi đổ vào sông Thương qua cổng Đa Mai. Ngoài ra còn có nhiều ao hồ và nguồn nước ngầm với trữ lượng khá lớn.

Giao thông của Hồng Thái rất thuận tiện; Theo sách Bắc Ninh tỉnh chí: Đường quân báo đi từ xã Nam Ngạn, huyện Việt Yên ngược về phía Bắc đến địa phận xã Cần Dinh, huyện Bảo Lộc (tức vùng Kép - Lạng Giang ngày nay),... đường rộng 1 trượng 1 thước. Con đường này đi qua địa phận xã Hồng Thái, nối địa phương với các vùng phía Bắc và kinh thành Thăng Long (nay là Hà Nội). Sau khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, chúng tiến hành xây dựng Quốc lộ 1A và đường xe lửa Hà Nội - Đồng Đăng chạy qua địa phận Hồng Thái. Tại Như Thiết, chúng đã xây dựng nhà ga xe lửa lấy tên là ga Như Thiết, ngày nay nhà ga này không còn, nhưng làng Như Thiết có một xóm gọi là xóm Ga.

Với những đặc điểm về khí hậu, thổ nhưỡng và vị trí địa lý, Hồng Thái có điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp lúa nước, kết hợp trồng rau màu, cây ăn quả, cây công nghiệp, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Xã Hồng Thái có diện tích tự nhiên là 5,9 km² (bằng 590,43 ha).

Trong đó:

a) Đất xây dựng đô thị là 2,51 km² (bằng 251,5 ha), gồm:

- Đất dân dụng là 185,23 ha:

+ Đất khu ở là 108,81 ha.

+ Đất công trình công cộng là 76,42 ha.

- Đất ngoài dân dụng là 66,27 ha:

+ Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 45,66 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,28 ha.

+ Đất an ninh quốc phòng là 0 ha.

+ Đất nghĩa trang nghĩa địa là 10,06 ha.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 10,27 ha.

b) Đất khác là 338,93 ha

- Đất nông nghiệp là 325,81 ha.

- Đất mặt nước chuyên dùng là 0,02 ha.

- Đất chuyên dùng khác là 11,38 ha.

- Đất chưa sử dụng là 1,72 ha.

4. Dân số, lao động

a) Xã Hồng Thái có 11.488 người; trong đó

Dân số thường trú là 11.189 người,

Dân số tạm trú quy đổi là 299;

Mật độ dân số 1.947 người/km².

b) Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Hồng Thái là 6.963 người; trong đó,

Lao động nông nghiệp là 1.168 người, chiếm 16,8%;

Lao động phi nông nghiệp là 5.795 người, chiếm 83,2%.

c) Xã Hồng Thái có 05 thôn, gồm: Như Thiết, Đức Liễn, Hùng Lãm 1, Hùng Lãm 2, Hùng Lãm 3.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Về phát triển kinh tế

Những năm qua, kinh tế của xã luôn duy trì tốc độ tăng trưởng khá, giá trị sản xuất bình quân hàng năm tăng 15%. Cơ cấu giá trị sản xuất tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực; tỷ trọng công nghiệp tăng, tỷ trọng nông nghiệp và thủy sản giảm. Tổng giá trị sản xuất năm 2022 của xã Hồng Thái (theo giá so sánh 2010) đạt 2.199 tỷ đồng, tăng 383 tỷ đồng so với năm 2021. Trong đó: Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng đạt 2.046 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 17,82%; thương mại, dịch vụ đạt 71 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 6,05%; nông, lâm, ngư nghiệp đạt 82 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 2,29%;

Cơ cấu giá trị sản xuất: Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng chiếm 91,02%; thương mại, dịch vụ chiếm 5,39%; nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 3,59%; trong cơ cấu kinh tế của xã (theo giá hiện hành).

Kinh tế - xã hội phát triển, thu nhập bình quân đầu người ngày càng tăng. Năm 2016 thu nhập của người dân đạt 29,7 triệu đồng, thì đến nay, thu nhập của người dân đạt 72 triệu đồng.

Số hộ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn được duy trì và phát triển, hiện nay toàn xã có 432 hộ, tăng 16 hộ so với năm 2021.

b) Phát triển ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp – xây dựng và thương mại – dịch vụ

Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng năm 2022 đạt 2.046 tỷ đồng. Hoạt động công nghiệp - xây dựng chủ yếu các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo máy,...

Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ năm 2022 đạt 71 tỷ đồng. Địa bàn xã có 01 chợ Đình Trám, diện tích 6.962 m², 02 cửa hàng dịch vụ trung tâm 300 m² trở lên và 02 trung tâm mua bán trao đổi hàng hóa, văn phòng cho thuê.

Địa bàn xã Hồng Thái có 02 Khu công nghiệp là: Khu công nghiệp Việt Hàn (thuộc các xã Hồng Thái, Hoàng Ninh và Tăng Tiến), có tổng diện tích trên 197ha, đang giải phóng mặt bằng; Khu công nghiệp Đình Trám (thuộc các xã Hồng Thái, Hoàng Ninh), nằm giữa Quốc lộ 1A mới, Quốc lộ 1A cũ, Quốc lộ 37; cách trung tâm thành phố Bắc Giang 10 km, cách thủ đô Hà Nội 40 km, cách sân bay quốc tế Nội Bài 40 km, cách Cảng Hải Phòng 110 km, cách cửa khẩu Hữu Nghị Quan 120 km, diện tích là 127 ha được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước có hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh và đồng bộ, là điểm cung ứng việc làm sản xuất, thương mại tới đầu tư xây dựng cho lượng lớn người lao động trên địa bàn cùng các tỉnh lân cận. Hiện tại, các doanh nghiệp lớn đã đầu tư, như: Công ty Cổ phần May xuất khẩu Bắc Giang; Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ và Thương mại Chung Hiếu; Công ty TNHH chế biến thực phẩm Sao Việt; Công ty TNHH may Thiên Quang; Công ty TNHH JMC Việt Nam; Công ty TNHH một thành viên T.K VINA; Công ty TNHH một thành viên Mai Chũ,...; lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chủ yếu là công nghiệp phụ trợ, điện tử, cơ khí. Hiện nay, đã thu hút rất nhiều doanh nghiệp lớn hoạt động trong các lĩnh vực linh kiện điện tử, máy móc, bao bì, thiết bị phục vụ công nghiệp; mức thu nhập tại KCN Đình Trám đang dao động từ 6 – 30 triệu/tháng tùy thuộc vào từng vị trí việc làm.

Công tác quy hoạch và triển khai thực hiện các dự án được tập trung thực hiện, gồm: Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 17 - Khu công nghiệp Việt Hàn, Khu công nghiệp Đình Trám với Quốc lộ 37; dự án kết nối đường tỉnh lộ 295B vào đền Hán Quận Công Thân Công Tài; dự án đường vành đai Bích Động với đường vành đai Đông Bắc thành phố Bắc Giang; dự án khu dân cư Phía Bắc; dự án đầu tư xây dựng mới tuyến đường kết nối đường tỉnh 295B với khu công nghiệp Đình Trám; dự án Trường THCS xã Hồng Thái,...

- Nông - lâm nghiệp, thủy sản

Tổng diện tích lúa cấy năm 2022 là 425 ha, năng suất đạt 58,6 tạ/ha, tổng sản lượng đạt 2.441 tấn; diện tích cây màu đã trồng 103 ha, gồm: Lạc 10ha, năng suất bình quân đạt 25 tạ/ha, sản lượng đạt 25tấn; ngô 2ha, năng suất 38 tạ/ha, sản lượng đạt 8 tấn; khoai tây 8ha, năng suất đạt 127 tạ/ha, sản lượng 102 tấn; rau màu các loại 77 ha, sản lượng rau các loại đạt 1001 tấn. Giá trị Nông – lâm nghiệp, thủy sản đạt 82 tỷ đồng.

Thường xuyên giám sát dịch bệnh, kiểm tra, kiểm soát giết mổ tại các tụ điểm buôn bán giết mổ trên địa bàn, tham mưu chỉ đạo các thôn chủ động tuyên truyền vận động nhân dân tăng cường các biện pháp vệ sinh chuồng trại, vệ sinh môi trường phòng chống dịch bệnh. Năm 2022, tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm đảm bảo kế hoạch được giao, tổ chức 02 đợt phun thuốc sát trùng phòng, chống dịch bệnh cho 5/5 thôn với số lượng thuốc phun là 40 lít. Tổng đàn lợn trên địa bàn 6.890con, tăng 108 con; đàn trâu 15 con, đàn bò 401 con, đàn gia cầm đạt 50.400 con, sản lượng thịt hơi các loại đạt 1.282 tấn.

c) Công tác xây dựng nông thôn mới

Tập trung cao cho công tác chỉ đạo triển khai thực hiện hoàn thiện các tiêu chí xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới nâng cao, đảm bảo đúng tiến độ; duy trì và phát triển các sản phẩm OCOP theo kế hoạch, đã có 02 sản phẩm được cấp có thẩm quyền công nhận đạt tiêu chuẩn 4 sao là: (bánh khoai lang thái lát và bánh hoa quả thập cẩm phối trộn)

d) Thu chi ngân sách, công tác tài chính.

Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu; tổng thu ngân sách trên địa bàn xã năm 2022 đạt 29,7 tỷ đồng.

Chi ngân sách bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương; tổng chi ngân sách đạt 29,65 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là 6,13 tỷ đồng.

đ) Thu nhập bình quân đầu người đạt 72 triệu đồng vào năm 2022; tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã năm 2022 giảm còn 0,85%; bình quân giai đoạn 2020 - 2022 là 1,23% (năm 2020 là 1,43%; năm 2021 là 1,41%; năm 2022 là 0,85%), thấp hơn bình quân 3 năm (2020-2022) của huyện Việt Yên là 1,80%.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

a) Công tác giáo dục

Chỉ đạo các nhà trường thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục theo quy định của ngành, đảm bảo phù hợp với thực tiễn địa phương; gắn giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình và giáo dục cộng đồng; đáp ứng đổi mới căn bản toàn diện giáo dục đào tạo như: Tiếp tục đầu tư xây dựng trường lớp học kiên cố, hiện đại, nâng tỷ lệ trường lớp học kiên cố trong toàn xã 76 lớp cho 3 cấp học; đội ngũ cán bộ, giáo viên thường xuyên được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, chất lượng đội ngũ giáo viên 100% đạt chuẩn theo quy định. Chất lượng giáo dục toàn diện tiếp tục được duy trì, phát triển bền vững; tỷ lệ học sinh khá, giỏi năm sau cao hơn năm trước; 3/3 trường đều giữ vững chuẩn quốc gia mức độ 2, đánh giá học sinh tiểu học về phẩm chất và năng lực cao hơn mặt

bằng chung của huyện; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 100%, điểm trung bình 03 môn thi vào lớp 10 THPT xếp thứ 7/19 trường trong huyện.

b) Công tác y tế

Năm 2022, toàn bộ hệ thống chính trị từ xã đến thôn đã tập trung cao cho công tác chỉ đạo để ứng phó với dịch Covid-19 trong tình hình mới, UBND xã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân duy trì và thực hiện tốt quy định 5K; trong năm 2022 đã tổ chức tiêm phòng Vacxin Covid-19, kết quả đã tiêm phòng cho đối tượng 18 tuổi trở lên được 7.750 mũi 1, 7.758 mũi 2 (bao gồm cả công dân vắng lai); 7.756 mũi 3 (có 1.605 người tiêm mũi 3 tại KCN); 3.400 mũi 4. Trẻ từ 5- dưới 12 tuổi tiêm 1494 mũi 1; 1492 mũi 2; tiêm mũi 3 cho trẻ em được 609 mũi

Bên cạnh công tác chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid-19, xã luôn chú trọng công tác chỉ đạo thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; chú trọng công tác vệ sinh an toàn thực phẩm; nâng cao chất lượng các hoạt động khám chữa bệnh, phòng bệnh, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm còn 10,3%. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng xã đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế, duy trì người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%; hệ thống y tế các trường học, nhân viên y tế thôn được duy trì ổn định.

c) Công tác thông tin, tuyên truyền, thể dục, thể thao

Tập trung chỉ đạo, làm tốt công tác tuyên truyền các ngày lễ lớn, các chủ trương chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, các nhiệm vụ chính trị của địa phương trên hệ thống loa truyền thanh của xã, thôn. Tăng cường công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội; đẩy mạnh phong trào thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, đặc biệt là tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện các biện pháp phòng chống dịch Covid -19; Công tác đại hội các chi bộ; bầu cử Trưởng thôn và lựa chọn người tham gia công việc Phó thôn nhiệm kỳ 2022-2025; Kết quả toàn xã đã treo 96 băng zôn, 26 pa nô, khẩu hiệu và nhiều tranh ảnh tuyên truyền, cấp phát hàng nghìn tờ rơi tuyên truyền phòng chống dịch Covid-19, treo trên 300 cờ Đảng, cờ Tổ quốc nhân dịp các ngày lễ lớn của đất nước tại các khu vực trung tâm, dọc tuyến đường 295B và các đường trục chính của các thôn.

Thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa” ở khu dân cư. Năm 2022, có 3/5 làng đạt làng văn hóa cấp huyện; hộ đạt gia đình văn hóa đạt 90,3% kế hoạch; Duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao; các thiết chế văn hóa được tu sửa, bổ sung đảm bảo chất lượng, các làng đều có đội văn nghệ.

d) Công tác lao động thương binh xã hội

Chỉ đạo cán bộ chuyên môn chi trả tiền trợ cấp, tiền mai táng phí kịp thời cho các đối tượng chính sách. Rà soát lập hồ sơ bổ sung các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định. Tiếp nhận và giải quyết 18 hồ sơ mai táng phí người có công, 10 hồ sơ mai táng phí người cao tuổi; lập 36 hồ sơ xét đề nghị cho hưởng trợ cấp xã hội đối tượng người từ đủ 80 tuổi trở lên, người khuyết tật, người chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng,...

Toàn xã có 6.963 người trong độ tuổi lao động, lao động có việc làm thường xuyên là 5.724 người, số lao động được giải quyết việc làm mới trong năm 205 lao động, xuất khẩu lao động có 07 người.

Triển khai thực hiện đề án bảo hiểm y tế toàn dân, tuyên truyền vận động nhân dân tham gia đạt kết quả cao, 100% người dân tham gia bảo hiểm y tế các loại, vận động được 116 người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Chương trình giảm nghèo của địa phương được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện có hiệu quả, trong năm đã ra quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, năm 2022 có 20 hộ nghèo đạt tỷ lệ 0,85%, giảm 13 hộ so với năm 2021, 22 hộ cận nghèo đạt tỷ lệ 0,94%, giảm 10 hộ so với năm 2021, hoàn thành vượt chỉ tiêu giảm nghèo được giao. Thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người có công, thương bệnh binh, gia đình chính sách, thực hiện tốt chính sách về an sinh xã hội.

7. An ninh trật tự

a) Công tác quân sự địa phương

Tổ chức cắt lịch trực và phân công trực chỉ huy, trực sẵn sàng chiến đấu, trực phòng chống thiên tai nghiêm túc theo đúng quy định, đã tổ chức trực và làm nhiệm vụ phòng chống dịch Covid-19; thường xuyên phối kết hợp với công an và các lực lượng khác nắm chắc tình hình kịp thời tham mưu cho cấp ủy, chính quyền để xử lý các sự việc phức tạp diễn ra trên địa bàn góp phần giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nhất là trong các dịp ngày lễ, ngày tết và các ngày kỷ niệm trọng đại của đất nước.

Thực hiện tốt công tác động viên, tuyển quân bảo đảm dân chủ, công khai đúng luật, có 57 thanh niên trong độ tuổi tham gia đăng ký nghĩa vụ quân sự. Năm 2022 có 05 thanh niên lên đường nhập ngũ hoàn thành 100% chỉ tiêu giao.

Thực hiện tốt công tác xây dựng và huy động dân quân theo đúng quy định, tổ chức huấn luyện cho các đối tượng đảm bảo đúng, đủ nội dung theo kế hoạch. Triển khai tiếp nhận bổ sung vào hồ sơ đề nghị giám định thương tật cho 01 trường hợp, đảm bảo đúng quy trình và báo cáo lên trên theo đúng kế hoạch. Tổ chức xét duyệt và hoàn thiện 02 hồ sơ đối tượng 49 và 01 hồ sơ đối tượng 62 báo cáo trên đúng quy định.

b) Công tác an ninh

Tập trung cao cho công tác rà soát các công dân lưu trú, tạm trú phục vụ công tác phòng chống dịch; tăng cường công tác phòng, chống các loại tội phạm, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; xử lý nghiêm các tội phạm liên quan đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Làm tốt công tác tuyên truyền phát động nhân dân tích cực tham gia phong trào đấu tranh, phòng chống tội phạm; thường xuyên kiểm tra hành chính, lưu trú, tạm trú, tạm vắng trên địa bàn đồng thời xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra lưu trú tạm trú trên địa bàn.

Thường xuyên phối hợp với đội tự trật tự giao thông duy trì và đảm bảo trật tự giao thông; tuần tra vũ trang được 50 buổi làm tốt công tác trực giải quyết thủ tục hành chính cho nhân dân; tiếp nhận đăng ký tạm trú đối với người nước ngoài và người Việt Nam đến tạm trú tại địa bàn; phối hợp với các thôn làm tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn các chủ nhà trọ thực hiện đúng các quy định

về quản lý cư trú. Năm 2022, trên địa bàn xảy ra 12 vụ, trong đó: Trộm cắp tài sản 03 vụ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản 02 vụ, đánh bạc trái phép 04 vụ, 01 vụ sử dụng trái phép chất ma túy, cố ý gây thương tích 03 vụ.

Xây dựng mới 01 mô hình Camera an ninh tại thôn Hùng Lãm 3, 01 mô hình tiếng keng an ninh Khu phố Bãi Bò, duy trì hiệu quả 12 mô hình tự quản về an ninh trật tự; Lập 01 hồ sơ đưa đối tượng vào quản lý tại xã theo Nghị định 120; 01 hồ sơ đưa đối tượng vào quản lý theo Nghị định 105.

8. Tổ chức hệ thống chính trị

a) Hội đồng nhân dân xã

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021-2026 có 27 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: thạc sỹ là 01 người, chiếm 3,70%; đại học là 13 người, chiếm 48,15%; Cao đẳng là 02 người, chiếm 7,41%; trung cấp là 02 người, chiếm 7,41%, không trình độ 09 người, chiếm 33,33%

- Trình độ về lý luận chính trị: trung cấp là 13 người, chiếm 48,15%; sơ cấp là 05 người, chiếm 18,52%, chưa qua bồi dưỡng 09 người chiếm 33,33%.

b) Tổng số cán bộ, công chức là 18 người, gồm cán bộ 11 người, công chức 07 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: thạc sỹ là 02 người, chiếm 11,11%; đại học là 16 người, chiếm 88,89%.

- Trình độ lý luận chính trị: trung cấp là 13 người, chiếm 72,22%; sơ cấp 05 người, chiếm 27,78%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở xã là 09 người.

d) Hiện trạng bố trí Công an xã chính quy, tổng số có 05 người, gồm: 01 Trưởng công an, 01 Phó trưởng công an và 03 công an viên chính quy.

9. Về trình độ phát triển hạ tầng đô thị

a) Về công trình y tế

Xã Hồng Thái có 01 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về trạm y tế xã, diện tích 2.631 m². Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có 03 phòng khám tư nhân.

b) Về công trình hạ tầng thương mại

Xã Hồng Thái có 01 chợ Đình Trám, diện tích 6.962 m², 02 cửa hàng dịch vụ trung tâm 300 m² trở lên và 02 trung tâm mua bán trao đổi hàng hóa.

c) Về công trình giáo dục

Xã Hồng Thái có 02 trường Mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường trung học cơ sở; 100% số trường đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục và tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và đào tạo, trong đó 03 trường (Mầm non Hồng Thái, trường tiểu học và trường THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

d) Về đất công trình giáo dục

Tổng diện tích đất công trình giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã Hồng Thái là 47.581,1 m². Bình quân đất công trình giáo dục là 47.581,1 m²/11.488 người đạt 4,1 m²/người.

đ) Về đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao

Tổng diện tích các công trình văn hóa, thể dục thể thao phục vụ cho xã

Hồng Thái là 35.757 m²; bình quân diện tích sân tập luyện là 35.757 m²/11.488 người đạt 3,1 m²/người.

e) Về cấp điện sinh hoạt

Tổng sản lượng điện cho toàn xã Hồng Thái năm 2022 là 12.034.011 kwh/năm; trong đó, điện sinh hoạt cung cấp cho toàn xã 11.666.835 kwh/năm; tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt là 11.666.835 kwh/năm /11.488 người đạt 1.002 kwh/người/năm.

g) Về đất giao thông

Tổng diện tích đất giao thông tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông trên địa bàn xã là 339.994 m²; bình quân diện tích đất giao thông tính trên dân số là 339.994 m²/11.488 người đạt 29,6 m²/người.

h) Về tỷ lệ đường được chiếu sáng

Tổng chiều dài đường chính xã Hồng Thái là 25,9km, trong đó có 25,1km được chiếu sáng; tỷ lệ đường được chiếu sáng là 97%.

i) Về đất cây xanh sử dụng công cộng

Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn xã Hồng Thái là 24.134 m²; bình quân đất cây xanh sử dụng công cộng là 24.134/11.488 người đạt 2,1 m²/người.

k) Về tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch

Xã Hồng Thái hiện có 2.351 hộ dân. Có 2.231 hộ đang sử dụng nước sạch cấp từ nhà máy nước sạch; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại xã Hồng Thái đạt 95%

l) Về tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải hộ của 2.351/2.351 hộ gia đình trên địa bàn xã được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 2 ngăn hoặc 3 ngăn đảm bảo quy định về nước thải sinh hoạt.

m) Về mật độ đường cống thoát nước chính

Hệ thống thoát nước của xã sử dụng là các loại cống hỗn hợp và các mương rãnh với tổng chiều dài cống thoát nước chính là 17,376 km; diện tích đất xây dựng đô thị của xã Hồng Thái là 2,44 km²; mật độ đường cống thoát nước chính là 17,376/2,44 đạt 7,1 km/km².

n) Về tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã Hồng Thái là 7,4 tấn/ngày trong đó có 7,4 tấn hàng ngày được thu gom, xử lý theo quy định; tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt 100%.

10. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Sửa đổi; các số liệu thống kê đến 31/12/2022, UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Hồng Thái, gồm:

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Quy mô dân xã Hồng Thái tính đến 31/12/2022 là 11.488 người, trong đó dân số thường trú là 11.189 người, dân số tạm trú là 299 người.

Đánh giá: Đạt

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: Xã Hồng Thái có 5,9 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Hồng Thái năm 2022 đạt 29,7 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 29,65 tỷ đồng. Cân đối dư.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2020 - 2022) của huyện Việt Yên là 1,80% (năm 2020 là 1,65%; năm 2021 là 2,36%; năm 2022 là 1,40%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm (2020 - 2022) của xã Hồng Thái là 1,23% (năm 2020 là 1,43%; năm 2021 là 1,41%; năm 2021 là 0,85%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Hồng Thái là 6.963 người; trong đó, lao động nông nghiệp là 1.168 người, chiếm 16,8%; lao động phi nông nghiệp là 5.795 người, chiếm 83,2%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Hồng Thái đã được đánh giá, công nhận đạt 13/13 tiêu chuẩn để thành lập phường theo quy định tại Văn bản số: ... của Bộ Xây dựng.

Như vậy, phường Hồng Thái dự kiến thành lập thuộc thị xã Việt Yên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

IV. HIỆN TRẠNG XÃ NINH SƠN

1. Lịch sử hình thành

Đầu thế kỷ XIX, các xã (tức làng) Ninh Động, Mai Vũ, Phúc Ninh, Nội Ninh, Giá Sơn, Hữu Nghi thuộc tổng Quang Biểu, huyện Việt Yên, phủ Bắc Hà, trấn Kinh Bắc; xã Cao Lôi thuộc tổng Mật Ninh, huyện Yên Dũng, phủ Bắc Hà, trấn Kinh Bắc. Sau khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, để phục vụ cho chính sách cai trị, chính quyền thực dân đã điều chỉnh lại địa giới các đơn vị từ tỉnh đến huyện, tổng, xã.

Cuối thế kỷ XIX, xã Ninh Động, Mai Vũ, Phúc Ninh, Nội Ninh, Giá Sơn, Hữu Nghi thuộc tổng Quang Biểu cắt về tổng Mật Ninh, huyện Việt Yên. Đơn vị hành chính này tồn tại đến trước Cách mạng tháng Tám 1945.

Sau Cách mạng tháng Tám thành công, đơn vị hành chính tổng bị bãi bỏ. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập, đơn vị hành chính liên xã bao gồm nhiều xã (làng). Xã Ninh Sơn ra đời gồm các xã cũ: Ninh Động, Mai Vũ, Phúc Ninh, Nội Ninh, Hữu Nghi. Xã Cao Lôi cùng với Khả Lý Thượng và Khả Lý Hạ lập thành xã Khả Cao, xã Giá Sơn cùng với Chu Xá, Nam Ngạn, Đạo Ngạn lập thành xã Chu Ngạn.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, để phục vụ cho việc chỉ đạo trong hoàn cảnh chiến tranh, ngày 02/5/1949, Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu I ra Quyết định số 223 CP/4 sáp nhập 03 xã Ninh Sơn, Khả Cao, Quang Trung (gồm 02 làng Mật Ninh, Sen Hồ và làng Giá Sơn cắt từ Chu Ngạn sang) thành một xã lấy tên là xã Quảng Minh. Tháng 10/1954, xã Quảng Minh chia thành 02 xã: Ninh Sơn và Quảng Minh.

Xã Ninh Sơn gồm 7 thôn: Cao Lôi, Ninh Động, Mai Vũ, Phúc Ninh, Nội Ninh, Giá Sơn, Hữu Nghi.

Tên một số làng của Ninh Sơn cũng có những thay đổi: làng Cao Lôi trước đây gọi là làng Chối, Mai Vũ là Mai Đường, rồi Mai Đình, Hữu Nghi là Hữu Lân, bốn làng Nội Ninh, Phúc Ninh, Mai Vũ, Ninh Động có tên chung là Tứ đình Nội. Có làng đã ghi vào văn tự, sổ sách như Chối, Mai Đường, Mai Đình, Hữu Lân, nhưng cũng có những tên gọi chỉ tồn tại trong dân gian, trong quan hệ giao lưu như Nội. Tên làng cũ sau này đã được thay bằng tên mới.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Ninh Sơn là xã trung du nằm ở phía Nam huyện Việt Yên, tiếp giáp với thị trấn Nénh; địa bàn xã có đường vành đai 4 chạy qua kết nối với đường tỉnh 295B đi thị trấn Bích Động.

b) Địa giới hành chính

- Phía Nam giáp tỉnh Bắc Ninh và xã Quang Châu;
- Phía Tây giáp xã Tiên Sơn;
- Phía Bắc giáp xã Trung Sơn và Quảng Minh;
- Phía Đông giáp xã Quảng Minh và thị trấn Nénh.

c) Điều kiện tự nhiên

Ninh Sơn là một vùng đất tiếp giáp giữa trung du và đồng bằng, nằm trên khu vực thềm mài mòn cũ bị chia cắt yếu của nền phù sa cổ, do đó địa hình không bằng phẳng, bậc thang, ruộng đất phần lớn là ruộng trũng có nhiều ao, hồ.

Ninh Sơn nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng nhiệt đới gió mùa, mỗi năm có 04 mùa rõ rệt; lượng mưa trung bình hằng năm từ 1.500mm-1.700mm; độ ẩm trung bình là 82%; khí hậu Ninh Sơn rất thuận lợi cho việc sinh trưởng của cây lúa, hoa màu, cây ăn quả và luân canh tăng vụ.

Giao thông của xã trước đây rất khó khăn, từ làng nọ sang làng kia, từ xã này đi sang xã xung quanh chỉ có những con đường nhỏ dành cho người đi bộ. Sau khi phát xít Nhật xâm lược nước ta, chúng mở con đường mòn từ Quốc lộ

1A qua Sen Hồ, Mật Ninh, Nội Ninh đi cống Dông lên đê sông Cầu thành con đường dành cho ô tô có thể đi lại được phục vụ cho chiến tranh, con đường này nhân dân vẫn quen gọi là đường Đê.

Hiện nay đường giao thông của xã được cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới, đường Đê từ Quốc lộ 1A đến Nội Ninh đã được mở rộng, rải nhựa, con đường mới làm trong những năm 60 của thế kỷ XX nối từ đường Đê (nhân dân vẫn quen gọi địa điểm này là Biển tin), qua trung tâm xã đi Cao Lôi ra chùa Bỏ Đà cũng được nâng cấp rải nhựa, đó là 02 trục chính của xã, mọi hoạt động giao lưu kinh tế, đi lại của nhân dân trong xã đều thông qua hai tuyến đường này.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Xã Ninh Sơn có diện tích tự nhiên là 7,99 km² (bằng 799 ha).

Trong đó:

a) Đất xây dựng đô thị là 1,88 km² (bằng 188 ha), gồm:

- Đất dân dụng là 176,7 ha:

+ Đất khu ở là 92,30 ha.

+ Đất công trình công cộng là 84,40 ha.

- Đất ngoài dân dụng là 11,30 ha:

+ Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 1,60 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,20 ha.

+ Đất an ninh quốc phòng là 0 ha.

+ Đất nghĩa trang nghĩa địa là 3,1 ha.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 6,40 ha.

b) Đất khác là 611 ha

- Đất nông nghiệp là 573,9 ha.

- Đất mặt nước chuyên dùng là 0 ha.

- Đất chuyên dùng khác là 21,40 ha.

- Đất chưa sử dụng là 15,7 ha.

4. Dân số, lao động

a) Xã Ninh Sơn có 9.268 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 9.225 người.

- Dân số tạm trú quy đổi là 43 người.

- Mật độ dân số 1.160 người/km².

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh.

b) Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Ninh Sơn là 5.920 người; trong đó, lao động nông nghiệp là 1.000 người, chiếm 16,9%; lao động phi nông nghiệp là 4.920 người, chiếm 83,1%.

c) Xã Ninh Sơn có 7 thôn gồm: thôn Cao Lôi; thôn Ninh Động; thôn Phúc Ninh; thôn Hữu Nghi; thôn Giá Sơn; thôn Mai Vũ; thôn Nội Ninh.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

Năm 2022, trong điều kiện tình hình kinh tế cả nước nói chung và địa phương nói riêng vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, giá cả thường xuyên biến động, tình hình dịch bệnh phát sinh, đặc biệt là dịch Covid-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của nhân dân; bên cạnh đó, điều kiện thời tiết không thuận lợi đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

Song, bằng sự quyết tâm, nỗ lực, tích cực chỉ đạo, tổ chức thực hiện của cấp ủy Đảng, chính quyền, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của nhân dân. Bên cạnh những thuận lợi như ổn định tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, kìm chế được lạm phát, nền kinh tế của địa phương cơ bản được giữ vững, ổn định và có phân tăng trưởng khá.

a) Về phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất năm 2022 của xã Ninh Sơn (theo giá so sánh 2010) đạt 331 tỷ đồng, tăng 32 tỷ đồng so với năm 2021. Trong đó: Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng đạt 229 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 13,91%; thương mại, dịch vụ đạt 20 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 6,06%; nông, lâm, ngư nghiệp đạt 82,6 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 2,29%.

Cơ cấu giá trị sản xuất: Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng chiếm 64,27%; thương mại, dịch vụ chiếm 10,37%; nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 25,36% trong cơ cấu giá trị sản xuất của xã (theo giá hiện hành).

b) Phát triển ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - xây dựng

Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng năm 2022 đạt 229 tỷ đồng. Địa bàn xã hiện có 19 doanh nghiệp, 141 cơ sở kinh tế cá thể. Hoạt động công nghiệp - xây dựng chủ yếu các lĩnh vực ...

- Thương mại - dịch vụ:

Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ năm 2022 đạt 20 tỷ đồng. Địa bàn xã có 241 hộ sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ, ngành nghề; một số cơ sở kinh doanh lớn, góp phần phát triển thương mại - dịch vụ của xã như: kinh doanh vật liệu xây dựng; cơ khí; mộc dân dụng; vật tư nông nghiệp.... tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho lao động tại các doanh nghiệp với mức thu nhập bình quân từ 7,6 triệu đồng/người/tháng.

- Nông - lâm nghiệp, thủy sản

Giá trị Nông – lâm nghiệp, thủy sản năm 2022 đạt 82,6 tỷ đồng.

Thường xuyên kiểm tra tình hình sản xuất; tăng cường công tác tuyên truyền đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Tổng diện tích gieo trồng luân vụ năm 2022 là 1.073 ha, trong đó: cây lúa có diện tích 798 ha, năng suất đạt 62,5 tạ/ha, tổng sản lượng thóc đạt 4.987 tấn, tăng 1,95% so với năm 2021; cây lạc, diện tích 73 ha, năng suất đạt 25 tạ/ha, sản lượng đạt 183 tấn; rau khác, diện tích 172 ha, năng suất đạt 250 tạ/ha, sản lượng đạt 4.300 tấn. Tiếp tục duy trì 03 mô hình cánh đồng mẫu tại thôn Nội Ninh; Phúc Ninh và Ninh Động.

Thường xuyên phối hợp với các ngành chuyên môn của xã như Hội Nông dân, Hội phụ nữ xã tổ chức thăm đồng, kiểm tra đồng ruộng, dự tính, dự báo tình hình, diễn biến của các đối tượng sâu bệnh hại từ đó có biện pháp chỉ đạo nông dân phòng trừ có hiệu quả. Bên cạnh đó, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền thực hiện tiến bộ khoa học và nuôi thả, diện tích nuôi trồng thủy sản toàn xã là 28,16 ha, sản lượng bình quân khoảng 10 tấn/ha/năm, thu nhập bình quân khoảng 250 triệu đồng/ha/năm. Tổng số đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn xã là 49.007 con. Trong đó: đàn trâu có 12 con, đàn bò có 1.015 con, đàn lợn có 680 con, gia cầm có 47.300; sản lượng thịt hơi các loại đạt 1.095 tấn.

c) Thu chi ngân sách, công tác tài chính.

- Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã năm 2022 đạt 42,16 tỷ đồng.

- Chi ngân sách đã bám sát phân khai của huyện, Nghị quyết của HĐND xã; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tổng chi ngân sách đạt 39,57 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là 5,46 tỷ đồng.

d) Thu nhập bình quân đầu người đạt từ 29,3 triệu đồng năm 2015, tăng lên 51,4 triệu đồng năm 2019 và đạt 65 triệu đồng vào năm 2022; tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã năm 2022 giảm còn 1,31%; bình quân giai đoạn 2020 - 2022 là 1,76%, thấp hơn bình quân 3 năm (2020-2022) của huyện Việt Yên là 1,80%.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

Công tác giáo dục, đào tạo thường xuyên được quan tâm đầu tư và phát triển. Công tác phổ cập giáo dục đạt 100%; 100% các cháu trong độ tuổi vào trường mầm non; 100% số học sinh 6 tuổi vào tiểu học; tỷ lệ học sinh lên lớp đạt 100% kế hoạch năm; tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 100% kế hoạch. Tổng số có 109 cán bộ, giáo viên, trong đó có 91,74% cán bộ, giáo viên đạt trên chuẩn.

Tổng số học sinh ở các cấp học là 2.011 học sinh, tỷ lệ học sinh lớp 9 vào lớp 10 đạt 100% kế hoạch, tỷ lệ học sinh thực hiện hạnh kiểm đầy đủ, đạt 100%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) hàng năm, đạt 100% kế hoạch. Giữ vững danh hiệu chuẩn quốc gia 3 trường trong xã, trong đó trường tiểu học đạt chuẩn mức độ 2. Năm 2022, thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hoàn thiện hồ sơ đề nghị chuẩn mức độ 2 đối với trường mầm non.

b) Y tế, dân số, kế hoạch hoá gia đình

- Công tác y tế

Tổng số khám chữa bệnh là 3.000 lượt, đạt 100% kế hoạch năm 2022; đảm bảo tốt công tác tiêm chủng mở rộng đạt 100% kế hoạch; cho trẻ uống Vitamin A đạt 100% kế hoạch; tỷ lệ trẻ bị suy dinh dưỡng chiếm 9,8% đạt 100% kế hoạch; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch, triển khai công tác truyền thông giáo dục sức khỏe cho cộng đồng được 50 bài, lồng ghép truyền thông được 15 buổi; xây dựng kế hoạch triển khai lập hồ sơ, khám, quản lý sức khỏe người dân trên địa bàn xã. Tổ chức Lễ phát động “Tháng hành động vì an toàn thực phẩm” năm 2022; làm tốt công tác kiểm tra vệ sinh môi trường, kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, làm tốt công tác tuyên truyền, phòng chống dịch, bệnh trong nhân dân, đặc biệt đã triển khai làm tốt công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn xã.

- Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình

Làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, tích cực tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện tốt công tác dân số kế hoạch hoá gia đình; tổ chức chiến dịch chăm sóc sức khỏe sinh sản năm 2022. Tổng số

trẻ sinh năm 2022 là 123 trẻ, tăng 0,81% so với năm 2021, trong đó sinh con thứ 3 là 12 trẻ; tỷ suất tăng dân số tự nhiên là 9,57‰.

c) Công tác văn hoá, thông tin, thể thao

Duy trì tốt hệ thống đài truyền thanh, kịp thời cung cấp những thông tin phục vụ đời sống, sinh hoạt của nhân dân; tuyên truyền chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, tuyên truyền chào mừng đại hội Đảng các cấp, đặc biệt là làm tốt công tác tuyên truyền, tiếp sóng tuyên truyền phòng, chống dịch Covid-19 với tổng số 30 chương trình, 261 lượt tin bài, 02 chương trình trang địa phương với 6 tin, 01 bài phát trên sóng đài truyền thanh huyện. Phát 2.163 tờ rơi phòng, chống dịch Covid-19. Treo hàng trăm lượt cờ tổ quốc, tổ chức hàng trăm lượt tuyên truyền lưu động phòng, chống dịch Covid-19. Các câu lạc bộ văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao được duy trì và phát triển; làm tốt công tác tuyên truyền thực hiện nếp sống văn hoá, xây dựng làng văn hoá, gia đình văn hoá; Năm 2022 có 2.011 gia đình văn hóa, đạt 93,0%, tăng 2,6 % so với năm 2021; 7/7 làng đạt danh hiệu văn hoá, hoàn thành 116,7% kế hoạch năm, bằng 100% so với năm 2021.

d) Thực hiện công tác chính sách xã hội

Làm tốt công tác giải quyết chế độ cho những đối tượng chính sách, nhận và chi trả trợ cấp cho các đối tượng đảm bảo đúng quy định, tổ chức vệ sinh, tu sửa, thăm viếng nghĩa trang liệt sỹ, làm tốt công tác chính sách ở địa phương, thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng chính sách, hộ nghèo. Tổng các xuất quà và hỗ trợ khó khăn trong dịp tết nguyên đán là 541 xuất, trị giá 251,1 triệu đồng; dịp 27/7 là 197 xuất, trị giá 137,9 triệu đồng. Tiếp tục rà soát, làm tốt công tác giảm nghèo, tổng số hộ nghèo toàn xã hiện nay là 29 hộ, chiếm tỷ lệ 1,31% (giảm 18 hộ so với năm 2021).

Năm 2022, số lao động nông thôn được giải quyết việc làm 180 người, đạt 101,1% so với kế hoạch, giảm 16,7% so với năm 2021; xuất khẩu lao động 7 người, hoàn thành 100% so với kế hoạch, giảm 85,7% so với năm 2021; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 72%, bằng 100 % so với kế hoạch năm, tăng 1,0% so với năm 2021.

7. An ninh trật tự

a) Công tác quân sự

Duy trì nghiêm túc chế độ trực sẵn sàng chiến đấu của Ban chỉ huy quân sự, phối hợp với công an tổ chức giao ban hàng tháng trao đổi nắm bắt thông tin; tổ chức trực sẵn sàng chiến đấu vào các ngày lễ, ngày tết, các ngày diễn ra các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước như: bảo vệ tết Nguyên đán, bảo vệ ngày 30/4, 1/5, 07/5 bảo đảm theo kế hoạch..., tổ chức sơ tuyển cho 103 thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ, trong đó đủ điều kiện khám tuyển tại huyện 94 thanh niên, hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao. Quản lý tốt nguồn dự bị động viên, đăng ký dự bị động viên cho quân nhân hoàn thành nhiệm vụ về địa phương. Cùng với cấp ủy Đảng, chính quyền tổ chức và thực hiện tốt các công tác thăm hỏi động viên các đối tượng gia đình chính sách vào những ngày lễ tết với nhiều xuất quà.

b) An ninh trật tự

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững, ổn định; duy trì nghiêm chế độ trực, giao ban của công an xã; thường xuyên tuần tra, kiểm tra bảo đảm tình hình an ninh trật tự, đặc biệt là bảo đảm an ninh trật tự và tổ chức tuần tra, kiểm soát làm công tác trật tự an toàn giao thông; trên địa không xảy ra vụ việc nghiêm trọng nào làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự. Năm 2022, đã ra quyết định xử phạt 68 trường hợp công dân vi phạm Chỉ thị 16 của Chính phủ, với tổng số tiền 74 triệu đồng, xử lý 4 xe đạp thể thao và 3 xe máy của công dân vi phạm trong công tác phòng, chống dịch Covid-19.

8. Tổ chức hệ thống chính trị

a) Hội đồng nhân dân xã

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021-2026 có 26 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn đại học là 12 người, chiếm 46,15%; trung cấp là 01 người, chiếm 3,85%; chưa qua đào tạo là người 13, chiếm 50%.

- Trình độ về lý luận chính trị: trung cấp là 12 người, chiếm 46,15%; sơ cấp là 8 người, chiếm 30,77%; chưa được bồi dưỡng 06 người; chiếm 23,08%.

b) Tổng số cán bộ, công chức là 20 người, gồm cán bộ 10 người, công chức 10 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: đại học là 18 người, chiếm 90%; cao đẳng là 01 người, chiếm 5%; trung cấp là 01 người, chiếm 5%.

- Trình độ lý luận chính trị: trung cấp là 18 người, chiếm 90%; sơ cấp 02 người, chiếm 10%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở xã là 07 người.

d) Hiện trạng bố trí Công an xã chính quy, tổng số có 5 người, gồm: 01 Trưởng Công an; 01 Phó Trưởng Công an; 03 công an viên chính quy.

9. Về trình độ phát triển hạ tầng đô thị

a) Về công trình y tế

Xã Ninh Sơn có 01 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về trạm y tế xã, diện tích 1.627 m².

b) Về công trình hạ tầng thương mại

Xã Ninh Sơn có 01 chợ 2.000 m², có 03 cửa hàng dịch vụ trung tâm 300 m² trở lên và 04 trung tâm mua bán trao đổi hàng hóa

c) Về công trình giáo dục

Xã Ninh Sơn có 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học và 01 trường trung học cơ sở. Các trường đều đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục. Trường mầm non và tiểu học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 của Bộ Giáo dục và đào tạo. Trường trung học cơ sở đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

d) Về đất công trình giáo dục

Tổng diện tích đất công trình giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã Ninh Sơn là 33.231,5 m². Bình quân đất công trình giáo dục là 33.231,5 m²/9.268 người đạt 3,6 m²/người.

đ) Về đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao

Tổng diện tích các công trình văn hóa, thể dục thể thao phục vụ cho xã Ninh Sơn là 31.714 m². Bình quân diện tích sân tập luyện là 31.714 m²/9.268 đạt 3,4 m²/người.

e) Về cấp điện sinh hoạt

Tổng sản lượng điện cho toàn xã Ninh Sơn năm 2022 là 7.844.329 kwh/năm; trong đó, cho sinh hoạt cung cấp cho toàn xã 7.477.153 kwh/năm; tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt là 7.477.153/9.268 đạt 803 kwh/người/năm.

g) Về đất giao thông

Tổng diện tích đất giao thông tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông trên địa bàn xã là 177.260 m²; bình quân diện tích đất giao thông tính trên dân số là 177.260 m²/9.268 người đạt 19,1 m²/người.

h) Về tỷ lệ đường được chiếu sáng

Tổng chiều dài đường chính xã Ninh Sơn là 17,3km, trong đó có 16,6km được chiếu sáng; tỷ lệ đường được chiếu sáng là 95,4%.

i) Về đất cây xanh sử dụng công cộng

Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn xã Ninh Sơn là 19.978 m²; bình quân đất cây xanh sử dụng công cộng là 19.978 m²/9.268 người đạt 2,16 m²/người.

k) Về tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch

Xã Ninh Sơn hiện có 2.221 hộ dân, trong đó có 2.095 hộ đang sử dụng nước sạch cấp từ nhà máy nước sạch; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại xã Ninh Sơn đạt 94%.

l) Về tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải hộ của 2.221/2.221 hộ gia đình trên địa bàn xã được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 2 ngăn hoặc 3 ngăn đảm bảo quy định về nước thải sinh hoạt.

m) Về mật độ đường cống thoát nước chính

Hệ thống thoát nước của xã sử dụng là các loại cống hỗn hợp và các mương rãnh với tổng chiều dài cống thoát nước chính là 10 km; diện tích đất xây dựng đô thị của xã Ninh Sơn là 1,49 km²; mật độ đường cống thoát nước chính là 10/1,49 đạt 6,7 km/km².

n) Về tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã Ninh Sơn là 3,7 tấn/ngày trong đó có 3,7 tấn hàng ngày được thu gom, xử lý theo quy định; tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt 100%.

10. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Sửa đổi; các số liệu thống kê đến 31/12/2022, UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Ninh Sơn, gồm:

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Quy mô dân xã Ninh Sơn tính đến 31/12/2022 là 9.268 người, trong đó dân số thường trú là 9.225 người, dân số tạm trú quy đổi là 43 người.

Đánh giá: Đạt

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: xã Ninh Sơn có 7,99 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Ninh Sơn năm 2022 đạt 42,16 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 39,57 tỷ đồng. Cân đối dư.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2020 - 2022) của huyện Việt Yên là 1,80% (năm 2020 là 1,65%; năm 2021 là 2,36%; năm 2022 là 1,40%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm (2020 - 2022) của xã Ninh Sơn là 1,76% (năm 2020 là 1,85%; năm 2021 là 2,12%; năm 2021 là 1,31%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Ninh Sơn là 5.920 người; trong đó, lao động nông nghiệp là 1.000 người, chiếm 16,9%; lao động phi nông nghiệp là 4.920 người, chiếm 83,1%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Ninh Sơn đã được đánh giá, công nhận đạt 13/13 tiêu chuẩn để thành lập phường theo quy định tại Văn bản số: ... của Bộ Xây dựng.

Như vậy, phường Ninh Sơn dự kiến thành lập thuộc thị xã Việt Yên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

V. HIỆN TRẠNG XÃ QUANG CHÂU

1. Lịch sử hình thành

Thời Nguyễn, huyện Yên Việt đổi thành huyện Việt Yên; phủ Bắc Hà đổi thành phủ Thiên Phúc (1823), sau đó đổi thành phủ Đa Phúc; trấn kinh Bắc đổi thành tỉnh Bắc Ninh (1831). Tổng Quang Biểu có thay đổi, xã Đông Xá đổi là Đông Tiền, rồi Đông Tiến; xã Nam Ngạn tách ra một xã mới gọi là xã Đạo Ngạn phần lớn gồm những gia đình theo đạo Gia tô; xã Hữu Lân đổi thành Hữu Nghi; xã Mai Đình đổi thành Mai Đường, rồi Mai Vũ. Năm 1892, Tổng Quang Biểu chỉ còn 4 xã là: Quang Biểu, Đông tổng Mật Ninh, huyện Việt Yên từ phủ Đa Phúc chuyển về Phủ Lạng Giang, tổng Quang Biểu từ huyện Việt Yên chuyển

sang huyện Yên Dũng. Năm 1899, tổng Quang Biểu lập thêm một xã mới là Chu Xá, đến năm 1910 tổng Quang Biểu gồm 5 xã trở lại huyện Việt Yên.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, đơn vị hành chính cấp tổng bị xoá bỏ. Các xã Chu Xá, Nam Ngạn, Đạo Ngạn hợp thành xã Chu Ngạn; xã Quang Biểu, Đông Tiến hợp thành xã Quang Tiến thuộc huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang; đến tháng 7/1949, xã Quang Tiến và Chu Ngạn hợp nhất thành xã Quang Châu cho đến nay.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Nằm ở phía Nam huyện Việt Yên, cách trung tâm huyện lỵ khoảng 7 km về phía Nam; xã Quang Châu có đường sắt Hà Nội - Mục Nam Quan, Quốc lộ 1A, đường tỉnh 295B xuyên qua xã theo hướng Bắc - Nam. Đầu mối giao thông không những tạo nên vẻ đẹp hùng vĩ của quê hương mà còn rất thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế, văn hoá với nhiều nơi trong vùng và cả nước.

b) Địa giới hành chính xã Quang Châu:

- Phía Bắc giáp thị trấn Nénh;
- Phía Đông giáp xã Vân Trung và tỉnh Bắc Ninh;
- Phía Tây giáp xã Ninh Sơn;
- Phía Nam giáp tỉnh Bắc Ninh.

c) Điều kiện tự nhiên

Quang Châu thuộc khu vực có nhiệt độ trung bình 20 - 23°C; có khoảng 1.760 giờ nắng/năm, năm mưa thấp nhất cho vũ lượng 950mm, năm cao nhất tới 2.100mm; một năm có tới 180 ngày mưa, phần nhiều rơi vào tháng 7, tháng 8, tháng 9. Các yếu tố khí hậu ở Quang Châu cũng như các vùng xung quanh tạo nhiều yếu tố thuận lợi cho nền kinh tế lấy trồng trọt và chăn nuôi là chính. Các loại cây, con có vòng đời dài ngắn khác nhau đều thích hợp với thời tiết và khí hậu, đây chính là sự tác động đến sản xuất và đời sống của con người.

Trên cơ sở điều kiện tự nhiên cũng như có sự tác động của con người đã tạo ra một hệ quả nông hoá thổ nhưỡng có nhiều khác biệt so với khu vực xung quanh, ruộng đồng của Quang Châu chạy thành vòng cung ôm lấy phía Tây nam phía trên núi Nham Biền đến xã Vân Trung được hình thành do bồi tụ phù sa của Sông cầu, nó biến đổi từ vùng sinh lầy, rừng hoang sơ thành ruộng.

Do địa hình thấp ven sông, nước đọng nên trước đây chỉ cấy được một vụ trong năm. Hơn nữa, đất tuy giàu đạm, nhưng có độ chua, các chất khí mê tan và các chất hoá học khác làm đen rễ lúa có ảnh hưởng đến sự phát triển của cây trồng; một số chân ruộng vẫn cấy lúa mùa nhưng ít được thu hoạch, có khi bị hạn hán hoặc bị ngập vì úng.

Hệ thống ngòi, đầm, ao hồ ở Quang Châu rất ít, là một vùng đồng trũng trải rộng nên chỉ có một số cống chảy ra sông, to nhất là cống Quang Biểu.

Những năm trở lại đây, đồng ruộng Quang Châu đã có nhiều biến đổi phần lớn từ một vụ thành hai vụ, công tác thuỷ lợi được tiến hành liên tục để giải quyết tưới tiêu; các biện pháp khoa học kỹ thuật được đẩy mạnh đã tạo cho Quang Châu một tiềm năng mới bởi trí tuệ và sức lao động của con người làm cho nền kinh tế nông nghiệp không ngừng phát triển.

Đất đai, sông, núi, đồng ruộng Quang Châu là tài nguyên vô giá, người dân Quang Châu xưa nay đã biết quý trọng mảnh đất và bầu trời quê hương, phần đầu không ngừng tạo nên những giá trị mới về kinh tế về môi trường để đời đời chúng ta, con cháu ta mai sau tận hưởng.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Xã Quang Châu có diện tích tự nhiên là 9,01 km² (bằng 901,30 ha).

Trong đó:

a) Đất xây dựng đô thị là 4,74 km² (bằng 474 ha), gồm:

- Đất dân dụng là 248,30 ha:

+ Đất khu ở là 123,10 ha.

+ Đất công trình công cộng là 125,20 ha.

- Đất ngoài dân dụng là 225,70 ha:

+ Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 207,60 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,80 ha.

+ Đất an ninh quốc phòng là 01 ha.

+ Đất nghĩa trang nghĩa địa là 8,3 ha.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 08 ha.

b) Đất khác là 427,30 ha

- Đất nông nghiệp là 368,7 ha.

- Đất mặt nước chuyên dùng là 0 ha.

- Đất chuyên dùng khác là 55,10 ha.

- Đất chưa sử dụng là 3,5 ha.

4. Dân số, lao động

a) Xã Quang Châu có 17.352 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 16.429 người.

- Dân số tạm trú quy đổi là 923 người.

- Mật độ dân số 1.926 người/km².

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh.

b) Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Quang Châu là 11.327 người; trong đó,

lao động nông nghiệp là 1.532 người, chiếm 13,5%;

lao động phi nông nghiệp là 9.795 người, chiếm 86,5%.

c) Xã Quang Châu có 8 thôn gồm: Thôn Quang Biểu, Đông Tiến, Nam Ngạn, Đạo Ngạn 2, Chu Xá, Đạo Ngạn 1, Tam Tầng, Núi Hiếu.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

Năm 2022 là năm thứ hai của nhiệm kỳ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, là năm địa phương gặp nhiều khó khăn thách thức đặc biệt là tình hình dịch bệnh Covid-19 có diễn biến phức tạp, là tâm dịch cả nước vào thời điểm đầu, tỉnh và huyện từ đó đã ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế, đời sống vật chất tinh thần của người dân địa phương cũng như việc thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022. Song với sự lãnh, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, UBND huyện; sự đồng thuận cao của MTTQ và các đoàn thể chính trị cùng sự ủng hộ của các tầng lớp nhân

dân trong xã trong thực hiện “mục tiêu kép” vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế.

a) Về phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn (theo giá so sánh năm 2010) đạt 74.330 tỷ đồng, tăng 20.234 tỷ so với năm 2021; đạt 105% so với kế hoạch năm 2022. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 74.201 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 24,82%; giá trị dịch vụ thương mại đạt 25,8 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 6,05%; giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản đạt 103 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 2,29%.

Cơ cấu giá trị sản xuất: giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng chiếm 99,71%; giá trị dịch vụ thương mại chiếm 0,1%; giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản chiếm 0,19% trong cơ cấu kinh tế của xã (theo thời giá hiện hành).

b) Phát triển ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - xây dựng:

Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng năm 2022 đạt 74.201 tỷ đồng. Địa bàn xã hiện có 75 doanh nghiệp, 15 cơ sở kinh tế cá thể. Hoạt động công nghiệp - xây dựng chủ yếu các lĩnh vực: Vận tải, vật liệu xây dựng...

Trong năm 2022, xã đã tạo điều kiện về cơ chế chính sách cho các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh hoạt động theo đúng quy định của pháp luật. Các công ty, nhà máy, xí nghiệp trên địa bàn được đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông và các hạ tầng phụ trợ khác, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, số doanh nghiệp đang hoạt động chiếm khoảng 90%. Sau khi dịch bệnh được kiểm soát, xã đã thực hiện các giải pháp hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc thực hiện khu nhà trọ an toàn cho công dân, đảm bảo công tác an ninh trật tự trên địa bàn.

Trong năm, xã đã tập trung quy hoạch và xây dựng 05 dự án, trong đó đã hoàn thành xong dự án trọng điểm khu dân cư Đồng Vân và Bắc Quang Châu, các dự án còn lại đang đang tiếp tục thực hiện.

- Thương mại - dịch vụ;

Giá trị thương mại - dịch vụ năm 2022 đạt 25,8 tỷ đồng. Địa bàn xã có 1.250 hộ sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ, ngành nghề; một số cơ sở kinh doanh lớn, góp phần phát triển thương mại - dịch vụ của xã như: kinh doanh nhà trọ, tạp hóa, thực phẩm....tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho lao động tại các doanh nghiệp với mức thu nhập bình quân từ 7-10 triệu đồng/người/tháng.

Dịch Covid-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động thương mại trên địa bàn, đặc biệt là thời gian địa phương là tâm dịch và thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên khi dịch bệnh được kiểm soát, hoạt động buôn bán hàng hóa nhanh chóng được trở lại trạng thái bình thường. Hiện nay trên địa bàn xã có 1.250 hộ sản xuất kinh doanh dịch vụ trong đó dịch vụ cho thuê phòng trọ chiếm 70%, kinh doanh vận tải và vật liệu xây dựng chiếm 10%, còn 20% là các hộ sản xuất kinh doanh khác; trên 4.000 công nhân đang làm việc tại các khu, cụm công nghiệp trong và ngoài xã; thu nhập từ 7-10 triệu đồng/người/tháng.

- Nông - lâm nghiệp, thủy sản

Giá trị Nông – lâm nghiệp, thủy sản năm 2022 đạt 103 tỷ đồng. Tập trung triển khai thực hiện các giải pháp theo hướng nâng cao giá trị sản xuất/ diện tích đất nông nghiệp; đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, đổi mới cơ cấu giống vào mùa vụ, tăng cường đầu tư thâm canh, chủ động các phương án phòng, chống, khắc phục thiệt hại cho cây trồng. Trồng trọt: Cây lúa gieo trồng cả năm được 500 ha (*đạt 100% so với kế hoạch huyện giao*), năng suất bình quân cả năm đạt 65 tạ/ha (*tăng 05 tạ so với cùng kỳ và tăng 2,5 tạ so với kế hoạch huyện giao*); sản lượng lương thực đạt 3.250 tấn (*đạt 100% kế hoạch huyện giao*).

Các loại cây rau màu: Cây lạc tổng diện tích 2 ha (*đạt 200% KH huyện giao*), năng suất trung bình 25 tạ/ha, sản lượng: 50 tạ (*đạt 200% KH huyện giao*); diện tích cây khoai lang 2 ha, năng suất 135 tạ/ha, sản lượng 270 tạ (*đạt 100% KH huyện giao*). Rau màu các loại tổng diện tích 20 ha, năng suất 130 tạ/ha; sản lượng 270 tấn (*đạt 100% KH huyện giao*).

Chăn nuôi, thú y: Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm phát triển ổn định, chăn nuôi lợn đang từng bước được phục hồi. Tổng số trâu bò: 215 con (*tăng 65 con so với cùng kỳ 2021, đạt 35% so với kế hoạch*); đàn lợn 1.350 con (*tăng 400 con so với cùng kỳ, đạt 100 % kế hoạch giao*), đàn gia cầm 129.000 con (*đạt 243% so với kế hoạch*); tổng sản lượng thịt hơi các loại: 1.400 tấn (*đạt 93% so với kế hoạch*)

c) Thu chi ngân sách, công tác tài chính.

- Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã năm 2022 đạt 153,3 tỷ đồng, tăng 76% so với kế hoạch giao.

- Chi ngân sách đã bám sát phân khai của huyện, Nghị quyết của HĐND xã; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tổng chi ngân sách đạt 99,46 tỷ đồng, tăng 76% so với kế hoạch giao, trong đó chi thường xuyên là 5,85 tỷ đồng.

Thu nhập bình quân đầu người đạt 80 triệu đồng vào năm 2022

d) Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã năm 2022 giảm còn 28 hộ, bằng 0,86% (giảm 33 hộ so với năm 2021); bình quân giai đoạn 2020 - 2022 là 1,45%, thấp hơn bình quân 3 năm (2020-2022) của huyện Việt Yên là 1,80%.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

a) Giáo dục và đào tạo

Những tháng đầu năm 2022, dịch bệnh Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp đã làm gián đoạn các hoạt động giáo dục và quá trình học tập của học sinh. Thực hiện sự chỉ đạo của ngành giáo dục đào tạo, xã Quang Châu tiếp tục triển khai thực hiện tốt “nhiệm vụ kép” vừa tập trung các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19 vừa khôi phục và đẩy mạnh các hoạt động giáo dục nhằm hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm năm học 2021-2022; tích cực tham gia trong công tác phòng chống dịch, 100% các trường chuẩn bị các điều kiện để sẵn sàng xử lý các trường hợp nghi nhiễm Covid-19; có 6/6 trường được trang bị đầy đủ cho công tác phòng chống dịch.

Cơ sở vật chất trường lớp, trang thiết bị dạy học và hạ tầng tiếp tục được đầu tư theo hướng kiên cố, chuẩn hoá, đồng bộ và hiện đại. Đến nay, toàn xã có 3/3 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 100%, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 100% kế hoạch, hiện đang đầu tư xây dựng khu nhà 02 tầng 8 phòng học tại trường mầm non khu Đạo Ngạn 1; các trường tiểu học, trung học cơ sở có đủ phòng máy tính đảm bảo yêu cầu học tập của học sinh.

b) Công tác y tế, dân số

Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, khám và điều trị tại trạm, đảm bảo duy trì tốt chế độ trực 24/24, làm tốt công tác tiếp nhận và chuyển bệnh nhân lên tuyến trên đảm bảo lập thời, an toàn

Tổng số ca khám bệnh tại trạm là 1.540 lượt; tiêm chủng mở rộng được 2.041 lượt trẻ, thực hiện nghiêm công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tại các cơ sở kinh doanh buôn bán thực phẩm, trạm y tế xã đạt chuẩn bộ tiêu chí Quốc gia về y tế; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng bằng 10,05 % (giảm 0,02% so với cùng kỳ và đạt 100% kế hoạch huyện giao); duy trì tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 100%.

Tổng số trẻ sinh 164 trẻ (giảm 05 trẻ so với cùng kỳ), tỷ suất sinh 3,46‰, (giảm 0,6‰ so với cùng kỳ); trong đó số trẻ sinh là con thứ 3 trở lên là 14 trẻ chiếm 8,53% (giảm 01 trẻ); tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 8,6‰ (tăng 0,3‰ so với cùng kỳ); làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ trẻ em, tích cực tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện tốt công tác dân số kế hoạch hoá gia đình.

c) Công tác thông tin tuyên truyền, văn hóa, thể dục, thể thao

Năm 2022, xã Quang Châu là địa phương đầu tiên được đầu tư trang thiết bị truyền thanh IP; tập trung tuyên truyền kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, các ngày lễ lớn của đất nước và chung tay đẩy lùi dịch bệnh Covid-19. Đài truyền thanh tiếp sóng theo chương trình phát thanh của huyện, đặc biệt trong đợt tuyên truyền phòng chống dịch Covid 19, tiếp âm đài truyền thanh huyện 7 lần/ngày, mỗi lượt 30 phút); đã xây dựng 40 tin bài tuyên truyền có nội dung trên các lĩnh vực phát triển kinh tế của địa phương.

Quan tâm, chỉ đạo triển khai kế hoạch thực hiện phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và công tác gia đình; chỉ đạo rà soát và nhân rộng mô hình phòng chống bạo lực gia đình; rà soát, triển khai thực hiện mô hình “Khu dân cư văn hóa sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn”, đăng ký xây dựng các danh hiệu văn hoá năm 2022: có $2.856/3008 = 95\%$ hộ gia đình đăng ký danh hiệu “gia đình văn hóa”, 8/8 thôn đăng ký danh hiệu “thôn dân phố văn hóa”, xã đăng ký danh hiệu “xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”. Kết quả có $2.856/3008 = 95\%$ (tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2021) thôn văn hóa đạt 8/8 làng (tăng 02 thôn so với cùng kỳ năm 2021 tăng 124,3 kế hoạch); xã đạt danh hiệu chuẩn văn hóa nông thôn, 01 thôn đạt danh hiệu “khu dân cư văn hóa sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn (thôn Đông Tiến).

Chỉ đạo thực hiện tốt nếp sống văn minh trong việc cưới việc tang, lễ hội và một số lễ nghi, sinh hoạt cộng đồng khác trên địa bàn gắn với công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; tiếp tục rà soát công tác xây dựng và thực

hiện hương ước, quy ước thôn. Trong năm, toàn xã có 35 đám cưới; 40 đám tang, trong đó 32 đám thực hiện hình thức hỏa táng, đạt 76%.

Tập trung huy động tối đa các nguồn lực tham gia phát triển phong trào thể dục thể thao, rèn luyện, nâng cao sức khỏe cộng đồng; xây dựng đồng bộ hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao từ xã đến các thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, tạo ra sân chơi lành mạnh, bổ ích, thiết thực, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân; tổ chức 10 buổi giao lưu văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao mừng Đảng, mừng xuân, các ngày lễ của đất nước và các sự kiện quan trọng của đất nước, thu hút trên 120 vận động viên, diễn viên tham gia và trên 2.000 cổ động viên; cử 03 đội tham gia liên quan hát quan họ tại huyện đạt 01 giải A; 01 giải B; 01 giải C toàn đoàn.

Tập trung chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội TDTT cấp xã năm 2022, BCT đã thiết lập 05 môn thi đấu với 232 vận động viên tham gia. Tại buổi khai mạc đã trao 05 nhất, 05 nhì, 05 ba; cử đoàn đại biểu và vận động viên tham gia ĐHTDTT huyện Việt Yên, kết quả đạt 02 giải nhì môn kéo co, 02 giải nhì môn điền kinh.

Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa, thông tin, nhất là các dịch vụ kinh doanh có điều kiện. Phối hợp với Công an xã và các thôn tổ chức hướng dẫn trên 800 hộ kinh nhà trọ quét mã QR về quản lý công nhân trên địa bàn; kiểm tra 05 lượt với 45 hộ kinh doanh (internet, karaoke; lưu trú...) trên địa bàn.

Công tác bảo tồn các di tích lịch sử được quan tâm, trong năm đã hoàn thiện hồ sơ xây dựng Đình làng Quang Biểu; hoàn thiện các hạng mục Chùa làng Đông Tiến.

Công tác tôn giáo được đảm bảo, các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo hoạt động theo quy định của Luật tín ngưỡng tôn giáo; bà con giáo dân sống tốt đời đẹp đạo và chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước và các quy định của địa phương.

d) Công tác Lao động - thương binh và xã hội

Triển khai và tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước cho các đối tượng là người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác theo quy định, góp phần ổn định đời sống nhân dân và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn. Tổ chức thăm tặng quà cho các đối tượng chính sách, đối tượng BTXH xã hội, hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn trong dịp tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022. Chi trả hỗ trợ thờ cúng liệt sỹ năm 2022 cho 109 gia đình với số tiền 152,6 triệu đồng; giải quyết 25 hồ đề nghị hưởng trợ cấp đối tượng BTXH (người trên 80 tuổi), điều chỉnh mức độ khuyết tật 01 trường hợp; hoàn thiện 10 hồ sơ mai táng phí cho người có công với cách mạng và đối tượng BTXH; 19 trường hợp có người thân qua đời đi hỏa táng;

Về lao động việc làm: Tổng số lao động được giải quyết việc làm mới 222 người (đạt 100% kế hoạch năm và tăng). Số người tham gia bảo hiểm xã tự nguyện 86 người (đạt 143% kế hoạch năm); tỷ lệ lao động qua đào tạo 78% (đạt 100% kế hoạch năm); tỷ lệ lao động phi nông nghiệp 86,5% (đạt 100% kế hoạch năm).

Công tác giảm nghèo: Thực hiện chương trình về giảm nghèo, an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ đảm bảo công khai, dân chủ: Tổng số hộ nghèo năm 2022: $28 \text{ hộ} / 3.262 = 0,86\%$ (giảm 33 hộ, vượt chỉ tiêu huyện giao 24 hộ=266%); số hộ cận nghèo: $50 \text{ hộ} / 3.262 = 1,53$ giảm 59 hộ so với năm 2021)

7. An ninh trật tự

a) Công tác quân sự địa phương:

Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng Quân sự địa phương năm 2022. Duy trì nghiêm chế độ trực SSCĐ, PCTT-TKCN, đặc biệt trong dịp tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022, kỷ niệm 92 năm ngành thành lập Đảng CSVN., tham gia tích cực trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Chỉ đạo thực hiện công tác khám tuyển NVQS năm 2022, hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển quân năm 2022 (*giao 25/25 tân binh giảm đạt 100% kế hoạch huyện giao*). Tổ chức đăng ký NVQS cho 62 công dân trong độ tuổi SSNN năm 2022 và đăng ký lần đầu (*giảm 03 công dân so với cùng kỳ*). Tổ chức đón nhận 12 quân nhân xuất ngũ trở về địa phương, đăng ký vào ngạch DBĐV theo quy định). Thực hiện tốt công tác Đảng, công tác Chính trị. Tổ chức quán triệt mệnh lệnh, Chỉ thị, Kế hoạch, Hướng dẫn của cấp trên về công tác huấn luyện. Hoàn thành kế hoạch huấn luyện dân quân năm 2022. Tổ chức thành công cuộc diễn tập PCTT-TKCN năm 2022.

Tổ chức khám sơ tuyển NVQS cho 91 thanh niên tại xã trong đó 70 thanh niên đủ điều kiện sức khỏe khám tuyển tại huyện.

Thực hiện có hiệu quả chính sách hậu phương quân đội: Hoàn thiện thủ tục hồ sơ cho các đối tượng theo Quyết định số 142/QĐ/2018/QĐ-TTg, Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, xét chuyển 01 hồ sơ đề nghị hưởng chế độ thương binh thời kỳ chiến tranh biên giới Tây Nam.

*** Công tác an ninh trật tự:**

Công tác an ninh trật tự được tăng cường tập trung chỉ đạo, tình hình cơ bản được ổn định, không để xảy ra bất ngờ. Tuy nhiên, công tác triển khai thực hiện GPMB một số dự án còn gặp khó khăn, nhân dân chưa đồng thuận nên vẫn còn tình trạng đơn thư khiếu kiện nhiều. Tình hình tội phạm có xu hướng giảm nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều diễn biến phức tạp.

Tội phạm về TTXH được kiểm chế và giảm so với cùng kỳ năm 2021. Tệ nạn cờ bạc diễn ra nhỏ lẻ, tự phát dưới các hình thức “xóc đĩa”, “ba cây”, đánh “liêng”, lô đề. Tình trạng thanh thiếu niên lợi dụng các cơ sở kinh doanh có điều kiện về ANTT để tụ tập sử dụng trái phép chất ma túy còn xảy ra; đặc biệt là tại các cơ sở kinh doanh “bar” trá hình, cơ sở karaoke. Công an xã tăng cường tuần tra kiểm soát, đảm bảo TTATGT trên địa bàn được. Tổ chức hướng dẫn, triển khai công tác đăng ký xe mô tô, xe gắn máy theo phân cấp của công an tỉnh. Năm 2022 trên địa bàn xã xảy ra 14 vụ việc về ANTT. Tình hình trật tự an toàn giao thông trên địa bàn có nhiều phức tạp do lượng công nhân là người địa phương khác lưu trú trên địa bàn đông, lưu lượng phương tiện lưu hành rất lớn.

8. Tổ chức hệ thống chính trị

a) Hội đồng nhân dân xã

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021-2026 có 26 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: đại học là 10 người, chiếm 38,46%; dưới đại học 16 người, chiếm 61,53%.

- Trình độ về lý luận chính trị: trung cấp là 09 người, chiếm 34,61%; sơ cấp là 03 người, chiếm 11,53%; chưa qua bồi dưỡng 14 người chiếm 53,85%.

b) Tổng số cán bộ, công chức là 20 người, gồm cán bộ 11 người, công chức 09 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: thạc sỹ là 01 người, chiếm 5%; đại học là 19 người, chiếm 95%.

- Trình độ lý luận chính trị: cao cấp là 01 người, chiếm 5%; trung cấp là 18 người, chiếm 90%; sơ cấp 01 người, chiếm 5%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở xã là 07 người.

d) Hiện trạng bố trí Công an xã chính quy, tổng số có 06 người, gồm: 01 trưởng Công an, 01 Phó Trưởng công an, 04 công an viên chính quy.

9. Về trình độ phát triển hạ tầng đô thị

a) Về công trình y tế

Xã Quang Châu có 01 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về trạm y tế xã, diện tích 1.574,4 m²; 01 bệnh viện đa khoa tư nhân Sahađa trên địa bàn.

b) Về công trình hạ tầng thương mại

Xã Quang Châu có 02 chợ là chợ Đạo Ngạn và chợ Núi Hiếu với tổng diện tích là 2.600 m², có 01 siêu thị Núi Hiếu với diện tích 800 m², có 03 cửa hàng dịch vụ trung tâm 300 m² trở lên và 04 trung tâm mua bán trao đổi hàng hóa

c) Về công trình giáo dục

Xã Quang Châu có 03 trường mầm non công lập, 01 trường trong dự án thôn dân cư phía Nam xã Quang Châu; 01 trường tiểu học và 01 trường trung học cơ sở; có 02 trường mầm non và THCS đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; có 01 trường mầm non và trường tiểu học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

d) Về đất công trình giáo dục

Tổng diện tích đất công trình giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã Quang Châu là 44.819 m²; bình quân đất công trình giáo dục là 44.819 m²/17.352 người đạt 2,6 m²/người.

đ) Về đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao

Tổng diện tích các công trình văn hóa, thể dục thể thao phục vụ cho xã Quang Châu là 61.492 m²; bình quân diện tích sân tập luyện là 61.492 m²/17.352 người đạt 3,5 m²/người.

e) Về cấp điện sinh hoạt

Tổng sản lượng điện cho toàn xã Quang Châu năm 2022 là 18.510.753 kwh/năm; trong đó, cho sinh hoạt cung cấp cho toàn xã 18.127.557 kwh/năm; tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt là 18.127.557 kwh/năm /17.352 người đạt 1.045 kwh/người/năm.

g) Về đất giao thông

Tổng diện tích đất giao thông tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ và

công trình giao thông trên địa bàn xã là 391.162 m²; bình quân diện tích đất giao thông tính trên dân số là 391.162 m²/17.352 người đạt 22,5 m²/người.

h) Về tỷ lệ đường được chiếu sáng

Tổng chiều dài đường tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ trên địa bàn xã Quang Châu là 37,6 km, trong đó có 36,1 km được chiếu sáng; tỷ lệ đường được chiếu sáng là 96,1%.

i) Về đất cây xanh sử dụng công cộng

Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn xã Quang Châu là 35.154 m². Bình quân đất cây xanh sử dụng công cộng là 35.154 m²/17.352 người đạt 2,03 m²/người.

k) Về tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch

Xã Quang Châu hiện có 3.262 hộ dân, trong đó có 3.019 hộ đang sử dụng nước sạch cấp từ nhà máy nước sạch; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại xã Quang Châu đạt 93%.

l) Về tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải hộ của 3.262/3.262 hộ gia đình trên địa bàn xã được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 2 ngăn hoặc 3 ngăn đảm bảo quy định về nước thải sinh hoạt.

m) Về mật độ đường cống thoát nước chính

Hệ thống thoát nước của xã sử dụng là các loại cống hỗn hợp và các mương rãnh với tổng chiều dài cống thoát nước chính là 12,5 km; diện tích đất xây dựng đô thị của xã Quang Châu là 1,49 km²; mật độ đường cống thoát nước chính là 12,5/4,53 đạt 2,8 km/km².

n) Về tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã Quang Châu là 10,6 tấn/ngày trong đó có 10,6 tấn hàng ngày được thu gom, xử lý theo quy định; tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt 100%.

10. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Sửa đổi; các số liệu thống kê đến 31/12/2022, UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Quang Châu, gồm:

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Quy mô dân xã Quang Châu tính đến 31/12/2022 là 17.352 người, trong đó dân số thường trú là 16.429 người, dân số tạm trú quy đổi là 923 người.

Đánh giá: Đạt

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: xã Quang Châu có 9,01 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Quang Châu năm 2022 đạt 153,3 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 99,46 tỷ đồng. Cân đối dư.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2020 - 2022) của huyện Việt Yên là 1,80% (năm 2020 là 1,65%; năm 2021 là 2,36%; năm 2022 là 1,40%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm (2020 - 2022) của xã Quang Châu là 1,45% (năm 2020 là 1,40%; năm 2021 là 2,09%; năm 2022 là 0,86%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Quang Châu là 11.327 người; trong đó, lao động nông nghiệp là 1.532 người, chiếm 13,5%; lao động phi nông nghiệp là 9.795 người, chiếm 86,5%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Quang Châu đã được đánh giá, công nhận đạt 13/13 tiêu chuẩn để thành lập phường theo quy định tại Văn bản số: ... của Bộ Xây dựng.

Như vậy, phường Quang Châu dự kiến thành lập thuộc thị xã Việt Yên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

VI. HIỆN TRẠNG XÃ VÂN TRUNG

1. Lịch sử hình thành

Địa danh xã Vân Trung ngày nay là từ ghép của hai từ thuộc 2 xã xưa kia là xã Vân Cốc và xã Trung Đông. Trước cách mạng tháng Tám năm 1945, xã Vân Trung thuộc tổng Hoàng Mai, huyện Việt Yên. Ngày 2/5/1949, theo Quyết định 233-PC của Ủy ban kháng chiến hành chính, Vân Trung có tên là Hồng Phong, sau đổi tên là Dân Tiến. Đến năm 1968 lại đổi tên là xã Vân Trung cho đến ngày nay. Hiện xã có 4 thôn, gồm: Vân Cốc, Bài Xanh, Trúc Tay, Trung Đông; thôn Trung Đông ở thế kỉ XIX thuộc sở Đại Tảo, huyện Yên Phong; thôn Trúc Tay, trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 cùng với các thôn Bùi Bền, Bùi Kép thuộc xã Yên Diêm, tổng Hương Tảo, huyện Yên Dũng.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Từ thành phố Bắc Giang xuôi theo đường Quốc lộ 1B về hướng Nam khoảng 10 km sau đó rẽ bên trái là tới xã Vân Trung, huyện Việt Yên. Địa bàn xã nằm sát Quốc lộ 1A, cách thủ đô Hà Nội khoảng 40 km, cách sân bay quốc tế

Nội Bài khoảng 40 km, cách cảng Hải Phòng khoảng 110 km, cách cửa khẩu Hữu Nghị Quan khoảng 120 km.

b) Địa giới hành chính xã Vân Trung:

- Phía đông giáp với huyện Yên Dũng;
- Phía Tây giáp thị trấn Nếnh và xã Quang Châu;
- Phía Nam giáp xã Quang Châu và tỉnh Bắc Ninh.
- Phía Bắc giáp thị trấn Nếnh và huyện Yên Dũng.

c) Điều kiện tự nhiên

Vân Trung có cảnh quan rất phong phú, có núi, rừng, có dộc nước, có sông uốn khúc chảy qua, có đồng bằng. Xưa kia cảnh quan Vân Trung bạt ngàn rừng núi, đầm lầy đầy lau sậy. Do đê sông Cầu từ xa xưa thấp, công việc trị thủy còn có nhiều hạn chế nên cả vùng cánh núi nơi ngày nay là cánh đồng chỉ toàn là nước. Nhân dân còn lưu truyền lại gọi vùng này là hồ Lãng Bạc. Nước đã nhấn chìm cả vùng rộng lớn, đem phù sa phủ đầy tạo thành lớp đất tốt làm thành nền đồng ruộng Vân Trung ngày nay. Gần với Vân Trung là Hoàng Ninh, Tăng Tiến, Nội Hoàng, Nội Hoàng nơi có con ngòi (xưa kia là sông) nội đồng nối sông Thương với con sông Cầu là nơi giao thông thuận tiện. Những tên như Vân Cốc, Bài Xanh, Trung Đồng từ lâu đã in đậm trong tâm trí của mỗi người dân trong vùng khi nghĩ về vùng đất có các yếu tố núi, có sông. Thiên nhiên ở đây mang đầy đủ sự tương phản núi rừng, sông nước.

Dãy Nham Biền theo truyền thuyết có 99 ngọn, điểm khởi đầu ở Vân Trung và Nội Hoàng. Vân Trung có núi uốn lượn kéo theo địa hình sông uốn khúc, theo thuyết phong thủy cổ truyền thì là nơi có long mạch, nơi tàng phong tụ thủy, sinh khí, sẽ khiến cho con người nơi đây đầy bản lĩnh, tài hoa khí khái. So với toàn huyện Việt Yên thì núi ở Vân Trung có độ cao nhất, diện tích núi chiếm nhiều nhất, độ cao của núi là +196 mét, trong khi đó độ cao trung bình của núi trong toàn huyện là 46,5 mét. Cùng với xã Quang Châu, xã Vân Trung là xã có địa hình thuộc nơi dốc dần với độ nghiêng từ đông bắc xuống tây nam, vì địa hình của huyện Việt Yên thấp dần ở hướng Đông Bắc-Tây Nam. Đối lại sự hùng vĩ của núi ở Vân Cốc, Trúc Tay là sự mềm mại của cả một đồng nước, đồng bằng mềm mại. Xưa kia Trung Đồng là nơi có nước phủ trắng, ở đây là rừng với các loại cây cỏ rậm rạp, bờ đê thấp, nước sông tràn vào đến tận dưới chân núi Bài Xanh.. Thôn Trung Đồng như một hòn đảo ở giữa.

Khí hậu ở Vân Trung mang nhiều nét khí hậu của vùng. Khí hậu phân chia làm bốn mùa rõ rệt. Đầu mùa xuân có mưa phùn, không khí lạnh do còn ảnh hưởng của mùa đông, tuy nhiên không khí ẩm, cuối mùa xuân, đầu mùa hạ thường có mưa rào. Mùa hạ thì nắng gay gắt, có khi lên tới 37-38 độ. Cuối mùa hạ sang mùa thu thường có mưa to, hoặc bão. Sang mùa đông không khí từ phương bắc tràn xuống đem theo gió lạnh. Nhiệt độ trung bình của cả năm là 23 độ, bức xạ mặt trời đạt trị số 120 kcal/cm²/năm và 1.765 giờ nắng/năm; lượng mưa bình quân 1.504 mm; độ ẩm không khí đạt 81,2%.

d) Về văn hóa

Xã Vân Trung có 2 làng quan họ cổ thuộc danh sách 23 làng quan họ Bắc Giang được quy hoạch bảo tồn và đưa vào phát triển du lịch văn hóa là làng quan họ Trung Đồng và làng quan họ Vân Cốc

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Xã Vân Trung có diện tích tự nhiên là 9,67 km² (bằng 967,10 ha).

Trong đó:

Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Xã Vân Trung có diện tích tự nhiên là 9,67 km² (bằng 967,19 ha).

Trong đó:

a) Đất xây dựng đô thị là 4,30 km² (bằng 430,01 ha), gồm:

- Đất dân dụng là 165,85 ha:

+ Đất khu ở là 77,26 ha.

+ Đất công trình công cộng là 88, 59ha.

- Đất ngoài dân dụng là 264,16 ha:

+ Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 234,94 ha.

+ Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,32 ha.

+ Đất an ninh quốc phòng là 20.02 ha.

+ Đất nghĩa trang nghĩa địa là 4,6 ha.

+ Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 4,28 ha.

b) Đất khác là 537,18 ha

- Đất nông nghiệp là 513,95 ha.

- Đất mặt nước chuyên dùng là 0.3 ha.

- Đất chuyên dùng khác là 22,32 ha.

- Đất chưa sử dụng là 0,61 ha.

4. Dân số, lao động

a) Xã Vân Trung có 11.843 người. Trong đó:

- Dân số thường trú là 10.991 người.

- Dân số tạm trú quy đổi là 852 người.

- Mật độ dân số 1.224 người/km².

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh.

b) Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Vân Trung là 6.758 người; trong đó,

lao động nông nghiệp là 1.123 người, chiếm 16,6%;

lao động phi nông nghiệp là 5.635 người, chiếm 83,4%.

c) Xã Vân Trung có 07 thôn gồm: Vân Cốc 1, Vân Cốc 2, Vân Cốc 3, Vân Cốc 4, Bài Xanh, Trúc Tay, Trung Đồng

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

Là một trong những xã đang phát triển của huyện, nằm giữa 3 khu công nghiệp lớn là KCN Vân Trung, KCN Quang Châu và KCN Đình Trám; địa bàn xã nằm sát Quốc lộ 1A, cao tốc Hà Nội - Bắc Giang nên thuận lợi cho phát triển kinh tế, phát triển các ngành nghề kinh doanh thương mại – dịch vụ, thu hút đầu tư, giải quyết việc làm cho người lao động.

a) Về phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn (theo giá so sánh năm 2010) đạt 142.512 tỷ đồng, tăng 38.125 tỷ đồng so với năm 2021; đạt 100% so với kế hoạch năm 2022. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng đạt 142.237 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 24,42%; giá trị thương mại – dịch vụ đạt 203 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 6,07%; giá trị sản xuất nông – lâm - thủy sản đạt 70,8 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 2,29%.

Cơ cấu giá trị sản xuất kinh doanh: giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng chiếm 99,68%; giá trị thương mại – dịch vụ chiếm 0,25%; giá trị sản xuất nông – lâm - thủy sản chiếm 0,07% trong cơ cấu kinh tế của xã (theo thời giá hiện hành).

b) Phát triển ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ:

Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng năm 2022 đạt 142.237 tỷ đồng. Địa bàn xã hiện có 8 doanh nghiệp, 32 cơ sở kinh tế cá thể. Hoạt động công nghiệp - xây dựng chủ yếu các lĩnh vực kinh doanh vật liệu xây dựng, điện nước,

Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ năm 2022 đạt 203 tỷ đồng. Địa bàn có 1.017 hộ sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ, ngành nghề; một số cơ sở kinh doanh lớn, góp phần phát triển thương mại - dịch vụ của xã như: Công ty Quang Dũng sản xuất kinh doanh thiết bị vệ sinh, điện nước, Nước uống đóng bình, dịch vụ ăn uống tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho lao động tại các doanh nghiệp với mức thu nhập bình quân từ 6-8 triệu đồng/người/tháng.

Trong năm 2022 lĩnh vực thương mại dịch vụ trên địa bàn xã tiếp tục phát triển, có khoảng 1.017 hộ kinh doanh thương mại, dịch vụ trên địa bàn (670 hộ kinh doanh nhà trọ, 347 hộ kinh doanh hàng hóa, dịch vụ); do dịch bệnh Covid-19 bùng phát trên địa bàn làm ảnh hưởng lớn kinh doanh, thương mại, dịch vụ.

- Nông - lâm nghiệp, thủy sản.

Giá trị Nông – lâm nghiệp, thủy sản năm 2022 đạt 70,8 tỷ đồng. Tổng diện tích gieo cấy năm 2022 là 397,4ha/500ha đạt 79,4% kế hoạch giao, năng suất lúa bình quân đạt 60,4 tạ/ha, tổng sản lượng lương thực đạt 2.392 tấn. Về cơ cấu giống chủ yếu là lúa thuần, lúa thuần chất lượng cao, xã đã hỗ trợ 50% kinh phí mua thuốc diệt chuột bảo vệ sản xuất với tổng kinh phí là 14,5 triệu đồng. Toàn bộ diện tích rừng đang sinh trưởng và phát triển tốt, xã thường xuyên tập trung tuyên truyền chỉ đạo công tác phòng cháy, chữa cháy rừng trên địa bàn.

Tổ chức các đợt tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn đảm bảo theo kế hoạch, do vậy trong năm trên địa bàn xã không có dịch bệnh lớn xảy ra; trong đó, tiêm phòng vắc xin định kỳ các đợt cho đàn lợn được 1.015 liều, đàn Trâu bò được 330 liều, đại chó, mèo 80 liều, đàn gia cầm, thủy cầm được 41.600 liều.

Tổng đàn lợn hiện có 345 con, tăng 129 con; đàn trâu, bò, dê có 286 con, tăng 44 con; đàn gia cầm, thủy cầm có 29.450 con, tăng 8.715 con so với cùng kỳ năm 2021.

c) Thu chi ngân sách, công tác tài chính.

- Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã năm 2022 là 32,32 tỷ đồng,

- Chi ngân sách đã bám sát phân khai của huyện, Nghị quyết của HĐND xã; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tổng chi ngân sách đạt 30,16 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là 5,75 tỷ đồng.

Thu nhập bình quân đầu người đạt 74 triệu đồng vào năm 2022

d) Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã năm 2022 giảm còn 34 hộ, bằng 1,25% (giảm 25 hộ so với năm 2021); bình quân giai đoạn 2020 - 2022 là 1,79%, thấp hơn bình quân 3 năm (2020-2022) của huyện Việt Yên là 1,80%.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

a) Về giáo dục

Xã Vân Trung luôn quan tâm chú trọng việc nâng cao chất lượng giáo dục của 3 trường trên địa bàn; công tác giáo dục, đào tạo đã có nhiều chuyển biến rõ rệt, cơ sở trường, lớp tiếp tục được đầu tư, cải tạo, nâng cấp, chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh ngày một tốt hơn; đội ngũ cán bộ giáo viên các nhà trường có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn ngày càng tăng, hoạt động có nề nếp.

Năm học 2021-2022, Trường THCS có tổng số lớp 14, số học sinh là 507 cháu, xếp loại học lực học sinh loại giỏi đạt 15,6%, loại khá đạt 38,53%, trung bình 44,95%, loại yếu 0,92%; tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp đạt 100%, tỷ lệ học sinh thi đỗ vào lớp 10 đứng thứ 9 của huyện; thi học sinh giỏi cấp tỉnh, huyện đạt 48 giải (cấp tỉnh: 01 giải nhì, 01 giải ba; cấp huyện: 02 giải nhất, 06 giải nhì, 21 giải ba, 17 giải khuyến khích). Trường tiểu học có 25 lớp, số học sinh 814 cháu, 100% học sinh đánh giá hoàn thành về phẩm chất và năng lực; thi học sinh giỏi cấp tỉnh, huyện đạt 08 giải (cấp tỉnh 01 giải nhì, 01 giải ba; cấp huyện 02 giải nhất, 03 giải nhì, 01 giải ba). Trường Mầm non tổng số 15 nhóm lớp, 456 cháu; có 05 nhóm trẻ độc lập với tổng số 205 trẻ, đạt 100% kế hoạch.

b) Về công tác y tế - dân số kế hoạch hóa gia đình

Xã Vân Trung luôn quan tâm thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, đặc biệt quan tâm đến các đối tượng chính sách, hộ nghèo, cận nghèo; thường xuyên viết các tin, bài tuyên truyền về công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, phòng chống dịch bệnh Covid-19.

Năm 2022, xã đã khám và điều trị được 4.357 lượt người; đảm bảo công tác tiêm chủng mở rộng cho 235 trẻ, tổ chức cho trẻ uống vitamin A cho 1.407 trẻ từ 06 - 60 tháng tuổi theo kế hoạch. Công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 được triển khai chủ động, linh hoạt, ứng biến kịp thời; duy trì giám sát dịch, tập trung cao trong công tác truy vết, khoanh vùng, dập dịch; khăn trương trong công tác xét nghiệm; chủ động trong công tác chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, công tác hậu cần, nguồn lực tài chính theo mục tiêu “bốn tại chỗ” trong công tác phòng, chống dịch Covid-19.

Tiếp tục vận động nhân dân thực hiện chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tổng số hộ gia đình toàn xã 2.375 hộ, tổng số trẻ sinh năm 2022 là 138 trẻ, giảm 19 trẻ so với cùng kỳ (trong đó sinh con thứ 3 là 08 trẻ, giảm 01 trẻ so với

cùng kỳ năm 2021); tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng trẻ chiếm 11,2%, tỷ xuất tăng dân số tự nhiên là 7,59‰ giảm 0,89 % so với năm 2021.

c) Công tác văn hoá - thông tin thể thao

Duy trì thời gian tiếp sóng của đài truyền thanh huyện và tuyên truyền các chủ chương chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, tập trung tuyên truyền nhân kỷ niệm các ngày lễ, ngày tết và các nhiệm vụ chính trị của địa phương; tuyên truyền phòng chống dịch Covid- 19, trong năm đã phát được 1.372 tin bài, tiếp sóng đài truyền thanh thanh huyện 1.957 lượt; treo băng Zôn vượt đường 65 chiếc; pa nô 70 chiếc, tờ rơi 8.200 tờ, cờ Tổ quốc và Hồng kỳ 1.700 chiếc.

Thường xuyên tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh về thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới việc tang lễ hội và một số lễ nghi sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn.

Đẩy mạnh các hoạt động văn hoá văn nghệ - thể dục thể thao trên địa bàn toàn xã, phong trào văn hoá văn nghệ quần chúng được duy trì. Toàn xã có 7 câu lạc bộ văn nghệ, 7 câu lạc bộ thể dục dưỡng sinh ở các thôn, 07 câu lạc bộ thể dục thể thao, 07 câu lạc bộ khiêu vũ thể thao tại các thôn. Trong năm đã tổ chức 1 giải bóng đá, 04 giải bóng chuyền hơi, 01 đêm giao lưu văn hoá, văn nghệ tại các thôn để chào mừng vào dịp lễ, Tết và các ngày kỷ niệm.

Duy trì phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư; tổ chức bình xét được 2.213 hộ gia đình văn hóa đạt 95,8%, 6/7 thôn đạt danh hiệu làng văn hoá cấp huyện, tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội và một số việc khác.

d) Thực hiện chính sách xã hội

Gia đình chính sách luôn được cấp uỷ Đảng, chính quyền quan tâm, giúp đỡ tạo điều kiện để phát triển kinh tế bền vững, nhiều hộ gia đình đã thoát nghèo, nhiều hộ gia đình đã đầu tư phương tiện sản xuất để tạo việc làm, tăng thu nhập gia đình. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách của Đảng, nhà nước cho các đối tượng là người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác theo quy định góp phần ổn định đời sống nhân dân, thực hiện tốt việc tiếp nhận trao và tặng quà trợ cấp cho các đối tượng người có công, bảo trợ xã hội, hộ nghèo, khó khăn đột xuất trên địa bàn nhân dịp tết Nguyên Đán kịp thời, đúng đối tượng với số quà trị giá 190,8 triệu đồng; bàn giao 06 nhà tình nghĩa cho hộ nghèo trị giá 630 triệu đồng; trao tặng 33 xuất quà cho các hộ nghèo, 23 xuất quà hộ cận nghèo trên địa bàn xã trị giá 44,5 triệu đồng.

Trong năm 2022 có 08 người đi xuất khẩu lao động, số lao động trong độ tuổi lao động của xã là 7.356 người, lao động có việc làm mới là 189 người; có 5.069 lao động đang tham gia làm việc tại các khu, cụm công nghiệp trong, ngoài tỉnh và các ngành nghề khác.

Trong thời gian dịch bùng phát đã có các cơ quan, doanh nghiệp, nhà hảo tâm ủng hộ lương thực, thực phẩm, vật tư y tế phòng chống dịch Covid-19 trị giá 8,5 tỷ đồng, số hàng hóa trên đã cấp phát cho công nhân thuê trọ trên địa bàn xã, đảm bảo cuộc sống của công nhân trong những ngày phong tỏa. Tổ chức

điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn toàn xã, hộ nghèo hiện còn 34 hộ, chiếm 1,25%; hộ cận nghèo là 23 hộ, chiếm 0,84%.

7. An ninh trật tự

a) Công tác quân sự địa phương:

Tổ chức gặp mặt phát quân trang và đưa 08 thanh niên lên đường nhập ngũ, đạt 100% kế hoạch trên giao; tổ chức rà soát, đăng ký độ tuổi 17 cho 41 thanh niên; tổ chức khám khám sơ tuyển nghĩa vụ quân sự được 72 thanh niên, khám tuyển nghĩa vụ quân sự tại huyện 50 thanh niên; phát lệnh và động viên 09 đồng chí đi huấn luyện dự bị động viên năm 2022; lập danh sách các lực lượng tham gia huấn luyện và tổ chức ra quân huấn luyện dân quân tự vệ cho 81 chiến sỹ, huấn luyện chiến sỹ mới, cơ động và tại chỗ là 63 đồng chí, binh chủng 18 đồng chí, qua kiểm tra đánh giá 100% đạt yêu cầu.

Duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, xây dựng kế hoạch đảm bảo công tác quốc phòng - an ninh địa phương; triển khai công tác diễn tập phòng cháy chữa cháy rừng năm 2022.

b) Công tác an ninh trật tự:

Tình hình an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội trên địa bàn cơ bản vẫn giữ được ổn định. Trong năm xảy ra 29 vụ liên quan đến trật tự an toàn xã hội; trong đó, 21 vụ trộm cắp tài sản, 01 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 01 vụ cố ý gây thương tích, 02 vụ vi phạm về khai thác khoáng sản, 02 vụ tàng trữ và sử dụng ma túy, 01 vụ bắt đối tượng truy nã, 01 vụ buôn lậu gian lận thương mại; chuyển công an huyện điều tra 21 vụ theo thẩm quyền. Tổ chức tuần tra vũ trang 140 lượt, kiểm tra 40 lượt đăng ký tạm trú tại các khu nhà trọ xử phạt 12 trường hợp vi phạm.

8. Tổ chức hệ thống chính trị

a) Hội đồng nhân dân xã

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021-2026 có 27 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: thạc sỹ là 01 người, chiếm 3,70%; đại học là 13 người, chiếm 48,15%; trung cấp là 01 người, chiếm 3,70%; chưa qua đào tạo là 12 người chiếm 44,44%.

- Trình độ về lý luận chính trị: trung cấp là 09 người, chiếm 33,33%; sơ cấp là 02 người, chiếm 7,40%; chưa qua bồi dưỡng người 16 người, chiếm 59,26%.

b) Tổng số cán bộ, công chức là 20 người, gồm cán bộ 11 người, công chức 09 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: thạc sỹ là 02 người, chiếm 10%; đại học là 17 người, chiếm 85%; trung cấp là 01 người, chiếm 05%.

- Trình độ lý luận chính trị: cao cấp là 02 người, chiếm 10%; trung cấp là 12 người, chiếm 60%; sơ cấp 06 người, chiếm 30%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở xã là 07 người.

d) Hiện trạng bố trí Công an xã chính quy, tổng số có 05 người, gồm: 01 Trưởng công an, 01 phó công an, 03 công an viên chính quy.

9. Về trình độ phát triển hạ tầng đô thị

a) Về công trình y tế

Xã Vân Trung có 01 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về trạm y tế xã, diện tích 1.708 m²; có 2 phòng khám tư nhân trên địa bàn.

b) Về công trình hạ tầng thương mại

Xã Vân Trung có 01 chợ Bài 1.397 m², có 07 trung tâm mua bán trao đổi hàng hóa.

c) Về công trình giáo dục

Xã Vân Trung có 01 trường mầm non hiện trạng, 01 trường mầm non mới đang thực hiện dự án đầu tư xây dựng; có 03 nhóm trẻ độc lập; 01 trường tiểu học và 01 trường THCS. Trường mầm non và THCS đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và đào tạo. Trường tiểu học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

d) Về đất công trình giáo dục

Tổng diện tích đất công trình giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã Vân Trung là 41.350 m²; bình quân đất công trình giáo dục là 41.350 m²/11.843 người đạt 3,5 m²/người.

đ) Về đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao

Tổng diện tích các công trình văn hóa, thể dục thể thao phục vụ cho xã Vân Trung là 14.900 m²; bình quân diện tích sân tập luyện là 14.900 m²/11.843 người đạt 1,3 m²/người.

e) Về cấp điện sinh hoạt

Tổng sản lượng điện cho toàn xã Vân Trung năm 2022 là 12.303.735 kwh/năm; trong đó, cho sinh hoạt cung cấp cho toàn xã 11.901.752 kwh/năm; tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt là 11.901.752 kwh/năm /11.843 người đạt 1.005 kwh/người/năm.

g) Về đất giao thông

Tổng diện tích đất giao thông tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông trên địa bàn xã là 203.150 m²; bình quân diện tích đất giao thông tính trên dân số là 203.150 m²/11.843 người đạt 17,2 m²/người.

h) Về tỷ lệ đường được chiếu sáng

Tổng chiều dài đường chính xã Vân Trung là 15,5km, trong đó có 15,1km được chiếu sáng; tỷ lệ đường được chiếu sáng là 97,1%.

i) Về đất cây xanh sử dụng công cộng

Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn xã Vân Trung là 25.630 m²; bình quân đất cây xanh sử dụng công cộng là 25.630 m²/11.843 người đạt 2,16 m²/người.

k) Về tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch

Xã Vân Trung hiện có 2.723 hộ dân, trong đó có 2.723 hộ đang sử dụng nước sạch cấp từ nhà máy nước sạch; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại xã Vân Trung đạt 100%.

l) Về tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải hộ của 2.723/2.723 hộ gia đình trên địa bàn xã được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 2 ngăn hoặc 3 ngăn đảm bảo quy định về nước thải sinh hoạt.

m) Về mật độ đường cống thoát nước chính

Hệ thống thoát nước của xã sử dụng là các loại cống hỗn hợp và các mương rãnh với tổng chiều dài cống thoát nước chính là 14,4 km; diện tích đất xây dựng đô thị của xã Vân Trung là 4,09 km²; mật độ đường cống thoát nước chính là 14,4/4,09 đạt 3,5 km/km².

n) Về tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã Vân Trung là 6,9 tấn/ngày trong đó có 6,9 tấn hàng ngày được thu gom, xử lý theo quy định. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt 100%.

10. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Sửa đổi; các số liệu thống kê đến 31/12/2022, UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Vân Trung, gồm:

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Quy mô dân xã Vân Trung tính đến 31/12/2022 là 11.843 người, trong đó dân số thường trú là 10.991 người, dân số tạm trú quy đổi là 852 người.

Đánh giá: Đạt

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: xã Vân Trung có 9,67 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Vân Trung năm 2022 đạt 32,32 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 30,16 tỷ đồng. Cân đối dư.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2020 - 2022) của huyện Việt Yên là 1,80% (năm 2020 là 1,65%; năm 2021 là 2,36%; năm 2022 là 1,40%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm (2020 - 2022) của xã Vân Trung là 1,79% (năm 2020 là 1,67%; năm 2021 là 2,46%; năm 2022 là 1,25%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Vân Trung là 6.758 người; trong đó, lao động nông nghiệp là 1.123 người, chiếm 16,6%; lao động phi nông nghiệp là 5.635 người, chiếm 83,4%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Vân Trung đã được đánh giá, công nhận đạt 13/13 tiêu chuẩn để thành lập phường theo quy định tại Văn bản số: ... của Bộ Xây dựng.

Như vậy, phường Vân Trung dự kiến thành lập thuộc thị xã Việt Yên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

VII. HIỆN TRẠNG XÃ TĂNG TIẾN

1. Lịch sử hình thành

Tăng Tiến là một vùng quê cổ kính, hình thành cùng với quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc, thuộc tổng Phúc Tăng. Qua các di chỉ khảo cổ học, cho thấy từ xa xưa, vùng đất này chính đã từng là nơi sinh sống của người Việt cổ. Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, các thế hệ người Tăng Tiến đã vun đúc nên truyền thống nhân nghĩa, tinh thần yêu nước, cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, kiên cường, bất khuất trong đấu tranh chống thiên tai, địch họa.

Từ giữa thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm lược và đặt ách cai trị trên đất nước ta. Dưới sự áp bức bóc lột dã man của chế độ thực dân phong kiến, nhân dân Tăng Tiến cùng với nhân dân cả nước đã đi theo tiếng gọi của các sỹ phu yêu nước, đứng lên chống lại kẻ thù xâm lược nhưng do không có đường lối cách mạng đúng đắn nên các phong trào đấu tranh đều bị kẻ thù đàn áp hết sức dã man. Ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, giữ vai trò tiên phong trong sự nghiệp cứu nước của dân tộc. Trải qua 15 năm, dưới sự lãnh đạo và đường lối cách mạng của Đảng, nhân dân Tăng Tiến đã vùng lên giành chính quyền, cùng với nhân dân cả nước làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, giành độc lập cho quê hương, đất nước.

Ngày 2/5/1949, ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu I ra Quyết định số 223 CP/4 sáp nhập xã Tăng Long và xã Kính Ái thành một xã, lấy tên Hồng Thái, thuộc huyện Việt Yên. Tháng 5/1955, xã Hồng Thái chia thành hai xã: Hồng Thái và Tăng Tiến. Xã Tăng Tiến gồm 3 thôn cũ là Phúc Long, Phúc Tăng và Thượng Phúc.

Ngày 27/10/1962, Quốc hội khóa II ban hành Nghị quyết về việc hợp nhất 2 tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang thành tỉnh Hà Bắc, xã Tăng Tiến thuộc huyện Việt Yên, tỉnh Hà Bắc. Ngày 6/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết phê chuẩn việc tách tỉnh Hà Bắc, tái lập 2 tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang. Từ ngày 1/1/1997, tỉnh Bắc Giang chính thức đi vào hoạt động với đơn vị hành chính mới. Xã Tăng Tiến thuộc huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Tăng Tiến là một vùng đất cổ, thuộc huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, cách trung tâm huyện 5km về phía đông nam và cách thành phố Bắc Giang khoảng 7km theo hướng Quốc lộ 1A mới. Xã có đường Quốc lộ 1A mới chạy qua địa bàn với chiều dài là 2km, đây là tuyến đường giao thông quan trọng nhất cho phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của xã. Hệ thống đường liên thôn, liên xã, đường làng ngõ xóm, đường nội đồng cơ bản đã được rải nhựa, bê tông hóa.

b) Địa giới hành chính xã Tăng Tiến:

- Phía Đông giáp thành phố Bắc Giang;
- Phía Tây giáp xã Hồng Thái và thị trấn Nénh;
- Phía Nam giáp huyện Yên Dũng;
- Phía Bắc giáp thành phố Bắc Giang;

c) Điều kiện tự nhiên

Tăng Tiến nằm hoàn toàn trong vùng trung du Đông Bắc Việt Nam nên địa hình xã nghiêng theo hướng Tây bắc - Đông nam tạo thành những khu đất cao, thấp khác nhau; vì thế, ruộng đất phần lớn là ruộng bậc thang, ruộng trũng. Kết cấu địa chất chủ yếu là đất phù sa cổ, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất nhiều loại cây trồng.

Tài nguyên nước của xã tương đối phong phú, trữ lượng nước mặt khá dồi dào, đáp ứng được nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn và sinh hoạt của nhân dân. Bên cạnh đó, tuy chưa có đánh giá đầy đủ về trữ lượng và chất lượng nước ngầm, nhưng qua khảo sát các giếng nước trong xã cho thấy trữ lượng và chất lượng nước ngầm ở độ sâu khoảng 4 - 15m khá phong phú, có nước quanh năm và chất lượng tương đối tốt. Đặc biệt, ở xã có hệ thống nước giếng khoan thuộc dự án nước sạch làng nghề xã Tăng Tiến với lưu lượng nước 20m³. Hệ thống kênh tưới tiêu được quy hoạch khá hoàn chỉnh bao gồm hệ thống kênh T6, T4, ngòi cống Bún, hệ thống kênh mương nội đồng, ao hồ tạo điều kiện khá thuận lợi cho sản xuất của nhân dân. Cả xã có 4 trạm bơm cục bộ để phục vụ tưới tiêu đồng ruộng.

Về đặc điểm khí hậu, Tăng Tiến nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng khí hậu nhiệt đới. Nhiệt độ trung bình hàng năm là 23°C, lượng mưa trung bình hàng năm 1100mm - 1200mm. Thời tiết của Tăng Tiến cũng giống như các vùng lân cận, một năm chia thành 4 mùa: xuân, hạ, thu, đông. Mùa xuân từ tháng giêng đến tháng 3 âm lịch (từ đầu tháng 2 đến đầu tháng 5 dương lịch), nhiệt độ từ 15 - 18°C, gió đông đến đông nam, thỉnh thoảng vẫn còn những đợt gió mùa đông bắc gây mưa phùn, mưa dầm, độ ẩm cao. Mùa hạ từ tháng 4 đến tháng 6 âm lịch (từ đầu tháng 5 đến tháng 8 dương lịch), nhiệt độ từ 29 - 38°C, mưa bão nhiều, thường xuyên gây ra lũ lụt. Mùa thu từ tháng 7 đến tháng 9 âm lịch (từ tháng 8 đến tháng 11 dương lịch), nhiệt độ giảm dần, thời tiết dịu mát, đầu mùa vẫn còn những trận mưa to và bão. Mùa đông từ tháng 10 đến tháng chạp âm lịch (từ đầu tháng 11 đến đầu tháng 2 năm sau dương lịch), gió đông bắc, nhiệt độ thấp, khô hanh, ít mưa.

d) Về văn hóa, truyền thống

Ngày 3/2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, giữ vai trò tiên phong trong sự nghiệp cứu nước của dân tộc. Trải qua 15 năm, dưới sự lãnh đạo và đường lối cách mạng của Đảng, nhân dân Tăng Tiến đã vùng lên giành chính quyền, cùng với nhân dân cả nước làm nên cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, giành độc lập cho quê hương, đất nước.

Độc lập chưa được bao lâu, đất nước lại phải đối mặt với cuộc xâm lược lần thứ 2 của thực dân Pháp. Trong suốt năm 9 năm kháng chiến, mặc dù bị kẻ địch càn quét nhiều lần, nhiều cán bộ, đảng viên và nhân dân bị địch sát hại,

làng mạc, ruộng vườn bị bom đạn tàn phá nhưng nhân dân trong toàn xã luôn giữ vững niềm tin vào sự lãnh đạo và Chủ tịch Hồ Chí Minh, niềm tin vào sự thắng lợi của cuộc kháng chiến của dân tộc. Chi bộ xã Tăng Tiến đã lãnh đạo nhân dân tích cực đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến góp phần cùng nhân dân cả nước làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược dân tộc.

Bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cán bộ, đảng viên và nhân dân Tăng Tiến luôn phát huy tinh thần kiên cường cách mạng, tự lực, tự cường xây dựng quê hương, đồng thời, thực hiện nhiệm vụ của hậu phương miền Bắc. Với tinh thần “tất cả cho tiền tuyến”, “tất cả vì miền Nam ruột thịt”, hàng trăm người con đã hăng hái tòng quân tham gia chiến đấu trên các chiến trường. Cùng với quân và dân cả nước, nhân dân Tăng Tiến đã tập trung sức người, sức của cho cuộc kháng chiến, góp phần làm nên đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, nhất là từ khi thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo (năm 1986), cán bộ, đảng viên và nhân dân Tăng Tiến đã đoàn kết một lòng vượt qua khó khăn, phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương, chủ động nắm bắt thời cơ, vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào điều kiện cụ thể của địa phương và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận trên nhiều lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội,...

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Xã Tăng Tiến có diện tích tự nhiên là 4,79 km² (bằng 479 ha). Trong đó:

a) Đất xây dựng đô thị là 2,78 km² (bằng 278 ha), gồm:

- Đất dân dụng là 160,03 ha:
- + Đất khu ở là 79,34 ha.
- + Đất công trình công cộng là 69 ha.
- Đất ngoài dân dụng là 118,38 ha:
- + Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 112,21 ha.
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,67 ha.
- + Đất an ninh quốc phòng là 0,20 ha.
- + Đất nghĩa trang nghĩa địa là 5,30 ha.
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 9,33 ha.

b) Đất khác là 200,56 ha

- Đất nông nghiệp là 185,94 ha.
- Đất mặt nước chuyên dùng là 0,33 ha.
- Đất chuyên dùng khác là 1,16 ha.
- Đất chưa sử dụng là 0,01 ha.

4. Dân số, lao động

a) Xã Tăng Tiến có 12.362 người; trong đó:

- Dân số thường trú là 11.568 người;
- Dân số tạm trú quy đổi là 794 người.
- Mật độ dân số 2.581 người/km².

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh.

b) Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Tăng Tiến là 7.597 người; trong đó,

Lao động nông nghiệp là 1.282 người, chiếm 16,9%;

Lao động phi nông nghiệp là 6.315 người, chiếm 83,1%.

c) Xã Tăng Tiến có 5 thôn, gồm: thôn Thượng Phúc, thôn Phúc Long, thôn Chùa, thôn Bầy, thôn Chằm.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

Năm 2022 là năm có nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là tình hình dịch bệnh Covid - 19 diễn biến hết sức phức tạp, xã Tăng Tiến cũng đã là tâm dịch của huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang cũng như của cả nước, khi dịch bệnh lan rộng vào Khu Công nghiệp. Dịch bệnh đã tác động tiêu cực đến thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Song, xã đã bám sát diễn biến tình hình tập trung chỉ đạo hoàn thành “mục tiêu kép”, vừa tập trung cao thực hiện các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19, vừa từng bước khôi phục triển khai đồng bộ, quyết hết các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; công tác giải phóng mặt bằng và tiến độ thực hiện dự án đầu tư công được đẩy mạnh; hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được cải thiện, nhất là giao thông, công nghiệp, đô thị.

Là một trong những xã có khu công nghiệp lớn là KCN Vân Trung và KCN Việt – Hàn, có Quốc lộ 1A, cao tốc Hà Nội - Bắc Giang đi qua nên thuận lợi cho phát triển kinh tế, phát triển các ngành nghề kinh doanh thương mại – dịch vụ, thu hút đầu tư, giải quyết việc làm cho người lao động.

a) Về phát triển kinh tế

Năm 2022, tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã (theo giá so sánh năm 2010) đạt 644 tỷ đồng, hoàn thành kế hoạch và tăng 82 tỷ đồng với năm 2021. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 349 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 17,34%; giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản đạt 74,9 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 2,29%; giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ đạt 219,9 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 6,06%.

Cơ cấu giá trị sản xuất kinh doanh: giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 42,46%; giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản chiếm 10,43%; giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ chiếm 47,11% trong cơ cấu kinh tế của toàn xã (theo giá hiện hành).

b) Phát triển ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - xây dựng:

Tình hình sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn trên địa bàn ổn định và duy trì phát triển. Năm 2022, số lao động có việc làm trong năm là 6.103 lao động công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, thu nhập bình quân đạt khoảng 7.000.000đ/người/1 tháng. Khu công nghiệp Vân Trung đi vào hoạt động phát triển, thu hút lao động nhiều công nhân đến trợ tại địa phương, với số lượng khoảng 7.000 người, số hộ xây phòng trọ là 633 hộ nên các ngành nghề kinh doanh dịch vụ phát triển mạnh là nguồn thu nhập đáng kể của địa phương

Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng năm 2022 đạt 349 tỷ đồng. Địa bàn xã hiện có 79 doanh nghiệp, 1.069 cơ sở kinh tế cá thể. Hoạt động công nghiệp - xây dựng chủ yếu các lĩnh vực xây dựng.

- Thương mại – dịch vụ:

Lĩnh vực thương mại dịch vụ trên địa bàn xã tiếp tục phát triển. Giá trị thương mại – dịch vụ năm 2022 đạt 219,9 tỷ đồng, địa bàn xã hiện có 279 hộ kinh doanh thương mại, dịch vụ đạt 261 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2021. Địa bàn có 754 hộ sản xuất kinh doanh, thương mại, dịch vụ, ngành nghề; một số cơ sở kinh doanh lớn, góp phần phát triển thương mại - dịch vụ của xã như: Công ty 1 thành viên Mây tre đan Tăng Tiến, Siêu thị Mediamart, dịch vụ nhà ở cho thuê văn phòng.

- Nông - lâm nghiệp, thủy sản:

Năm 2022 giá trị Nông – lâm nghiệp, thủy sản đạt 74,9 tỷ đồng, xã đã tập trung triển khai kế hoạch gieo trồng, chuẩn bị các điều kiện đảm bảo cấy hết diện tích bằng các giống chủ yếu là: C70, kang dân 8, và các loại lúa chất lượng,... Tổng diện tích gieo trồng là 330 ha đạt 100% so với cùng kỳ năm 2021, năng suất bình quân đạt 61 tạ/ha, sản lượng đạt 2.013 tấn, bằng 87% so với kế hoạch; diện tích cây màu là 33 ha, trong đó cây lạc là 7 ha, khoai lang là 15 ha, rau màu các loại là 01 ha.

Tích cực chủ động tuyên truyền phòng chống dịch bệnh thường xuyên trên hệ thống truyền thanh, vận động nhân dân tích cực vệ sinh chuồng trại, đường làng ngõ xóm, phun thuốc phòng dịch; thường xuyên kiểm tra dịch bệnh trên địa bàn, tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc gia cầm được 21.600 liều vắc xin các loại; kiểm tra vệ sinh thú y 25 tấn thịt gia súc và 15 tấn phụ phẩm khác.

Tổng đàn trâu bò có 114 con, tăng 12%; đàn lợn có 320 con, tăng 4%; gia cầm là 14.550 con, tăng 01% so với cùng kỳ năm 2021. Ngoài ra, địa bàn xã còn có 15 ha mặt nước nuôi trồng thủy sản, sản lượng 2,7 tấn/ha.

c) Thu chi ngân sách, công tác tài chính.

- Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã năm 2022 đạt 31,22 tỷ đồng.

- Chi ngân sách đã bám sát phân khai của huyện, Nghị quyết của HĐND xã; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tổng chi ngân sách đạt 25,85 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là 4,87 tỷ đồng.

d) Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã Tăng Tiến năm 2022 giảm còn 21 hộ, bằng 0,89% (giảm 10 hộ so với năm 2021); bình quân giai đoạn 2020 - 2022 là 1,41%, thấp hơn bình quân 3 năm (2020-2022) của huyện Việt Yên là 1,80%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 78 triệu đồng/người/năm.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

a) Về giáo dục

Năm học 2021- 2022, ngành giáo dục của xã đạt kết quả tốt, cơ sở vật chất của nhà trường được quan tâm tu sửa, sắm mới trang thiết bị, công tác xã hội

hoá giáo dục tiếp tục được củng cố phát triển. Tỷ lệ phòng kiên cố và bán kiên cố đạt 100%, cả 3 trường đạt chuẩn Quốc gia.

Bậc học THCS có 472 học sinh; trong đó, đạt hạnh kiểm tốt là 399 em bằng 84,5%, khá là 63 em bằng 13,5%, trung bình là 10 em đạt 2.0%. Xếp loại học lực, loại giỏi là 101 em, khá là 258 em, trung bình là 104 em, yếu là 8 em, kém là 1 em. Tỷ lệ học sinh lên lớp đạt 98,38%; học sinh tốt nghiệp THCS đạt 97%, giảm 2% so với năm 2020.

Bậc Tiểu học có 860 em, không có học sinh vi phạm đạo đức, trật tự an toàn giao thông; học sinh có thành tích vượt trội, tiến bộ vượt bậc là 718/860 đạt 83,48%. Chất lượng các mặt giáo dục, hoàn thành là 857 học sinh đạt 99,65%; chưa hoàn thành là 3 học sinh, đạt 0,35%.

Bậc Mầm non có 100% cán bộ giáo viên trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn; trường có 17 lớp mẫu giáo với 545 cháu, 100% tổng số lớp có mô hình phòng, chống suy dinh dưỡng, 100% các cháu được ăn bán trú tại lớp. Tỷ lệ trẻ đi học chuyên cần đạt 99,5%.

b) Về công tác y tế

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân được triển khai có hiệu quả; khám chữa bệnh cho người nghèo, đối tượng chính sách, người cao tuổi, cấp phát thuốc cho các đối tượng BHYT và trẻ em dưới 6 tuổi; công tác tuyên truyền vệ sinh An toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, vệ sinh học đường được tiến hành thường xuyên. Năm 2022, khám chữa bệnh cho trên 3.509 lượt người; chẩn đoán và điều trị hợp lý đạt 85%. Duy trì công tác tiêm chủng mở rộng, định kỳ vào ngày 20 hàng tháng tiêm phòng cho trẻ em dưới 1 tuổi, cho trẻ từ 0 đến 36 tháng tuổi uống Vitamin A, tiêm phòng cho phụ nữ có thai; đảm bảo đủ thuốc thiết yếu theo quy định của Bộ Y tế phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; xây dựng xã đạt chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn 2.

Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách về dân số, kế hoạch hoá gia đình được thực hiện thường xuyên; chiến dịch chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hoá gia đình được triển khai tại các thôn.

Trước tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, để thực hiện tốt công tác phòng chống dịch trên địa bàn, xã đã thực hiện nghiêm túc công tác phòng, chống dịch theo chỉ đạo của trên; kiểm soát chặt chẽ nguồn lây nhiễm, truy vết, rà soát hết các trường hợp trở về từ vùng dịch, không để sót trường hợp nào; kêu gọi người dân trở về từ vùng dịch khai báo y tế; đẩy mạnh công tác truyền thông phòng, chống dịch và phát động toàn dân tham gia phòng, chống dịch.

c) Thực hiện các chính sách xã hội

Thực hiện chi trả kịp thời các chế độ chính sách cho các đối tượng đầy đủ và chính xác; hoàn chỉnh hồ sơ của các đối tượng được hưởng trợ cấp; làm hồ sơ cấp BHYT cho các đối tượng; tổ chức thăm và tặng quà cho 164 đối tượng; nắm chắc đời sống nhân dân trên địa bàn, đặc biệt là các hộ nghèo hộ cận nghèo, hộ đặc biệt khó khăn cần trợ giúp. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2022 là 0,89% giảm 0,42% so với năm 2021; tỷ lệ hộ cận nghèo năm 2022 là 2,54%, giảm 0,26%. Số người nghèo, cận nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế chăm sóc sức khỏe đến thời điểm

hiện nay đạt 100%, số trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ BHYT là 98%, toàn xã đã có 100% số dân tham gia bảo hiểm các loại hình.

d) Về văn hoá, thông tin, thể thao

Kết quả tổ chức bình xét các danh hiệu văn hóa năm 2022, danh hiệu gia đình văn hóa đạt 1.891/2.029 hộ bằng 93%; 5/5 thôn đạt danh hiệu “Thôn văn hóa”; 3/5 thôn đạt danh hiệu Khu dân cư điển hình sáng xanh, sạch, đẹp, an toàn; xã Tăng Tiến đạt danh hiệu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” năm thứ 7 liên tục. Đề nghị khen thưởng gia đình văn hóa cấp xã là 22 hộ, cấp huyện là 05 hộ, cấp tỉnh là 01 hộ; khen thưởng tập thể (02 cấp huyện, 02 cấp tỉnh). Các thôn mở lễ hội truyền thống thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia; các công trình nhà văn hoá tiếp tục được quan tâm củng cố giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc. Nhìn chung đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân trong toàn xã ổn định và phát triển theo hướng tích cực.

7. An ninh trật tự

a) Công tác quân sự địa phương:

Làm tốt công tác rà soát, sơ tuyển thanh niên trong độ tuổi sẵn sàng nhập ngũ đúng quy trình, kết quả rà soát được 104 thanh niên đủ điều kiện sơ tuyển tại xã và khám sơ tuyển 104 thanh niên; nhận và phát lệnh khám tuyển tại huyện cho 54 thanh niên. Thực hiện tốt công tác già soát, xét duyệt, khám tuyển động viên thanh niên lên đường nhập ngũ năm 2022, toàn xã có 20 thanh niên lên đường nhập ngũ, bảo đảm kế hoạch chỉ tiêu trên giao. Đăng ký được 55 thanh niên tuổi 17 chưa đăng ký lần đầu, động viên 05 quân nhân dự bị tham gia huấn luyện; tổ chức thăm hỏi và động viên các quân nhân dự bị động viên tại các đơn vị huấn luyện. Năm 2022, xã đã xét duyệt được 34 bộ hồ sơ dân công hỏa tuyến; thực hiện chi trả bảo hiểm và chế độ mai táng phí cho các đối tượng chính sách theo đúng quy định; thực hiện nhiệm vụ diễn tập chiến đấu phòng thủ năm 2022.

b) Công tác an ninh trật tự:

An ninh trật tự được giữ vững ổn định, tình hình an ninh nông thôn được đảm bảo, thường xuyên nắm bắt tình hình, tổ chức tuần tra kiểm soát đảm bảo tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Năm 2022, xã đã tiếp nhận và xử lý tin báo, tố giác tội phạm giải; địa bàn xảy ra 62 vụ giảm 4 vụ so với cùng kỳ năm 2021, đã xác minh giải quyết 09 vụ bằng 12 đối tượng, xử phạt vi phạm hành chính 17,95 triệu đồng.

Thường xuyên rà soát người nước ngoài, người Việt Nam từ nước ngoài về; rà soát người từ vùng dịch đến địa bàn xã; kiểm tra, xử lý 170 trường hợp vi phạm các quy định về phòng chống dịch Covid-19; triển khai dự án cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và sản xuất, quản lý căn cước công dân đảm bảo đúng thời gian quy định.

8. Tổ chức hệ thống chính trị

a) Hội đồng nhân dân xã

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021-2026 có 26 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn đại học là 12 người, chiếm 46,15%; trung cấp là 01 người, chiếm 3,84%, chưa qua đào tạo 13 người chiếm 50%.

- Trình độ về lý luận chính trị: cao cấp 01 người, chiếm 3,8%; trung cấp là 09 người, chiếm 34,6%; sơ cấp là 06 người, chiếm 23 %, chưa được bồi dưỡng là 10 người, chiếm 38,46%.

b) Tổng số cán bộ, công chức là 19 người, gồm cán bộ 11 người, công chức 08 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: thạc sỹ là 02 người, chiếm 10,53%; đại học là 17 người, chiếm 89,47%.

- Trình độ lý luận chính trị cao cấp là 01 người, chiếm 5,26%; trung cấp là 16 người, chiếm 84,21%; sơ cấp 02 người, chiếm 10,53%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở xã là 10 người.

d) Hiện trạng bố trí Công an xã chính quy, tổng số có 06 người, gồm: 02 đ/c Phó trưởng công an xã, 04 đồng chí công an viên chính quy.

9. Về trình độ phát triển hạ tầng đô thị

a) Về công trình y tế

Xã Tăng Tiến có 01 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về trạm y tế xã, diện tích 1.836 m²; trạm y tế xã thực hiện xây dựng xã đạt chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn 2; ngoài ra, trên địa bàn xã còn có 02 phòng khám tư nhân.

b) Về công trình hạ tầng thương mại

Xã Tăng Tiến có 02 chợ là chợ Phúc Tăng và chợ dân cư dịch vụ Phúc Long, 01 siêu thị Mediamart, 02 cửa hàng dịch vụ trung tâm 300 m² trở lên và 02 trung tâm mua bán trao đổi hàng hóa.

c) Về công trình giáo dục

Xã Tăng Tiến có 02 trường Mầm non, trong đó 01 trường tư thục; 01 trường tiểu học và 01 trường THCS. Các trường công lập đều đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục. Trường mầm non và THCS đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và đào tạo. Trường tiểu học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

d) Về đất công trình giáo dục

Tổng diện tích đất công trình giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã Tăng Tiến là 48.492 m²; bình quân đất công trình giáo dục là 48.492 m²/12.362 người đạt 3,9 m²/người.

đ) Về đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao

Tổng diện tích các công trình văn hóa, thể dục thể thao phục vụ cho xã Tăng Tiến là 35.191 m²; bình quân diện tích sân tập luyện là 35.191 m²/12.362 người đạt 2,8 m²/người.

e) Về cấp điện sinh hoạt

Tổng sản lượng điện cho toàn xã Tăng Tiến năm 2022 là 8.501.840 kwh/năm; trong đó, điện sinh hoạt cung cấp cho toàn xã 8.099.857 kwh/năm; tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt là 8.099.857kwh/năm/12.362 người đạt 655 kwh/người/năm.

g) Về đất giao thông

Tổng diện tích đất giao thông tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông trên địa bàn xã là 368.550 m²; bình quân diện tích đất giao thông tính trên dân số là 368.550 m²/12.362 người đạt 29,8 m²/người.

h) Về tỷ lệ đường được chiếu sáng

Tổng chiều dài đường chính xã Tăng Tiến là 9,4 km, trong đó có 9,0 km được chiếu sáng, tỷ lệ đường được chiếu sáng là 95,7%.

i) Về đất cây xanh sử dụng công cộng

Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn xã Tăng Tiến là 25.550 m²; bình quân đất cây xanh sử dụng công cộng là 25.550 m²/12.362 người đạt 2,07 m²/người.

k) Về tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch

Xã Tăng Tiến hiện có 2.360 hộ dân, trong đó có 2.255 hộ đang sử dụng nước sạch cấp từ nhà máy nước sạch; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại xã Tăng Tiến đạt 96%.

l) Về tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải hộ của 2.360 hộ/2.360 hộ gia đình trên địa bàn xã được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 2 ngăn hoặc 3 ngăn đảm bảo quy định về nước thải sinh hoạt.

m) Về mật độ đường cống thoát nước chính

Hệ thống thoát nước của xã sử dụng là các loại cống hỗn hợp và các mương rãnh với tổng chiều dài cống thoát nước chính là 14,2 km; diện tích đất xây dựng đô thị của xã Tăng Tiến là 2,71 km²; mật độ đường cống thoát nước chính là 14,2 km /2,71 km² = 5,2 km/km².

n) Về tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã Tăng Tiến là 8,3 tấn/ngày trong đó có 8,3 tấn hàng ngày được thu gom, xử lý theo quy định; tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt 100%.

10. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Sửa đổi; các số liệu thống kê đến 31/12/2022, UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Tăng Tiến, gồm:

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Quy mô dân xã Tăng Tiến tính đến 31/12/2022 là 12.362 người, trong đó dân số thường trú là 11.568 người, dân số tạm trú quy đổi là 794 người.

Đánh giá: Đạt

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: xã Tăng Tiến có 4,79 km² diện tích tự nhiên.

Theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 31 của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì việc thành lập đơn vị hành chính đô thị trên cơ sở 01 đơn vị hành chính cùng cấp mà không làm tăng đơn vị hành chính thì không áp dụng tiêu chuẩn diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Tăng Tiến năm 2022 đạt 31,22 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 25,85 tỷ đồng. Cân đối dư.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2020 - 2022) của huyện Việt Yên là 1,80% (năm 2020 là 1,65%; năm 2021 là 2,36%; năm 2022 là 1,40%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm (2020 - 2022) của xã Tăng Tiến là 1,41% (năm 2020 là 2,03%; năm 2021 là 1,31%; năm 2022 là 0,89%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Tăng Tiến là 7.597 người; trong đó, lao động nông nghiệp là 1.282 người, chiếm 16,9%; lao động phi nông nghiệp là 6.315 người, chiếm 83,1%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Tăng Tiến đã được đánh giá, công nhận đạt 13/13 tiêu chuẩn để thành lập phường theo quy định tại Văn bản số: ... của Bộ Xây dựng.

Như vậy, phường Tăng Tiến dự kiến thành lập thuộc thị xã Việt Yên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

VIII. HIỆN TRẠNG XÃ QUẢNG MINH

1. Lịch sử hình thành

Trước cách mạng tháng tám năm 1945, xã Quảng Minh ngày nay thuộc tổng Mật Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Sau cách mạng tháng Tám năm 1945, Nhà nước bỏ đơn vị hành chính tổng, lập đơn vị hành chính xã (gồm một làng) hoặc liên xã (nhiều làng hợp lại). Các làng Sen Hồ, Mật Ninh hợp lại thành lập xã Quang Trung. Các làng Khả Lý Thượng, Khả Lý Hạ, Cao Lôi hợp lại thành lập xã Khả Cao.

Ngày 2 tháng 5 năm 1949, Ủy ban Kháng chiến hành chính Liên khu I ra Quyết định số 233-CP/4 sáp nhập 3 xã: Quang Trung, Khả Cao, Ninh Sơn thành một xã lấy tên là xã Quảng Minh. Cuối năm 1954, xã Ninh Sơn tách ra, thôn Cao Lôi (xã Khả Cao cũ) thuộc xã Ninh Sơn.

Ngày 20 tháng 2 năm 2003, Chính phủ ra Nghị định số 16/2003/NĐ-CP thành lập thị trấn Nénh, thôn Sen Hồ cắt về thị trấn Nénh.

2. Vị trí địa lý và địa giới hành chính

a) Vị trí địa lý

Xã Quảng Minh nằm ở phía Nam của huyện Việt Yên, tiếp giáp liền kề với thị trấn Nénh, cách trung tâm huyện khoảng 4 km, cách thành phố Bắc Giang 17 km. Có 2 tuyến giao thông đối ngoại đi qua địa bàn xã là đường vành đai 4 (tỉnh lộ 398) đi Sóc Sơn và tỉnh lộ 295B đi thành phố Bắc Ninh.

b) Địa giới hành chính xã Quảng Minh:

Phía Bắc giáp thị trấn Bích Động;

Phía Nam giáp thị trấn Nénh và xã Ninh Sơn;

Phía Đông giáp thị trấn Nénh;

Phía Tây giáp xã Ninh Sơn và xã Trung Sơn.

c) Điều kiện tự nhiên

Là một vùng đất tiếp giáp giữa vùng trung du và đồng bằng, nằm trên khu vực thềm mài mòn cũ bị chia cắt yếu của nền phù sa cổ, do đó có núi sót, đồi trọc, ruộng bậc thang, ruộng đồng trũng, ao, giộc...

Phía tây bắc của xã có núi con Rùa độ cao 35m, núi Trâu Ghè, độ cao 45m, diện tích khoảng 35ha thuộc làng Khả Lý. Giữa xã có núi Trùng, như một mâm xôi nổi lên giữa mặt bằng đồng ruộng, làng xóm, độ cao dưới 15m, diện tích khoảng 2,5ha.

Quảng Minh có núi Kẽ độ cao 62m, phía đông núi thuộc làng Mật Ninh, diện tích khoảng 50ha, chạy dài gần đê sông Cầu, một cảnh quan nên thơ, một địa thế quân sự có lợi.

Cùng với núi, đồi là rừng. Cho đến cuối thế kỷ XIX, trên địa bàn xã còn nhiều dải rừng sót lại: Rừng lim ở Đông, nghề Trùng, bãi rừng (Mật Ninh), rừng ông Phó Loan (Khả Lý Thượng) rừng nghe, rừng vầu (Khả Lý Hạ).

Quảng Minh là xã có bình quân thấp về ruộng đất. Chất đất bạc màu; ruộng bậc thang, đòi hỏi sự chăm bón cày cù, có kinh nghiệm thâm canh mới có kết quả.

Nguồn nước trong nông nghiệp xưa, chủ yếu dựa vào các giộc, ngòi, ao và nước mưa; từ đầu thế kỷ XX, nước máng của hệ thống thủy nông sông Cầu cung cấp nước cho một số cánh đồng trong xã.

Nước dùng trong ăn uống hàng ngày thì, xưa, làng nào cũng có vài cái giếng công cộng như cảnh nhiều làng quê cổ kính Việt Nam. Một hệ thống ao trong mỗi làng cũng là nguồn nước dùng trong sinh hoạt, chăn nuôi. Vào những năm đầu thế kỷ XX việc đào giếng trong mỗi gia đình mới phát triển.

Xã Quảng Minh nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới, chịu ảnh hưởng thời tiết theo khu vực đông bắc đồng bằng Bắc Bộ và khu vực Hà Nội. Nhiệt độ trung bình hàng năm 23°C, lượng mưa bình quân hàng năm 1054mm, năm cao nhất là 2094mm, năm thấp nhất là 957mm. Tính theo âm lịch, mùa xuân từ tháng Giêng đến hết tháng Ba, nhiệt độ từ 15°C - 28°C, có gió đông, gió đông nam, đôi khi còn một vài đợt gió mùa đông bắc gây nên mưa dầm, mưa phùn và đợt rét ngắn. Mùa hạ từ tháng Tư đến hết tháng Sáu, nhiệt độ từ 29°C - 36°C, đôi khi có những trận giông bão, mưa to gió lớn, dễ gây lụt lội. Mùa thu từ tháng Bảy đến hết tháng Chín: nhiệt độ giảm dần, thời tiết dịu hơn. Đầu thu, vẫn còn những trận mưa to gió lớn và những trận bão rút. Cuối thu có gió heo may, thuận lợi cho lúa mùa và rau màu vụ đông. Mùa đông từ tháng Mười đến tháng

Mười hai; nhiệt độ hạ dần; ít mưa to gió lớn; gió đông bắc đưa khí lạnh tràn về, có khi rét đến dưới 10°C. Có những đợt gió tây bắc, nắng hanh khô ban ngày, nhưng đêm lại giá lạnh.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Xã Quảng Minh có diện tích tự nhiên là 5,46 km² (bằng 545,50 ha).

Trong đó:

a) Đất xây dựng đô thị là 1,43 km² (bằng 142,90 ha), gồm:

- Đất dân dụng là 131,70 ha:
- + Đất khu ở là 85,60 ha.
- + Đất công trình công cộng là 46,10 ha.
- Đất ngoài dân dụng là 11,20 ha:
- + Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 0,30 ha.
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,30 ha.
- + Đất an ninh quốc phòng là 0 ha.
- + Đất nghĩa trang nghĩa địa là 4,80 ha.
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 5,80 ha.

b) Đất khác là 402,60 ha

- Đất nông nghiệp là 397,50 ha.
- Đất mặt nước chuyên dùng là 03 ha.
- Đất chuyên dùng khác là 2,10 ha.
- Đất chưa sử dụng là 0 ha.

4. Dân số, lao động

a) Xã Quảng Minh có 11.225 người; trong đó:

- Dân số thường trú là 11.172 người;
- Dân số tạm trú quy đổi là 53 người.
- Mật độ dân số 2.056 người/km².

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh.

b) Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Quảng Minh là 6.989 người; trong đó,

Lao động nông nghiệp là 1.257 người, chiếm 18%;

Lao động phi nông nghiệp là 5.732 người, chiếm 82%.

c) Hiện tại, xã Quảng Minh có 5 thôn, gồm: Thôn Khả Lý Thượng, Thôn Khả Lý Hạ, Thôn Kẽ, Thôn Đình Cả, Thôn Đông Long.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Về phát triển kinh tế

Năm 2022, tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã (theo giá so sánh năm 2010) đạt 338 tỷ đồng tăng 38,5 tỷ đồng so với năm 2021. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 216 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 15,88%; giá trị thương mại – dịch vụ đạt 34,4 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 6,05%; giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản đạt 82,7 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 2,29%.

Cơ cấu giá trị chuyển dịch theo hướng tích cực, giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp chiếm 56,18%; giá trị thương mại - dịch vụ chiếm

10,37%; giá trị sản xuất nông nghiệp – thủy sản chiếm 25,36% cơ cấu kinh tế của xã (theo giá hiện hành).

b) Phát triển ngành, lĩnh vực

- Công nghiệp - xây dựng:

Ngay sau khi dịch bệnh Covid được kiểm soát. Các hoạt động dịch vụ kinh doanh tiểu thủ công nghiệp sớm được hoạt động trở lại đã thu hút nhiều lao động tham gia. Toàn xã có khoảng 6.939 lao động có việc làm thường xuyên, hoạt động trong các lĩnh vực như công nghiệp, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp và các ngành nghề nông thôn. Trên địa bàn xã hiện có 10 doanh nghiệp. Hoạt động công nghiệp - xây dựng chủ yếu các lĩnh vực Xây dựng, cơ khí, hàng ăn, may mặc...; có 345 hộ kinh doanh.

- Thương mại - dịch vụ:

Thương mại, dịch vụ góp phần phát triển thương mại - dịch vụ của xã như: buôn bán tạp hoá, đồ gia dụng, kinh doanh quần áo, mua bán xe máy điện, điện thoại.... Thu nhập bình quân đầu người ước đạt 70 triệu/người năm.

- Nông – lâm nghiệp thủy sản:

- Tổng diện tích gieo trồng cả năm 710 ha đạt 96,7% cùng kỳ Trong đó: Diện tích cấy lúa 508ha (vụ chiêm 260ha, vụ mùa 248ha). Năng xuất ước đạt 65ta/ha. Tổng sản lượng ước đạt 3.312/3.081=107% kế hoạch huyện giao, bằng 98 % so cùng kỳ;

- Cây màu cả năm: Tổng diện tích là 202 ha đạt 88% so cùng kỳ; năng xuất ước đạt 609ta/ha; sản lượng 5.434 tấn đạt 100% so với cùng kỳ

Tổng giá trị sản xuất bình quân 1ha đất nông nghiệp đạt 135 triệu đồng

* Về chăn nuôi: -

- Đàn lợn: Tổng sản lượng: 458.5 tấn;

- Gia cầm: Tổng sản lượng: 133.9 tấn;

- Trâu bò: Tổng sản lượng: 246 tấn;

- Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản là 67,2/70 ha giảm 0,3 ha so cùng kỳ sản lượng ước đạt 474.8 tấn; bằng 135% so với kế hoạch năm bằng 100% so cùng kỳ.

c) Thu chi ngân sách, công tác tài chính.

- Công tác thu ngân sách được tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo quản lý và khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu. Chi ngân sách đã bám sát Nghị quyết của HĐND xã; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương:

Tổng thu ngân sách xã đạt: 37,26 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách xã đạt: 30,21 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người đạt 70 triệu đồng vào năm 2022

d) Tỷ lệ hộ nghèo

- Trên địa bàn xã Quảng Minh năm 2022 giảm còn 22 hộ, bằng 0,75% (giảm 20 hộ so với năm 2021); bình quân giai đoạn 2020 - 2022 là 1,06%, thấp hơn bình quân 3 năm (2020-2022) của huyện Việt Yên là 1,80%.

6. Hiện trạng Văn hóa- xã hội

a) Về giáo dục

Năm qua, tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát trở lại và diễn biến phức tạp, dẫn đến các chương trình giáo dục của các bậc học phải thực hiện mục tiêu kép, vừa tích cực thực hiện các giải pháp phòng chống dịch vừa bảo đảm hoàn thành các Chương trình giáo dục theo kế hoạch. Sau khi nghỉ tết nhiều học sinh và một số giáo viên nhiễm Covid phải nghỉ học, nghỉ dạy, tình trạng thiếu giáo viên có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng dạy và học của các nhà Trường trong xã. Với sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống CT-XH sự quyết tâm cao của các thầy cô giáo. Năm học 2021-2022 đã hoàn thành đảm bảo chất lượng. Đồng thời đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng trường Mầm non mới khu vực thôn Khả Lý Thượng, Khả Lý Hạ; Trường Tiểu học khu vực thôn Đông Long dự kiến đưa vào sử dụng vào đầu tháng 12 năm 2022.

- Bậc mầm non: Có 600 trẻ với 20 phòng học (tăng 07 trẻ so với năm học 2020-2021).

Trẻ 5 tuổi có 07 lớp = 206 em; trẻ 4 tuổi có 08 lớp = 238 em; trẻ 03 tuổi = 05 lớp = 156 em. Trường quản lý 02 cơ sở tư thực với 03 nhóm trẻ = 50 cháu.

Giáo dục Mầm Non xã Quảng Minh được công nhận phổ cập Mầm Non 5 tuổi.

Trường có tổng số 43 CBGV, NV, Trong đó CBQL: 03 đồng chí; Tổng GV 38 đồng chí; nhân viên 02 đồng chí; ngoài ra Nhà trường hợp đồng 02 bảo vệ và 06 cô nuôi; Theo biên chế quy định nhà trường còn thiếu 02 giáo viên.

Năm học 2021-2022 nhà trường được khởi thi đua suy tôn: Tập thể LĐ tiên tiến xuất sắc và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen.

- Bậc tiểu học: Năm học 2021-2022 trường có 35 lớp học, với 1143 học sinh (trong đó có 13 học sinh khuyết tật học hòa nhập); số cán bộ giáo viên năm học 2022-2023 là 54 đồng chí (trong biên chế là 50 đồng chí và 4 giáo viên hợp đồng). Trong đó cán bộ quản lý 02 đồng chí; Tổng phụ trách Đội 01 đồng chí; giáo viên 44 đồng chí; nhân viên 3 đồng chí. Hiện nay, nhà trường còn thiếu 9 giáo viên, 01 cán bộ quản lý so với quy định. Duy trì đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và tiếp tục củng cố, xây dựng cơ sở vật chất phòng học, phòng chức năng, khuôn viên, khu vực sân chơi, bãi tập... để phấn đấu đề nghị công nhận chuẩn quốc gia mức độ 2 vào tháng 8/2023. Năm học 2021-2022 nhà trường được UBND huyện tặng giấy khen.

- Bậc trung học cơ sở: Có 729 học sinh, với 19 lớp học (tăng 1lớp so với năm học 2021);

Tổng số CBGVNV: 37 người. Trong đó cán bộ QL: 1 người, GV: 33, NV: 3

Số CBQL thiếu 01, CBGV so với quy định là thiếu 02 giáo viên. Tỷ lệ tốt nghiệp đạt 99,42% (172/173 em), tỷ lệ học sinh thi vào các trường THPT đạt 75%. Tỷ lệ phân luồng đạt gần 35%. Trường đạt Chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục đạt cấp độ 3, đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2 và đạt Chuẩn phổ cập giáo dục mức độ 3.

b) Công tác y tế

Công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, cho đối tượng chính sách, người nghèo, người cao tuổi, học sinh và trẻ em. Trong năm 2022 đã tổ chức khám, cấp thuốc cho 6.050 lượt người; Tổng số lượt xác

nhận đăng ký khám bệnh từ xa là: 5.350 lượt người. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi đạt 9,9% giảm 0,3% so cùng kỳ. Duy trì thường xuyên công tác tiêm phòng cho trẻ dưới 1 tuổi vào ngày 20 hàng tháng kết quả 140/140 em đạt 100%. tiếp tục duy trì và giữ vững xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Tuyên truyền nhân dân trên địa bàn phòng chống dịch covid_19 và các bệnh truyền nhiễm khác trong năm đã điều trị khỏi và cấp mã bệnh nhân 2.634 đối tượng bệnh nhân Covid19 khỏi bệnh. Tổ chức tập huấn và quản lý các hộ kinh doanh chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn, trong năm không có vụ ngộ độc thực phẩm nào xảy ra trên địa bàn.

Công tác dân số KHHGD thường xuyên được quan tâm, tỷ lệ áp dụng các biện pháp tránh thai đạt 74%. Tổng số sinh 101 trẻ; tỷ suất sinh 9,02‰ giảm 1,73‰: Trẻ sinh là nam 54, trẻ sinh ra là nữ 47,

- Số trẻ sinh là con thứ 3 trở lên: 20 trẻ, tỷ lệ 19,8%, giảm 4,36% trẻ so với cùng kỳ; Tỷ suất tăng dân số tự nhiên: 5,9‰, giảm 1,3% so với cùng kỳ, vượt so chỉ tiêu kế hoạch.

c) Công tác văn hóa, thông tin thể thao

Ngay từ đầu năm UBND xã triển khai, hướng dẫn các thôn đăng ký các danh hiệu văn hoá như: 5/5 thôn đăng ký đạt khu dân cư văn hoá; có 2671/2805 hộ gia đình đăng ký đạt danh hiệu gia đình văn hoá; 3/5 thôn đăng ký đạt danh hiệu khu dân cư sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn. Kết quả năm 2022: Qua bình xét, chấm điểm của BCD và đề nghị Chủ tịch UBND xã ra quyết định công nhận 2658/2805 hộ đạt GDĐVH đạt 95%. UBND huyện công nhận 5/5 thôn đạt danh hiệu khu dân cư văn hoá; 3/5 thôn đạt danh hiệu khu dân cư sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn. Xã được công nhận đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới năm thứ 5.

Công tác quản lý các di tích lịch sử văn hoá luôn được Đảng uỷ và chính quyền quan tâm, hầu hết các di tích trên địa bàn xã được kiểm tra, đánh giá mức độ xuống cấp của di tích và đề nghị cấp có thẩm quyền hỗ trợ kinh phí tu bổ di tích theo quy định; Theo đó năm 2022, UBND xã đã đề nghị tu bổ, tôn tạo di tích chùa Lương Minh thôn Đông Long. Công tác tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh luôn được duy trì nghiêm túc. Thực hiện tốt các chương trình tiếp sóng của Đài truyền thanh huyện. Đài truyền thanh xã đã biên tập hàng trăm tin bài phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế và tình hình chính trị ở địa phương. Chính vì vậy các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được truyền tải kịp thời đến người dân. Theo đó việc chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tại địa phương được triển khai và thực hiện, dân chủ ở cơ sở được phát huy.

Tổ chức cho các hộ kinh doanh dịch vụ văn hóa như: Internet, karaoke, quán ăn... ký cam kết dừng các hoạt động để phòng chống dịch Covid-19; duy trì tổ chức tốt hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao ở cơ sở và hoạt động của các Câu lạc bộ văn nghệ, thể thao, dưỡng sinh, bóng chuyền hơi,...; công tác quản lý Nhà nước về các hoạt động văn hóa, lễ hội được duy trì và đảm bảo tốt.

d) Thực hiện chính sách xã hội

Nhận và cấp tiền quà tết cho các đối tượng chính sách: Kết quả quà chủ tịch tỉnh: 219 suất với tổng số tiền: 109.500.000 đồng (kèm theo quà); chủ tịch nước:

219 xuất với số tiền: 44.200.000 đồng. Quà Chủ tịch huyện: 03 xuất = 1.500.000 đồng (kèm theo quà). Chi trả tiền thờ cúng liệt sỹ năm 2022: 88 người với số tiền 123.200.000 đồng; chi trả tiền hỗ trợ covid cho 19 đối tượng F0, 65 đối tượng F1 tổng số tiền là 63.960.000 đồng; 05 hộ kinh doanh số tiền là 15.000.000 đồng. Phối hợp với công an xã tổ chức tặng quà cho 05 hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân ngày Hội Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, mỗi xuất quà bằng tiền mặt :500.000 đồng (tổng số tiền 2.500.000 đồng).

Năm 2022 hội đồng xác định mức độ khuyết tật họp xác định mức độ khuyết tật cho các đối tượng khuyết tật mới. Tổng số: 22 người trong đó (đặc biệt nặng: 01 người; nặng 10 người; nhẹ 06 người). Luỹ kế toàn xã tổng số người khuyết tật đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng: 235 người trong đó (đặc biệt nặng: 16 người; đặc biệt nặng là người cao tuổi: 10 người; nặng là trẻ em: 27 người; nặng là người cao tuổi: 76 người; khuyết tật nặng là 106 người).

Tuyên truyền, triển khai xét duyệt đối với các hộ nghèo làm mới và sửa chữa theo Đề án số 03/ĐA-UBND ngày 10/01/2022 của UBND huyện. Đã đề nghị cả 02 đợt với tổng số 14 hộ (8 hộ xây mới, 6 hộ sửa chữa). Đến nay đã có 14/14 hộ đã tổ chức xây dựng, sửa chữa xong, UBND xã đã tổ chức nghiệm thu, bàn giao kinh phí là 1,1 tỷ đồng đã tiến hành bàn giao tiền cho 14/14 hộ.

Năm 2022 với sự vào cuộc của cả hệ thống CT-XH các ban ngành địa phương tập trung tuyên truyền vận động Nhân dân tham gia BHXH tự nguyện: kết quả được 182 người tham gia đạt 276% kế hoạch huyện giao năm 2022 (Đặc biệt, thực hiện “Tháng cao điểm đã tuyên truyền vận động được 92 người tham đạt 306% so với chỉ tiêu huyện giao trong tháng Cao điểm).

7. An ninh trật tự

a) Công tác quân sự địa phương:

Tổ chức gặp mặt, tặng quà và tiền 16/16 thanh niên lên đường nhập ngũ 2022, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch giao; tổ chức ra Quân huấn luyện dân quân năm 2022 đảm bảo quân số tham gia huấn luyện theo kế hoạch đề ra; tham gia hội thao quốc phòng năm 2022 kết quả đạt khá. Tổ chức đăng ký thanh niên sẵn sàng nhập ngũ tuổi 17 cho 84 trường hợp.

Tổ chức tốt kế hoạch huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị theo sự chỉ đạo của Ban CHQS huyện cho 71 chiến sĩ bảo đảm quân số, nội dung theo kế hoạch. Tổ chức tốt việc kiểm đánh giá có 100% đạt yêu cầu trong đó có 76 % đạt khá, giỏi. Đón nhận 12 quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương và đăng ký, quản lý các quân nhân dự bị theo đúng quy định; Huy động 3 quân nhân dự bị đi huấn luyện tại các đơn theo kế hoạch của Ban CHQS huyện. Thông báo triệu tập 4 đồng chí cán bộ đối tượng 4 tham gia bồi dưỡng KTQP-AN theo kế hoạch. Nhận và trao 02 quyết định trợ cấp một lần theo QĐ 49, 03 quyết định trợ cấp một lần theo QĐ 62. Phát lệnh gọi 60 thanh niên tham gia khám tuyển nghĩa vụ quân sự năm 2023, kết quả đã có 16 thanh niên đủ điều kiện sức khỏe theo quy định.

b) Công tác an ninh trật tự:

Thực hiện Nghị quyết chuyên đề về tăng cường, lãnh đạo công tác đảm bảo ANTT; Nghị quyết chuyên đề xây dựng đề án xã kiểu mẫu về ANTT; triển khai

và thực hiện Đề án số 06 phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022-2025 tầm nhìn 2030. Đến nay trên địa bàn xã Quảng Minh đã cấp được 1.455 tài khoản (trong đó thôn Khả Lý Thượng là 950/3982 tài khoản đạt 23,8% chỉ tiêu xây dựng mô hình thôn thông minh đạt chuẩn NTM kiểu mẫu) và đạt một trong các tiêu chí kiểu mẫu theo lĩnh vực nổi trội. Năm 2022 trên địa bàn toàn xã có 18 mô hình tổ chức quần chúng làm nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự và phòng chống dịch Covid-19; 5/5 tổ xung kích tự quản 5 thôn được Chủ tịch UBND xã ra quyết định thành lập và hoạt động có hiệu quả. Tổ chức lắp 17 Camera an ninh giám sát theo dõi tại các ngã ba, ngã tư và các điểm tập trung đông người bước đầu các mô hình Camera hoạt động ổn định trong năm đã khai thác phục vụ cơ quan điều tra công an huyện điều tra 01 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã. Năm 2022 công an xã đã phối hợp công an huyện triệt phá 03 tụ điểm đánh bạc; 03 vụ va chạm giao thông; 01 vụ đánh nhau; 01 vụ cố tình gây thương tích . Triển khai ký cam kết đối với 100% học sinh, các hộ kinh doanh không mua bán, tàng trữ pháo nổ và các tệ nạn xã hội theo NĐ 136 của Chính phủ;

Phối hợp Công an huyện thu nhận và tích hợp 1201 hồ sơ mã định danh điện tử cho công dân; cấp tạm trú 136 TH; tách khẩu 16 hộ; nhập sinh 56 TH, chuyển đến 36 TH; cắt khẩu 33 TH. Tra cứu, xác thực số định danh phục vụ công tác làm sạch giữa liệu tiêm chủng trên địa bàn xã.

Tham mưu UBND xã trình HĐND triển khai vận động thu quỹ ANTT kết quả đến nay đã thu được 42 triệu đồng.

Thường xuyên tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh xã, các thôn về các hành vi của các đối tượng để nhân dân được biết và đề phòng.

8. Tổ chức hệ thống chính trị

a) Hội đồng nhân dân xã

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021-2026 có 27 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: đại học là 11 người, chiếm 40,74%; cao đẳng 03 người, chiếm 11,11%; trung cấp là 01 người, chiếm 3,70%; chưa qua đào tạo: 12 người chiếm 44,44%

- Trình độ về lý luận chính trị: cao cấp 01 người, chiếm 3,7%; trung cấp 12 người chiếm 44,44%; sơ cấp là 01 người, chiếm 3,70%; chưa qua đào tạo 13 người chiếm 48,14%

b) Tổng số cán bộ, công chức là 20 người, gồm cán bộ 11 người, công chức 09 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: thạc sỹ là 01 người, chiếm 05%; đại học là 19 người, chiếm 95%.

- Trình độ lý luận chính trị cao cấp là 02 người, chiếm 10%; trung cấp là 16 người, chiếm 80%; sơ cấp 02 người, chiếm 10%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở xã là 08 người.

d) Hiện trạng bố trí Công an xã chính quy, tổng số có 05 người, gồm: 01 trưởng và 01 phó 03 công an viên chính quy.

9. Về trình độ phát triển hạ tầng đô thị

a) Về công trình y tế

Xã Quảng Minh có 01 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về trạm y tế xã, diện tích 1.082 m²; ngoài ra, trên địa bàn xã còn có 01 phòng khám tư nhân Chu Bá Thước.

b) Về công trình hạ tầng thương mại

Xã Quảng Minh có 02 cửa hàng dịch vụ trung tâm 300 m² trở lên và 03 trung tâm mua bán trao đổi hàng hóa.

c) Về công trình giáo dục

Xã Quảng Minh có 01 trường mầm non, trong đó 01 trường tư thục; 01 trường tiểu học và 01 trường THCS. Các trường công lập đều đạt quy mô tối thiểu của các công trình giáo dục. Trường mầm non và tiểu học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của Bộ Giáo dục và đào tạo. Trường THCS đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

d) Về đất công trình giáo dục

Tổng diện tích đất công trình giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã Quảng Minh là 40.039 m²; bình quân đất công trình giáo dục là 40.039 m²/11.225 người đạt 3,6 m²/người.

đ) Về đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao

Tổng diện tích các công trình văn hóa, thể dục thể thao phục vụ cho xã Quảng Minh là 53.267 m²; bình quân diện tích sân tập luyện là 53.267 m²/11.225 người đạt 4,7 m²/người.

e) Về cấp điện sinh hoạt

Tổng sản lượng điện cho toàn xã Quảng Minh năm 2022 là 10.446.479 kwh/năm; trong đó, cho sinh hoạt cung cấp cho toàn xã 10.063.283 kwh/năm; tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt là 10.063.283 kwh/năm /11.225 người đạt 897 kwh/người/năm.

g) Về đất giao thông

Tổng diện tích đất giao thông tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông trên địa bàn xã là 184.323 m²; bình quân diện tích đất giao thông tính trên dân số là 184.323 m²/11.225 người đạt 16,4 m²/người.

h) Về tỷ lệ đường được chiếu sáng

Tổng chiều dài đường chính xã Quảng Minh là 18,4 km, trong đó có 17,7 km được chiếu sáng; tỷ lệ đường được chiếu sáng là 95,8%.

i) Về đất cây xanh sử dụng công cộng

Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn xã Quảng Minh là 23.562 m²; bình quân đất cây xanh sử dụng công cộng là 23.562 m²/11.225 người đạt 2,1 m²/người.

k) Về tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch

Xã Quảng Minh hiện có 2.937 hộ dân, trong đó có 2.707 hộ đang sử dụng nước sạch cấp từ nhà máy nước sạch; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại xã Quảng Minh đạt 92%.

l) Về tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải hộ của 2.937 hộ /2.937 hộ gia đình trên địa bàn xã được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 2 ngăn hoặc 3 ngăn đảm bảo quy định về nước thải

sinh hoạt.

m) Về mật độ đường cống thoát nước chính

Hệ thống thoát nước của xã sử dụng là các loại cống hỗn hợp và các mương rãnh với tổng chiều dài cống thoát nước chính là 10,14 km. Diện tích đất xây dựng đô thị của xã Quảng Minh là 1,33 km²; mật độ đường cống thoát nước chính là 10,14 km /1,33 km² đạt 7,6 km/km².

n) Về tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã Quảng Minh là 4,4 tấn/ngày trong đó có 4,4 tấn hàng ngày được thu gom, xử lý theo quy định; tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt 100%.

10. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Sửa đổi; các số liệu thống kê đến 31/12/2022, UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Quảng Minh, gồm:

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Quy mô dân xã Quảng Minh tính đến 31/12/2022 là 11.225 người, trong đó dân số thường trú là 11.172 người, dân số tạm trú quy đổi là 53 người.

Đánh giá: Đạt

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: xã Quảng Minh có 5,46 km² diện tích tự nhiên.

Theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 31 của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 thì việc thành lập đơn vị hành chính đô thị trên cơ sở 01 đơn vị hành chính cùng cấp mà không làm tăng đơn vị hành chính thì không áp dụng tiêu chuẩn diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Quảng Minh năm 2022 đạt 37,26 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 30,21 tỷ đồng. Cân đối dư.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2020 - 2022) của huyện Việt Yên là 1,80% (năm 2020 là 1,65%; năm 2021 là 2,36%; năm 2022 là 1,40%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm (2020 - 2022) của xã Quảng Minh là 1,06% (năm 2020 là 1,01%; năm 2021 là 1,43%; năm 2022 là 0,75%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Quảng Minh là 6.989 người; trong đó, lao động nông nghiệp là 1.257 người, chiếm 18%; lao động phi nông nghiệp là 5.732 người, chiếm 82%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Quảng Minh đã được đánh giá, công nhận đạt 13/13 tiêu chuẩn để thành lập phường theo quy định tại Văn bản số: ... của Bộ Xây dựng.

Như vậy, phường Quảng Minh dự kiến thành lập thuộc thị xã Việt Yên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

IX. HIỆN TRẠNG XÃ TỰ LẠN

1. Lịch sử hình thành

Thời Hùng Vương - An Dương Vương, vùng đất Tự Lạn thuộc bộ Vũ Ninh của nhà nước Văn Lang - Âu Lạc. Vào thời Trần, Tự Lạn thuộc huyện Yên Dũng, trấn Kinh Bắc. Huyện Yên Dũng trước đây có tên là Cổ Dũng - huyện lỵ đóng tại làng Cổ Dũng ở phía Nam huyện. Thời thuộc Minh lệ vào phủ Lạng Giang, huyện được phân tách thành hai: phía Nam Nham Biền vẫn giữ tên Cổ Dũng, huyện lỵ vẫn đóng tại làng cổ Dũng (nay là xóm Huyện, xã Tiên Dũng), còn phía Bắc Nham Biền gọi là huyện Yên Ninh, lỵ sở đặt tại Nội Hoàng (nay là xóm Huyện - thôn Chiền - xã Nội Hoàng - huyện Yên Dũng). Dưới thời Lê Quang Thuận, phần đất thuộc huyện Yên Ninh cũ sáp nhập cùng huyện Cổ Dũng thành huyện Yên Dũng. Vào thời Lê - Nguyễn huyện Yên Dũng thuộc phủ Lạng Giang trấn Kinh Bắc, có 11 tổng và có 79 xã, trong đó, xã Tự Lạn thuộc tổng Tự Lạn. Lỵ sở huyện Yên Dũng trước kia ở xã Như Thiết, năm Tự Đức thứ 6 dời đến xã Sen Hồ, tổng Mật Ninh.

Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, Pháp điều chỉnh địa giới hành chính các địa phương, cắt xã Tự Lạn từ huyện Yên Dũng về huyện Việt Yên thuộc phủ Lạng Giang. Trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, huyện Việt Yên có 7 tổng: Quang Biều, Tiên Lát, Mật Ninh, Đình Sơn, Tự Lạn, Thiết Sơn, Hoàng Mai, gồm 67 xã. Tự Lạn có 04 thôn thuộc tổng Tự Lạn.

Sau ngày Cách mạng tháng Tám thành công, đơn vị hành chính Tổng bị xóa bỏ, xã Tự Lạn trở thành một đơn vị hành chính độc lập, trực thuộc huyện Việt Yên gồm 4 thôn (Tự Thượng, Hương Linh, Lâm Thịnh, Lâm Nội). Ngày 02/4/1949, Ủy ban kháng chiến hành chính Liên khu I ra Quyết định số 223-CP/4 sáp nhập hai xã Tự Lạn và Thiện Mỹ thành một xã, lấy tên là xã Lan Đình.

Năm 1954, xã Lan Đình chia thành hai xã: xã Tân Tiến (xã Tự Lạn cũ) và xã Thượng Lan (xã Thiện Mỹ cũ). Xã Tân Tiến gồm 7 thôn: Râm, Nguộn, Đầu, Cầu, Rãnh, Hạ, Bói và một nửa xóm Thượng. Năm 1963, hai thôn Hạ, Bói sáp nhập về xã Thượng Lan. Năm 1968, xã Tân Tiến trở lại tên gọi ban đầu là xã Tự Lạn. Trước năm 2019 Tự Lạn gồm 14 thôn: Đầu, Rãnh, Cầu, Trước, Đông, Quế

Võ, Nội Duệ, Xuân Tiến, Đồng Niên, Xuân Lâm, Nguồn, Tân Lập, Râm, Lửa Hồng. Đến tháng 10/2019 xã Tự Lạn sáp nhập còn 05 thôn gồm Thôn Đầu, thôn Rãnh, thôn Cầu (*sáp nhập thôn Cầu, thôn Đông, thôn Trước, thôn Quế Võ, thôn Nội Duệ*), thôn Nguồn (*sáp nhập thôn Nguồn, thôn Tân Lập, thôn Xuân Tiến, thôn Xuân Lâm*), thôn Râm (*sáp nhập thôn Râm, thôn Lửa Hồng, thôn Đồng Niên*).

2. Điều kiện tự nhiên

a) Vị trí địa lý: Tự Lạn là vùng đất cổ, thuộc trung du, nằm ở phía Tây bắc huyện Việt Yên, cách thị trấn Bích Động về phía Tây Nam 4 km. Tự Lạn có đường Quốc lộ 37 chạy qua theo hướng Tây Bắc lên thị trấn Thắng (Hiệp Hòa), Phú Bình và thành phố Thái Nguyên rồi đi lên các tỉnh khu Việt Bắc; xuôi theo hướng Đông Nam 3,5 km, Quốc lộ 37 nối với Tỉnh lộ 269 và Quốc lộ 1A ở Đình Trám, từ đây đi lên thành phố Bắc Giang, xuôi về Hà Nội hoặc đi các tỉnh thành khác trong cả nước. Ngoài ra, Tự Lạn còn có hệ thống đường liên thôn, liên xã rất thuận tiện cho việc đi lại, phục vụ đời sống của nhân dân và phát triển kinh tế.

b) Địa giới hành chính xã Tự Lạn

- Phía Bắc giáp xã Thượng Lan và xã Minh Đức;
- Phía Nam giáp xã Hương Mai và xã Trung Sơn;
- Phía Đông giáp thị trấn Bích Động và xã Minh Đức;
- Phía Tây giáp xã Hương Mai và xã Việt Tiến.

c) Khí hậu, thủy văn

- Khí hậu: Tự Lạn mang đầy đủ đặc trưng khí hậu nhiệt đới gió mùa của vùng Đông Bắc Bắc Bộ với hai mùa rõ rệt: Mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều từ tháng 5 đến tháng 10 hàng năm, lượng mưa chiếm tới 85%, nhiều nhất vào các tháng 7,8. Mùa đông lạnh, khô, ít mưa kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Khí hậu Tự Lạn có những đặc trưng cơ bản sau:

- Nhiệt độ trung bình năm $27,0^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ tối cao tuyệt đối là $36,0^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ thấp nhất là 10°C . Biên độ nhiệt độ biến động hàng năm là $7 - 8^{\circ}\text{C}$.
- Lượng mưa trung bình năm 1.500 – 1.600 mm, lượng mưa tháng lớn nhất là 700 mm, tháng thấp nhất là 15 – 20 mm.
- Độ ẩm không khí trung bình năm 81%.
- Có hai hướng gió chính là Đông Bắc và Đông Nam.

Với nền nhiệt độ không cao, lượng mưa lớn, khí hậu thời tiết Tự Lạn tương đối thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp theo hướng đa dạng hoá cây trồng vật nuôi, cùng với các yếu tố nguồn nước và thổ nhưỡng rất thuận lợi cho việc thâm canh tăng vụ, chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, tăng năng suất cây trồng trong sản xuất nông nghiệp.

- Thủy văn: Trên địa bàn xã có Ngòi Cầu Sim khả năng cung cấp nước tưới đủ cho khoảng gần 200ha đất nông nghiệp, ngoài ra cùng với hàng hệ thống kênh mương lớn nhỏ khác hiện tại Tự Lạn có trữ lượng nước khá lớn, đáp ứng được nhu cầu nguồn nước tưới và tải lượng phù sa cho các cánh đồng trong xã.

Nguồn nước ngầm của xã có trữ lượng tương đối lớn, độ sâu khoảng 9 m thì có nước, chất lượng nước tốt có thể đảm bảo cho sinh hoạt hàng ngày của nhân dân trên địa bàn.

3. Diện tích tự nhiên và cơ cấu các loại đất

Xã Tự Lạn có diện tích tự nhiên là 9,1735 km² (bằng 917,35 ha).

Trong đó:

a) Đất xây dựng đô thị là 225,89 ha (bằng 2,25 km²), gồm:

- Đất dân dụng là 212,59 ha:
- + Đất khu ở là 105,80 ha.
- + Đất công trình công cộng là 43,83 ha.
- + Đất xây dựng công trình sự nghiệp là 7,96 ha.
- + Đất giao thông: 55,00 ha
- Đất ngoài dân dụng là 13,30 ha:
- + Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 7,09 ha.
- + Đất xây dựng trụ sở cơ quan là 0,40 ha.
- + Đất an ninh quốc phòng là 0 ha.
- + Đất nghĩa trang, nghĩa địa là 5,81 ha.

b) Đất khác là 683,4 ha

- Đất nông nghiệp là 673,32 ha.
- Đất mặt nước chuyên dùng là 1,47 ha.
- Đất chuyên dùng khác là 7,96 ha.
- Đất chưa sử dụng là 0,65 ha.

4. Dân số, lao động

a) Xã Tự Lạn có 8.754 người; trong đó:

- Dân số thường trú là 8.740 người;
- Dân số tạm trú quy đổi là 14 người.
- Mật độ dân số 938 người/km².

Thành phần dân cư chủ yếu là người Kinh.

b) Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Tự Lạn là 5.523 người; trong đó, lao động nông nghiệp là 928 người, chiếm 16,8%; lao động phi nông nghiệp là 4.595 người, chiếm 83,2%.

c) Hiện tại, xã Tự Lạn có 05 thôn, gồm: Đầu, Cầu, Rãnh, Râm, Nguộn.

5. Hiện trạng phát triển kinh tế

a) Về phát triển kinh tế

Năm 2022, tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã (theo giá so sánh 2010) đạt 206 tỷ đồng tăng 17 tỷ đồng so với năm 2021. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp – xây dựng đạt 97,3 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 14,9%; giá trị thương mại-dịch vụ đạt 20,9 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 6,05%; giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản đạt 88,1 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 2,29%.

Cơ cấu giá trị sản xuất chuyển dịch theo hướng tích cực: giá trị sản xuất công nghiệp – xây dựng chiếm 40,81%; giá trị thương mại - dịch vụ chiếm 16,53%; giá trị sản xuất nông nghiệp-thủy sản chiếm 40,81% cơ cấu kinh tế của xã (theo giá hiện hành).

b) Phát triển ngành, lĩnh vực

- Thương mại - dịch vụ:

Trong những năm do dịch Covid-19 đã ảnh hưởng đến hoạt động dịch vụ trên địa bàn, đặc biệt là thời gian giãn cách xã hội. Tuy nhiên, khi dịch bệnh được kiểm soát, hoạt động buôn bán hàng hóa, dịch vụ cho thuê nhà trọ văn phòng nhanh chóng trở lại trạng thái bình thường. Toàn xã có khoảng 5.480 lao động có việc làm thường xuyên, hoạt động trong các lĩnh vực như công nghiệp, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp và các ngành nghề nông thôn. Thu nhập bình quân đầu người đạt 61 triệu/người/năm.

- Công nghiệp - xây dựng:

Địa bàn xã hiện có 07 doanh nghiệp, cơ sở kinh tế cá thể. Hoạt động công nghiệp - xây dựng chủ yếu các lĩnh vực: gia công bao bì, thiết bị điện tử, vật tư nông nghiệp...; có 409 hộ kinh doanh, thương mại, dịch vụ như: mộc, hàn xì, sửa chữa ô tô, xe máy, các loại hình kinh doanh ăn, uống, giải khát, dịch vụ văn hóa... đã góp phần từng bước làm thay bộ mặt nông thôn, thúc đẩy phát triển các dịch vụ, thương mại tại địa phương

- Nông - lâm nghiệp, thủy sản

Tổng thu từ sản xuất nông nghiệp năm 2022 đạt 88,1 tỷ đồng.

Sản xuất nông nghiệp tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo, nhìn chung có nhiều chuyển biến tích cực. Tổng diện tích lúa vụ chiêm xuân 320 ha, đạt 100% kế hoạch, trong đó giống lúa chất lượng cao 310 ha (chiếm 37,5%), năng suất đạt 61 tạ/ha, sản lượng 1.891 tấn. Cây lạc có tổng diện tích 27 ha, năng suất trung bình 26 tạ/ha, sản lượng 720 tạ. Cây ngô tổng diện tích trồng 30 ha, năng suất 38 tạ/ha, sản lượng 114 tấn. Rau màu các loại tổng diện tích 120 ha, sản lượng 1.500 tấn.

Triển khai kịp thời kế hoạch phòng chống dịch cho đàn gia súc, gia cầm, vệ sinh chuồng trại, tiêu độc khử trùng... trong đó đã tổ chức tiêm phòng: dịch tả vịt 7.500 liều, Tụ huyết trùng Trâu, bò 565 liều, Ecoli sưng phù đầu lợn 150 liều, Cúm gia cầm H5N1 9000 liều; Nuru cát xon 7.000 liều; Long móng lở mồm 230 liều; Tai xanh 100 liều; tiêm phòng đàn chó, mèo 300 liều... Duy trì ổn định đàn gia súc, gia cầm. Cụ thể: Đàn Trâu, Bò, Ngựa 1.330 con; Đàn lợn đạt 2.950 con, (không tính các trang trại), Gia Cầm 62.000 con. Sản lượng thịt hơi các loại 1.558 tấn.

c) Thu chi ngân sách, công tác tài chính.

Tổng thu ngân sách nhà nước đạt 26,69 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách đạt 24,85 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên là 4,89 tỷ đồng.

d) Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn xã Tụ Lạn năm 2022 giảm còn 24 hộ, bằng 1,21% (giảm 21 hộ so với năm 2021); bình quân giai đoạn 2020 - 2022 là 1,69%, thấp hơn bình quân 3 năm (2020-2022) của huyện Việt Yên là 1,8%. Năm 2022, thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã đạt 61 triệu đồng.

6. Hiện trạng văn hóa, xã hội

a) Về giáo dục

Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường, lớp học các nhà trường được quan tâm đầu tư, xây dựng đáp ứng nhu cầu dạy và học. Tổng kinh phí được các cấp đầu

tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng dạy học năm 2022 gần 5,2 tỷ đồng. Các trường học đã phát động thực hiện tốt công tác từ thiện, nhân đạo. Đặc biệt đã ủng hộ quỹ phòng chống dịch covid- 19. Mặc dù do ảnh hưởng của đại dịch covid-19 song các trường đều cố gắng khắc phục khó khăn để hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Năm học 2021-2022, trường Mầm non có 20 lớp với 596 trẻ, các nhóm lớp đều đạt trên 100% kế hoạch giao; tổng số giáo viên là 40 người, đảm bảo trình độ theo quy định. Nhà trường xây dựng thành công trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 2 và thực hiện công tác đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3.

Thực hiện đổi mới mạnh mẽ chương trình, nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực và phẩm chất người học ở cấp tiểu học. Đặc biệt đổi mới mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục, tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Tổng số học sinh tiểu học là 918 em, học sinh hoàn thành và hoàn thành tốt các môn học đạt 99,89%; học sinh hoàn thành xuất sắc 407 em đạt 44,3%, học sinh tiêu biểu hoàn thành tốt nhiệm vụ 270 em đạt 29,4%; Duy trì vững chắc và củng cố phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2; duy trì trường chuẩn quốc gia mức độ 1.

Đối với trường THCS, năm học 2021 – 2022, với phương châm “*Kỷ cương - nền nếp; chủ động - sáng tạo; chất lượng - hiệu quả*” đẩy mạnh, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức trong nhà trường; công khai, dân chủ trong mọi hoạt động; xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch. Các cuộc vận động và phong trào thi đua đã dần đi vào chiều sâu, trở thành công việc thường xuyên của mỗi CBGVNV và học sinh và có hiệu quả, có sức lan tỏa mạnh mẽ với sự huy động sức mạnh tổng hợp của các lực lượng xã hội nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện. Công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục được chú trọng. Đã có 10 GV đạt GVG cấp huyện chu kỳ 2021-2022, môn ngữ văn thi vào THPT tiếp tục xếp thứ 1/19 trường trong huyện và là năm đầu tiên xếp số 1 toàn tỉnh Bắc Giang. Chất lượng mũi nhọn cấp huyện và cấp tỉnh đã xếp tốp đầu và đi vào ổn định. Hầu hết các nội quy, quy định của nhà trường được các phụ huynh đồng tình ủng hộ; đại đa số học sinh thực hiện tốt. Triển khai thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của cấp trên, tập trung xây dựng nề nếp dạy và học, đặc biệt tinh thần tự giác trong công việc, quan tâm công tác bồi dưỡng học sinh giỏi ở bậc trung học cơ sở. Năm học 2021-2022, tiếp tục nâng cao hiệu quả dạy học ngoại ngữ và ứng dụng CNTT trong nhà trường, cải tạo cảnh quan môi trường, tu sửa bàn ghế để thực hiện tốt các nội dung dạy học của chương trình giáo dục năm 2018 thực hiện cho lớp 6 năm học 2021-2022 và kiểm tra chuẩn quốc gia mức độ 2 năm 2022.

b) Công tác y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, giám sát dịch bệnh và tuyên truyền cách phòng chống dịch bệnh được tích cực triển khai. Công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân, chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và phòng chống suy dinh dưỡng ở trẻ em. Trong năm, tổng số lượt khám bệnh, điều trị

3.500 lượt người, số bệnh nhân kê đơn điều trị ngoại trú 3.420 người, số bệnh nhân chuyển tuyến trên 80 người. Hoạt động tiêm chủng mở rộng được triển khai định kỳ theo kế hoạch, trong đó trẻ em dưới 1 tuổi tiêm đủ 8 vắc xin 155/175 trẻ đạt 88,5%; uống vitaminA cho trẻ từ 6 đến 72 tháng tuổi cho 1.596 trẻ đạt 100%; tỷ lệ phụ nữ được tiêm phòng uốn ván đạt 99%; tỷ lệ người dân tham gia BHYT trên địa bàn toàn xã đạt 100%.

c) Công tác văn hóa, thông tin thể thao

Tổ kiểm tra hoạt động cơ sở lưu trú du lịch, kinh doanh dịch vụ thể thao, games online, trò chơi điện tử,... hướng dẫn tạo mã code cho 198 hộ kinh doanh và in được 3.816 mã QR- code cho người dân không có điện thoại thông minh trên địa bàn xã

Các trang thiết bị từng bước được đầu tư, nâng cấp, điển hình như: Nhà văn hóa thôn Rãnh, nhà văn hóa xóm Đông, thôn cầu, Thôn Râm đã đầu tư các trang thiết bị tập luyện thể thao ngoài trời tổng trị giá trên 180 triệu đồng; nâng cấp sân thi đấu nhà văn hóa xã tổng trị giá gần 50 triệu đồng, vốn đầu tư từ nguồn cấp trên và xã hội hóa.

Các hoạt động sinh hoạt cộng đồng như tập luyện văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, hội họp được duy trì và đảm bảo các biện pháp phòng chống dịch; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện các nội dung quy ước thôn.

Triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung của phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, kết quả có 5/5 thôn văn hóa đạt 100% kế hoạch; công nhận 1.953 hộ gia đình văn hóa đạt 96,3%, 5/5 cơ quan văn hóa đạt 100%, xã đạt chuẩn văn hóa NTM năm thứ 6; xã biểu dương, khen thưởng 86 hộ, huyện khen 5 hộ, tỉnh khen 1 hộ GDVH.

Tập trung tuyên truyền kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; mừng Đảng đón xuân; Kỷ niệm 47 năm Ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, kỷ niệm 77 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9; triển khai nhiệm vụ, kế hoạch, mục tiêu kinh tế- xã hội, an ninh quốc phòng xã năm, đặc biệt là công tác phòng chống dịch covid- 19,... Kết quả, đã căng trên 158 pano, khẩu hiệu tuyên truyền các loại, trên 1.000 lượt cờ Tổ Quốc; Đài truyền thanh xã tổ chức tiếp âm Đài huyện theo quy định và tuyên truyền, phát 416 tin bài.

d) Thực hiện chính sách xã hội

Thực hiện chi trả kịp thời quà tết cho các đối tượng, chi trả tiền điều dưỡng tại nhà, quà chủ tịch nước; hướng dẫn 07 đối tượng làm thủ tục làm hồ sơ mai táng phí, 01 hồ sơ hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ, xác nhận 01 đơn đi thăm viếng mộ liệt sĩ, 03 hồ sơ hưởng trợ cấp 1 lần; tiến hành chi trả trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng.

Lập danh sách đề nghị điều chỉnh trợ cấp hàng tháng của 259 đối tượng đang hưởng trợ cấp hàng tháng, hoàn thành điều tra, thu thập thông tin người khuyết tật trên địa bàn xã; thực hiện việc cấp quà Tết cho các đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo kịp thời với số tiền là 53 triệu đồng.

Tổ chức tổng điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022, kết quả hộ nghèo là 24 hộ chiếm 1,21%; hộ cận nghèo là 50 hộ chiếm 2,520%.

7. An ninh trật tự

a) Công tác quân sự địa phương:

Thực hiện hiện tốt kế hoạch quân sự địa phương trong năm, kết quả đã có 23 công dân lên đường nhập ngũ đảm bảo chỉ tiêu trên giao; khám sơ tuyển nam công dân sẵn sàng nhập ngũ đợt 1 có 75 công dân; đăng ký độ tuổi 17 được 57 thanh niên đạt 100% kế hoạch.

Biên chế các lực lượng đảm bảo quân số, thực hiện tốt công tác động viên, huấn luyện dân quân, trong đó đã động viên, tập trung đi huấn luyện đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ 03 đồng chí và 03 quân nhân dự bị; 80 cán bộ chiến sỹ dân quân, qua huấn luyện năm 2022 đánh giá đạt khá, gỏi trên 75% và qua hội thao xếp thứ 2/17 xã thị trấn.

Thường xuyên làm tốt công tác phối hợp với công an trong công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn như: tuần tra an ninh, tuần tra kiểm tra thực hiện chấp hành các quy định phòng chống dịch covid-19.

b) Công tác an ninh trật tự:

Chỉ đạo thực hiện tốt việc xây dựng kế hoạch tuần tra, kiểm soát, nắm bắt tình hình an ninh trật tự trên địa bàn, kịp thời phát hiện, phối hợp xử lý các vụ việc liên quan, quản lý chặt các đối tượng và nhân hộ khẩu, làm tốt công tác nắm tình hình liên quan đến các đối tượng trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Trên địa bàn xã xảy ra 04 vụ việc, (Chuyển công an huyện xử lý 02 vụ việc), trong đó: 02 vụ đánh bạc - 10 đối tượng; 01 vụ trộm cắp tài sản - 01 đối tượng; 01 vụ cố ý gây thương tích. Trên địa bàn đã xảy ra 04 vụ tai nạn giao thông làm 06 người bị thương, xe và phương tiện bị hư hỏng.

8. Tổ chức hệ thống chính trị

a) Hội đồng nhân dân xã

Tổng số Đại biểu Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 2021-2026 có 26 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn đại học là 12 người, chiếm 46,15%; trung cấp là 01 người, chiếm 3,85%; chưa qua đào tạo là người 13, chiếm 50%.

- Trình độ về lý luận chính trị: trung cấp là 12 người, chiếm 46,15%; sơ cấp là 8 người, chiếm 30,77%; chưa được bồi dưỡng 06 người; chiếm 23,08%.

b) Tổng số cán bộ, công chức là 20 người, gồm cán bộ 10 người, công chức 10 người. Trong đó:

- Trình độ chuyên môn: đại học là 18 người, chiếm 90%; cao đẳng là 01 người, chiếm 5%; trung cấp là 01 người, chiếm 5%.

- Trình độ lý luận chính trị: trung cấp là 18 người, chiếm 90%; sơ cấp 02 người, chiếm 10%.

c) Tổng số người hoạt động không chuyên trách ở xã là 07 người.

d) Hiện trạng bố trí Công an xã chính quy, tổng số có 5 người, gồm: 01 Trưởng Công an; 01 Phó Trưởng Công an; 03 công an viên chính quy.

9. Trình độ phát triển hạ tầng đô thị

a) Về công trình y tế

Xã Tự Lan có 01 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia về trạm y tế xã, diện tích 2.700 m²; có 03 phòng khám tư nhân trên địa bàn xã.

b) Về công trình hạ tầng thương mại

Xã Tự Lạn có 01 chợ Sàn, diện tích là 2.121 m², có 05 trung tâm mua bán trao đổi hàng hóa.

c) Về công trình giáo dục

Xã Tự Lạn có 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học và 01 trường trung học cơ sở, 01 trường THPT. Trường mầm non Tự Lạn đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 của Bộ Giáo dục và đào tạo, trường tiểu học và trường THPT đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

d) Về đất công trình giáo dục

Tổng diện tích đất công trình giáo dục mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn xã Tự Lạn là 33.827 m²; bình quân đất công trình giáo dục là 33.827 m²/8.754 người đạt 3,9 m²/người.

đ) Về đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao

Tổng diện tích các công trình văn hóa, thể dục thể thao phục vụ cho xã Tự Lạn là 55.170 m²; bình quân diện tích sân tập luyện là 55.170 m²/8.754 người đạt 6,3 m²/người.

e) Về cấp điện sinh hoạt

Tổng sản lượng điện cho toàn xã Tự Lạn năm 2022 là 8.322.129 kwh/năm; trong đó, cho sinh hoạt cung cấp cho toàn xã 7.938.933 kwh/năm; tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt là 7.938.933 kwh/năm /8.754 người đạt 907 kwh/người/năm.

g) Về đất giao thông

Tổng diện tích đất giao thông tính đến đường cấp khu vực, cấp nội bộ và công trình giao thông trên địa bàn xã là 384.795 m²; bình quân diện tích đất giao thông tính trên dân số là 384.795 m²/8.754 người đạt 44 m²/người.

h) Về tỷ lệ đường được chiếu sáng

Tổng chiều dài đường chính trên địa bàn xã Tự Lạn là 34,4 km, trong đó có 33,5 km được chiếu sáng; tỷ lệ đường phố được chiếu sáng đạt 97,4%.

i) Về đất cây xanh sử dụng công cộng

Tổng diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn xã Tự Lạn là 26.618 m²; bình quân đất cây xanh sử dụng công cộng là 26.618 m²/8.754 người đạt 3,04 m²/người.

k) Về tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch

Xã Tự Lạn hiện có 1.986 hộ dân, trong đó có 1.986 hộ đang sử dụng nước sạch cấp từ nhà máy nước sạch; tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung tại xã Tự Lạn đạt 100%.

l) Về tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải hộ của 1.986/1.986 hộ gia đình trên địa bàn xã được xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 2 ngăn hoặc 3 ngăn đảm bảo quy định về nước thải sinh hoạt.

m) Về mật độ đường cống thoát nước chính

Hệ thống thoát nước của xã sử dụng là các loại cống hỗn hợp và các mương rãnh với tổng chiều dài cống thoát nước chính là 12 km. Diện tích đất xây dựng đô thị của xã Tự Lạn là 1,83 km². Mật độ đường cống thoát nước chính là 12,5/1,83 đạt 6,5 km/km².

n) Về tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã Tụ Lạn là 4,6 tấn/ngày trong đó có 4,6 tấn hàng ngày được thu gom, xử lý theo quy định; tỷ lệ chất thải rắn được thu gom đạt 100%.

10. Đánh giá tiêu chuẩn thành lập phường thuộc thị xã

Căn cứ các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Sửa đổi; các số liệu thống kê đến 31/12/2022, UBND tỉnh Bắc Giang đánh giá 4 tiêu chuẩn thành lập phường của xã Tụ Lạn, gồm:

a) Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

- Quy định từ 5.000 người trở lên.

- Hiện trạng: Quy mô dân số xã Tụ Lạn tính đến 31/12/2022 là 8.754 người, trong đó dân số thường trú là 8.740 người, dân số tạm trú quy đổi là 14 người.

Đánh giá: Đạt

b) Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

- Quy định từ 5,5 km² trở lên.

- Hiện trạng: xã Tụ Lạn có 9,17 km² diện tích tự nhiên.

Đánh giá: Đạt.

c) Tiêu chuẩn 3: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội

- Tiêu chí 1. Cân đối thu, chi ngân sách:

Quy định cân đối thu đủ chi.

Hiện trạng: Thu ngân sách trên địa bàn xã Tụ Lạn năm 2022 đạt 26,69 tỷ đồng, chi ngân sách đạt 24,85 tỷ đồng. Cân đối dư.

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 2. Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm:

Quy định đạt bình quân 3 năm (2020 - 2022) của huyện Việt Yên là 1,80% (năm 2020 là 1,65%; năm 2021 là 2,36%; năm 2022 là 1,40%).

Hiện trạng: Tỷ lệ hộ nghèo bình quân 3 năm (2020 - 2022) của xã Tụ Lạn là 1,69% (năm 2020 là 1,60%; năm 2021 là 2,27%; năm 2022 là 1,21%).

Đánh giá: Đạt.

- Tiêu chí 3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:

Quy định từ 70% trở lên.

Hiện trạng: Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế của xã Tụ Lạn là 5.523 người; trong đó, lao động nông nghiệp là 928 người, chiếm 16,8%; lao động phi nông nghiệp là 4.595 người, chiếm 83,2%.

Đánh giá: Đạt.

d) Tiêu chuẩn 4: Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị

Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị của xã Tụ Lạn đã được đánh giá, công nhận đạt 13/13 tiêu chuẩn để thành lập phường theo quy định tại Văn bản số: ... của Bộ Xây dựng.

Như vậy, phường Tự Lạn dự kiến thành lập thuộc thị xã Việt Yên đạt 4/4 tiêu chuẩn theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13.

Phần thứ ba
PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ XÃ VIỆT YÊN VÀ THÀNH LẬP
CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VIỆT YÊN TỈNH BẮC GIANG

I. HIỆN TRẠNG TỈNH BẮC GIANG, HUYỆN VIỆT YÊN VÀ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN

1. Tỉnh Bắc Giang

Theo số liệu thống kê của tỉnh Bắc Giang, tính đến ngày 31/12/2022 tỉnh Bắc Giang có 3.895,9 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 1.875.200 người; có 10 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm thành phố Bắc Giang và 09 huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang, Yên Dũng, Việt Yên, Tân Yên và Hiệp Hoà; 209 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 182 xã, 10 phường và 17 thị trấn.

2. Huyện Việt Yên

Theo số liệu thống kê, tính đến ngày 31/12/2022 huyện Việt Yên có 171,01 km² diện tích tự nhiên (trong đó đất nông nghiệp là 111,6 km²; đất phi nông nghiệp là 59,46 km²; đất chưa sử dụng là 0,5 km²) và quy mô dân số là 228.953 người (dân số thường trú là 223.702 người; dân số tạm trú quy đổi là 5.251 người); có 17 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm: thị trấn Bích Động, thị trấn Nénh và các xã Hồng Thái, Tăng Tiến, Quảng Minh, Ninh Sơn, Vân Trung, Quang Châu, Tự Lạn, Hương Mai, Minh Đức, Nghĩa Trung, Thượng Lan, Tiên Sơn, Trung Sơn, Vân Hà, Việt Tiến. Trong đó diện tích tự nhiên, dân số của các xã, thị trấn như sau:

a) Khu vực dự kiến nội thị có 77,31 km² diện tích tự nhiên; dân số là 135.841 người (trong đó dân số thường trú là 131.382 người, dân số tạm trú là 4.459 người), gồm:

- Thị trấn Bích Động có 12,80 km² diện tích tự nhiên; dân số là 18.678 người; dân số thường trú là 18.541 người, dân số tạm trú là 137 người; mật độ dân số 1.459 người/km².

Địa giới hành chính thị trấn Bích Động: Đông giáp xã Hồng Thái và xã Nghĩa Trung; Tây giáp xã Trung Sơn; Nam giáp thị trấn Nénh và xã Quảng Minh; Bắc giáp xã Minh Đức và xã Tự Lạn.

- Thị trấn Nénh có 12,51 km² diện tích tự nhiên; dân số là 34.871 người; dân số thường trú là 33.527 người, dân số tạm trú là 1.344 người; mật độ dân số 2.790 người/km².

Địa giới hành chính thị trấn Nénh: Đông giáp huyện Yên Dũng và các xã Tăng Tiến, Vân Trung; Tây giáp xã Ninh Sơn và xã Quảng Minh; Nam giáp xã Quang Châu; Bắc giáp thị trấn Bích Động và xã Hồng Thái.

- Xã Tăng Tiến có 4,79 km² diện tích tự nhiên; dân số là 12.362 người; dân số thường trú là 11.568 người, dân số tạm trú là 794 người; mật độ dân số 2.581 người/km².

Địa giới hành chính xã Tăng Tiến: Đông giáp thành phố Bắc Giang; Tây giáp thị trấn Nénh; Nam giáp huyện Yên Dũng; Bắc giáp xã Hồng Thái và thành phố Bắc Giang.

- Xã Hồng Thái có 5,90 km² diện tích tự nhiên; dân số 11.488 người; dân số thường trú là 11.189 người, dân số tạm trú là 299 người; mật độ dân số 1.947 người/km².

Địa giới hành chính xã Hồng Thái: Đông giáp xã Tăng Tiến và thành phố Bắc Giang; Tây giáp thị trấn Bích Động; Nam giáp thị trấn Nếnh; Bắc giáp xã Nghĩa Trung.

- Xã Vân Trung có 9,67 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.843 người; dân số thường trú là 10.991 người, dân số tạm trú là 852 người; mật độ dân số 1.225 người/km².

Địa giới hành chính xã Vân Trung: Đông giáp huyện Yên Dũng; Tây giáp xã Quang Châu; Nam giáp tỉnh Bắc Ninh; Bắc giáp thị trấn Nếnh và huyện Yên Dũng.

- Xã Quảng Minh có 5,46 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.225 người; dân số thường trú là 11.172 người, dân số tạm trú là 53 người; mật độ dân số 2.060 người/km².

Địa giới hành chính xã Quảng Minh: Đông giáp thị trấn Nếnh; Tây giáp xã Ninh Sơn; Nam giáp xã Ninh Sơn; Bắc giáp xã Trung Sơn và thị trấn Bích Động.

- Xã Ninh Sơn có 7,99 km² diện tích tự nhiên; dân số là 9.268 người; dân số thường trú là 9.225 người, dân số tạm trú là 43 người; mật độ dân số 1.160 người/km².

Địa giới hành chính xã Ninh Sơn: Đông giáp xã Quảng Minh và thị trấn Nếnh; Tây giáp xã Tiên Sơn; Nam giáp tỉnh Bắc Ninh và xã Quang Châu; Bắc giáp xã Trung Sơn và thị trấn Bích Động.

- Xã Quang Châu có 9,01 km² diện tích tự nhiên; dân số là 17.352 người; dân số thường trú là 16.429 người, dân số tạm trú là 923 người; mật độ dân số 1.926 người/km².

Địa giới hành chính xã Quang Châu: Đông giáp xã Vân Trung; Tây giáp xã Ninh Sơn; Nam giáp tỉnh Bắc Ninh; Bắc giáp Thị trấn Nếnh.

- Xã Tụ Lạn có 9,17 km² diện tích tự nhiên; dân số là 8.754 người; dân số thường trú là 8.740 người, dân số tạm trú là 14 người; mật độ dân số 955 người/km².

Địa giới hành chính xã Tụ Lạn: Bắc giáp xã Thượng Lan, Minh Đức; Nam giáp xã Trung Sơn; Tây giáp các xã Hương Mai, Việt Tiến; Đông giáp thị trấn Bích Động.

b) Khu vực dự kiến ngoại thị có 93,71 km² diện tích tự nhiên; dân số là 93.112 người (trong đó dân số thường trú là 92.320 người, dân số tạm trú là 792 người), gồm:

- Xã Việt Tiến có 11,40 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.673 người; mật độ dân số 1.024 người/km².

Địa giới hành chính xã Việt Tiến: Bắc giáp huyện Tân Yên; Tây giáp xã Hương Mai và huyện Hiệp Hoà; Đông giáp xã Thượng Lan, Tụ Lạn; Nam giáp xã Hương Mai và xã Tụ Lạn.

- Xã Trung Sơn có 12,31 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.569 người; mật độ dân số 940 người/km².

Địa giới hành chính xã Trung Sơn: Bắc giáp các xã Tự Lạn và Hương Mai; Nam giáp các xã Ninh Sơn và Tiên Sơn; Đông giáp xã Quảng Minh và thị trấn Bích Động; Tây giáp xã Tiên Sơn và huyện Hiệp Hoà.

- Xã Tiên Sơn có 14,46 km² diện tích tự nhiên; dân số là 12.489 người; mật độ dân số 864 người/km².

Địa giới hành chính xã Tiên Sơn: Đông giáp xã Ninh Sơn; Tây giáp huyện Hiệp Hòa và tỉnh Bắc Ninh; Nam giáp xã Vân Hà và tỉnh Bắc Ninh; Bắc giáp xã Trung Sơn và huyện Hiệp Hòa.

- Xã Nghĩa Trung có 14,81 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.923 người; mật độ dân số 805 người/km².

Địa giới hành chính xã Nghĩa Trung: Đông giáp huyện Tân Yên và thành phố Bắc Giang; Tây giáp xã Minh Đức, thị trấn Bích Động; Nam giáp xã Hồng Thái và thành phố Bắc Giang; Bắc giáp huyện Tân Yên.

- Xã Minh Đức có 18,46 km² diện tích tự nhiên; dân số 14.913 người; mật độ dân số 808 người/km².

Địa giới hành chính xã Minh Đức: Bắc giáp huyện Tân Yên; Nam giáp thị trấn Bích Động; Đông giáp xã Nghĩa Trung; Tây giáp xã Thượng Lan và xã Tự Lạn.

- Xã Thượng Lan có 9,86 km² diện tích tự nhiên; dân số 10.243 người; mật độ dân số 1.039 người/km².

Địa giới hành chính xã Thượng Lan: Bắc giáp huyện Tân Yên; Nam giáp xã Tự Lạn; Đông giáp xã Minh Đức; Tây giáp xã Việt Tiến và huyện Tân Yên.

- Xã Vân Hà có 2,95 km² diện tích tự nhiên; dân số là 8.708 người; mật độ dân số 2.952 người/km².

Địa giới hành chính xã Vân Hà: Đông giáp tỉnh Bắc Ninh; Tây giáp tỉnh Bắc Ninh; Nam giáp tỉnh Bắc Ninh; Bắc giáp xã Tiên Sơn.

- Xã Hương Mai có 9,46 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.594 người; mật độ dân số 1.227 người/km².

Địa giới hành chính xã Hương Mai: Bắc giáp xã Việt Tiến và huyện Hiệp Hoà; Nam giáp xã Trung Sơn; Đông giáp xã Tự Lạn; Tây giáp huyện Hiệp Hòa.

II. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THỊ XÃ VIỆT YÊN VÀ THÀNH LẬP 09 PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VIỆT YÊN

1. Thành lập thị xã Việt Yên

Thành lập thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 171,01 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 228.953 người và 17 đơn vị hành chính trực thuộc của huyện Việt Yên.

a) Tên gọi: thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang.

Đặt tên thị xã “Việt Yên” theo tên huyện “Việt Yên” hiện tại.

b) Quy mô thị xã Việt Yên là 171,01 km² diện tích tự nhiên, quy mô dân số là 228.953 người.

c) Địa giới hành chính thị xã Việt Yên:

- Đông giáp huyện Yên Dũng và thành phố Bắc Giang;
- Tây giáp huyện Hiệp Hòa và tỉnh Bắc Ninh;
- Nam giáp tỉnh Bắc Ninh;
- Bắc giáp huyện Tân Yên.

2. Thành lập 09 phường thuộc thị xã Việt Yên

a) Thành lập phường Bích Động trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 12,80 km² diện tích tự nhiên; dân số là 18.678 người của thị trấn Bích Động.

Địa giới hành chính phường Bích Động: Đông giáp phường Hồng Thái và xã Nghĩa Trung; Tây giáp xã Trung Sơn; Nam giáp phường Nénh và phường Quảng Minh; Bắc giáp xã Minh Đức và phường Tự Lạn.

b) Thành lập phường Nénh trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 12,51 km² diện tích tự nhiên; dân số là 34.871 người của thị trấn Nénh.

Địa giới hành chính phường Nénh: Đông giáp phường Tăng Tiến, phường Vân Trung và huyện Yên Dũng; Tây giáp phường Ninh Sơn và phường Quảng Minh; Nam giáp phường Quang Châu; Bắc giáp phường Bích Động và phường Hồng Thái.

c) Thành lập phường Tăng Tiến trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 4,79 km² diện tích tự nhiên; dân số là 12.362 người của xã Tăng Tiến.

Địa giới hành chính phường Tăng Tiến: Đông giáp thành phố Bắc Giang; Tây giáp phường Hồng Thái, phường Nénh; Nam giáp huyện Yên Dũng và phường Nénh; Bắc giáp thành phố Bắc Giang.

d) Thành lập phường Hồng Thái trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 5,90 km² diện tích tự nhiên; dân số 11.488 người của xã Hồng Thái.

Địa giới hành chính phường Hồng Thái: Đông giáp phường Tăng Tiến và thành phố Bắc Giang; Tây giáp phường Bích Động; Nam giáp phường Nénh; Bắc giáp xã Nghĩa Trung.

đ) Thành lập phường Quang Châu trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 9,01 km² diện tích tự nhiên; dân số là 17.352 người của xã Quang Châu.

Địa giới hành chính phường Quang Châu: Bắc giáp phường Vân Trung và phường Nénh; Đông giáp phường Vân Trung và tỉnh Bắc Ninh; Tây giáp phường Ninh Sơn; Phía Nam giáp tỉnh Bắc Ninh.

e) Thành lập phường Vân Trung trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 9,67 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.843 người của xã Vân Trung.

Địa giới hành chính phường Vân Trung: Đông giáp huyện Yên Dũng; Tây giáp phường Nénh và phường Quang Châu; Nam giáp tỉnh Bắc Ninh; Bắc giáp phường Nénh.

g) Thành lập phường Quảng Minh trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 5,46 km² diện tích tự nhiên; dân số là 11.225 người của xã Quảng Minh.

Địa giới hành chính phường Quảng Minh: Bắc giáp phường Bích Động; Nam giáp phường Nénh và phường Ninh Sơn; Đông giáp phường Nénh; Tây giáp phường Ninh Sơn và xã Trung Sơn.

h) Thành lập phường Ninh Sơn trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 7,99 km² diện tích tự nhiên; dân số là 9.268 người của xã Ninh Sơn.

Địa giới hành chính phường Ninh Sơn: Nam giáp phường Quang Châu và tỉnh Bắc Ninh; Tây giáp xã Tiên Sơn; Bắc giáp xã Trung Sơn và phường Quảng Minh; Đông giáp phường Quảng Minh và phường Nénh.

i) Thành lập phường Tự Lạn trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ 9,18 km² diện tích tự nhiên; dân số là 8.754 người của xã Tự Lạn.

Địa giới hành chính phường Tự Lạn: Bắc giáp xã Thượng Lan và xã Minh Đức; Nam giáp xã Trung Sơn; Đông giáp phường Bích Động và xã Minh Đức; Tây giáp xã Hương Mai và xã Việt Tiến.

III. KẾT QUẢ SAU KHI THÀNH LẬP THỊ XÃ VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG

1. Tỉnh Bắc Giang

Tỉnh Bắc Giang không thay đổi diện tích tự nhiên, dân số và số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, xã. Trong đó:

- a) Cấp huyện tăng 01 thị xã; giảm 01 huyện;
- b) Cấp xã tăng 09 phường; giảm 07 xã và 02 thị trấn.

Như vậy, tỉnh Bắc Giang có 3.895,9 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 1.875.200 người; có 10 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm thành phố Bắc Giang, thị xã Việt Yên và 08 huyện: Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Lạng Giang, Yên Dũng, Tân Yên và Hiệp Hoà; 209 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 175 xã, 19 phường và 15 thị trấn.

3. Thị xã Việt Yên

Thị xã Việt Yên có 171,01 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 228.953 người; có 17 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 09 phường: Bích Động, Nénh, Hồng Thái, Tăng Tiến, Quảng Minh, Ninh Sơn, Vân Trung, Quang Châu, Tự Lạn và 08 xã: Hương Mai, Minh Đức, Nghĩa Trung, Thượng Lan, Tiên Sơn, Trung Sơn, Vân Hà và Việt Tiến.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN SAU KHI THÀNH LẬP THỊ XÃ VIỆT YÊN VÀ THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VIỆT YÊN

1. Sắp xếp tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Cơ bản giữ nguyên tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị của huyện Việt Yên hiện tại. Tiến hành rà soát, đánh giá, phân loại để tiếp tục bố trí, sử dụng những cán bộ, công chức đủ năng lực chuyên môn; tiến hành đào tạo lại những người chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, những người còn thiếu các tiêu chuẩn theo quy định; thực hiện việc tinh giản biên chế theo quy định của Đảng và Nhà nước.

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân xã thành đại biểu Hội đồng nhân dân phường và hoạt động cho đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026. Đồng thời, thị xã sẽ mở lớp bồi dưỡng kiến thức về chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân phường, các chuyên đề về đô thị, xây dựng để phát huy tốt hơn nữa vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân.

Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức của các phường mới thành lập thuộc thị xã cơ bản giữ nguyên bộ máy và cán bộ, công chức của các xã, thị trấn hiện tại. Bố trí lại một số chức danh trong các phường được thành lập cho phù hợp với chức năng đơn vị hành chính thuộc khu vực nội thị. Trong quá trình kiện toàn bộ máy, sẽ xây dựng và bố trí đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực và phẩm chất theo hướng tinh gọn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Lập kế hoạch tổ chức bồi dưỡng kiến thức cho các cán bộ, công chức thuộc các phường mới thành lập về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền phường - chính quyền đô thị; riêng các Chủ tịch, các Phó Chủ

tịch và công chức Địa chính - xây dựng của các phường sẽ bồi dưỡng thêm các nội dung chuyên sâu về quản lý, thực hiện quy hoạch đô thị, quản lý dân cư.

c) Tiến hành rà soát, đánh giá, phân loại để tiếp tục bố trí, sử dụng những cán bộ, công chức đủ năng lực chuyên môn; tiến hành đào tạo lại những người chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, những người còn thiếu các tiêu chuẩn.

2. Phương án tổ chức bộ máy công an thị xã Việt Yên.

a) Tổ chức bộ máy Công an thị xã

- Công an thị xã do Trưởng Công an thị xã chỉ huy, không quá 04 Phó Trưởng Công an thị xã.

- Tổ chức bộ máy Công an thị xã được giữ nguyên như Công an huyện hiện nay, gồm 13 đội công tác: Đội Tổng hợp; Đội An ninh; Đội Xây dựng phong trào bảo vệ an ninh tổ quốc; Đội Điều tra tổng hợp; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về quản lý kinh tế và chức vụ; Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy; Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Đội Cảnh sát giao thông, trật tự; Đội Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn; Đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp; Đội Kỹ thuật hình sự; Đồn Công an Quang Châu.

Thành lập thêm đội: Chính trị - hậu cần thuộc Công an thị xã Việt Yên.

b) Triển khai thành lập Công an các phường thuộc thị xã:

Thành lập Công an phường tại 09 phường dự kiến thành lập với tổng số biên chế là khoảng 135 cán bộ, chiến sỹ do Giám đốc Công an tỉnh ấn định trên cơ sở biên chế được Công an tỉnh Bắc Giang phân bổ cho Công an thị xã Việt Yên, với cơ cấu dự kiến như sau:

- Lãnh đạo, chỉ huy gồm Trưởng Công an phường, không quá 03 Phó Trưởng Công an phường.

- Tổ chức bộ máy Công an phường gồm 03 tổ: Tổ Cảnh sát khu vực; Tổ Cảnh sát trật tự; Tổ Cảnh sát phòng, chống tội phạm.

- Biên chế của Công an của mỗi phường từ 10 đến 15 cán bộ, chiến sỹ.

c) Trụ sở làm việc

- Trụ sở làm việc của Công an thị xã: tại TDP Kiểu, thị trấn Bích Động, huyện Việt Yên.

- Trụ sở làm việc của Công an các phường: trụ sở làm việc độc lập của Công an các xã, thị trấn.

3. Thành lập (đổi tên) Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên

Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ có phương án chỉ đạo các cấp, các ngành của tỉnh phối hợp với Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, huyện lập đề án thành lập (đổi tên) Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên báo cáo Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định đồng thời với Nghị quyết thành lập thị xã Việt Yên và thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

4. Phương án sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định

Thị xã Việt Yên sau khi được thành lập có các phường Quảng Minh, Tăng Tiến và 08 xã chưa đạt 100% tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên theo quy định tại

Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH14 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15. Tuy nhiên, đây là những xã, phường tập trung nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ, các khu đô thị, khu dân cư tập trung nên có quy mô dân số tương đối lớn (phường Quảng Minh đạt 2.040,7 người/km²; phường Tăng Tiến đạt 2.425,7 người/km²; phường Quang Châu đạt 1.788,4 người/km²; xã Vân Hà đạt 2.910,9 người/km²; xã Hương Mai đạt 1.186,7 người/km²). Một số xã, phường đạt cao so với tiêu chuẩn dân số theo quy định (phường Việt Tiến là 11.285/5.000 người; Quảng Minh là 11.132/5.000 người; xã Quang Châu là 16.119/8.000 người; xã Minh Đức là 14.578/8.000 người; xã Tiên Sơn là 12.195/8.000 người;).

Theo Kết luận số 48-KL/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030: Đến năm 2025: Hoàn thành sắp xếp đối với đơn vị hành chính cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định. Đến năm 2030: Hoàn thành sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã còn lại có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định thì huyện Việt Yên có xã Vân Hà thuộc diện phải sắp xếp (xã Vân Hà có diện tích 2,95 km², dân số 8700 người). Trong thời gian tới, sau khi Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về kết quả sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019- 2022 và kế hoạch, lộ trình sắp xếp giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030, tỉnh Bắc Giang sẽ nghiên cứu, tiến hành sắp xếp đơn vị hành chính chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, dân số theo hướng dẫn, yêu cầu của Trung ương.

Phần thứ tư

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ XÃ VIỆT YÊN SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP

A. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG, ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỀ ÁN

I. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP THỊ XÃ VIỆT YÊN

1. Tác động đến phát triển kinh tế - xã hội

a) Mật tích cực:

Thị xã Việt Yên là đô thị chuyên ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ của tỉnh, việc thành lập thị xã sẽ thúc đẩy hơn nữa việc khai thác các tiềm năng, thế mạnh về vị trí địa lý và giao thông kết nối, góp phần thúc đẩy kinh tế của tỉnh phát triển. Theo đó, cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của tỉnh và của thị xã tiếp tục chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ; thu nhập bình quân đầu người tăng lên. Sau khi thành lập, tỉnh Bắc Giang và thị xã Việt Yên sẽ tiếp tục đẩy mạnh đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống người dân theo quy hoạch chung đô thị Việt Yên đã được phê duyệt.

Thị xã Việt Yên có mạng lưới giao thông khá thuận tiện, bao gồm đường bộ, đường sông và đường sắt; trong đó: Quốc lộ 1A, tỉnh lộ 295 B, tuyến đường sắt xuyên Việt chạy qua huyện, nối liền Việt Yên với Thủ đô Hà Nội và biên giới Việt Nam – Trung Quốc và Quốc lộ 37, tỉnh lộ 172, 289, 398 cùng mạng lưới đường liên xã, liên thôn nối liền các thôn xã với nhau và các vùng xung quanh. Thị xã Việt Yên cách cửa khẩu Hữu Nghị (Lạng Sơn) khoảng 120 km; cách sân bay quốc tế Nội Bài khoảng 45 km; cách cảng biển Hải Phòng và cảng biển nước sâu Cái Lân - Quảng Ninh khoảng 135 km,... Theo đó, sau khi được thành lập, thị xã Việt Yên sẽ là điểm thu hút mạnh nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước vào sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực công nghiệp, sản xuất chế biến nông sản, hàng tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ và du lịch và xuất nhập khẩu, tiếp vận - trung chuyển hàng hóa.

Một bộ phận lao động trong ngành nông nghiệp khu vực nông thôn sẽ trở thành khu vực nội thị, bộ phận lao động còn lại ở nông thôn khi nông nhân cũng chuyển vào nội thị làm việc thời vụ tại các công trường xây dựng, các khu – cụm công nghiệp, các cơ sở dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch. Một lượng khá lớn lao động từ các địa phương khác đến Việt Yên làm việc khi các ngành kinh tế thương mại – dịch vụ - du lịch và công nghiệp –xây dựng được mở rộng và tăng quy mô sản xuất.

Các tác động trên góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Việt Yên ngày càng nhanh và vững chắc. Mục tiêu phát triển kinh tế của thị xã Việt Yên sau khi được thành lập, như sau: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất (bao gồm cả KCN trên địa bàn) bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 23%; trong đó, công nghiệp - xây dựng đạt 23,2%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 1,5%/năm; dịch vụ đạt 12%/năm; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng 13-14%,... Đồng thời cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội sẽ được tăng cường đầu tư như đường giao thông, điện, nước, nhà ở, cung ứng dịch vụ hậu cần, các vấn đề xã hội như quản lý an ninh trật tự, các dịch vụ vui chơi giải trí, khám chữa bệnh,... dự báo giai đoạn 2021-2025 thị xã sẽ huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt trên 73.000 tỷ đồng.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Việc thành lập thị xã Việt Yên sẽ có những khó khăn trong công tác quản lý nhà nước ở chính quyền đô thị, quản lý đất đai, quản lý quy hoạch, trật tự đô thị (lấn chiếm vỉa hè, lao động tự do,...), cấp giấy phép xây dựng, giấy phép kinh doanh,...; hệ thống hạ tầng đô thị gồm hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội dần

được hoàn thiện và đồng bộ theo quy hoạch chung đô thị Việt Yên nên một số lĩnh vực chưa được đồng bộ.

Kinh tế phát triển, cơ cấu giá trị sản xuất chuyển dịch làm cơ cấu xã hội – dân số biến đổi theo hướng tăng dân số cơ học, tạo áp lực lớn đối với thị xã về quản lý xã hội. Kinh tế của Việt Yên ngày càng nhanh và vững chắc, nhưng cũng đặt ra áp lực về cơ sở hạ tầng, quản lý xã hội do việc tăng dân số cơ học. Kinh tế phát triển, mọi yêu cầu về cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội đều tăng như đường giao thông, điện, nước, nhà ở, cung ứng dịch vụ hậu cần, các vấn đề xã hội như quản lý an ninh trật tự, các dịch vụ vui chơi giải trí, khám chữa bệnh. Quá trình đô thị hóa sẽ ảnh hưởng mọi mặt tới kinh tế - xã hội Việt Yên, một mặt vừa đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, nhưng nó cũng phát sinh các vấn đề về môi trường, về xã hội cần phải giải quyết.

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Tổ chức rà soát các quy hoạch (phân khu, chi tiết), các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,... để điều chỉnh cho phù hợp với thị xã trong bối cảnh mới; hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng đô thị, đặc biệt là hạ tầng giao thông, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường và các công trình công cộng,... hiện còn thiếu và chưa đạt tiêu chuẩn, tiêu chí theo quy định nhằm tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương.

Để giải quyết áp lực do tăng dân số, thị xã phải đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, hệ thống cung cấp dịch vụ, quản lý trật tự xã hội, gồm: Tăng diện tích nhà ở, tăng cường phát triển hạ tầng đô thị; tăng các cơ sở hậu cần thương mại - dịch vụ; tăng cường tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội; tăng lượng cung cấp dịch vụ, lương thực, thực phẩm, vui chơi giải trí, phương tiện giao thông, dịch vụ ngân hàng, bưu chính viễn thông, khám chữa bệnh... Ngoài ra, các cấp chính quyền cần có chế độ giám sát của cộng đồng nhân dân; thực hiện nghiêm túc việc phạt, thưởng các đơn vị thực hiện chưa tốt hoặc tốt các quy định hiện hành của nhà nước về đầu tư.

2. Tác động đến quản lý hành chính và đội ngũ cán bộ, công chức

a) Mặt tích cực:

Thành lập thị xã Việt Yên và thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc hình thành mô hình quản lý nhà nước theo mô hình của chính quyền đô thị, khi đó chính quyền địa phương sẽ thực hiện chức năng, nhiệm vụ ở chính quyền đô thị, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý hành chính của chính quyền địa phương; đồng thời, thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, giúp giải quyết công việc nhanh, hiệu quả hơn, giảm áp lực cho các dịch vụ hành chính công.

Tổ chức, hoạt động của các thôn hiện nay được kiện toàn thành các tổ dân phố cho phù hợp với đơn vị hành chính là các phường; ổn định số lượng tổ dân phố trên cơ sở các thôn không làm tăng số lượng tổ dân phố khi thành lập phường thuộc thị xã.

b) Mặt tồn tại, hạn chế

Thị xã và các phường sau khi được thành lập sẽ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của chính quyền đô thị, khi đó sẽ phát sinh nhiều giao dịch hành chính

ở những lĩnh vực quản lý trật tự xây dựng, kiến trúc, cảnh quan môi trường, đất đai, cấp phép xây dựng, hộ tịch,...

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Nâng cao hơn nữa hiệu quả thực thi công vụ cho đội ngũ công chức; nâng cao chất lượng và cải tiến lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn; đẩy mạnh xây dựng và vận hành chính quyền điện tử, góp phần cải cách thủ tục hành chính và các dịch vụ công.

Tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm công tác quản lý đô thị; đại biểu Hội đồng nhân dân để đáp ứng tốt vai trò quản lý nhà nước trong tình hình mới, trong đó chủ yếu đối với lĩnh vực xây dựng, đô thị, môi trường.

3. Tác động đến đời sống nhân dân và môi trường

a) Mặt tích cực:

Kinh tế phát triển, ngân sách thị xã sẽ tăng nguồn thu từ đó chính quyền địa phương sẽ bố trí nguồn vốn cho đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, hệ thống cung cấp dịch vụ, quản lý trật tự xã hội, gồm: Tăng diện tích nhà ở, tăng cường phát triển hạ tầng đô thị; tăng các cơ sở hậu cần thương mại - dịch vụ; tăng cường công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự xã hội; tăng lượng cung cấp dịch vụ, lương thực, thực phẩm, vui chơi giải trí, phương tiện giao thông, dịch vụ ngân hàng, bưu chính viễn thông, khám chữa bệnh,... điều này làm cho cuộc sống của người dân ngày càng tốt hơn.

Thành lập thị xã Việt Yên trên cơ sở huyện Việt Yên không ảnh hưởng đến các thiết chế và đặc trưng văn hóa địa phương, phong tục tập quán, cũng như tác động xấu đến danh lam thắng cảnh, làm xáo trộn đến đời sống dân cư.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Quá trình phát triển kinh tế bao giờ cũng kèm theo ảnh hưởng tới môi trường, nếu không có các biện pháp hợp lý sẽ có tác hại đến sự phát triển bền vững và gây các hậu quả xấu. Trong đó, các yếu tố ảnh hưởng môi trường, gồm:

- Quá trình tăng dân số cơ học do lao động tăng lên và tăng trưởng khách du lịch sẽ làm tăng thêm phát thải chất thải rắn như chất thải do quá trình sinh hoạt, cung ứng thực phẩm, các vật phẩm bao bì các loại; quá trình xây dựng khi đô thị hóa cũng thải ra rất nhiều vật liệu phế thải dạng rắn; sự gia tăng sản xuất các ngành kinh tế cũng đồng nghĩa với gia tăng chất thải, nhất là với những ngành công nghiệp chưa có hàm lượng kỹ thuật công nghệ cao; ngành nông nghiệp như chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cũng thải nhiều rác thải.

- Các khu du lịch, dịch vụ, khách sạn, vui chơi và sinh hoạt cũng làm tăng nước thải sinh hoạt; ngành công nghiệp như chế biến có mức độ nước thải ô nhiễm cao.

- Sự gia tăng sử dụng phương tiện, xe cộ đáp ứng nhu cầu thương mại, dịch vụ làm tăng khí thải có hại trong khu vực.

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Tỉnh Bắc Giang và thị xã Việt Yên đã quy hoạch và đang đầu tư thực hiện các dự án về xử lý môi trường; quá trình thu gom chất thải rắn đã và đang ngày càng nâng cao tỷ lệ thu gom, đưa về các khu xử lý tập trung đảm bảo theo quy

chuẩn môi trường; công suất xử lý chất thải rắn đã được tính đến cùng với sự phát triển nhanh của kinh tế - xã hội sau khi thành lập thị xã.

Các khu vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các khu vực dịch vụ du lịch đều có xử lý nước đạt tiêu chuẩn mới được xả ra môi trường; trong tương lai việc thu gom nước thải sinh hoạt khu vực nội thị để xử lý tập trung cũng được quy hoạch thực hiện. Bên cạnh các giải pháp trên, thị xã Việt Yên sẽ tăng thêm các khuôn viên cây xanh công cộng, phát triển trồng cây và bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên nghiêm ngặt hơn.

4. Tác động đến quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

a) Mặt tích cực:

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên nguồn lực để phát triển đô thị đạt tiêu chuẩn, tiêu chí của thành lập thị xã, đã một lần nữa khẳng định quan điểm, chủ trương trong việc tập trung phát triển kinh tế, phát triển đô thị gắn với tăng cường bảo đảm quốc phòng - an ninh trong tình hình mới.

Thành lập thị xã là tiền đề để xác định địa bàn trọng điểm về an ninh trật tự, làm cơ sở kiện toàn lại tổ chức của lực lượng quân sự, bố trí lực lượng công an chính quy, bảo vệ dân phố nên sẽ góp phần củng cố, đảm bảo yêu cầu về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Kinh tế phát triển, dân số biến đổi theo hướng tăng dân số cơ học, tạo áp lực lớn về quản lý xã hội, gia tăng nguy cơ bị kẻ địch lợi dụng tuyên truyền chống phá Nhà nước, bảo đảm an ninh xã hội và an toàn quốc phòng.

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Xây dựng hoàn chỉnh đề án khu vực phòng thủ quốc phòng an ninh giai đoạn đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2030; xây dựng hệ thống phòng thủ toàn dân; thực hiện chiến lược phát triển kinh tế, tạo thêm nhiều việc làm cho dân cư đô thị, thu hút lượng lớn lao động từ các địa phương khác, thay đổi căn bản diện mạo đô thị, giải quyết tốt các áp lực về nhu cầu hạ tầng đô thị, nhu cầu dịch vụ và đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội.

5. Tác động nguồn vốn đầu tư

a) Mặt tích cực

Thành lập thị xã trên cơ sở nguyên trạng huyện nên không bổ sung biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động; không mất thêm kinh phí xây dựng thêm trụ sở, mua sắm trang thiết bị và các tài sản mới (trừ bố trí thêm công an chính quy). Trên cơ sở quy hoạch và các dự án đầu tư được phê duyệt trên địa bàn, thị xã sẽ xác định nguồn vốn cụ thể cần phải huy động cho từng thời gian, cho từng dự án. Mặt khác, sau khi thành lập thị xã, khả năng thu hút đầu tư để phát triển kinh tế sẽ tăng nhanh, tạo nguồn thu cho ngân sách địa phương, từ đó có nguồn lực tiếp tục cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp các công trình phúc lợi, các công trình phục vụ hoạt động của bộ máy nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Khi thị xã được thành lập, giá trị đất đai tăng cao dưới tác động của việc đầu tư mạnh mẽ từ nguồn lực xã hội hóa. Giá trị đất đai tăng cao đồng nghĩa với việc tăng chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí đầu tư xây dựng, gây khó khăn

trong việc đầu tư, đặc biệt là đối với các công trình sử dụng vốn ngân sách. Việc thành lập thị xã cần nguồn lực lớn cho đầu tư hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội như: hệ thống đường giao thông kết nối đồng bộ; hệ thống chiếu sáng; bãi đỗ xe; hồ sinh thái; vườn hoa, công viên, khu vui chơi giải trí và cung cấp hệ thống trường học, trạm y tế, các nhà văn hóa tổ dân phố,... Vì vậy, phải có kế hoạch phân bổ nguồn vốn hợp lý cho từng dự án, công trình và giai đoạn phát triển thị xã.

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Hiện tượng giá đất tăng cao không chỉ ảnh hưởng đến cá nhân người dân hay nhà đầu tư mà nó còn để lại hệ lụy đối với sự phát triển của địa phương, ảnh hưởng đến việc phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, công bố công khai thông tin về quy hoạch, tiến độ triển khai các dự án phát triển cơ sở hạ tầng, các dự án bất động sản đặc biệt là các dự án lớn và việc sáp nhập thành lập, nâng cấp đơn vị hành chính,... tại địa phương để minh bạch thông tin, ngăn chặn hiện tượng đẩy giá để trục lợi bất hợp pháp là hết sức cần thiết.

6. Kiến trúc đô thị và cảnh quan

a) Mặt tích cực:

Thành lập thị xã Việt Yên góp phần vào việc hoàn thiện các khu chức năng theo quy hoạch chung đô thị Việt Yên đã được UBND tỉnh phê duyệt; đồng thời, góp phần tăng cường và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị trên địa bàn, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh – quốc phòng, góp phần quan trọng để tỉnh Bắc Giang hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ phát triển hệ thống đô thị là tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh đạt 32,4%; toàn tỉnh có 17 đô thị, gồm: Thành phố Bắc Giang mở rộng là đô thị loại I, thị xã Việt Yên và thị xã Chũ là đô thị loại IV,... theo Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 05/4/2022 về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa làm tăng trưởng nhanh các ngành công nghiệp vốn đã là thế mạnh của thị xã, dẫn đến việc tăng nhanh dân số cơ học, tăng tốc độ đô thị hóa và hình thành các khu nhà ở. Điều đó sẽ tác động lớn tới công tác quy hoạch, san lấp và giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ nhu cầu cho người dân từ các nơi khác đến làm việc và sinh sống. Ngoài ra, cảnh quan môi trường xung quanh cũng bị ảnh hưởng; tình trạng lấn chiếm vỉa hè, lòng đường, ô nhiễm môi trường tăng lên gây ùn tắc về giao thông, mất mỹ quan đô thị.

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Cùng với tốc độ đô thị hóa tăng nhanh theo thời gian, mật độ dân số cao ở khu vực đô thị cũng gây ra sức ép ngày càng lớn cho các cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề ô nhiễm môi trường; thiếu hụt nước sạch, tài nguyên đất đai; quá tải hạ tầng giao thông. Theo đó, tập trung vào những giải pháp đồng bộ như xây mới, cải tạo, nâng cấp để hoàn chỉnh các hệ thống cống, rãnh thoát nước thải và hệ thống các trạm xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, đảm bảo không để xảy ra úng ngập khi trời mưa làm ách tắc giao thông và gây ô nhiễm môi trường; xây dựng mới và cải tạo các hồ sinh thái ở khu vực đô thị với mục

đích vừa là nơi chứa nước đã qua xử lý, vừa là khu vực tạo môi trường sinh thái có tác dụng điều hòa không khí; giải quyết những vướng mắc và có cơ chế hỗ trợ chủ đầu tư để khuyến khích tăng nhanh số lượng nhà máy chế biến rác thải đi vào hoạt động.

II. TÁC ĐỘNG CỦA VIỆC THÀNH LẬP CÁC PHƯỜNG THUỘC THỊ XÃ VIỆT YÊN

1. Kinh tế - xã hội

a) Mặt tích cực:

Do kinh tế phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng phát triển tỷ trọng kinh tế ngành công nghiệp – xây dựng và thương mại – dịch vụ - du lịch, giảm dần tỷ trọng kinh tế về nông – lâm – ngư nghiệp, sẽ làm thay đổi nhanh chóng cơ cấu xã hội – lao động và cơ cấu xã hội - dân số, tăng dân số cơ học. Theo đó, công nghiệp – xây dựng và thương mại – dịch vụ - du lịch là ngành kinh tế thu hút nhiều lao động và đang chuyển hóa lao động nông thôn, nông nghiệp. Tăng số người trong ngành công nghiệp– xây dựng và thương mại – dịch vụ - du lịch, giảm số người lao động nông nghiệp; đồng thời, sự thay đổi này cũng sẽ thu hút lao động từ các địa phương khác đến Việt Yên làm việc, tăng dân hàng năm. Theo số liệu thống kê đến ngày 31/12/2022, cơ cấu công nghiệp – xây dựng và thương mại – dịch vụ - du lịch khu vực nội thị (09 phường) chiếm trên 99% trong cơ cấu kinh tế và chiếm 80,81% trong cơ cấu lao động của thị xã; dự báo đến năm 2025, tỷ lệ này sẽ là 99,3% trong cơ cấu kinh tế và 89% trong cơ cấu lao động.

Dân số tăng tạo cơ hội phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển hạ tầng đô thị và tạo việc làm cho người dân. Theo đó, kinh tế tại các phường cũng có sự thay đổi theo hướng tăng cả về quy mô và tốc độ, theo dự báo đến năm 2025, tốc độ gia tăng giá trị sản xuất của các phường, như sau: Phường Bích Động từ 25 - 30%, phường Nénh 20%, phường Hồng Thái từ 18 - 22%, phường Ninh Sơn từ 15-20%, phường Quang Châu 20%,...

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Dân số tăng sẽ tạo áp lực lớn về quản lý xã hội; ngoài lương thực, thực phẩm cung cấp cho dân số thường trú, để đáp ứng nhu cầu cho người lao động là công nhân trong các khu, cụm công nghiệp, du khách tham quan, du lịch,... thì các phường sẽ phải tăng thêm lượng cung cấp lương thực, rau xanh, hoa quả, thực phẩm và nước sinh hoạt,... hoạt động này sẽ ảnh hưởng đến môi trường sinh thái trên địa bàn.

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Để giải quyết áp lực do tăng dân số, chính quyền địa phương phải đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, hệ thống cung cấp dịch vụ, quản lý trật tự xã hội, tăng công suất thu gom, xử lý rác thải, nước thải,...

2. Quản lý hành chính

a) Mặt tích cực:

Thành lập các phường trên cơ sở nguyên trạng các xã, thị trấn không làm phát sinh tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp.... tổ chức bộ máy hệ thống chính trị các phường giữ ổn định như hiện nay, gồm: HĐND có Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 02 Ban; UBND có

Chủ tịch, 1-2 Phó Chủ tịch, 02 Ủy viên và các chức danh công chức (chức danh Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường đổi thành Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường).

Thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên là tiền đề để tổ chức, thiết lập chính quyền đô thị thay cho chính quyền nông thôn, thể hiện quá trình và mức độ đô thị hóa cao hơn, với những chức năng, nhiệm vụ có riêng biệt, phù hợp với loại đơn vị hành chính đang trong quá trình đô thị hóa nhanh, nên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là trên các lĩnh vực về xây dựng, đô thị, quy hoạch, kiến trúc, dân cư, cảnh quan, môi trường, quản lý dân cư, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội.

b) Mặt hạn chế:

Sau khi thành lập phường, Công an tỉnh sẽ xây dựng phương án điều động cán bộ, chiến sỹ từ các đơn vị, địa phương khác trong toàn lực lượng của Công an tỉnh đến làm nhiệm vụ tại địa phương, mặc dù không tăng biên chế trong tổng số biên chế công an của tỉnh nhưng sẽ tăng số lượng công an tại các phường. Đồng thời, cần bố trí nơi làm việc riêng của công an phường thay cho việc sử dụng cùng trong công sở của các phường sẽ làm phát sinh ngân sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trụ sở làm việc, phương tiện hoạt động.

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Tập trung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để nâng cao năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm; phát huy tư duy chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức thị xã. Đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Tập trung thực hiện các nhiệm vụ đổi mới mạnh mẽ, hiệu quả công tác cán bộ; đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo quá trình, đảm bảo tính liên tục, đa chiều, theo nhiều tiêu chí và mức độ hoàn thành công việc được giao. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý dân cư để hỗ trợ việc quản lý hành chính đô thị và giao tiếp giữa công dân và chính quyền, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong tình hình mới.

3. Tác động về môi trường

a) Mặt tích cực:

Việc sinh sống tại môi trường đô thị sẽ góp phần nâng cao ý thức người dân về việc bảo vệ môi trường sống; chính quyền đô thị sẽ quan tâm đầu tư hơn cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường. Thành lập các phường sẽ là điều kiện thuận lợi để các xã, thị trấn giải quyết vấn đề phát triển đô thị và tăng trưởng nhanh chóng của các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề. Đồng thời, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên, cảnh quan thiên nhiên và các không gian đô thị, văn hóa, du lịch, công nghiệp, nông nghiệp sinh thái theo hướng phát triển bền vững, xanh, sạch, đẹp

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Các phường được thành lập sẽ triển khai hoàn chỉnh thực hiện quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng để phát triển kinh tế - xã hội kéo theo đó là sự gia tăng về dân số có thêm nhiều doanh nghiệp đóng trên địa bàn, gia tăng chất thải, rác thải công nghiệp, sinh hoạt gây ra những tác động xấu đến môi trường tự nhiên.

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Tăng cường công tác thanh kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm về môi trường, chất thải công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cần được quản lý chặt chẽ, nước thải phải được xử lý đạt tiêu chuẩn mới được xả ra môi trường; hạn chế khai thác nước ngầm, chống ô nhiễm môi trường nước mặt. Phát triển công trình xanh, xây dựng đô thị sinh thái nhằm giảm mức tiêu hao năng lượng trong các công trình, nhất là các trung tâm thương mại, khách sạn, các công sở, các cơ sở sản xuất.

4. Tác động về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

a) Mặt tích cực:

Về mặt quốc phòng, an ninh, sau khi thành lập các phường, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội vẫn luôn được giữ vững và ổn định. Do sự gia tăng của nền kinh tế, các vấn đề xã hội cũng sẽ gia tăng; việc tăng cường bảo vệ an ninh, tăng cường quốc phòng là vấn đề cần giải quyết cho tốt. Trong thời gian sắp tới, các lực lượng vũ trang, an ninh phải tiếp tục tham mưu cho tổ chức Đảng, chính quyền các cấp tổ chức, triển khai hiệu quả nhiệm vụ bảo vệ an ninh trật tự, giải quyết tốt các vấn đề phức tạp, đấu tranh chống hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch và các loại tội phạm đạt kết quả tốt. Bảo vệ an toàn tuyệt đối các mục tiêu quan trọng; giữ vững ổn định chính trị, an ninh và chủ quyền quốc gia.

b) Mặt tồn tại, hạn chế:

Dân số cơ học tăng nhanh, số lượng dân nhập cư nhiều do làm việc ở các khu công nghiệp và các nhà máy, xí nghiệp, công ty nằm ngoài khu công nghiệp và nhân công các cơ sở dịch vụ - thương mại, tình hình lấn chiếm đất công, xây dựng trái phép,... sẽ gây khó khăn hơn trong công tác quản lý nhà nước và truyền thống văn hóa, cộng đồng dân cư.

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân; xây dựng thị xã thành khu vực phòng thủ vững chắc, địa bàn trọng yếu góp phần giữ vững an ninh quốc phòng toàn thị xã; giữ vững an ninh chính trị, tăng cường đấu tranh phòng chống tội phạm, đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành pháp luật; tập trung vào các đối tượng đã và đang có biểu hiện vi phạm; các địa bàn, khu vực trọng điểm, phức tạp về tình hình an ninh trật tự.

5. Tác động đến sản xuất, kinh doanh và đời sống sinh hoạt của dân cư trên địa bàn

a) Mặt tích cực:

Sau khi thành lập các thiết chế văn hóa, giáo dục, y tế sẽ được đầu tư, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu xây dựng phường văn minh đô thị, từ đó đời sống tinh thần và phúc lợi xã hội của người dân sẽ tốt hơn, hướng đến văn minh, tiến bộ, ý thức người dân được nâng cao, tạo chuyển biến về lối sống, nếp sống nông thôn sang đô thị cho người dân.

Bên cạnh đó với vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên và điều kiện hệ thống hạ tầng xã hội hiện hữu, cùng với sự phát triển sau khi thành lập, các phường sẽ là điều kiện lý tưởng trong việc mời gọi đầu tư, thu hút các nguồn lực, các thành

phần kinh tế về địa phương phát triển các hoạt động thương mại - dịch vụ, du lịch; góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế của địa phương, nhờ đó giải quyết nhiều công ăn việc làm, nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống của nhân dân

Tốc độ đô thị hóa nhanh, nhu cầu sử dụng đất của một số ngành công nghiệp, giao thông và các lĩnh vực phi nông nghiệp tăng nhanh khiến diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn xã sẽ giảm dần. Bên cạnh đó khi thành lập các phường, một số thủ tục hành chính liên quan đến những giấy tờ quan trọng của người dân cần phải được điều chỉnh như: hộ khẩu, căn cước công dân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,... bước đầu sẽ gây xáo trộn đời sống nhân dân.

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Xây dựng phương án tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và đẩy mạnh các chương trình hỗ trợ tạo việc làm tại chỗ cho người lao động; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái bền vững, sản xuất nông nghiệp sạch; khuyến khích phát triển mạnh các nghề thủ công truyền thống, các nghề phi nông nghiệp ở nông thôn để giải quyết triệt để và hiệu quả việc làm cho khu vực nông thôn và nông dân trên địa bàn.

6. Kiến trúc đô thị cảnh quan

a) Mật tích cực:

Địa bàn các phường thuộc thị xã Việt Yên có hệ sinh thái động thực vật đa dạng góp phần giữ môi trường trong sạch, tạo cảnh quan đô thị. Không gian sinh thái núi - đồi của các phường hiện được bảo vệ tốt, gần như nguyên vẹn. Những năm tới, các cấp có thẩm quyền sẽ tiếp tục giữ gìn không gian sinh thái, tăng diện tích cây xanh đô thị để hạn chế ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu; đồng thời, sẽ làm tăng không gian sinh thái đô thị cho thị xã Việt Yên.

b) Mật tồn tại, hạn chế:

Quá trình xây dựng, phát triển các phường gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, tăng quy mô, mật độ dân số, tăng trưởng kinh tế. Môi trường đô thị sẽ ảnh hưởng dưới áp lực của phát triển đô thị. Mặt khác nếu công tác hoạch định, quy hoạch, quản lý đô thị không theo kịp tốc độ phát triển có thể dẫn đến sự thiếu đồng bộ, không thống nhất giữa các phường trong thị xã.

c) Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Phát triển công trình xanh, xây dựng đô thị sinh thái nhằm giảm mức tiêu hao năng lượng trong các công trình, nhất là các trung tâm thương mại, khách sạn, các công sở, các cơ sở sản xuất, đặc biệt là tại các Khu, cụm công nghiệp,...

B. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ XÃ VIỆT YÊN SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên. Tiếp tục đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; củng cố niềm tin của nhân dân đối với cấp ủy, chính quyền; xây dựng hệ thống chính trị từ thị xã đến cơ sở vững mạnh, bảo đảm lãnh đạo thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển của thị xã.

2. Tập trung huy động cao nhất mọi nguồn lực để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, tiếp tục thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ; đẩy mạnh phát triển đô thị, tập trung thực hiện hoàn thành các tiêu chí còn thiếu của thị xã; tạo điều kiện phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn, sản xuất nông nghiệp hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới.

3. Gắn phát triển kinh tế với quốc phòng, an ninh; nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội; nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

4. Xây dựng và phát triển thị xã Việt Yên trên cơ sở khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, lấy công nghiệp là trọng điểm, công nghiệp dẫn dắt đô thị và dịch vụ; bảo đảm nguyên tắc vốn ngân sách chủ yếu đầu tư các công trình động lực có sức lan tỏa, tranh thủ tối đa nguồn lực xã hội trên cơ sở tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế phát triển, nhất là kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng.

5. Phát triển thị xã Việt Yên trên cơ sở công tác quy hoạch đi trước một bước và quản lý chặt chẽ sự phát triển theo quy hoạch; gắn với định hướng thông minh, hiện đại và các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế đô thị, kinh tế số, xã hội số. Ưu tiên phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị; đầu tư một số công trình mang tính biểu tượng; tạo lập các điểm nhấn không gian kiến trúc, cảnh quan; đồng thời cải tạo, chỉnh trang đô thị cũ. Quá trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu và phát triển kinh tế nông thôn phải gắn kết chặt chẽ với tiêu chí đô thị hóa.

6. Phát triển thị xã Việt Yên phải đi đôi với bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao mức sống người dân, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa địa phương, xây dựng nếp sống văn minh đô thị. Không ngừng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đô thị; sử dụng có hiệu quả đất đai; làm tốt công tác bảo vệ môi trường; kiểm soát dân số và chuyển dịch cơ cấu lao động đúng hướng; giữ vững ổn định an ninh, trật tự; xây dựng hệ thống chính trị ngày càng trong sạch, vững mạnh, khơi dậy khát vọng và phát huy truyền thống cách mạng của quê hương Việt Yên anh hùng.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu chung

a) Tiếp tục phát huy tiềm năng, lợi thế để phát triển toàn diện địa phương, khẳng định vững chắc vị thế trung tâm phát triển kinh tế, thị xã trọng điểm phát triển công nghiệp của tỉnh; dịch vụ phát triển đa dạng; nông nghiệp phát triển ổn định theo hướng an toàn, chất lượng; kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đầu tư đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là hạ tầng giao thông, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và đô thị; phát triển mạnh nguồn nhân lực chất lượng cao. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện thuộc nhóm tiên tiến của tỉnh; đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của nhân dân được nâng lên; môi trường sống được cải thiện. Quốc phòng, an ninh được củng cố, tạo môi

trường thuận lợi cho phát triển và cuộc sống an toàn của nhân dân trên địa bàn thị xã.

b) Nâng cao diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng văn minh, hiện đại, bền vững, bảo vệ môi trường và giữ gìn những giá trị tinh hoa, bản sắc văn hóa của đô thị Việt Yên gắn với việc duy trì các yếu tố tự nhiên, văn hóa, lịch sử và bảo đảm tỷ lệ không gian xanh theo quy hoạch.

c) Cụ thể hoá định hướng phát triển của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang; Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bắc Giang; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Việt Yên; các quy hoạch chuyên ngành, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa trên địa bàn thị xã Việt Yên tương lai.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đối với thị xã Việt Yên

a) Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất (bao gồm cả KCN trên địa bàn) bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 23%. Trong đó: công nghiệp - xây dựng đạt 23,2%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 1,5%/năm; dịch vụ đạt 12%/năm (nếu không bao gồm KCN thì bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 15,1%; trong đó: công nghiệp - xây dựng đạt 17,8%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 1,5%/năm; dịch vụ đạt 12%/năm).

b) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không tính tiền sử dụng đất) cả giai đoạn 2021-2025 mỗi năm tăng 13-14% so năm trước; thu tiền sử dụng đất đạt trên 7.800 tỷ đồng.

c) Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 đạt trên 73.000 tỷ đồng.

d) GTSX trên 1 ha canh tác đạt 138 triệu đồng/ha.

đ) Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt 100%; mức độ 2 đạt 30%; tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp học 100%.

e) Duy trì 100% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ bao phủ BHYT toàn dân đạt 100%.

g) Đến năm 2025, tỷ lệ thôn, tổ dân phố đạt danh hiệu văn hóa tối thiểu 80%; tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới đạt tối thiểu 80%; phường đạt chuẩn đô thị văn minh đạt 100%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa đạt 90%.

h) Tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 1%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 87%; tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế 85%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề có chứng chỉ 40%; tạo việc làm tăng thêm bình quân mỗi năm hơn 3.000 nghìn lao động.

i) Tỷ lệ dân số thành thị được cấp nước sạch đạt 95%; nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh đạt 100%.

k) Hoàn thành xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt theo tiêu chuẩn đô thị loại IV.

l) Tỷ lệ thu gom chất thải rắn đô thị đến năm 2025 đạt 100%, tỷ lệ thu gom được xử lý đạt 100%. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn tại nông thôn đến năm 2025 đạt 93%, tỷ lệ thu gom được xử lý đạt 91,5%.

m) Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hằng năm đạt từ 85% trở lên; tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt trên 90%; tỷ lệ trưởng thôn là đảng viên đạt từ 80% trở lên.

2.2. Đối với các phường thuộc thị xã Việt Yên

a) Phường Bích Động

- Tăng trưởng - giá trị sản xuất đạt từ 25 - 30%; giá trị thu nhập từ nông nghiệp là 15%, thu nhập từ công nghiệp và dịch vụ là 85%.

- Thu nhập bình quân đầu người 80-90 triệu đồng/người/năm; thu ngân sách tăng bình quân hằng năm 18- 20%.

- Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha 135 - 140 triệu đồng/ha.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 85%.

- Tỷ suất sinh giảm hàng năm là 0,2%; giảm hộ nghèo bình quân 5-10 hộ/năm.

- Nâng cao các tiêu chí đô thị văn minh, giữ vững các trường đạt chuẩn Quốc gia, trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, 3.

- Nâng cao chất lượng chuẩn Quốc gia về y tế theo cấp độ chuẩn quy định, phân đầu duy trì 100% người dân tham gia BHYT tự nguyện.

- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng mỗi năm 0,5 - 1%; tỷ lệ hộ gia đình văn hoá đạt từ 93 - 95%; tỷ lệ làng, tổ dân phố văn hoá 85 - 90%.

b) Phường Nénh

- Tăng trưởng - giá trị sản xuất tăng 20%/năm; giá trị nông nghiệp, chăn nuôi và thủy sản chiếm 15%, tiểu thủ, thương mại dịch vụ chiếm 85% trong cơ cấu kinh tế.

- Thu ngân sách tăng bình quân 20%/năm; giá trị sản xuất bình quân/ha đạt 90 triệu; thu nhập bình quân đầu người đạt 85- 95 triệu đồng/người/năm.

- Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đạt từ 140 triệu đồng/ha.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 88%.

- Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt 100%; mức độ 2 đạt 50%; tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp học 100%; duy trì 100% người dân tham gia BHYT tự nguyện; giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm xuống theo quy định.

- Tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 90%; tổ dân phố văn hóa đạt 91% trở lên.

c) Phường Hồng Thái

- Tổng giá trị sản xuất tăng bình quân 18- 22%/năm; giá trị sản xuất nông nghiệp tăng từ 10-15%; tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ tăng từ 20 - 25%;

- Giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm 10- 15%; công nghiệp, dịch vụ, thương mại và xây dựng chiếm từ 80 - 85% trong cơ cấu kinh tế của phường;

- Giá trị sản phẩm trên 1ha canh tác đạt 90 triệu đồng.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 85%.

- Thu ngân sách trên địa bàn đạt 190 - 200 tỷ đồng; huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đến năm 2025 đạt 100 tỷ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt 75- 85 triệu đồng/người/năm

- Giữ vững phường đạt chuẩn Quốc gia về y tế; giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ < 5 tuổi xuống dưới 10‰; tỷ lệ BHYT toàn dân đạt 100%; hộ nghèo, giảm bình quân hàng năm từ 0,1 – 0,2%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 67%.

- Tỷ lệ hộ được công nhận danh hiệu “gia đình văn hóa” đạt 90%; tỷ lệ làng được công nhận danh hiệu “làng văn hóa” đạt 80%.

d) Phường Ninh Sơn

- Tổng giá trị sản xuất tăng bình quân từ 15-20%/năm.

- Giá trị sản xuất nông nghiệp, thủy sản, chăn nuôi chiếm 20%; tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, xây dựng từ 65-80%

- Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đạt từ 100-110 triệu đồng.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 85%.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt từ 60-75 triệu đồng/ người/năm. Thu ngân sách tăng 20%.

- Giảm hộ nghèo bình quân từ 15-20 hộ/năm.

- Duy trì 3/3 trường đạt chuẩn Quốc gia, phấn đấu duy trì 100% người dân tham gia BHYT tự nguyện; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng mỗi năm 0,5 - 1%.

- Tỷ lệ công nhận gia đình văn hoá đạt 93 - 95%; tỷ lệ làng văn hoá 85%.

đ) Phường Quang Châu

- Tổng giá trị sản xuất tăng 20%/năm; giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm 25%, thương mại dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp chiếm 75%.

- Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 20%/năm.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 88%.

- Giá trị sản xuất đạt 80 triệu đồng/ha/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người đến 2025 đạt 90 triệu đồng/người/năm.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm xuống theo quy định; có trên 90% số tổ dân phố đạt làng văn hoá cấp huyện; trên 95% hộ gia đình đạt gia đình văn hoá.

e) Phường Quảng Minh

- Tổng giá trị sản xuất tăng bình quân từ 25- 30%/năm. Trong đó, giá trị sản xuất nông nghiệp tăng từ 15 - 20%; tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ tăng từ 35 -40%

- Nông nghiệp chiếm 15%; tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, xây dựng chiếm 85% trong cơ cấu kinh tế của phường.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 84%.

- Giá trị sản xuất bình quân đạt từ 110 - 120 triệu đồng/ha; thu nhập bình quân đầu người đạt từ 80- 85 triệu đồng/người/năm.

- Thu ngân sách tăng 18 - 20%/năm.

- Giảm hộ nghèo bình quân từ 17-20 hộ/năm.

- Nâng cao chất lượng phường chuẩn quốc gia về y tế, phấn đấu duy trì 100% người dân tham gia BHYT tự nguyện; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng mỗi năm 0,5 - 1%.

- Tỷ lệ gia đình văn hoá đạt 93 - 95%; tỷ lệ làng văn hoá 90%.

g) Phường Tăng Tiến

- Tổng giá trị sản xuất tăng bình quân từ 15-20%/năm.

- Nông nghiệp và thủy sản chiếm 4%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chiếm 36%; thương mại - dịch vụ chiếm 60% trong cơ cấu kinh tế.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt từ 85-90 triệu đồng/năm

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 85%.

- Thu ngân sách hàng năm tăng từ 5%-10%.

- Tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí mới) hàng năm giảm từ 1 - 2%; tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 85% trở lên, tỷ lệ làng đạt tiêu chuẩn văn hóa đạt 80% trở lên.

h) Phường Vân Trung

- Tổng giá trị sản xuất tăng bình quân 25- 30%/năm; trong đó, nông nghiệp tăng từ 15 - 20%, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ tăng từ 35 -40%

- Giá trị sản xuất nông nghiệp chiếm 15%; tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, xây dựng chiếm 85% trong cơ cấu kinh tế.

- Giá trị sản xuất đạt 110 triệu đồng/ha/năm trở lên.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 85%.

- Thu ngân sách trên địa bàn tăng từ 5-10%/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2%; giảm tỷ lệ sinh hàng năm dưới 1,5%.

- Tỷ lệ hộ gia đình được công nhận văn hoá đạt 91,5%; tỷ lệ tổ phố được công nhận văn hóa đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng dưới 10%.

i) Phường Tự Lạn

- Tổng giá trị sản xuất tăng bình quân 25%/năm; trong đó, nông nghiệp tăng từ 15 - 20%, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ tăng từ 30- 35%

- Số hộ sản xuất, kinh doanh dịch vụ, số lao động có việc làm mới tại các công ty, xí nghiệp tăng từ 3-5%/năm

- Giá trị sản xuất đạt 120 triệu đồng/ha trở lên.

- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp chiếm 85%.

- Thu nhập bình quân đầu người 70 triệu đồng/người/năm.

- Thu ngân sách bình quân hàng năm tăng từ 10% - 12%/năm.

- Giữ vững phường đạt chuẩn Quốc gia về y tế; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm xuống còn 10,5%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt 100%.

- Tỷ lệ gia đình văn hoá hàng năm từ 88-90% trở lên.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế

a) Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

Thị xã Việt Yên là trọng điểm phát triển công nghiệp của tỉnh; sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp phát triển mạnh và được quan tâm khuyến khích nên đã đạt được tốc độ tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất công nghiệp có tỷ trọng ngày càng lớn, góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển nền kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của nhân dân, từng bước thực hiện công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Theo đó, thời gian tới tỉnh Bắc Giang sẽ tập trung một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng chủ yếu sau:

Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng công nghiệp ở mức cao, theo hướng bền vững là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế. Phát triển công nghiệp tập trung tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; không chấp thuận mới dự án sản xuất công nghiệp ngoài các khu, cụm công nghiệp. Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ đầu tư, giải phóng mặt bằng, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho các dự án. Huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp theo lộ trình triển khai các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đề xuất mới trong Phương án phát triển thị xã giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn

đến năm 2050. Chủ động chuẩn bị tốt điều kiện về đất đai, mặt bằng với hạ tầng đồng bộ để thu hút các dự án đầu tư lớn, có tiềm năng; trọng tâm là khu công nghiệp đô thị, dịch vụ Ninh Sơn -Tiên Sơn; khu công nghiệp Việt Hàn, khu công nghiệp Quang Châu mở rộng.

Thị xã Việt Yên sẽ tiếp tục hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ cả trong và ngoài các khu công nghiệp hiện có, phát triển thêm khu công nghiệp mới để khai thác tối đa lợi thế khu vực; phát triển cụm công nghiệp trên cơ sở phát triển các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tại địa phương; mở rộng một số cụm công nghiệp có điều kiện phát triển thuận lợi và tỷ lệ lấp đầy trên 95%, thành lập mới một số cụm công nghiệp để phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản tại khu vực nông thôn. Trước mắt, tập trung giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng kết nối, hỗ trợ nhà đầu tư hạ tầng triển khai các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã được chấp thuận đầu tư hoặc cho phép khảo sát lập quy hoạch, như: Khu công nghiệp tại xã Tăng Tiến (quy mô 197 ha), khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Hòa Yên (quy mô 128ha), khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Bích Sơn - Tự Lạn - Trung Sơn (quy mô 224 ha), cụm công nghiệp Việt Tiến, cụm công nghiệp Hoàng Mai; bổ sung quy hoạch khu công nghiệp, cụm công nghiệp trong giai đoạn đến năm 2030 (để thu hút nhà đầu tư hạ tầng trong giai đoạn 2023-2025) và giai đoạn sau năm 2030.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư đầu tư phát triển công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp; ưu tiên thu hút đầu tư công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp gia công chính xác để hình thành, tham gia cụm tương hỗ sản xuất sản phẩm chủ lực (cơ khí chế tạo, điện tử, phụ trợ khác,...) và thu hút các dự án sản xuất có công nghệ hiện đại, sử dụng tiết kiệm đất, có khả năng đóng góp nhiều cho ngân sách, không chấp thuận các dự án có công nghệ thấp, lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường; đẩy nhanh đầu tư xây dựng các tuyến đường kết nối các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn; tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp hiện có, trú trọng đầu tư xây dựng hạ tầng của các cụm công nghiệp, làng nghề và các công trình ngoài hàng rào khu công nghiệp; đôn đốc nhà đầu tư cụm công nghiệp xây dựng hạ tầng, thu hút đầu tư lấp đầy, xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung; khai thác lợi thế tuyến vành đai 4 và quốc lộ 37 quy hoạch bổ sung các cụm công nghiệp địa phương, đối với các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, rải rác, sớm có định hướng di dời khỏi khu vực phát triển đô thị, sang các cụm công nghiệp tập trung để đảm bảo cảnh quan và môi trường bên trong đô thị.

Định hướng phát triển một số ngành, sản phẩm công nghiệp chủ lực sau:

- Ngành công nghiệp điện tử: Đây là ngành công nghiệp chủ lực của khu công nghiệp thuộc huyện, cần ưu tiên phát triển có chiều sâu để cung cấp linh kiện cho các doanh nghiệp lắp ráp và các tập đoàn đa quốc gia trong khu vực và cả nước, hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu với các sản phẩm gồm: máy tính và các thiết bị ngoại vi, linh kiện bán dẫn, linh kiện điện tử các loại cho các thiết bị điện tử gia dụng, điện thoại di động...; từng bước nâng cao tiềm lực công nghệ để chuyển từ gia công lắp ráp sang thiết kế, tự sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.

- Ngành công nghiệp may mặc: Phát triển may mặc theo hướng hiện đại, mở rộng quy mô, đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm; thu hút các dự án đầu tư ngành may mặc vào khu vực nông thôn, các địa bàn có lợi thế về lao động để giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động tại chỗ; phát triển sản xuất công nghiệp phụ trợ cho ngành dệt và may mặc tại các khu, cụm công nghiệp để tạo ra chuỗi giá trị trong sản xuất và bảo đảm vấn đề môi trường và từng bước khắc phục tình trạng phụ thuộc nguyên, phụ liệu nhập khẩu; tăng cường đầu tư chiều sâu, tham gia vào các công đoạn thiết kế mẫu mã, tiếp thị, tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị tăng thêm trong sản phẩm và giảm dần tỷ lệ gia công.

- Công nghiệp hỗ trợ: Phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ chính như: linh kiện, phụ tùng, công nghiệp hỗ trợ dệt may - da giày, công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao; hình thành mạng lưới sản xuất nội địa với nhiều lớp cung ứng gồm các doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế về quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm trong các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ; ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ đáp ứng nhu cầu nội địa với công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường.

b) Phát triển thương mại – dịch vụ

Định hướng phát triển ngành thương mại dịch vụ xác định cần hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng và cơ sở kỹ thuật phục vụ thương mại trên địa bàn thị xã, theo hướng kết hợp giữa phát triển thương mại tại khu vực trung tâm, gồm phường Bích Động và phường Nénh, các khu vực đô thị mới Quang Châu, Đình Trám với phát triển thị trường nông thôn, phát triển các điểm giao dịch thu mua sản phẩm của người dân.

Thúc đẩy, có giải pháp phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ phù hợp với sự phát triển của kinh tế thị trường, nhu cầu của xã hội, đặc biệt là dịch vụ đáp ứng khu vực công nghiệp như khách sạn, dịch vụ giải trí, ăn uống. Khuyến khích phát triển các loại hình bán lẻ hiện đại như: trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị tổng hợp và siêu thị chuyên doanh; từng bước phát triển mạng lưới cửa hàng tiện lợi gần kề ở các khu dân cư. Mở rộng phạm vi kết nối cung ứng hàng hoá, nông sản cho các khu công nghiệp. Khởi công xây dựng ít nhất 06 khách sạn, trung tâm thương mại tại Bích Động, Hồng Thái, Nénh; 01 bệnh viện Đa khoa tại Bích Động. Tiếp tục tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư hạ tầng thương mại tại khu vực vùng lõi đô thị và khu vực phát triển công nghiệp. Hoàn thành đầu tư Sân golf Việt Yên, Thu hút đầu tư trung tâm logistics (tại xã Ninh Sơn, Tiên Sơn) theo quy hoạch; Phê duyệt giá khởi điểm, đấu giá, giao đất, triển khai thực hiện dự án: Khách sạn tại Trung Sơn; Nhà ở cao tầng và Bệnh viện tại Khu B, Khu đô thị Đình Trám -Sen Hồ. Đầu tư hạ tầng hình thành các quỹ đất sạch (y tế, hỗn hợp, thương mại) tại thị trấn Nénh để đấu giá, thu hút đầu tư. Thực hiện tốt quản lý thị trường, chống buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Thực hiện 2 lĩnh vực trọng tâm để phát triển nhanh khu vực dịch vụ là:

Du lịch sinh thái - văn hóa - tâm linh và công nghiệp; chú trọng mở rộng thị trường giao lưu hàng hóa, dịch vụ trong và ngoài huyện; đẩy mạnh phát triển hệ thống công trình dịch vụ: dịch vụ nông nghiệp cung cấp vật tư, giống cây trồng,

vật nuôi, bảo vệ thực vật, thú y..., dịch vụ xã hội (bảo hiểm, ngân hàng, tín dụng, vận tải, thông tin liên lạc, tư vấn pháp luật...), dịch vụ vận tải, xăng dầu,... Hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông kết nối tới các điểm du lịch. Bên cạnh việc bảo tồn, tôn tạo các di tích, thắng cảnh của huyện, hoàn thiện, bổ sung các dịch vụ du lịch tại các điểm du lịch. Tăng cường các tuyến thăm quan có sự lựa chọn đa dạng thông qua việc đẩy mạnh liên kết với các huyện khác trong tỉnh cũng như với các địa phương khác lân cận. Phát triển các dịch vụ và khu du lịch mới: dịch vụ du lịch đô thị (sân golf...), khu du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm nông nghiệp... Khoanh vùng và đề xuất các giải pháp tôn tạo lại các giá trị di tích lịch sử văn hóa.

Hình thành các cụm thương mại-dịch vụ tại khu vực có vị trí giao lưu thuận lợi, có thể kết nối với các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung hoặc gắn với các khu, cụm công nghiệp, các khu du lịch, nghỉ dưỡng,...

c) Phát triển nông – lâm nghiệp – thủy sản

Nông nghiệp hàng hóa là định hướng chiến lược phát triển nông nghiệp của thị xã Việt Yên trong đó nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch là mũi nhọn. Để đảm bảo các tiêu chuẩn, các vùng sản xuất nông nghiệp sạch được bố trí xa khu công nghiệp, khu dân cư và bệnh viện, không nằm xen kẹt giữa các khu công nghiệp hay cụm công nghiệp. Quy hoạch các vùng sản xuất cây lương thực, sản xuất rau thực phẩm phục vụ chế biến xuất khẩu, cây công nghiệp ngắn ngày, vùng trồng hoa và nuôi trồng thủy sản.

Tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để tăng năng suất, chất lượng và giá trị 1ha đất nông nghiệp. Quan tâm phát triển thương hiệu, thị trường, xây dựng mô hình liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ. Đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại. Tập trung sản xuất cây trồng vật nuôi theo tiêu chuẩn VietGAP. Phát triển một số cơ sở giới thiệu và bán sản phẩm chủ lực, đặc trưng của huyện. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển thương mại với phát triển du lịch, phát triển sản phẩm OCOP địa phương; đầu tư hạ tầng giao thông, thủy lợi phục vụ các vùng sản xuất chuyên canh lúa, rau màu, thủy sản. Xây dựng; củng cố,, nâng cao chất lượng, các tiêu chí nông thôn mới, hướng đến các tiêu chí kiểu mẫu, gắn với phát triển đô thị. Làm tốt công tác quản lý đê điều, phòng chống thiên tai.

Đẩy mạnh hợp tác tạo liên kết chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa chủ lực, kết nối sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, với chuỗi giá trị đối với các sản phẩm đã xây dựng được thương hiệu, có lợi thế và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Thực hiện tốt Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Hỗ trợ nông dân kết nối với các doanh nghiệp chế biến, hệ thống tiêu thụ sản phẩm, từng bước hình thành mạng lưới sản xuất và cung ứng.

Huy động linh hoạt, sáng tạo các nguồn lực xã hội để củng cố, nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới, phát huy vai trò chủ thể của người dân nông thôn; tập trung vào các tiêu chí nâng cao thu nhập, mức sống và các điều kiện hưởng thụ văn hóa, thể thao của người dân nông thôn. Đẩy mạnh phong trào xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu. Gắn xây dựng nông thôn mới với bảo tồn, giữ gìn và phát huy

những nét đẹp văn hóa truyền thống của từng địa phương.

- Về trồng trọt, rà soát, quy hoạch các vùng chuyên sản xuất nông nghiệp; trong đó, rau thực phẩm, chủ yếu trồng tại các vùng thượng huyện và trung tâm huyện; đưa hệ số sử dụng đất lên 2,5-3 lần, tăng diện tích rau vụ Đông và tăng vụ trên đất khác; sản xuất rau đảm bảo an toàn thực phẩm, xây dựng các mô hình sản xuất rau áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình VietGAP, hữu cơ. Mở rộng diện tích ngô, khoai tây hiện tại bằng cách tăng diện tích vụ Đông, duy trì diện tích cây lạc, tăng diện tích cây hoa, cây cảnh.

- Về chăn nuôi, giữ nguyên chăn nuôi tập trung đàn lợn, xa khu dân cư, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Phát triển các loại gia súc, gia cầm theo hướng chăn nuôi trang trại, công nghiệp, bán công nghiệp gắn với các cơ sở giết mổ, chế biến và xử lý chất thải, đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường.

- Thủy sản, đẩy mạnh phát triển chăn nuôi thủy sản thâm canh theo tiêu chuẩn VietGap; mục tiêu phấn đấu 100% diện tích nuôi trồng thủy sản sản xuất thâm canh và theo tiêu chuẩn VietGap.

d) Nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường

Nâng cao hiệu lực quản lý, bảo vệ, khai thác và sử dụng có hiệu quả hơn nguồn lực tài nguyên từ đất đai. Sớm hoàn thành điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến 2030 sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt. Quyết liệt, có hiệu quả công tác giải phóng mặt bằng các dự án đầu tư trên địa bàn thị xã; rà soát cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước không còn sử dụng- các điểm đất công, đất xen kẹt, đất chưa sử dụng trong các khu dân cư để sắp xếp lại hoặc quy hoạch, khai thác hiệu quả, bảo đảm mỹ quan đô thị.

Tập trung đẩy mạnh việc thực hiện nhiệm vụ gắn với tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cấp. Đến hết năm 2025 xử lý xong các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai còn tồn đọng; đối với các trường hợp lấn chiếm, tự ý chuyển mục đích, tự ý chuyển đổi cây trồng trên đất phải được xử lý và hoàn trả nguyên trạng; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về đất đai nhất là các vụ phát sinh mới. Gắn vai trò trách nhiệm của người đứng cấp huyện, cấp xã trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản, đặc biệt là hoạt động khai thác đất trái phép. Tập trung chỉ đạo, tạo chuyển biến mạnh mẽ việc thu gom, xử lý rác thải. Tổ chức khoa học, vận hành có hiệu quả lò đốt rác thu hút theo hình thức xã hội hoá và các lò đốt rác công nghệ tại các xã, phường.

đ) Thu – chi ngân sách địa phương

Xác định thu ngân sách là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các cấp, các ngành. Thực hiện quyết liệt các biện pháp tăng thu ngân sách. Chủ động đánh giá, phân tích giám sát chặt chẽ các nguồn thu hiện tại; khai thác triệt để các nguồn thu mới và các nguồn thu còn thất thu. Siết chặt quản lý điều hành ngân sách và quản lý tài sản công. Tập trung các biện pháp chống thất thu, trốn thuế, đặc biệt là chống thất thu ngân sách trong các lĩnh vực: Kinh doanh bất động sản, khai thác khoáng sản, kinh doanh vận tải, cho thuê nhà trọ, hoạt động xây dựng, kinh doanh qua mạng,... Thực hiện tốt việc thu hồi, xử lý nợ đọng thuế; có biện pháp xử lý đối với các trường hợp nợ khó đòi; hạn chế tối đa phát sinh nợ thuế mới.

Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, nhất là các khoản thu

tiền sử dụng đất theo hướng trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, tập trung đầu tư hạ tầng giao thông, hạ tầng khung đô thị,... Giảm tối đa kinh phí hội nghị, học tập kinh nghiệm trong nước, không bố trí cho các nhiệm vụ không cần thiết. Tiết kiệm chi ngân sách để phục vụ công tác phòng, chống dịch, bảo đảm an sinh xã hội trong điều kiện dịch bệnh xảy ra. Phân đầu hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu về tài chính, ngân sách nhà nước, nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước được cấp trên giao; đảm bảo thực hiện kịp thời các nhiệm vụ chi.

3. Phát triển văn hóa – xã hội

a) Phát triển giáo dục - đào tạo

- Tiếp tục rà soát, dự báo quy mô phát triển, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục đảm bảo hợp lý. Đẩy mạnh thực hiện giải quyết vấn đề trường, lớp học xung quanh các KCN. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp gắn với rà soát, sắp xếp lại đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu giáo viên các cấp học theo quy định, đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng.

- Đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh sinh viên, bảo đảm an toàn trường học. Thực hiện đúng lộ trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy, học và quản lý giáo dục; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo.

- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo nghề theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng và xã hội hóa; chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn nơi có đất thu hồi, chuyển mục đích làm công nghiệp, đô thị.

b) Về y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Mở rộng quy mô giường bệnh của Trung tâm Y tế huyện. Cùng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của các trạm y tế xã, thị trấn, tập trung vào các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu. Nâng cao chất lượng công tác phòng bệnh và chữa bệnh, chất lượng điều trị.

- Tăng cường xã hội hóa y tế, phát triển y tế tư nhân theo quy hoạch (tại Khu dân cư Nguyễn Thế Nho, tại Khu đô thị Đình Trám – Sen Hồ, tại thị trấn Nénh, tại Ninh Sơn và Minh Đức). Thực hiện tích hợp, liên thông hồ sơ sức khỏe cá nhân điện tử.

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế. Chú trọng cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ trong các cơ sở y tế. Tiếp tục phát triển nhân lực y tế các cấp; quan tâm nâng cao ý thức của đội ngũ y, bác sỹ và nhân viên y tế. Tăng cường quản lý nhà nước về dược phẩm, an toàn thực phẩm. Thực hiện tốt chính sách khám, chữa bệnh BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi.

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình. Tăng cường hoạt động truyền thông, giáo dục thay đổi hành vi thực hiện các nội dung về chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh. Hoàn thiện cơ chế lồng ghép, phối hợp liên ngành trong

công tác dân số, gia đình, bảo vệ chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ em, phòng bệnh béo phì ở trẻ em.

c) Về phát triển văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, thể thao phục vụ các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm của đất nước và của địa phương. Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới và văn minh đô thị. Chỉ đạo xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Thực hiện tốt công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình.

- Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, mang nét đặc trưng của Việt Yên, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hoá mới, phù hợp, làm giàu nét đẹp văn hoá địa phương. Giải quyết hợp lý, hài hoà giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hoá với phát triển kinh tế - xã hội. Khai thác, giới thiệu, quảng bá những đặc trưng tự nhiên, văn hoá riêng biệt, tạo nên điểm nhấn nổi bật. Trọng tâm là quần thể di tích chùa Bồ Đà – đình, chùa Thổ Hà; đền thờ tiền sỹ Thân Nhân Trung;...

Củng cố các thiết chế văn hoá cơ sở, trọng tâm là hệ thống trung tâm văn hóa cấp xã. Xây dựng một số công trình văn hoá tiêu biểu cấp đô thị.

Phát triển và nâng cao chất lượng các phong trào thể dục, thể thao quần chúng; quan tâm phát triển sân bãi thể dục, thể thao ở cơ sở, trang bị một số thiết bị tập luyện ngoài trời ở một số khu công cộng; chú trọng phát triển thể dục - thể thao học đường. Đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động thể dục, thể thao gắn với đổi mới quản lý, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về thể dục, thể thao.

d) Về phát triển khoa học – công nghệ

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong một số ngành, lĩnh vực chủ yếu như: Sản xuất nông nghiệp, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp chế biến, lĩnh vực môi trường và quản lý nhà nước.

đ) Thực hiện các chính sách xã hội, giảm nghèo, giải quyết việc làm

Đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, cận nghèo, người dân bị thu hồi đất nông nghiệp.

Thường xuyên nắm bắt tình hình đời sống nhân dân, đặc biệt là vào dịp Tết, tháng giáp hạt hoặc khi xảy ra thiên tai để chủ động tham mưu thực hiện tốt công tác hỗ trợ đột xuất, bảo đảm người dân bị thiên tai khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời để ổn định cuộc sống. Thực hiện đầy đủ chính sách trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội, kịp thời triển khai các chính sách mới bổ sung để ổn định đời sống nhân dân. Phát triển mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội trên địa bàn huyện theo quy hoạch. Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước tham gia đầu tư, phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội.

Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền lồng ghép công tác phòng, chống mại dâm, ma túy với các chương trình an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, lối sống của cá nhân, cộng đồng; tạo sự đồng thuận của toàn xã hội. Tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật cho người đang chấp hành hình phạt tù; người bị áp dụng biện pháp tư pháp hoặc các biện pháp xử lý hành chính, người mới ra tù tái hòa nhập cộng đồng, thanh thiếu niên

vi phạm pháp luật lang thang cơ nhỡ, không xảy ra các “điểm nóng” về an ninh trật tự

Tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề bức xúc xã hội, nhất là các vấn đề về quan hệ hài hoà, ổn định, tiến bộ giữa lao động với doanh nghiệp, vấn đề tạo điều kiện để người dân có việc làm và thu nhập ổn định.

Thực hiện đồng bộ, toàn diện và có hiệu quả các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách về hạ tầng phục vụ sản xuất, đất đai, tín dụng, dạy nghề, tạo việc làm. Huy động thêm các nguồn lực xã hội để thực hiện công tác giảm nghèo.

3. Quốc phòng, an ninh

a) Về quốc phòng

Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, chủ động nắm chắc tình hình, không để bị động bất ngờ. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu trọng điểm, sự kiện chính trị, kinh tế; văn hóa, xã hội quan trọng. Xây dựng công trình Sở chỉ huy trong căn cứ chiến đấu giai đoạn 2021-2025; xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự, hệ thống văn kiện bảo đảm nhu cầu năm đầu chiến tranh, kế hoạch bảo đảm trong tác chiến phòng thủ huyện. Thực hiện tốt quy trình công tác tuyển chọn công dân nhập ngũ, đạt chỉ tiêu trên giao.

b) Về an ninh trật tự

(1) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, giám sát của nhân dân đối với lực lượng Công an huyện; nâng cao hiệu quả công tác đảng, công tác chính trị trong Công an huyện; (2) Nghiên cứu, đề xuất, hoàn thiện tổ chức bộ máy, bảo đảm biên chế, xây dựng đội ngũ cán bộ theo hướng “tinh mạnh, huyện toàn diện, xã bám cơ sở”; (3) Đổi mới công tác Công an, công tác tham mưu, lãnh đạo, chỉ huy; (4) Tranh thủ các nguồn lực để bảo đảm tiềm lực cơ sở vật chất, khoa học, công nghệ, trang bị hiện đại, đồng bộ; (5) Đẩy mạnh xây dựng củng cố nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân.

4. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị

Giai đoạn đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, thị xã Việt Yên sẽ phát triển đô thị theo hướng tăng trưởng xanh, đồng bộ cơ sở hạ tầng, giữ gìn bản sắc văn hóa đặc trưng của đô thị, bảo vệ môi trường sinh thái; tập trung xây dựng đô thị văn minh, hiện đại; xây dựng đô thị đảm bảo khả năng huy động và khai thác hiệu quả các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế. Một mặt tiến hành phát triển đô thị mới, mặt khác liên tục tiến hành tái phát triển, chỉnh trang khu đô thị hiện hữu; tăng cường liên kết đô thị - nông thôn, cải thiện điều kiện sống khu vực nông thôn trong huyện, đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững giữa đô thị và nông thôn.

Theo đó, thị xã sẽ tăng cường và nâng cao công tác lập, quản lý và thực hiện quy hoạch; khẩn trương điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung đô thị Việt Yên đến năm 2035; triển khai lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết để thu hút đầu tư. Vận dụng sáng tạo các chủ trương, cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh để đẩy nhanh việc lập quy hoạch trên địa bàn, trong đó phân đấu phủ kín quy hoạch chi tiết trên 80% đối với quỹ đất phát triển mới; bố trí ngân sách để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch chi tiết trên địa bàn; hoàn thành lập quy hoạch chi tiết một số không gian đặc thù để thu hút phát triển kinh tế - xã hội.

Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn đến năm 2025 đảm bảo hiệu quả, đúng quy định; tập trung nguồn lực để thanh toán nợ xây dựng cơ bản và triển khai hoàn thành dứt điểm các công trình, dự án trọng điểm, đặc biệt là dự án giao thông kết nối vùng thị xã, mở rộng không gian mới để phát triển công nghiệp, dịch vụ. Tập trung bố trí vốn hoàn thành các dự án giao thông động lực, tiêu chí đô thị loại IV và thị xã; tăng cường quản lý hoạt động đấu thầu, lựa chọn nhà thầu có năng lực để hoàn thành các Dự án.

a) Về phát triển hạ tầng giao thông

Tiếp tục quan tâm đầu tư hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, tạo không gian phát triển mới về công nghiệp, dịch vụ; nâng cấp quy mô cấp đường giao thông đô thị và nông thôn. Hoàn thành đầu tư các dự án giao thông trọng điểm, như: Cầu vượt Quốc lộ 1, kết nối đường vành đai IV với đường trong khu công nghiệp Quang Châu và mở rộng đường gom Quốc lộ 1; đường kết nối Quốc lộ 17 – khu công nghiệp Việt Hàn – khu công nghiệp Đình Trám với Quốc lộ 37; đường nối đường Vành đai IV (thị xã Việt Yên) với Khu đô thị mới Tây Bắc (thành phố Bắc Ninh); đường nối Quốc lộ 17 với Quốc lộ 37 qua khu công nghiệp Vân Trung; đường kết nối Quốc lộ 37 đi đường Vành đai IV vùng Thủ đô Hà Nội; xây mới đường từ khu công nghiệp Quang Châu kết nối với đường ĐH5 và khu công nghiệp Yên Lư (Yên Dũng); đường kết nối đường tránh Quốc lộ 37 với Quốc lộ 17 của thành phố Bắc Giang (qua Nghĩa Trung). Hoàn thiện mạng khung giao thông chính trên địa bàn, như: Vành đai IV, tuyến nối các huyện Hiệp Hòa - Việt Yên - Tân Yên – Lạng Giang; tuyến kết nối Việt Yên – Tân Yên – ĐT294; cầu vượt cao tốc Hà Nội – Bắc Giang tại phường Tăng Tiến và phường Nénh.

Tiếp tục hoàn thiện mạng đường trong khu vực phường Bích Động, phường Nénh và khu đô thị mới phía Nam và khu Tây Nam.

Xây dựng một số bãi đỗ xe tĩnh tại phường Bích Động, phường Vân Trung quy mô khoảng 2,5 ha, phía Nam phường Nénh khoảng 2,3 ha.

b) Về phát triển hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp

Thực hiện đầu tư hạ tầng bên ngoài hàng rào khu công nghiệp theo quy hoạch; trọng tâm là hệ thống giao thông, điện, nước, nhà ở công nhân,... Quan tâm hạ tầng xã hội tại các xã xung quanh khu công nghiệp. Hỗ trợ các chủ đầu tư nhà ở xã hội, nhà ở công nhân đã được chấp thuận đầu tư và các khu vực theo quy hoạch.

c) Về phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn:

Đầu tư hệ thống thủy lợi, hạ tầng điện, đường nội đồng phục vụ các vùng chuyên sản xuất nông nghiệp, gắn với thu hút công nghiệp chế biến và ứng dụng công nghệ cao. Huy động nguồn lực để nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới theo hướng kết hợp cải tạo không gian cũ với phát triển mới các điểm dân cư nông thôn hiện đại, cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, giữ gìn và bảo vệ môi trường, không phá vỡ cảnh quan sinh thái nông thôn; đối với các điểm dân cư mới phát triển phải có quy hoạch, kiến trúc cảnh quan phù hợp với truyền thống và đáp ứng điều kiện sống mới.

d) Về phát triển hạ tầng điện

Nâng cấp Trạm 110kV khu công nghiệp Vân Trung bằng việc lắp thêm máy 2 1x63MVA; nâng cấp Trạm 110kV khu công nghiệp Quang Châu bằng việc lắp thêm máy 2 1x40MVA; xây mới trạm 110kV công suất 1x63MVA cho mỗi khu công nghiệp quy hoạch.

Với trạm hạ áp 22/0,4kV: Sửa chữa, cải tạo thay thế dần các trạm biến áp không đủ tiêu chuẩn vận hành; các trạm biến áp xây dựng mới dùng loại trạm 22/0,4kV. Trên cơ sở nhu cầu dùng điện của từng khu vực, bố trí các trạm lưới 22/0,4kV cho phù hợp với công suất yêu cầu.

đ) Về phát triển hạ tầng cấp nước

Bổ sung nguồn nước sạch từ hệ thống cấp nước DNP Bắc Giang cho đô thị Việt Yên khoảng 25.000 m³/ngày; giữ nguyên công suất hiện có nhà máy nước Việt Yên: 9.000 m³/ngày; nhà máy nước xã Quang Châu. Đầu tư xây dựng 01 nhà máy nước sạch tại Tiên Sơn để phục vụ khu công nghiệp Hòa Yên và cư dân khu vực. Nâng công suất trạm bơm tăng áp Bích Động: 15.000 m³/ngày và trạm bơm tăng áp Tăng Tiến lên 3.000 m³/ngày. Cải tạo và nâng công suất trạm cấp nước Vân Hà: 1.500 m³/ngày nguồn nước sông Cầu.

e) Về phát triển hệ thống thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang

- Quy hoạch thoát nước thải: Giai đoạn đến 2025, thu hút đầu tư xây dựng theo hình thức đối tác công tư PPP 01 trạm xử lý nước thải tại lưu vực thị trấn Bích Động, công suất 5.000 m³/ngày. Đồng bộ hệ thống thu gom toàn lưu vực thu nước. Tại các khu vực ngoại thị và các xã, nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý cục bộ đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả ra mạng lưới thoát nước chung.

- Quy hoạch quản lý CTR: Thu hút đầu tư nhà máy xử lý rác thải tại khu xử lý rác tập trung của huyện hoặc khu xử lý của xã Thượng Lan để tăng cường năng lực xử lý rác thải sinh hoạt trong khoảng 5 năm tới; trang bị thêm lò đốt rác công nghệ tại các địa phương. Tiếp tục sử dụng khu xử lý CTR hợp vệ sinh hiện có của huyện trong giai đoạn đầu đến trước năm 2025 (diện tích 6,22ha).

- Quy hoạch nghĩa trang: Đối với các nghĩa trang hiện có sẽ tiến hành cải tạo xây dựng lại, đảm bảo tăng diện tích cây xanh, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Tiếp tục quy hoạch mở rộng, cải tạo các nghĩa trang mới.

g) Về phát triển hạ tầng thông tin truyền thông

Từng bước hạ ngầm các tuyến cáp xuống vỉa hè để bảo đảm mỹ quan ở khu vực phát triển đô thị cũ. Thực hiện đồng bộ hạ ngầm tại các khu đô thị, khu dân cư mới.

h) Về phát triển hạ tầng xã hội:

- Y tế: Xây mới, cải tạo, nâng cấp 100% trạm y tế xã đã xuống cấp. Nâng cấp Trung tâm y tế thị xã lên quy mô 350 giường và mở rộng diện tích 2,5 ha.

Quy hoạch, thu hút đầu tư bệnh viện quy mô 350 giường tại đường Nguyễn Thế Nho (diện tích 2,0 ha); 01 bệnh viện đa khoa tại phường Bích Động 300 giường; phòng khám đa khoa tại các khu vực đô thị mới theo quy hoạch tại phường Ninh Sơn, diện tích 0,3ha/1 công trình.

- Giáo dục: Xây mới các trường học xuống cấp, bổ sung phòng học, phòng chức năng còn thiếu theo kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2; đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn đô thị loại IV và thị xã.

- Giáo dục nghề nghiệp: Đến năm 2025 thị xã có 3 cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gồm: Giữ nguyên 01 điểm trường Đại học Nông lâm; giữ nguyên Trung tâm giáo dục thường xuyên – dạy nghề thị xã; quy hoạch, thu hút, thành lập mới 01 Trường Cao đẳng tư thục đào tạo ở nhóm nghề công nghiệp – xây dựng và dịch vụ với quy mô 4-5 ha, tại phường Bích Động.

- Văn hóa:

Lập hồ sơ xếp hạng di tích cấp quốc gia đặc biệt di tích Đình, chùa Thổ Hà; lập hồ sơ xếp hạng di tích cấp quốc gia với 5 di tích: Đình Thượng Lát, sỏi Vật cầu nước, đình Mai Vũ, đình Khả Lý Hạ, chùa An Thổ Tự; lập hồ sơ quy hoạch xếp hạng di tích cấp tỉnh đối với 23 di tích. Hoàn thiện, bổ sung quy hoạch sử dụng đất và đầu tư xây dựng Nhà Văn hoá đa năng đảm bảo diện tích trên 5.000 m²; xây dựng Thư viện (độc lập) với quy mô diện tích từ 500-1.000m²; xây dựng 02 công viên trung tâm tại phường Bích Động và phường Nénh; 01 Rạp chiếu phim phường Bích Động. Bổ sung quy hoạch đất và xây dựng nhà văn hóa cho các đơn vị hành chính cấp xã chưa có nhà văn hóa đạt chuẩn.

- Thể dục thể thao: Xây dựng và hoàn thiện cơ bản đầy đủ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao chủ yếu ở tất cả các cấp thị xã. Thu hút đầu tư, đẩy mạnh công tác xã hội hóa, khuyến khích phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao ngoài công lập. Đến năm 2025, đạt cơ sở văn hoá, cơ sở thể dục thể thao toàn thị xã đạt từ 5 - 6 m²/người, đến năm 2030 đạt 6 - 7 m²/người. Hệ thống thiết chế văn hóa thể thao đồng bộ ở cả 2 cấp hành chính, trong đó thị xã hoàn thành đầu tư xây dựng Thư viện thị xã, Sân vận động thị xã, Quản thể thể dục thể thao thị xã, nhà thiếu nhi, một số công viên tại đô thị trung tâm; tất cả các thôn, tổ dân phố trên địa bàn thị xã có ít nhất 01 điểm vui chơi cộng đồng.

Đến năm 2025, phần đầu 90% xã, phường có: 01 sân thể thao phổ thông diện tích từ 6.000-7.000m², bố trí đủ diện tích sân bóng 11 người; 01 nhà tập thể dục thể thao kết hợp sinh hoạt văn hóa, diện tích từ 500m²; có từ 3-6 sân tập từng môn: bóng chuyền, cầu lông, đá cầu... hoặc thể thao ngoài trời.

- Công viên, cây xanh: Quy hoạch cải tạo các ngôi, đầm trũng tại khu vực các phường Bích Động, Quảng Minh và Ninh Sơn, kết hợp xây dựng các khu công viên cây xanh mặt nước tự nhiên tạo thành một hệ thống liên hoàn, vừa có tác dụng tiêu thoát nước, vừa đem lại giá trị cảnh quan, du lịch, phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi giải trí nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân đô thị. Quy hoạch, xây dựng các công viên, vườn hoa nhỏ trong các khu đô thị, khu ở, đảm bảo tối thiểu đạt 2m²/người. Giai đoạn đến năm 2025, tập trung đầu tư 04 công viên: Công viên, cây xanh trung tâm thị xã tại phường Bích Động; công viên Nguyễn Thế Nho; mở rộng quảng trường trung tâm phường Nénh; công viên trung tâm phường Nénh. Đầu tư đồng bộ cây xanh tại các tuyến đường hiện hữu Quốc lộ 37, đường tỉnh 295B, đường tỉnh 298 và 100% các khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn có quy mô từ 5 ha trở lên.

- Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm: Khu bảo tồn di tích cấp quốc gia đặc biệt chùa Bồ Đà; đền thờ Danh nhân văn hóa tiến sĩ Thân Nhân Trung; Làng văn hóa du lịch Vân Hà; Làng bảo tồn quan họ

xã Ninh Sơn; Làng Sen Hồ thị trấn Nénh; Khu sân golf, dịch vụ Việt Yên; cải tạo nâng cấp các di tích đã xếp hạng.

III. NHU CẦU VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN THỊ XÃ VIỆT YÊN GIAI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2025

1. Nhu cầu vốn đầu tư

Tổng nguồn vốn cần đầu tư trong giai đoạn để xây dựng phát triển thị xã Việt Yên từ nay đến năm 2025 là 6.516,565 tỷ đồng, gồm: Vốn điều tiết ngân sách cấp xã đầu tư là 851,382 tỷ đồng, chiếm 13,1%; vốn ngân sách cấp huyện đầu tư: 5.665,184 tỷ đồng, chiếm 86,9%.

Trong đó:

a) Chương trình, dự án không có cấu phần xây dựng: 02 dự án, tổng mức đầu tư 26 tỷ đồng, chiếm 0,5% tổng vốn bố trí nguồn ngân sách thị xã.

b) Dự án có cấu phần xây dựng: vốn bố trí 5.441,588 tỷ đồng, chiếm 96% tổng vốn bố trí thuộc ngân sách thị xã, trong đó: Vốn chuẩn bị đầu tư: 115,382 tỷ đồng, chiếm 2%; vốn thực hiện dự án: 5.326,206 tỷ đồng, chiếm 98%.

c) Vốn dự phòng là 197,596 tỷ đồng, chiếm 3,6% tổng mức đầu tư.

Ngoài ra, các công trình dự án nhằm sớm hoàn thiện tiêu chuẩn còn thiếu, còn yếu của thị xã cũng sẽ được rà soát, lên kế hoạch thực hiện trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn và các nguồn vốn huy động khác ngoài ngân sách Nhà nước nhằm sớm đưa thị xã Việt Yên hoàn thiện các chuẩn về hạ tầng trong giai đoạn đến năm 2025; tiếp cận và hoàn thiện tiêu chí đô thị loại III trong giai đoạn đến năm 2030.

2. Giải pháp thực hiện và huy động nguồn vốn

a) Giải pháp thực hiện chung

- Sử dụng nguồn ngân sách cho các dự án hạ tầng thiết yếu, đầu tư đồng bộ, có trọng tâm, ưu tiên hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, công nghiệp; tạo nguồn lực phát triển đô thị bằng cơ chế, chính sách thu hút đầu tư hấp dẫn, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại; xã hội hóa các dự án phát triển thương mại, du lịch, dịch vụ, các khu đô thị mới, khu nhà ở mới, khu công nghiệp.

- Có lộ trình, kế hoạch thực hiện cho từng giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, thực hiện phối hợp hợp lý các nhóm giải pháp nhằm rút ngắn thời gian, đảm bảo lộ trình nâng loại, nâng cấp đô thị.

- Xây dựng, hoàn thiện năng lực quản lý của chính quyền đô thị: xây dựng chính quyền đô thị; cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý Nhà nước về quy hoạch và phát triển đô thị.

- Phát huy quyền tiếp cận, vai trò giám sát, xây dựng của cộng đồng dân cư trong tổ chức lập, triển khai quy hoạch; phủ kín và nâng cao chất lượng các đồ án quy hoạch; triển khai quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc; xây dựng các tuyến phố văn minh đô thị,...

b) Giải pháp huy động vốn ngân sách

- Ngân sách Nhà nước cần được xác định là nguồn vốn quan trọng trong đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, đặc biệt trong giai đoạn đầu. Để đảm bảo chi đầu tư phát triển hạ tầng đô thị, cần tiếp tục khai thác nguồn thu chủ yếu từ tiền sử dụng đất, bên cạnh nuôi dưỡng nguồn thu từ thuế, phí, lệ phí, đặc biệt là thuế

thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân thông qua thúc đẩy phát triển thương mại - dịch vụ, ưu đãi tín dụng,... Đồng thời, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao để tăng tích lũy nội bộ cho nền kinh tế.

- Phối hợp chặt chẽ với các cấp có thẩm quyền trong công tác đề xuất, phê duyệt, triển khai huy động vốn đầu tư các dự án trọng điểm. Phối hợp nhất quán với các Sở, ngành trong công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch ngành, đồng bộ các danh mục dự án đảm bảo huy động vốn ngân sách cho các dự án trọng điểm.

c) Giải pháp huy động vốn từ các doanh nghiệp và từ Nhân dân

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, tạo thông thoáng trong lĩnh vực đầu tư, các chính sách ưu đãi cho các nhà đầu tư tư nhân về phí, lệ phí, cơ sở hạ tầng, giải phóng mặt bằng và các hình thức khác.

- Định hướng phát triển đô thị cần có tính chiến lược và ít áp đặt, đảm bảo tính linh hoạt, khả năng phản ứng nhanh chóng với các tín hiệu của thị trường;

- Huy động ý tưởng của mọi thành phần xã hội trong lập và triển khai quy hoạch; triển khai các dự án đầu tư công hợp lý, hiệu quả tạo hiệu ứng lan tỏa và kích thích đầu tư tư nhân.

- Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư bằng nguồn vốn xã hội hóa đầu tư trong các lĩnh vực theo chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Thực hiện các chính sách của Nhà nước, tạo sân chơi bình đẳng đối với đầu tư trong nước và ngoài nước cũng như giữa các khu vực tư nhân và doanh nghiệp Nhà nước, để các doanh nghiệp có khả năng góp vốn đầu tư.

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tư nhân bỏ vốn đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, từng bước cơ giới hóa để giảm bớt thời gian lao động nông nghiệp, mở rộng các ngành nghề, phát triển sản xuất kinh doanh.

d) Giải pháp huy động vốn nước ngoài

Vốn nước ngoài bao gồm 02 nguồn chính là vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Vì vậy, tỉnh sẽ dành nguồn vốn ODA và FDI cho thị xã, đẩy mạnh việc thực hiện chương trình thu hút vốn đầu tư không hoàn lại các nước, các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ vào phát triển kết cấu hạ tầng đô thị.

Đối với nguồn vốn FDI: tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, giảm bớt các đầu mối tiếp xúc, xây dựng đồng bộ và từng bước hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi và thông thoáng để thu hút các dự án, đặc biệt các dự án đầu tư vào khu công nghiệp trên địa bàn.

Phần thứ năm

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Việc thành lập thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang và thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên là phù hợp với các quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội và tốc độ đô thị hóa nhanh trên địa bàn huyện Việt Yên trong những năm qua; đồng thời, việc thành lập đơn vị hành chính đô thị nhằm tạo tiền đề pháp lý cho việc thiết lập mô hình tổ chức bộ máy quản lý ở đô thị; đây cũng là động lực mạnh mẽ tiếp tục thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Việt Yên trong thời gian tới.

Việc thành lập thị xã Việt Yên thuộc tỉnh Bắc Giang và thành lập các phường thuộc thị xã Việt Yên đã bảo đảm đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn của thị xã thuộc tỉnh và phường thuộc thị xã theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13. Đây cũng là nguyện vọng của Đảng bộ, chính quyền và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh Bắc Giang nói chung và huyện Việt Yên nói riêng.

II. KIẾN NGHỊ

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang trình Chính phủ xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Xây dựng;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh Bắc Giang;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh Bắc Giang;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh Bắc Giang;
- Thường trực: Huyện ủy, HĐND huyện Việt Yên;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện Việt Yên;
- Các cơ quan, ban, ngành của huyện Việt Yên;
- Các cơ quan của tỉnh, Trung ương trên địa bàn huyện Việt Yên;
- Đảng ủy, HĐND, UBND xã, thị trấn huyện Việt Yên;
- Lưu: VT.